Nº 101 Décembre 1925

NAM PHONG

VĂN-HỌC KHOA-HỌC TẠP-CHÍ

CHỦ-NGHĨA QUỐC-GIA

Tôi tin rằng ở đời không gì mạnh bằng lý-tưởng. Có lẽ cũng là một sự mê-tín của con nhà đọc sách. Nhưng cùng là mê-tín, thà rằng mê-tín lý-tưởng còn hơn mê-tín nhiều sự khác, như danh-lợi, như kim-tiền. Vả cứ theo ý-kiến của nhiều bậc hiền-triết Đông-Tây, thời sự mê-tín đó vị-tất đã hẳn là một sự hão-huyền. Không nói xa đến triết-giả Hi-lạp PLATON (tàu dịch là Bá-lạp-đồ) đời xưa cho muôn sự muôn vật trong thế-gian đều là ảo-tượng cả, duy có ý-tưởng trong thần-trí người ta mới là thực-thể; nói ngay tiên-nho nước Tàu đời Minh, Vương Dương-minh, xướng ra cái thuyết « tri-hành », bác-sĩ nước Pháp cận-đại ALFRED FOUILLÉE xướng ra cái thuyết « ý-lực » (*idée-force*), đều là thuyết-minh về cái sức mạnh của lý-tưởng, cho lý-tưởng là cái nguyên-động-lực đệ-nhất trong thế-gian.

Vậy tôi tin rằng mọi sự hành-động ở đời đều do ở lý-tưởng mà ra, hễ lý-tưởng càng thâm-thiết trứ-minh thời hành-động càng thành-công đắc-lực. Thường đem lòng tin đó mà xét công việc của người mình, lấy làm lạ rằng chưa thấy một việc gì là do một cái lý-tưởng phân-minh xác-đáng, nhất-thiết là mơ-hồ phảng-phất như khói như mây cả. Cứ bề ngoài mà xét thời cho là thời-thế không lợi, nên sự-nghiệp khó thành. Cứ bề trong mà xét thời chính là lý-tưởng khiếm-khuyết, nên hành-động vô-hiệu.

Nhân kinh-nghiệm như thế mà tự nghĩ rằng nay muốn bồi-bổ cái thực-lực hành-động của mình, trước hết phải bồi-bổ cái nguyên-lực lý-tưởng đã. Phải gây cho người Việt-Nam ta một cái « khối » tư-tưởng sáng-sủa mạnh-mẽ để làm chủ-động cho mọi sự hành-vi, khiến cho có phương-châm, có nghĩa-lý, không phải là những sự cử-động hão huyền. Cái « khối tình » mơ-màng thâm-thiết đã lắm người gây; cái « khối trí » rõ-rệt sáng-suốt cũng phải có người đúc mới được. Chung-đúc trí-tuệ vào một nơi lý-tưởng thiết-yếu, tức gọi là dựng ra một cái « chủ-nghĩa ». Tư-tưởng có kết-tinh thành chủ-nghĩa thời sức riêng mới thu-thập nên mạnh-bạo, nếu không thời rời-rạc tản-mát như đống tiền rời không thành chuỗi vậy. Ấy đó chính là cái tình-trạng tư-tưởng của người nước ta ngày này: bụng hay ý tốt không phải là không có, nhưng không biết kết-tập thành chủ-nghĩa, cho nên vẫn đuềnh-đoàng chẳng vào đâu.

Nói tóm lại thời công-phu của chúng ta ngày nay là cái công phu tổ-chức tư-tưởng, để nuôi lấy cái sức mạnh tinh-thần, là nguồn-gốc của mọi sự hành-vi. Nay phải nên tổ-chức ra thế nào?

Cách tổ-chức không phải có một. Mà ở giữa đời tư-tưởng tự-do, Đông Tây tiếp-xúc này, lại càng nhiều cách

lạ-lùng mới-mẻ lắm nữa. Nhưng đại-đề thời Đông-phương vẫn tổ-chức theo cái lý-tưởng Gia-tộc, Tây-phương vẫn tổ-chức theo cái lý-tưởng Cá-nhân, hai cái lý-tưởng ấy hiện nay đương xung-đột trong xã-hội nước ta, gây ra cái nông-nỗi khủng-hoảng cho người mình. Cái lý-tưởng Gia-tộc cũ ta cố-nhiên phải giữ lấy, mà cái lý-tưởng Cá-nhân mới rồi tất-nhiên cũng phải theo ; sự châm-chước điều-hòa là cái trách-nhiệm của tương-lai. Nhưng mà cứ tình-trạng nước ta ngày nay, cứ trình-độ dân ta bây giờ, hai lý-tưởng ấy đều không thích-hợp với cái cấp-vụ hiện-thời. Phải có một cái lý-tưởng nào thiết-thực hơn, có thể đối-phó với muôn sự khó-khăn, muôn điều khốn-nạn trong cái tình-cảnh eo-hẹp, trong cái cơ-hội phiền-phức của nước nhà đương buổi bây giờ. Theo ý tôi, cái lý-tưởng ấy chỉ có một không hai; cái lý-tưởng ấy là cái lý-tưởng Quốc-gia vậy.

Bài này xin bàn về chủ-nghĩa Quốc-gia ở nước ta ngày nay, xét xem chủ-nghĩa ấy cần là đường nào, và phải làm thế nào để tổ-chức cho thành, truyền-bá cho rộng.

Nói đến Quốc-gia-chủ-nghĩa, hoặc-giả có người ngộ-nhận, cho là một chủ-nghĩa phản-kháng, một chủ-nghĩa bài-ngoại. Đó là nghĩa hẹp của chủ-nghĩa quốc-gia. Đây là bàn về nghĩa rộng, rất là hợp lẽ, rất là chánh-đáng, phàm người có chút nhân-đạo, không ai nỡ nào cản-trở. Vậy xin ai chớ có hiểu lầm.

Chủ-nghĩa quốc-gia là lấy quốc-gia làm tôn-chỉ, thờ quốc-gia như thánh-thần. Có giống và có khác với chủ-nghĩa ái-quốc. Giống là trong chủ-nghĩa quốc-gia có bao hàm lòng yêu nước; khác là chủ-nghĩa quốc-gia rộng hơn chủ-nghĩa ái-quốc nhiều. Ái-quốc là một tình-cảm, thuộc tình ; quốc-gia là một ý-tưởng, thuộc ý. Tình thường phất-phơ vô-bằng-cứ ; ý mới xác-đáng có chủ-định. Tình là nhi-nữ, ý là trượng-phu. Tình có lẽ cảm người sâu, ý mới khiến được người mạnh. Tình dẫu không đáng bỏ, nhưng ý lại càng phải nuôi.

Tôi nói chủ-nghĩa quốc-gia ở nước ta ngày nay là cần, là cái chủ-nghĩa độc-nhất vô-nhị của người mình ; tưởng không cần phải giải nhiều lời, ai cũng hiểu vì những lẽ gì.

Làm người ai cũng có nước, đối với nước mỗi thân người là một phần-tử. Phần-tử không thể sống một mình được, phải nhờ vào đoàn-thể mà sinh-hoạt. Đoàn-thể có thảnh-thơi, cá-nhân mới sung-sướng. Tục-ngữ có câu : *tre ấm bụi* ; tre nhờ bụi ấm-áp mà tre mọc được tốt-tươi ; nếu bụi cằn-cọc thời tre cũng ngẳng-nghiu.

Làm dân một nước, ai là không muốn cho nước mình giàu-mạnh thảnh-thơi; đem hết tài-lực trí-lực của quốc-dân mà mưu cho quốc-gia được độc-lập phú-cường, ấy là cái chủ-nghĩa quốc-gia, Đời xưa thiên-hạ thái-bình, năm châu yên-lặng, nước nào ở trong bờ cõi nước ấy, sinh-hoạt thảnh-hơi, dẫu có xung-đột với nước ngoài, cũng không kịch-liệt là mấy tí, chủ-nghĩa này không cần phải xuất-hiện. Ngày nay thì không thế, thế-giới là thế-giới cạnh-tranh, ưu thắng liệt bại, cá lớn thịt cá con, sự xung-đột là hàng ngày, sự nguy-hiểm ngay trước mắt, nếu không thảm-đạm kinh-doanh, khắc-khổ tự-lệ, thời không những thổ-địa nhân-dân vào chủ khác, mà chủng-tộc văn-hóa cũng tiêu-trầm. Bởi thế nên các dân-tộc muốn tự-lập tự-tồn, hằng phải nơm-nớp sợ-hãi, nghĩ cách dự-phòng kích-thích cái tư-tưởng về quốc-gia, về chủng-loại, để củng-cố cái đoàn-thể tự-nhiên của mình mà đối-phó với sự ngoại-hoạn. Cái quốc-gia-chủ-nghĩa tuy còn có nguyên-nhân cao-thượng hơn, nhưng cái nguyên-nhân cận-thiết đó là khẩn-cấp hơn cả.

Chủ-nghĩa này, bất-cứ nước lớn, nước nhỏ, nước mạnh, nước yếu, đều có thể thi-hành được cả. Nhưng đối với nước nhỏ, nước yếu, thời có lẽ cần hơn, vì cái mục-đích nó là để phòng-bị, bảo-tồn. Đối với nước lớn, nước mạnh, thời mục-đích không phải là phòng-bị bảo-tồn nữa, mà là khuếch-trương thế-lực, biến thành ra chủ-nghĩa đế-quốc, chủ-nghĩa xâm-lược, dư-luận trong thế-giới văn-minh ngày nay thường bài-bác phản-đối, vì hay gây ra chiến-tranh họa-loạn, trái với nhân-đạo công-lý. Ở nước nhỏ nước yếu, chủ-nghĩa này cũng có khi lưu-tệ, biến thành ra chủ-nghĩa bài-ngoại, chủ-nghĩa phản-kháng, thường trở-ngại cho cuộc tiến-hóa chung. Nhưng nếu tránh được cái tệ đó thời rất là chính-đáng.

Chủ-nghĩa quốc-gia đã khẩn-thiết mà lại chính-đáng như thế, ta nên xét xem cái chủ-nghĩa quốc-gia chân-chính ở nước ta ngày nay nên thế nào. Muốn bàn cho hết lẽ, phải đến mấy bài luận-thuyết dài. Nay gọi là kể qua đại-khái những điều cốt-yếu, như lược-kê cái đầu bài để cống-hiến các bậc thức-giả bàn-xét suy-nghĩ trước đã, rồi sau này sẽ thứ-đệ luận-thuyết từng mục cho tường.

Chủ-nghĩa quốc-gia ở nước ta, có thể xét ra các phương-diện như sau này: phương-diện tinh-thần, phương-diện văn-hóa, phương-diện xã-hội, phương-diện chính-trị, phương-diện kinh-tế.

Nói về phương-diện tinh-thần. Nước ta lập-quốc đã mấy nghìn năm, há lại không có một cái tinh-túy riêng, làm ra cái cốt-cách tinh-thần của người mình sao? Cái tinh-túy ấy là ở trong Khổng-giáo, truyền sang nước ta từ khi có lịch-sử đến giờ, tiêm-nhiễm vào người mình đã sâu lắm. Khổng-giáo dạy ta những gì? Đạo Khổng không phải một đạo cao-siêu huyền-bí chi: đạo Khổng chỉ dạy ta phải làm người cho xứng-đáng, trước không hổ-thẹn với lương-tâm, sau có bổ-ích cho xã-hội; bắt đầu sửa mình, rồi tề nhà, trị nước, rồi đến giúp công cho sự tiến-hóa chung trong thiên-hạ. Hoặc-giả nói: bấy nhiêu điều có riêng gì cho đạo Khổng, đạo nào không dạy người như thế. Vẫn biết thế, nhưng đạo Khổng dạy người ta một cách thiết-tha ân-cần, dường như ngoài cái đạo làm người đó, không còn có gì thiết-đáng hơn nữa. Đạo Khổng chỉ châu-tuần trong vòng nhân-sự, nhưng muốn cho nhất-thiết việc đời đều chỉnh-lý nghiêm-trang cả, trong tự lòng người, ngoài đến xã-hội, đều có trật-tự chỉnh-đốn. Cái lý-tưởng tuyệt-đích của đạo Khổng không phải là cái lý-tưởng siêu-hình thần-bí gì, chính là cái lý-tưởng người « quân-tử », nghĩa là một kẻ biết sống làm người một cách hoàn-toàn, không oán trời, không trách người, không hăm-hở những chuyện xa-xôi, không thiết-tha những điều nhỏ-mọn, cứ ung-dung khoan-thai mà giữ lấy hòa-bình điều-độ, thời-thường tiêu-dao trong cõi trí nền nhân, nhưng lâm-sự cũng biết hi-sinh cho đạo trung đạo hiếu. Vì đạo Khổng trọng nhất là phương-diện luân-lý, và trong phương-diện luân-lý trọng nhất là cái chế-độ gia-tộc, cho nên lấy chữ hiếu làm đầu các đức, và đặt ra thờ cha mẹ tổ tiên để củng-cố cái đoàn-thể gia-tộc, coi hầu như một nền tôn-giáo, nhưng là một tôn-giáo rất sáng-sủa hợp lẽ, không có gì là huyền-hoặc ám-muội. — Ấy cái tinh-túy của dân-tộc ta là đó; dân ta còn sinh-hoạt được tới nay, nước ta còn bảo-tồn được đến giờ, là nhờ ở cái tinh-thần lập quốc đó. Dù phong-trào thế-giới kích-động thế nào mặc lòng, ta cũng phải cố mà giữ lấy cái tinh-thần đó, coi như một cái thành-quách thiên-cổ để chống với cái ngọn sóng đồi-phong ở ngoài vậy.

Nói về phương-diện văn-hóa. Văn-hóa một nước là cái tinh-thần cốt-cách

của nước ấy, phát ra học-thuật, tư-tưởng, mĩ-n hệ, văn-chương. Dân ta đã tiêm-nhiễm cái tinh-thần của Không-giáo, lại tổ-thuật cái văn-hóa của nước Tàu, nhưng văn-hóa này cũng như tinh-thần kia, truyền-thụ sang ta đã lâu đời, nên đã đồng-hóa hẳn với ta rồi. Nói cho phải thì cái văn-hóa ấy, cái tinh-thần ấy, tuy phát-hiện ra ở đất nước Tàu, nhưng đã truyền-bá ra khắp cõi Á-Đông, không phải riêng của một nước Tàu nữa mà là chung cho cả Đông-Á, người Nhật bản, người Cao-li cũng đã từng tiêm-nhiễm sâu như ta vậy. — Song phương-diện văn hóa có phiền-phức hơn phương-diện tinh-thần. Vì thế-giới ngày nay không phải chỉ có một văn-hóa của Đông-Á ; lại còn có văn-hóa của Tây-Âu nữa, mà văn-hóa này lại có cái sức cương-cường lấn loát rất mạnh. Muốn sinh-tồn được ở đời nay, không thể không châm-chước mà noi theo. Thành ra cái vấn-đề văn-hóa ở nước ta thực là có hai phương-diện, một phương-diện thâu-thái, một phương-diện bảo-tồn, hai cái công-phu đó phải điều-hòa làm sao cho ta vừa giữ được cái cốt-cách tinh-thần cũ mà lại vừa thâu được cái học-thuật tri-thức mới. Khó lắm thay! Vì văn-minh là một cái toàn-thể, không thể phân-tách ra mà kén chọn được. Tuy vậy, nếu hết sức cẩn-thận, cũng có thể phân-biệt dễ dàng. Theo ý tôi thời phàm cái gì thuộc về trí-thức, thuộc về kỹ-thuật, nghĩa là về phần *trí*, có thể thâu-thái dung-hòa được ; phàm cái gì thuộc về tâm-tư, về tình-cảm, nghĩa là về phần *tình*, không thể miễn-cưỡng hòa-hợp được, vì phần tình là phần mầu-nhiệm kín-đáo của người ta, phải giữ cho trong-sạch thuần-túy, nếu để cho pha-tạp với ngoài thời mất tính đi ngay. Như vậy thời khoa-học, cách-trí, kỹ-thuật, công-nghệ, ta có thể châm-chước mà theo người, vì người hơn ta cũng chỉ ở đó mà thôi ; còn văn-chương, mĩ-thuật, triết-lý, âm-nhạc, ta càng bảo-tồn được cái tinh-thần cốt-cách cũ của ta bao nhiêu càng hay. Nhưng trong bấy nhiêu điều, có một điều quan-hệ nhất, là tiếng nói. Cái khí-cụ để gây-dựng văn-hóa, cái cơ-quan để truyền-bá văn-hóa là tiếng nói. Mỗi nước có một thứ tiếng riêng, đặc-biệt với các thứ tiếng khác, và tiêu-biểu được cái tinh-thần cố-hữu của dân ấy nước ấy. Nước ta cũng có một cái « quốc-ngữ » của ta, mà cái « quốc-ngữ » ấy cũng chẳng phải nghèo-ngặt xấu-xa gì. Ta phải trân-trọng mà giữ-gìn lấy, gia-công mà bồi-bổ thêm, và phải nhớ luôn rằng : tiếng là nước, tiếng còn thì nước còn, tiếng mất thì nước mất, mà mất đó mới thật là mất hẳn, không sao vãn-hồi được nữa. Cho nên cả vấn-đề văn-hóa nước ta, có thể rút lại là một vấn-đề quốc-văn, « quốc-ngữ » vậy.

Nói về phương-diện xã-hội, thời cái xã-hội cũ của ta tuy chịu ảnh-hưởng cái chính-thể quân-chủ chuyên-chế, kẻ trên người dưới có cách-biệt nhau, đối với nhau không được hết lòng hữu-ái, hết nghĩa đồng-bào, nhưng sự giao-tế hàng ngày cũng có cái chân-tình thiết-thực, mà trong cảnh gia-đình xum-họp, làng xóm vãng-lai, lại có cái khí-vị êm-đềm vui-vẻ, trong bọn trí-thức giao-du, phong-lưu thú-tạc, lại có cái phong-thú cao-thượng hào-hoa ; những cái tinh-túy đó, ta phải nên bảo-tồn cho được, mà có muốn châm-chước của người thời chỉ nên bắt-chước cái cách tổ-chức các công-cộng sự-nghiệp, các từ-thiện sự-nghiệp, để mưu sự lợi-ích chung cho số nhiều vậy.

Nói về chính-trị thời lại phiền-phức lắm nữa, và cũng khó nói cho hết lẽ. Kể phương-diện này là quan-hệ nhất. Nhưng theo như lời ông GAMBETTA nước Pháp đã nói về vấn-đề hai châu Á-tân Lô-liên sau trận 1870 : « Chuyện này là chuyện phải thường nghĩ đến luôn, mà

không nên thường nói cửa miệng.» Vả lại việc chính-trị ở nước ta bây giờ, toàn là việc châm-chước cả mà là việc «mánh-khóe» nữa. Duy trong khi châm-chước, bao giờ cũng phải ghi lấy hai chữ quốc-gia ở trong lòng; gặp sự khó-khăn nguy-hiểm, phải hồi-tưởng đến cái lịch-sử vẻ-vang của nước nhà trong hai nghìn năm có lẻ mà tự an-ủi, tự phấn-lệ trong lòng rằng: một nước đã sống được bấy nhiêu lâu, đã làm được bấy nhiêu chuyện, không có lẽ cứ suy-sút kém hèn mãi được.

Sau hết đến phương-diện kinh-tế; phương-diện này có mật-thiết-quan-hệ với phương-diện chính-trị trên, nghĩa là hiện nay không phải thuộc một mình ta giải-quyết cho được. Duy đời này là đời kinh-tế-cạnh-tranh, sự cạnh-tranh này có lẽ lại kịch-liệt hơn sự cạnh-tranh về chính-trị. Cho nên người hữu-tâm với quốc-gia, phải nên dự-bị về đường ấy. Thu-hồi được một cái lợi-quyền về kinh-tế, tức là chiếm-đoạt được một cái quyền-lợi về chính-trị, mà khuếch-trương thêm được cái địa-vị cho nước nhà. Cho nên các nhà nông, nhà công, nhà thương ở nước ta mà gây-dựng được cơ-đồ lớn, sự-nghiệp to, giúp được cho nước giàu-có, ấy cũng là thi-hành cái chủ-nghĩa quốc-gia đó, chẳng kém gì nhà chính-trị, nhà học-vấn, nhà tư-tưởng, nhà văn-sĩ. Duy bao giờ cũng phải có cái quan-niệm quốc-gia ở trong lòng, cái quan-niệm ấy càng thâm-thiết trứ-minh thời nhà doanh-nhgiệp lại càng phấn-phát tự-cường mà mở-mang sự-nghiệp. Lý-tưởng là sức mạnh, như đã nói trên kia; nhà doanh-nghiệp là kẻ kế-lợi thương-công, há lại không nên thu-tập lấy cái sức mạnh ấy mà lợi-dụng cho công việc mình dư?

∴

Quốc-dân ta ngày nay cần phải có một cái chủ-nghĩa để chi-phối cho sự tư-tưởng hành-vi của mình. Bởi các lẽ trên kia, chủ-nghĩa ấy tất phải là chủ-nghĩa quốc-gia. Trở lên là lược bàn về mấy điều cốt-yếu trong chủ-nghĩa ấy, xin các nhà hữu-tâm với nước thử xem-xét ngẫm-nghĩ mà suy-diễn phát-siển ra, tưởng cũng là một câu chuyện thiết-tha nên để trí vậy. Nếu lý-tưởng là sức mạnh, — về phần tôi rất tin như thế, — thời cái lý-tưởng quốc-gia kia cũng đủ kết-tập được tinh lực của người mình mà đối-phó với mọi sự khó-khăn của thời-thế, mọi sự bối-rối trong tâm-thần, đó chính là cái hiểm trạng của quốc-dân ta đương buổi bây giờ.

PHẠM QUỲNH

TỰ-DO LUẬN (1)

Nhiều người tán-dương sự tự-do, mà ít người biết rõ tự-do là gì. Thường-thường lẫn sự tự-do với lối chính-trị dân-chủ, với sự phản-đối tôn-giáo, với sự bài-bác chính-phủ. Đó là bởi những nguyên-nhân thuộc về lịch-sử, khiến cho người ta có lúc phải đối với bọn quyền-quí, đối với bọn tăng-lữ, đối với kẻ chuyên-chế mà yêu-cầu quyền tự-do. Nay cửa miệng nói tự-do luôn, mà pháp-luật không có tự-do, phong-tục không có tự-do, chỉ còn có nhờ triết-lý giải rõ tự-do là gì mới mong thu-hoạch được tự-do mà thôi. Nhiều người hăng-hái nhiệt-thành về tự-do, mà hiểu lầm cái bản-chất của tự-do, vì cho tự-do là một cái nguyên-lý; lại hiểu lầm cái nhiệm-vụ của tự-do, vì cho tự-do là cái cứu-cánh-mục-đích của loài người. Tự-do chẳng qua là một sự-thực, một phương-tiện. Còn nguyên-lý, mục-đích của sự hành-động của loài người, là sự công-nghĩa (*la justice*), dù đối với cá-nhân hay đối với chủng-loại cũng thế.

Một nền đại-trước-tác của nhà triết-học Hi-lạp Bá-lạp-đô (PLATON) là sách « Cộng-hòa-luận » (*La République*), trong sách kể cũng có nhiều những điều ảo-tưởng, ngày nay không ai tin nữa, nhưng có một điều chứng-giải xác-đáng, là nói rằng người ta với nhân-loại, xét về thể-chất, về lịch-sử, về mục-đích, về phép-tắc cũng là một, và phép-tắc ấy chính là sự công-nghĩa. Người ta có tự-do mà không có công-nghĩa làm chủ-trương, làm chuẩn-định, thì tự-do ấy là gì? Chẳng qua là một sự ngẫu-nhiên thuộc về chủ-quan (*un hasard subjectif*) mà thôi. Nói về Quốc-gia cũng vậy. Người ta phải tự-do mà tuân theo điều thiện; nhưng mà điều thiện mới là phép-tắc. Người ta phải tự-do mà khuynh-hướng về điều thiện; nhưng mà điều thiện mới là mục-đích. Song sự công-nghĩa mà vô-tri-thức, bị bắt-buộc, thời cũng mất cái tính-cách tuyệt-đích cao-thượng đi, cho nên công-nghĩa với tự-do hai bên cùng là cần cho nhau cả.

Trong đời người ta, trong đời nhân-loại, có một giờ, một phút nào là sự công-nghĩa có thể khuyết được không? Công-nghĩa là một cái nguyên-lý tuyệt-đích: vậy thời đâu cũng thế mà ai cũng thế, đối với người già, người trẻ, người dã-man, người văn-minh cũng thế cả. Đến như tự-do thì khác hẳn. Như trẻ con không nên được tự-do, đó là lẽ chánh-đáng; nhưng càng lớn càng khôn lên thời càng được tự-do, đó cũng là lẽ chánh-đáng. Người dân nước Thụy-sĩ, nước Tỉ-lợi-thì, nước Anh-cát-lợi, được hưởng quyền tự-do lấy làm sung-sướng, nhưng cũng bấy nhiêu quyền tự-do mà nhất-dán đem cho những dân-

(1) Bài này là dịch một bài luận của nhà đại-triết-học nước Pháp về thế-kỷ thứ 19, JULES SIMON (1814-1896). Tuy đã xuất-bản từ năm 1874, có nhiều đoạn nói về nước Pháp đã hơi cũ, nhưng lý-luận thâm-trầm xác-đáng, ngày nay đọc cũng còn có hứng-vị. Người Nam ta lại nên đọc kỹ mà ngẫm-nghĩ lắm. Đại-khái nói rằng sự tự-do dẫu không phải là một cái cứu-cánh (*une fin*), nhưng là một sự yếu-cần (*une nécessité*), duy muốn được hưởng tự-do phải biết cái chân-nghĩa tự-do; yêu-cầu sự tự-do mà chưa biết cái chân-nghĩa của tự-do, thì cũng vô-lỗ; đã biết cái chân-nghĩa của tự-do mà không được hưởng-thụ sự tự-do thời lại là trái lẽ. Nhưng cốt nhất phải gây lấy cái quan-niệm tự-do trước đã, nhiên-hậu mới yêu-cầu cái lợi-quyền tự-do thời mới thật là xứng-đáng. Phải có cái « tự-do triết-lý » (*liberté philosophique*), rồi mới có tự-do « chính-trị » (*liberté politique*) được.

tộc hãy còn bán-khai hay quen thói nô-lệ, thời chỉ thành ra rối-loạn. Quyền tự-do phải có tập mới biết, phải có chiếm mới được; vừa là cơ-quan, vừa là kết-quả của sự tiến-bộ. Bao giờ cũng phải có giới-hạn, vì bao giờ mối lợi chung với mối lợi riêng cũng xung-đột với nhau. Nhưng mà văn-minh càng phát-đạt thì cái giới-hạn ấy càng phải rộng ra. Kẻ nào mở-mang cho người ta được sáng-suốt, là kẻ ấy gieo cái hạt giống tự-do đó.

Người trung-chính không ai chịu để cho hạn-chế sự công-nghĩa; người tri-thức không ai cố yêu-cầu cho được tự-do vô-hạn. Về chính-trị rút lại chỉ có hai đảng: đảng tuyệt-nhiên không muốn cho tự-do, với đảng yêu-cầu cho được quyền tự-do phải-chẳng. Còn những kẻ đòi tự-do tuyệt-đích, nghĩa là bỏ cả chính-quyền, bỏ cả pháp-luật, thời không những là kẻ mộng-tưởng, lại là kẻ ngông-cuồng. Đối với những kẻ ấy thời không thể nghị-luận được. Xưa còn có người thảo-luận với phái lý-thuyết tuyệt-đích *(les théoriciens absolutistes)*, chứ nay thì không còn nữa. Về chính-trị ngày nay mà thảo-luận về tự-do, là chỉ về cái trình-độ tự-do cao hay thấp, ít hay nhiều mà thôi. Nay trong cuộc thảo-luận ấy, có một vấn-đề công-lý, có một vấn-đề thực-tế. Vấn-đề công-lý là thế này: Phàm người ta cũng như dân-tộc, có tự-cách hưởng được bao nhiêu tự-do thời có quyền-lợi được hưởng bấy nhiêu. Vấn-đề thực-tế là phải xét xem một người hay một dân-tộc, đến một trình-độ nào trong lịch-sử, thời có tư-cách hưởng được bao nhiêu tự-do.

Cái quyền-lợi được tự-do, vì phải chứng-giải ra, thì phải chứng-giải ra như thế này: người ta có quyền được sống làm người, và sống làm người một cách thảnh-thơi, vậy thời có quyền được tự-do; vì không có tự-do thời thảnh-thơi làm sao được. Làm người càng hiền-hậu, càng sáng-suốt, càng văn-minh bao nhiêu, thời càng cần phải được tự-do bấy nhiêu. Cứ thuần-lý thời lẽ tự-do bao giờ vẫn cao hơn lẽ « thế-tất » *(la fatalité)*, cho nên phàm người ta bị kém tự-do là bị giảm nhân-cách, tựa-hồ như bị sút xuống một bậc trên trình-độ loài người vậy.

Nay lẽ tự-do lại có thể chứng-giải một cách như sau này nữa. Ở đời cốt nhất là sự công-nghĩa. Mà công-nghĩa vốn là cái phép-tắc của con người có tự-do. Muốn dùng tiếng thuần-lý-học mà nói, thời tự-do là cái cái «vật chất» *(la matière)* của công-nghĩa; thành ra không thể diệt tự-do mà không diệt cả công-nghĩa. Tỉ như hai người cùng thi-hành sự công-nghĩa như nhau; nếu người thứ nhất bị cưỡng-bách mà làm việc công-nghĩa, người thứ nhì được tự-do mà làm việc công-nghĩa, thời người thứ nhì mới là hoàn-toàn nhân-cách, mà thực ra người thứ nhì mới thật là có lòng công-nghĩa; vì rằng cái luật tất-nhiên nó chi phối một thế-giới vô tri vô-giác, không gọi là sự công-nghĩa được. Như vậy thời tự-do dẫu không phải là nguyên-lý, nhưng là cần cho nguyên-lý; vậy thời sự tự-do là chánh-đáng lắm.

Theo phái Joseph de Maistre thời dân-tộc nào cũng không thể có tự-do được. Lý-thuyết đó là do ở ba điều như sau này: 1º Có một đảng Tuyệt-đích định sẵn phép-tắc cho xã-hội, bất-di bất-dịch, cứ thế mà theo; 2º Người ta không thể lấy lý-luận mà phát-minh chứng-giải được điều gì; 3º Vạn-sự vạn-vật đều ở trong vòng định-mệnh tự thiên-nhiên. Ta đã nói trên kia rằng một cái lý-thuyết như thế không thể đem ra mà thảo-luận được. Song tuy cái thuyết cho rằng phàm dân-tộc nào cũng là tuyệt-nhiên không thể có tự-do được, không phải là cái thuyết đem ra thảo-luận được, nhưng cái

thuyết cho rằng một dân-tộc nào thuộc về một thời-kỳ nào trong lịch-sử tuyệt-nhiên không thể có tự-do được, thời cái thuyết sau ấy có thể đem ra thảo-luận được. Nay dù là nói riêng về một dân-tộc và nói riêng về một thời-kỳ trong lịch-sử dân-tộc ấy, cái lẽ tuyệt-nhiên không có tự-do được, cũng không phải là một lẽ có được, là vì hai cớ như sau này. Một là muốn cho rằng một dân-tộc nào thuộc về một thời-kỳ nào trong lịch-sử tuyệt-nhiên không thể có tự-do được, thời phải cho rằng dân-tộc ấy tuyệt-nhiên không có một cái đặc-tính gì là đặc-tính cốt-yếu của loài người. Hai là sự tự-do hoàn-toàn dẫu chưa có được, mà có thể có được những sự tự-do đặc-biệt để dự-bị cho sự tự-do hoàn-toàn, nếu không thời không bao giờ tiến lên bậc tự-do hoàn-toàn được. Những sự tự-do đặc-biệt ấy không thể bao giờ tuyệt-diệt được; vì rằng dẫu có khi có thể ngăn-trở được quyền tự do, mà không khi nào có thể ngăn-trở được cái đường tấn-tới cho được tự-do.

Muốn cho hiểu rõ điều sau đó, thời phải nhớ rằng xã-hội loài người có thể xét ra ba phương-diện : một là đối với kẻ thân-thuộc, hai là đối với Quốc-gia, ba là đối với đấng Tuyệt-đích : nghĩa là có xã hội gia-tộc, xã-hội chính-trị, xã-hội tôn-giáo, đối với mỗi bộ-phận đó lại có mấy thứ tự-do riêng : sự tự-do ở gia đình, sự tự-do về chức-nghiệp, là thuộc về xã-hội gia tộc ; sự tự-do làm công-dân, làm tư-dân, là thuộc về xã-hội chính-trị ; sự tự-do tư-tưởng tự-do tín-ngưỡng, là thuộc về xã-hội tôn-giáo. Trong các mối tự-do đó có thể phân-biệt ra ba thứ : tự-do về gia-đình và tự-do về chức-nghiệp là những tự-do thực-tiễn (*des libertés de fait*) ; tự-do về chính-trị là những bảo-chướng của tự-do (*des garanties de la liberté*) ; còn các tự-do khác, như tự-do tư-tưởng, là những cơ-quan của tự-do (*des organes de la liberté*.)

Vẫn biết rằng phàm đã gọi là tự-do thời tự-do nào cũng đáng quí, tự-do nào cũng là làm bảo-chướng lẫn cho nhau, tự-do nào cũng là một bậc để tiến lên bậc khác. Đây không phải là nói trái điều đó. Đây cũng biết rằng người ta mà được trực-tiếp ảnh-hưởng đến việc nước mình, là một sự hạnh-phúc đáng qui ; được tự-do tư-tưởng quan-niệm để tìm lấy lẽ tuyệt-đích ở đời, lại là một sự hạnh-phúc đáng qui hơn nữa. Lại cũng biết rằng nếu được tự-do quản-lý tài-sản chức-nghiệp riêng của mình, tức là tập cho quen biết thi-hành quyền tự-do về chính-trị. Tuy vậy, cũng phải công-nhận rằng trong các thứ tự-do, sự tự-do ngôn-luận, tự-do lập-hội, tự-do diễn-thuyết tự-do bảo-cử, cùng chế-độ bồi-thẩm (*le jury*) và quyền độc-lập của các quan thẩm-phán, là những bảo-chướng thiết-yếu nhất và chắc-chắn nhất của cả các mối tự-do khác ; và sự tự-do tư-tưởng, là cái tự-do thuộc về triết-lý, cái tự-do cao-thượng nhất, tức là cơ-quan của sự tiến-bộ, và là nguồn gốc phát-sinh ra cả các tự-do khác.

Đã giải rõ như thế thời đủ biết rằng trong các mối tự-do, sự tự-do tư-tưởng là đứng đầu hết cả, và ở dân-tộc nào, ở thời-đại nào, cũng không thể khước-bỏ đi được. Lại còn một lẽ nữa : là chỉ có dân-tộc nào có đủ tư-cách để thi-hành được cái quyền tự-do đó thời mới yêu-cầu mà thôi. Thế thời không kể đến cái quyền tuyệt-đích của người ta bao giờ cũng được dùng hết sức mà tìm cho ra cái chân-lý, chỉ vì một lẽ trên đó cũng đủ khiến cho mọi sự ngăn-trở bách-hại người ta về đường tư-tưởng là sự phi-công-nghĩa, sự bất-chánh-đáng cả.

Có điều lạ là phần nhiều các chính-phủ đều làm trái lẽ đó, và có nhiều dân-tộc đã có quyền tự-do làm

công-dân tư-dân mà quyền tự-do tư-tưởng lại không được. Là vì cái cớ rằng các sự tự-do khác thì còn có thể châm-chước được, chứ sự tự-do tư-tưởng thì cái bản-tính nó là tấn-tới hoài, không biết thế nào là hạn-định

Có thể nói rằng đại-đề ở nước Pháp, từ khi có tự do đến giờ, nghĩa là từ năm 1789, chỉ chăm về những cái bảo-chướng của tự-do, và nhãng những cái tự-do thực-tiễn cùng những cơ-quan của tự-do.

Mỗi khi có chính-phủ mới lập lên, người Pháp liền yêu-cầu đặt hiến-pháp; mỗi khi đặt hiến pháp mới, liền yêu-cầu những quyền tự do về chính-trị, như là tự-do ngôn-luận, tự do bảo-cử, tự-do diễn-thuyết, yêu-cầu cho các quan chưởng quốc-vụ phải có trách-nhiệm với Nghị-viện, v. v., mà không chú-ý đến những cái quyền tự-do nhỏ-hẹp hơn mà có quan-thiết đến sự lợi-hại của mỗi người hơn, như là những sự cải-cách về hành-chính, về tư-pháp, sự tổ-chức các dân-xã, sự tự-do lập-hội, tự-do làm ăn, tự-do buôn-bán. Còn đến sự tự-do cốt-yếu, sinh-sản ra cả các mối tự-do khác, là tự-do về tôn-giáo và triết lý, thời dường như không thiết gì đến cả. Vẫn biết rằng sự tự-do về chính-trị là hay, là quí; nhưng mà sự tự do về chính trị là một thứ tự-do làm bảo-chướng, nếu mọi người không hiểu hết cái ý-nghĩa nó thế nào, nếu ngoài không còn có cái tự-do nào khác nữa, thời bảo-chướng gì và còn có giá-trị gì? Phần nhiều người có quyền công-dân, dù người trí-thức nữa cũng vậy, ít khi hiểu rõ về cái lẽ phân-quyền hạn-quyền là thế nào; thường để cho quyền hành-chính xâm-lấn sang quyền lập-pháp, quyền tư-pháp chuyển-di sang quyền hành chính, mà vẫn điềm-nhiên không biết. Những người ấy thường không thiết gì đến các lối chính-trị trong nước, vì không hiểu cái nghĩa-lý nó thế nào, không biết nó ứng-dụng ra công-việc hằng ngày thế nào. Nói rằng người Pháp vì chăm chính-trị quá, thành ra chểnh-mảng về chính-trị, tựa-hồ như nói ngược, mà chính là sự thực đích-xác. Thuộc về chính-trị, người Pháp có đảng-phái mà không có học-phái. Người Pháp chỉ ham-mê cái hiệu cờ, mà không ham mê điều nghĩa-lý. Nhiều khi hành-động là vì sự thù-ghét, sự hi-vọng, chứ không phải vì sự tư-tưởng, sự tín-ngưỡng. Bởi thế nên dù đắc-thắng, dù thất-bại, cũng không biết lợi-dụng cả. Được thời bắt chước kẻ trước mình; thua thời muốn khuynh-đảo kẻ được mình, để rồi lại làm như họ. Người Pháp hễ còn chưa hiểu sự ứng-dụng của tự-do cùng sự lý-thuyết của tự-do, nghĩa là có cái tự-do làm bảo chướng mà không có cái tự-do về thực-tế cùng cái cơ-quan của tự-do, thời còn như thế mãi. Hiến-pháp dẫu biên-chế khéo đến đâu mặc lòng, mà người ta không biết sở-dĩ làm sao nên yêu-mến, sở-dĩ phải hiểu ra thế nào, thời hiến-pháp có cũng như không. Thời nào, xứ nào cũng vậy, phong-tục vẫn mạnh hơn pháp-luật.

Nói rằng nước Pháp không thiết tự-do và không hiểu tự-do thời cũng hơi có lẽ phải Nói rằng không có tư-cách yêu mến tự-do và am-hiểu tự-do, thời là nói sai. Chỉ khốn có một điều, là tìm tự-do ở chỗ không nên tìm hay là ở chỗ tự-do không được hoàn-toàn, thế mà thôi. Nước Pháp về đường chính-trị vụng-về và bất-thường, là bởi không trông rõ cái kết-quả, và không ai chỉ cho biết cái nguyên-nhân.

Khi các tiên-dân nước Pháp khởi ra cuộc cách-mệnh năm 1789, thời ở nước Pháp chửa có một quyền tự-do nào. Vua là có quyền tuyệt-đối; ai ai cũng công-nhận như thế, dù có đảng phản-đối, đảng phản-đối cũng công-nhận như thế. Đối với vua thời hoặc lấy lẽ phải, hoặc lấy sự công-ích, hoặc lấy tập-tục mà đề-kháng lại,

chứ không bao giờ lấy quyền-lợi, vì trong nước duy có vua là có quyền-lợi mà thôi. Các nghị-hội thời ngoài mặt là có quyền biên-ký và quyền dân-hạch; nhưng vua không coi quyền biên-ký và quyền dân-hành vào đâu cả, vì vua có quyền ra ngự ở nghị-hội bắt phải biên-ký gì cũng được. Còn đối với những kẻ gián-thần bống-hách quá thời đã có giấy tống-ngục, đối với những nghị-viên cứng-cổ quá thời đã có giấy phát-lưu. Thành ra nghị-hội cũng chẳng có quyền gì hết. Cứ thực thì nghị-hội có thể ngăn-trở vua được : nhưng cốt nhất là trong dân-gian phải có công-luận mới được. Nghị-hội chẳng qua là cái cơ-quan để cho dư-luận phát-biểu ra mà phản-đối. Còn bọn quí-phái là một đẳng áp-chế dân, chứ không phải là một đoàn-thể gì. Chỉ có quyền-lợi đối với dân, không có quyền-lợi đối với vua. Các nguyên-lão (*pairs*) có địa-vị ở nghị-hội, mà thế-lực không bằng nghị-viên ; còn các nhà quí phái khác thì không được phép họp nhau nữa, trừ ở Tổng-hội các dân-đẳng (*Etats généraux*), nhưng mà Tổng-hội lại thuộc quyền vua muốn sai khiến thế nào cũng được, vì tự vua chiêu-tập. Còn các xã-đoàn (*communes*) cũng không có thế-lực gì. Xã-đoàn gọi là được giải-phóng, nghĩa là được thoát quyền áp-chế của bọn quí-phái, thời lại vào quyền áp-chế của vua, thành ra chỉ đổi chủ này ra chủ khác mà thôi. Sự bầu-cử các xã-trưởng là giả-dối cả ; thực thì là quan thượng-thư hay quan tổng-đốc chọn cả. Xã-trưởng được bầu rồi cũng không có quyền gì. Có chút quyền gì thời là làm tay thừa-hành cho quan Tổng-đốc hay quan phó-tổng-đốc mà thôi. Đạo Gia-tô là công-giáo của nhà nước ; làm dân muốn thi-hành một cái công-quyền gì, muốn mông-bổ một chức-vụ gì, cho đến muốn được ghi vào sổ sinh tử giá-thú nữa, cũng phải theo đạo Gia-tô mới được. Vợ những người theo Fân-giáo (*protestants*), coi như là vợ lẽ, con đẻ ra coi như là con ngoại-tình, khi chết đi thời gia-sản để lại, người đồng-hàng trong họ tông đạo Gia-tô có thể đòi kế-thừa được. Hách-nghệ cũng là thuộc quyền vua, phải mất tiền mới được phép làm nghề, mà nghề nọ không được xâm-phạm sang nghề kia, người chủ nghệ không được tự-tiện đổi lề-lối trong nghề mình. Trong khi nước Pháp bị áp-chế, bị bác-tước hết cả quyền-tự do như thế, thời thật là tỏ ra đáng được tự-do lắm ; thật là tỏ ra đủ tư-cách, đủ có quyền được hưởng tự-do ; cứ xem như một là những sự-nghiệp trứ-danh của các nghị-viên đời trước, hai là lòng dân vẫn mến cái công-nghiệp ấy mãi mãi, thì đủ biết ; vì rằng nước Pháp ngày nay tuy không ham tự-do lắm nữa, mà vẫn còn ham cái tư-tưởng cách-mệnh lắm. Cớ sao lúc chưa được tự-do thì ham mê tự-do, mà lúc được tự-do rồi thì lại chềnh-mảng như thế? Là bởi cuộc cách-mệnh năm 1789 là biểu-hiệu và là kết-quả một cái triết-học, và ảnh-hưởng nó trong xã-hội và trong cuộc sinh-hoạt hàng ngày sâu lắm. Không phải chỉ chuyên-chú về chính-trị, chỉ châu-tuần ở trong cái khoảng trung-gian là nơi hiến-pháp mà thôi, mà lại suy ngược mãi đến chỗ nguyên-lý, ứng-dụng đến tận việc tầm-thường. Nước Pháp nay nếu lại muốn được tự-do như hồi ấy thời phải qua một phen biến-cách như thế mới được. Nay chỉ khốn là lên chửa được cao lắm, mà xuống cũng chửa được thấp lắm.

Cuộc cách-mệnh năm 1789 ảnh-hưởng đến việc đời nhiều lắm, không thể kể ra đây hết được. Nay có thể tóm lại một câu, là nghĩa bình-đẳng : bình-đẳng cho các đạo-giáo, bình-đẳng cho mọi người dân về pháp-luật, về thuế-khóa, về cách làm ăn ; bình-đẳng cho các anh em trong một nhà. Cái nghĩa bình-đẳng đó là phần quan-trọng nhất trong các mối tự-do thực-tiễn,

thật dã nhờ cuộc cách-mệnh mà gây dựng nên một cách bền-chặt chắc-chắn. Nhân-dân lấy làm thiết cái nghĩa ấy lắm, bây giờ không thể động đến mà không sinh ra biến vậy. Đã từng có một lần thử lập lại cái quyền con trưởng, nhưng nguy-hiểm biết thế nào. Còn sự khôi-phục quí-tộc, thời chẳng qua là khôi-phục phẩm-tước mà thôi, dân-gian cho sự đó là không quan-hệ gì, tưởng cũng phải. Dân không bao giờ chịu cho đặt quyền thẩm-phán riêng cho quí-tộc, cho trừ sưu-thuế, cho đặc-quyền sung các chức-quyền chung. Lại cũng cố giữ lấy quyền tự-do lễ-bái, quyền tự-do này dân hiểu ra nghĩa lãnh-đạm đối với các tôn-giáo. Chính-phủ *Restauration* khôi-phục lại cái « quốc-gia tôn-giáo » *(religion d'Etat)*, thật là một việc dân-tình bất-phục, và cũng là cái nguyên-nhân làm cho chính-phủ phải đổ. Dân còn mến cái sự-nghiệp cách-mệnh là ở đó ; có thể nói là mến một cách rất nhiệt-thành thiết-tha. Còn đối với những quyền tự-do về chính-trị, nghĩa là những tự-do làm bảo-chướng, thì tựa-hồ như không thiết lắm, vì chỉ thiết những cái được bảo-chướng, mà không thiết những cái làm bảo-chướng. Nước Pháp hay ưa những chính-phủ nào làm kết-quả cho cuộc cách-mệnh, nghĩa là ưa cái phần hữu-dụng, phần thực-hiệu của cách-mệnh, còn những cái quyền bảo-chướng ở ngoài, như quyền bảo-cử, quyền ngôn-luận, quyền diễn-thuyết, vân vân, thì dẫu có phải mất cũng hầu như không tiếc vậy. Thích nổi cách-mệnh lên để phản quyền chuyên-chế, lại thích đem giao-phó cái công cách-mệnh vào tay kẻ có quyền để làm bảo-chướng cho sự bình-đẳng.

Hồi đầu, vào năm 1789, chắc không có lầm như thế, vì nước Pháp bấy giờ vào hồi triết-lý đương thịnh, còn hiểu cái lẽ liên-đái-quan-hệ của sự-vật. Hồi bấy giờ, tuy cứ pháp-luật thì không có quyền tự-do tư-tưởng, nhưng cứ thực-sự thì quyền tư-do tư-tưởng thật là vô-hạn ; thành ra sự-thực với pháp-luật trái nhau. Nay cứ pháp-luật mà xét, thời thấy như thế này : Về đường lễ-bái, phải có một cái tôn-giáo quốc-gia, nghĩa là một cái đạo nhà nước công-nhận cho độc-quyền hơn các đạo khác ; về đường tư-tưởng, thì quan tư-pháp, viện thẩm-phán, quan cảnh-sát, và giáo-hội, đều có quyền kiểm-duyệt. Dù các quan hữu-tư đó không có lệnh cấm, cũng phải xin phép mới được xuất-bản. Trách-nhiệm của các nhà in lại nặng lắm nữa, cho nên dẫu được phép quan tư-pháp, cũng còn phải nhà in bằng lòng nữa mới xuất-bản được, mà điều đó không phải là dễ. Sách in ra rồi, có thể cấm phát-hành, ai trái thời phải tội rất nặng mà lại rất ức-chế ; không những cấm phát-hành, mà lại cấm cả người mua nữa ; người làm sách, người in sách, người bán sách, lúc nào cũng có thể truy-nã đến được. Nếu sách đã được duyệt-y mà không phạt người làm sách được, thì phạt lây đến người in sách. Sách nào tòa án làm tội thì không những đốt sách đi mà thôi ; về đời Louis thứ 16, đã có lần suýt làm tội người làm sách phải phạt trượng, phải vạch dấu vào người, và khổ-sai chung-thân. Lại còn những trát tống-ngục nữa. Ấy cứ pháp-luật thì thế. Nhưng cứ sự-thực thì quyền xuất-bản thật là tự-do, xem ông Voltaire thì đủ biết, không phải kể đến người khác nữa. Ông Voltaire giá ngày nay còn sống, mà muốn in bấy nhiêu sách của ông, thì chắc không có nhà in nào dám in, mà dẫu có nữa thì đến cả đời phải ở ngục.

Ta phải biết rằng Voltaire cùng các nhà bác-học về đời bấy giờ yêu-cầu những điều rõ-ràng lắm, và rất quan-trọng cho sự hạnh-phúc chung của công-chúng. Người ta thường nói rằng các ông chỉ biết bài-bác mà

thu-hoạch được điều gì lợi-ích ; nói thế là nói sai, vì ông VOLTAIRE yêu-cầu quyền tự-do tín-giáo, thì ông được quyền tự-do tín-giáo ; nhiều các nhà triết-học đồng-thời yêu-cầu quyền công-dân bình-đẳng, thì đã được quyền công-dân bình-đẳng. Nói tóm lại thì người dân chỉ ham sự tự-do chính-trị, nghĩa là cái tự-do để làm bảo-chướng, là khi nào hiểu rõ cái nghĩa-lý nó thế nào, và trông thấy ứng-dụng ra thực-sự. Hay muốn nói khác đi thì nói rằng kẻ bình-dân chỉ thiết đến cái xã-hội chính-trị là khi nào có quan-hệ đến cái xã-hội gia-đình và cái xã-hội tôn-giáo mà thôi.

Nay muốn yêu-cầu cho được cái quyền tự-do chính-trị rất rộng, nghĩa là tự-do ngôn-luận, tự-do tập-hợp, tự-do bảo-cử, tự-do diễn-thuyết, nghị-viên được quyền cải-bổ và khởi-xướng các pháp-luật, được quyền trực-tiếp quyết-nghị những việc chiến-hòa, ở các pháp-viện thì bộ bồi-thẩm được rộng quyền thẩm-phán, và lại đặt ra một bộ bồi-thẩm để tố-cáo nữa (*jury d'accusation*) ; bấy nhiêu sự cải-cách, cũng khó lòng mà làm cho kẻ bình-dân hăm-hở yêu-cầu ; nhưng mà phàm cái gì có quan-hệ đến cái xã-hội gia-đình và xã-hội tôn-giáo, thì dân dễ ham lắm, và đã ham về hai khoản đó rồi, thì cũng dễ có cái quan-niệm về chính-trị, vì rằng sẽ hiểu nguyên-lý và kết-quả chính-trị thế nào.

Vậy thì muốn cho sự tự-do được phát-đạt và vững-vàng, rất cần phải đảo ngược lại cái thứ-tự thông-thường xưa nay ; không nên chú-ý cả về sự tự-do chính-trị là cái tự-do làm bảo-chướng, mà nên chú-ý nhất về cái cơ-quan của tự-do là tự-do triết-lý, tự-do tư tưởng, và về các mối tự-do thông-thường thực-tiễn, có thiết-yếu riêng cho cái xã-hội gia-đình.

Ấy các phái xã-hội-học, đã làm dao-động cả nước Pháp trước và sau hồi « Chính-phủ tháng bảy » (*Gouvernement de Juillet*). đều hiểu rõ cái lẽ đó Những phái ấy khinh rẻ các vấn-đề về chính-trị, như thế là lầm to ; nhưng mà lại chuyên-chủ về các vấn-đề tôn-giáo và các vấn-đề chức-nghiệp bởi đó mà có thế-lực rất mạnh. Duy có một điều là những phái ấy lại muốn dùng cách cưỡng-bách tổ-chức mà giải-quyết các vấn-đề ấy, chứ thực phải giải-quyết bằng cách tự-do mới được. Ta sẽ giải rõ điều đó như sau này, nhưng xin nói tóm-tắt, chỉ dẫn thí-dụ một đôi điều, chứ không nghiên-cứu cho đến cùng-cực các vấn-đề.

Hãng bắt đầu nói về xã-hội gia-đình. Nhiều người thấy động đến xã-hội ấy lấy làm lo-sợ lắm, và cái cớ lo-sợ là thế này ; xã-hội gia-đình là gốc ở gia-đình và tài-sản ; gia-đình và tài-sản là hai cái chế-độ, một cái là thuần tự thiên-nhiên, một cái là nguyên-lý tự thiên-nhiên mà thành-lập tự người ta, hai cái cùng là thần-thánh bất-khả xâm-phạm cả, động đến thì tất dao-động cả xã hội ; hai cái chế-độ ấy là hai cái nền gốc lớn của sự trật-tự trong xã-hội. Nay có kẻ giả-danh muốn cải-cách mà muốn phá-hoại hai cái đó đi, cho nên phàm cải-cách cái gì thiên-hạ cũng khó lòng hoan-nghênh được. Thuộc về điều đó, chỉ xin nói một câu rằng : Người nào phản-đối sự tự-do thì người ấy mới phản-đối gia-đình và tài-sản. Nói trái lại thì gia-đình và tài-sản không có ai nhiệt-thành bênh-vực bằng những kẻ thật lòng ham-mê sự tự-do. Không phải chỉ có phái cách-mệnh chuyên-chế mới là kẻ phản-đối gia-đình và tài sản. Vua Louis thứ 14, phá sự hôn-nhân của bọn tân-giáo, bắt lấy những con-cái còn nhỏ tuổi của bọn đó, tuyên-bố rằng tài-sản của thần-dân là tài-sản của mình trước, để cho dân bao nhiêu thì dân mới được bấy nhiêu mà thôi, những cách của quân-chủ như thế-thì có khác gì những lý-thuyết cách-mệnh của BABEUF ngày xưa. Vậy thì

gia-đình và tài-sản đối với sự tự-do, thật có mật-thiết-quan-hệ với nhau. Gia-đình đã là cái chế-độ thiên-nhiên, tài-sản đã là cái công tích-lũy của mấy đời gây-dựng nên, tất là bền-chặt vững-vàng, tưởng như không bao giờ phải động đến vậy. Nhưng mà cái nguyên lý là một, mà cách tổ-chức cái nguyên-lý là một. Ai cũng công nhận quyền người cha trong gia-đình; nhưng mà người La-mã ngày xưa không hiểu cái quyền ấy như người Pháp bây giờ, và hai người Pháp có khi cũng không hiểu như nhau nữa. Phàm người công-chính ai cũng cho cái chế-độ « kim-lợi » (*Rente*), nghĩa là sự đặt tiền lấy lãi, là một sự chính-đáng; nhưng mà sự đó có người thì muốn hạn-chế, có người muốn để tự-do. Bàn khai phóng cho tài-sản, không phải là phạm tội phá-hoại tài-sản.

Vả lại cái xã-hội gia-đình, dầu muốn để yên không động đến cũng không được. Mỗi một thời kỳ tiến-hóa của nhân-loại, lại bày ra một cái vấn-đề phải giải-quyết: khi thì là vấn-đề hôn-nhân, khi thì là vấn-đề ly-dị, v. v. Ngày nay, máy-móc ứng-dụng ra sự sinh-hoạt trong xã-hội mỗi ngày một nhiều, các vấn-đề mới phải giải quyết, lại càng cần-cấp và nguy-hiểm lắm nữa: như sự lao-động của trẻ con và đàn bà ở các nhà máy, như sự đặt ra các sở dưỡng-anh, sở cứu-tế, sở giáo-dục, sở dưỡng-bệnh, các chế-độ hỗ-trợ tương-tế, cách làm nhà cho thợ thuyền ở chung hay ở riêng, v. v. Bấy nhiêu điều là đời này phải giải-quyết cả; thí-dụ như một điều sau này, phải tự-do cần phải xét đến, là cái quyền tự-do của người cha có thể giam-hãm con cho dốt-nát để không bao giờ được hưởng tự-do không. Thuộc về tài-sản, thì các vấn-đề lại phiền-phức hơn nữa. Như quyền sở-hữu có nên hạn-chế theo luật năm 1810 về các mỏ không? quyền di-sản có nên hạn-chế theo điều 913 Dân-luật không? quyền tặng-dữ có nên hạn-chế theo điều 910 không? quyền nhiệm-thải có nên hạn-chế theo luật năm 1807 không? lại có nên hạn-chế quyền tập-cổ theo như phần nhiều những luật về sự tổ-chức các hội-công-thương không? sự lao-động và tư-bản cùng có quyền-lợi ngang nhau; tiền công đối với lao-động cũng như là tiền lãi đối với tư-bản. Lao-động có được đãi như tư-bản không? có cũng được quyền kết-xã, tập-cổ, liên-hiệp với nhau cho thành đảng-phái không? (1) Hiện có hai cái sức mạnh, một cái thuộc về tinh-thần, một cái thuộc về vật-chất, càng ngày càng làm cho các vấn-đề thêm phiền-phức sức tinh-thần là cái phong-trào dân chủ, sức vật-chất là cái phong-trào máy-móc. Vấn-đề càng phiền-phức, lại càng cần phải giải-quyết ngay, mà giải-quyết bằng cách tự-do. Nói tự-do ai cũng sợ; cho tự-do là một sự mới lạ, mà cũng không phải là không phải. Năm 1860, nước Pháp mới ký thương-ước với nước Anh, bấy giờ thiên-hạ tưởng rằng bỏ các cấm-lệ và các thuế bảo-hộ, thì nguy-hiểm cả. Vậy mà sự tự-do-mậu dịch vẫn là một sự hay, nhờ sự hay đó mới duyên-dẫn được nhiều sự hay khác. Cái tự-do thực-tiễn ấy làm cho người ta biết hiểu và biết mến sự tự-do, vì khiến cho như trông thấy hiển-nhiên ở trước mắt. Như trong bách-nghệ, bỏ cái quyền của thợ chủ thợ cả, ấy đó cũng là một điều quan hệ to về triết-lý, về tinh thần. Lại như nghề đồ-tể, nghề làm bánh, trước bị hạn-chế, nay được tự-do, ấy cũng là những cái công thu-hoạch hiển-nhiên trông thấy vậy. Nếu sự tự-do thực-tiễn mà tấn-tới, thời sự tự-do chính-trị cũng không phải đợi lâu.

Người ta thường nói rằng quyền tự-do cho kẻ bình-dân là làm thế nào cho khỏi chết đói. Nếu cho tự-do là được thỏa-mãn cho sự cần-dùng về vật-chất, thì thế là lầm to, là làm đê-tiện mất chữ tự-do đi; nhưng mà nếu nói

(1) Đây là nói về cái tình trạng nước Pháp năm sáu mươi năm về trước; nay không đúng nữa rồi.

thế là có ý nghiệm rằng phàm người ta đã đến nỗi bần-cùng đói rách thời muốn ham muốn dùng tự-do cũng không được nữa, thời nói thế là đúng lắm. Điều thứ nhất cho được tự-do, là phải tự-chủ. Kẻ nào còn ỷ-thuộc vào tư-bản kẻ khác thời chửa được tự-do. Có lẽ được tự-do trong xã-hội chính-trị ; nhưng không được tự-do trong xã-hội gia-đình. Song nếu có quyền tự-do kết-xã, thì không ai là hoàn-toàn ỷ-thuộc vào tư-bản kẻ khác ; vì sự-thực chẳng hề chi, chỉ có công-lý mới đáng qui. Đối với những kẻ mơ-tưởng muốn quân-phân tài-sản để thu-hoạch tự-do, thời phải thi-hành cái quyền kết-xã lập-hội để hiệp-lực hỗ-trợ.

Nay ta phải chứng-giải rằng kẻ bình-dân có thể ham-mê sự tự-do triết-lý, sự tự-do triết-lý là cái cơ-quan tất-yếu của mọi sự tiến-bộ tự-do, và ở Pháp xưa nay chỉ thỉnh-thoảng mới được quyền tự-do triết-lý, mà có được cũng là được ở thực-sự hơn là ở pháp-luật.

Theo một cái ý-kiến thông-thường của khắp các nhân-đẳng trong xã-hội, thì kẻ bình-dân không thiết gì đến triết-lý cả. Nếu hiểu nghĩa triết-lý đây là khoa triết-học ở nhà trường, thì điều đó cố-nhiên rồi ; nếu triết-lý là gồm cả những vấn-đề lớn về xã-hội, về tôn-giáo, thì trái lại mới là phải. Nhân-loại bao giờ cũng vậy ; không có lẽ đối với những mối lợi-hại lớn của nhân-sinh mà lại không thiết-tha đến, cũng không có lẽ ở đời mà không có khi nhìn ra quá cõi đời, tơ-tưởng đến khi nhắm mắt rồi thì thế nào. Hoặc có khi người đời quên không tơ-tưởng tới những sự cao-xa đó, là vì kẻ làm thầy, kẻ cầm quyền chính trị, cầm quyền giáo-hóa, quên không chỉ cho biết đó mà thôi. Ngày nay các học-phái có thanh-danh thế-lực từ trước đến giờ toàn là những học-phái có khuynh-hướng về tôn-giáo cả. Người nào không biết cái đó, không từng cảm-hóa được công-chúng bao giờ.

Kẻ bình-dân không những yêu triết-lý mà lại hiểu triết-lý nữa. Trong lịch-sử đã có lắm hồi chỉ vì những vấn-đề rất tinh-tế, rất phiền-phức về triết-học hay là về thần-học (vì thần-học rút lại cũng là triết-học), mà sinh ra những sự, phân-lìa, sự cách mệnh, sự nội-loạn sự chiến-tranh. Trong các vấn-đề đã gây ra những sự đại-biến như thế, có cái thì quan-trọng thật, có cái thì không quan-trọng gì. Ngày nay đứng xa trông lại, thấy nhiều điều huyền-ảo hư-không, bèn trách những người lãnh-tụ và kẻ đồ-đảng đã sai lầm. Tưởng đáng trách nhất là kẻ lãnh-tụ, vì không biết mà đem hi-sinh cho những sự đâu đâu. Nhưng mà phàm dân đã biết nổi lên, dân đã biết ham như thế, là biết rằng ở ngoài những sự đó tất có một cái nghĩa-lý cao-xa. Kẻ bình-dân không biết nghiền-ngẫm suy-nghĩ, không biết cái sở dĩ của mọi sự thế nào, nhưng mà vẫn có cái trí thông-minh tự-nhiên.

Triết-lý là gì ? Triết-lý không phải là kiểm-điểm, triết-lý là phát-minh. Các khoa-học khác thì chứng-nghiệm, khoa triết-học thời tìm-tòi để phát-minh ra. Cái phạm-vi của triết-lý là thuộc về tương lai. Dù nghiên-cứu về lịch-sử, cũng là chú-ý về tương-lai, vì trong lịch-sử cái phần thuộc riêng về triết-lý là sự phát-minh ra các luật-lẽ chung. Nay có ba cách chi phối việc xã-hội : Một là khiến cho lùi trở lại, hai là giữ cho cứ đứng yên, ba là đẩy cho tiến lên mãi. Muốn cho xã-hội tiến lên mà bước vào những đường-lối mới, thì phải lấy triết-lý làm tiên-phong, để khai đường mở lối trước, mà dìu-dắt cho bước tới lên. Các nhà thần-học về đời Trung-cổ cho triết-học là gây ra mối dị-đoan. Nay ta cũng có thể nói rằng triết-học là gây ra sự mới lạ. Thật

thế, và cũng bởi thế cho nên triết-lý, tự-do và tiến-bộ cùng là một vậy...

Vả lại cũng không nên lẫn triết-lý với sự hư-tưởng. Nhà hư-tưởng (*Utopistes*) là đội quân thám-hiểm của triết-lý, tư-tưởng bông-lông, không có chuẩn-đích. Cũng có ích cho triết-học lắm, nhưng mà không phải là thuộc chính trong phạm-vi của triết-học. Đối với triết-học, chỉ có cái trách-nhiệm tư-vấn, không có cái trách-nhiệm quyết-nghị. Triết-học sản ra những sự mới lạ, nhưng mà cái nguyên-lý nó thì thiên-niên bất-dịch, nếu để cho bỏ mất hay sai đi thời không phải là triết-lý nữa. Nghiên-cứu nghĩa-lý với lại tư-tưởng bông-lông, hai đàng cách xa nhau một trời một vực vậy. Những sự cải-cách khinh-suất, sự tự-do quá-độ cũng hại cho triết-lý bằng những thói hủ-lậu, những cách cố-chấp bất-động. Đối với xã-hội cũng như là đối với người ta, cái tự-do chân-chính là cái tự-do sáng-suốt.

Chúng ta mơ-tưởng rằng chúng ta có cái tự-do triết-lý; thực thời cái tự-do ấy không thấy ở trong phong-tục ta, mà cũng không thấy ở trong pháp-luật ta... Cái tự-do triết-lý ấy ta không biết thi-hành mà ta cũng không biết yêu-cầu. Chính-phủ thì sợ, kẻ học-thức thời khinh thường, còn công-chúng thì sẵn tai nghe, sẵn lòng mến, mà không ai bảo cho biết. Thành ra tuy có một đảng tiến-bộ, có một đảng tự-do, vì rằng tự-do với tiến-bộ không rời nhau được, nhưng mà không có một cái « khoa-học tự-do » (*science de la liberté*); thế phỏng đã lạ-lùng chưa. Thế có khác gì như cho sự tình-cờ là còn chắc hơn sự nghiên-cứu vậy! Kẻ nào muốn đứng yên hay muốn lùi lại thời mới nên ngăn-trở triết-lý. Đứng ở bến thời còn cần gì phải kim chỉ-nam. Nay họ muốn giữ ta ở bến, thì bến ấy ở đâu? Trong bến đã chật-hẹp quá rồi, không đủ đựng được tầu bè nữa; kho-tàng đã khánh-kiệt, mà đê-bối cũng bị sóng bể trôi đi rồi. Nay thế-tất ta phải vượt bể ra khơi, mà đi tìm bờ bến khác; có lẽ ta cứ đâm liều vào giữa khoảng sóng gió mà không biết phương-hướng ở đâu dư?

Ngày nay trong suốt nước Pháp, bọn thợ-thuyền đòi lập trường học, đó là cái tiếng kêu của khắp các nơi công-xưởng. Họ chỉ xin đặt trường sơ-học, nghĩa là xin cho được cái bước đầu mà thôi; còn những hàng thượng-lưu học-thức, chúng ta phải đòi cho có trường triết-lý, nghĩa là cho được quyền tự-do ngôn-luận, tự-do xuất bản. *Muốn được tự-do tiến-bộ, chỉ mong ở sự học-vấn nghiên-cứu mà thôi. Muốn gieo cái hạt giống tự-do, phải chiếu cái ánh sáng học-thức: Có thế thì đảng tự-do mới là đảng chân chính, đảng trật tự. Bao giờ ai ai cũng hiểu rằng có tự do là hơn, thì bấy giờ xã-hội sẽ được yên-ổn vững-vàng.*

Nói tóm lại, nếu ta chỉ tri-trục cầu cho được một cái tự-do chính-trị mà thôi, thời không bao giờ được. Không bao giờ biết cái nghĩa-lý nó, và sự ứng-dụng của nó thế nào. Vậy ta phải lấy cái tự-do triết-lý mà cầu cái tự do chính-trị, lại lấy cái tự-do gia-đình mà củng-cố cho được vững.

Còn một vấn-đề quan-trọng như sau này, tuy không thuộc về lý-thuyết tự-do, nhưng cũng quan-hệ về đường thực-tế lắm, là có nên tức-khắc đòi cho được hoàn-toàn cả các quyền tự-do, hay là được cái nào hãng bằng lòng nhận cái đó. Người ta thường nói quyền tự-do dẫu chưa được hoàn-toàn cũng nên yêu-cầu, cũng nên thuận-nhận, và một dân-tộc không có thể nhất-đán hưởng cả các quyền tự-do một lúc được. Cứ đại-đề thì câu đó nói phải lắm, vì trên kia ta đã giải cái lẽ rằng một dân-tộc có đủ tư-cách hưởng-thụ được bao nhiêu tự-do thì mới có quyền-lợi được hưởng bấy nhiêu mà thôi. Nhưng mà

nếu lấy cái số tự-do đã được rồi mà làm tỉ-lệ cho cái số tự-do phải được nữa, thì câu ấy không đúng nữa. Người ta có khi cái tư-cách hưởng được tự-do rất to, mà cái quyền-lợi được hưởng tự-do rất nhỏ. Khi một dân-tộc nào có quyền tự-do nhiều quá cái sức mình có thể hưởng-thụ được, thì tất xảy ra một cái phong-trào phản-kháng. Trong một dân-tộc nào đã nổi lên một cái phong trào phản-kháng thời không những rút mất cái phần tự-do mà dân-tộc ấy chưa đủ tư-cách hưởng-thụ, lại giảm cả cái phần tự-do mà dân-tộc ấy đã có tư-cách hưởng rồi. Lại còn một lẽ nữa, là các chính-phủ thường hay lo-sợ không biết có được vững-bền không, cho nên những quyền tự-do cầm ở trong tay, không muốn thả ra cho dân được hưởng, thành ra khi một dân-tộc đã tiến-bộ mau về đường văn-minh thì ít khi cái tư cách được hưởng tự-do lại không nhiều hơn cái phần tự-do được hưởng. Dân nước Pháp năm 1788, không có một quyền tự-do nào, mà cái tư-cách được tự-do tưởng cũng bằng dân 1789 đã chiếm-đoạt được tất cả các quyền tự-do.

Vậy thì dẫu cho rằng nước nào văn minh còn khiếm-khuyết thì quyền tự-do cũng không thể hoàn-toàn được, nhưng cũng phải cho là văn-minh đã hoàn toàn thời tự-do tất cũng phải hoàn-toàn; và một dân-tộc đã đến cái trình-độ văn-minh hoàn-toàn thì dẫu nhất-đán cho cả cái quyền tự-do hoàn-toàn cũng có thể hưởng-thụ được, không ngại gì.

Không những thế mà thôi, một dân tộc đã đến trình-độ văn-minh hoàn-toàn mà không được hưởng tự-do thì lại hại cho mình nữa; một dân-tộc như thế mà không được hưởng tự-do thì thành ra cái cơ suy-đồi cũng tự đó. Mất một cái quyền tự-do là một sự oan-uổng, mà là một sự nguy-hiểm, không những vì thiệt mất một cái tự-do ấy mà thôi, mà lại làm ngăn-trở cho sự thi-hành các cái tự-do khác nữa. Cứ lý ra thì không có một cái tự do nào là thực hoàn-toàn, phải đi cùng với cả các cái tự-do khác mới gọi là hoàn-toàn được.

Sự tự-do không hoàn-toàn là trong hai khi như sau này; một là cho người này được hưởng mà không cho người kia, hai là cho đều cả người dân được hưởng mà chỉ được hưởng một phần thôi. Như cách thứ nhất thì gọi là tự-do không đúng, vì đối với kẻ được hưởng là một sự đặc-quyền, mà đối với kẻ không được hưởng là một sự thiệt-thòi. Thí-dụ: Chính-phủ cho một tờ báo nọ được hoàn-toàn tự-do, mà bắt các tờ báo khác phải theo lệ kiểm-duyệt. Như cách thứ hai thì sự bất-lợi tuy không rõ-rệt như thế, nhưng cũng tệ chẳng kém gì. Thí-dụ: Có quyền tự-do đầu-phiếu mà không có quyền tự-do nghị-sự, có quyền tự-do chế-tạo mà không có quyền tự-do thông-thương. Một hội-nghị có quyền đầu-phiếu mà không có quyền nghị-sự, thì cái quyền đầu-phiếu ấy thi-hành tất không được chánh-đáng; nay cũng một hội-nghị ấy, vì được nghị-luận rồi mới bỏ vé thời sự bỏ vé ấy không tất-nhiên là không chánh-đáng.

Tuy vậy mặc lòng, đối với một dân-tộc đã đến trình-độ văn-minh hoàn-toàn, dù phải được cái tự do hoàn-toàn mới là xứng-đáng, nhưng được một phần tự-do nào cũng nên hoan-nghênh, vì rằng có thực-hành mới thành tập-quán và mới rõ sự lợi-hại, bấy giờ mới thành một cái phương-tiện để thu-hoạch các tự do khác.

Nếu là một cái tự-do cơ-quan, như sự tự do giáo-dục, sự tự-do ngôn-luận, thì dẫu mới là một bộ-phận tự-do, chưa được hoàn-toàn, cũng nên yêu-

cầu và thỉnh-nguyện lắm. Ta muốn được tự-do thời ta phải lập trường tự-do. Ta phải hiểu rằng một cái luật làm bảo-chướng mà không có gì mà bảo-chướng, cùng một nền chính-trị mà không phải là kết-quả của một nền triết-lý, thời cái giá-trị nó cũng chẳng đáng mấy mươi vậy.

Nguyên Pháp-văn của JULES SIMON.

THƯỢNG-CHI *dịch.*

MỘT CÁI CHƯƠNG-TRÌNH CHÍNH-TRỊ

Cách mười tháng nay, có mấy ông Tây thuộc về đảng Cộng-hòa ở Hà-nội (*Comité d'Union républicaine*) và Hội Nhân-quyền (*Ligue des Droits de l'Homme*) tỏ ý muốn đề-huề với người An-Nam để gọi cổ-phần mở một tờ báo bằng chữ Pháp chủ-trương cái chính-sách Pháp-Việt cộng-tác. Báo ấy là báo *Indochine républicaine*, hiện đã xuất bản hàng ngày tự tháng 11 năm 1925. Hồi mới cổ-động, tôi có thay mặt anh em đồng-chí có cổ-phần trong hội báo ấy thảo một cái chương-trình chính-trị về phần người Nam ta để làm phương-châm cho báo.

Nay trong quốc-dân ta đã thấy nhóm lên có dư-luận về chính-trị, tưởng cũng nên công-bố cái chương-trình ấy ra để giúp một phần tài-liệu cho sự nghị-luận chung.

Chương-trình ấy chửa lấy gì làm tường-tận cho lắm. Chẳng qua là lược-kê ra mấy cái vấn-đề thiết-yếu ngay cho quốc-dân ta ngày nay, rồi sẽ dần dần tăng-bổ hiệu-đính về sau cho thật được hoàn-toàn.

Chương-trình chia ra tám khoản như sau này :

I. — Nói về chủng-tộc, phải duy-trì và đề-xướng cái nghĩa thống-nhất trong dân-tộc Việt-Nam, liên-lạc Trung Nam Bắc tam-kỳ, phản-đối những cái kế-hoạch cùng những sự hành-vi gì có thể làm cho phân-lìa gián-cách người trong ba xứ.

II — Về nhân-quyền, phải yêu-cầu cho người Việt-Nam dần dần cũng được hưởng mấy cái quyền tự-do cốt-yếu: tự-do diễn-thuyết, tự-do ngôn-luận, tự-do lập-hội, tự-do họp-tập, tự-do giao-thông; yêu-cầu cho được hưởng pháp-luật công-bằng, như xin bãi các tòa án đặc-biệt (như tòa Đề-hình), xin tăng số bồi-thẩm An-Nam ở các tòa nam-án xử việc hình, xin cho người An-nam cũng được dự bộ bồi-thẩm các tòa án Tây những khi xử các án có can-thiệp người Tây với người Nam, xin bãi cái luật bỏ tù nợ đối với người An-Nam, v. v..

III. — Về hành-chính, xin chỉnh-đốn lại các ngạch quan-lại, đặt phép nghiêm để trừng-trị những kẻ quan tham lại nhũng; xin các ngạch quan xưa nay vẫn để dành riêng cho người Tây, từ rầy có người Nam đủ bằng-cấp, đủ tư-cách cũng được bổ vào, không cần phải là dân Tây, cứ theo cái lẽ công-bằng: tư-cách bằng nhau, quyền-chức bằng nhau, không phân-biệt người Tây người Nam; không những các ngạch quan-lại, các nghề tự-do, như nghề làm thuốc, nghề thầy kiện, người Nam có đủ bằng-cấp, đủ tư-cách, cũng xin mở rộng cho cả, không hạn-chế gì.

IV. — Về chính-trị, xin cho người Nam được rộng quyền bầu-cử; xin đổi các hội tư-vấn ra hội nghị-sự, dẫu chưa được toàn-quyền quyết-nghị mọi việc ngay, nhưng ít ra cũng được quyết-nghị

về các khoản dự-toán chi-thu ; xin đặt một Đại Hội-nghị cho cả Đông-Pháp mà phần người An-Nam phải tương-đương với nhân-số nhiều và lợi-quyền to của quốc-dân ta ; xin cho dân An-Nam cũng có đại-biểu ở Hội-nghị Thuộc-địa bên Pháp, và nghĩ cách thế nào cho sau này có cả đại-biểu ở Nghị-viện Pháp nữa.

V. — Về giáo-dục, xin bậc tiểu-học dạy bằng tiếng An-Nam, tiếng Pháp dạy làm tiếng ngoại-quốc, và xin ban-bố sự học phổ-thông khắp trong dân-gian ; xin bậc cao-đẳng-tiểu-học phải chỉnh-đốn và tăng-bổ thêm, cho thật thích-hợp với sự yếu-cầu của hạng trung-lưu xã-hội trong bản-xứ hiện nay càng ngày càng nhiều ra ; xin hễ chửa tổ-chức được một nền trung-học thật hoàn-toàn thích-hợp, thời các trường *Lycées* ngày nay phải mở rộng cho cả người An-Nam được vào học bằng-đẳng như người Tây, không hạn-chế gì cả ; và thuộc về Đại-học thời hễ chửa tổ-chức được những trường Đại-học chân-chính, trình-độ ngang bằng bên Pháp, thời xin cấp lương rộng cho học-trò sang học Đại-học bên Pháp.

VI. — Về kinh-tế, phải phản-đối những hội buôn lớn muốn mưu lấy độc-quyền lũng-đoạn các tài-sản trong bản-xứ ; xin đặt ra Nông-nghiệp ngân-hàng cho vay dài hạn nhẹ lãi, để giúp cho dân quê và tiệt cái họa « sét-ty đa đen đa vàng » ; xin làm gấp các công-trình để phòng-bị cho dân khỏi lụt, khỏi hạn ; xin đặt cách khai-khẩn miền trung-du thượng-du Bắc-kỳ ; phải phản-đối sự trợ-cấp cho các thuộc-địa khác (như Nam-dương quần-đảo : *Nouvelle Calédonie, Tahiti* v. v.) bằng tiền của công-khố Đông-Pháp ; v-v.

VII — Về xã-hội, xin tuyên-bố các luật bảo-hộ cho bọn lao-động, và đại-để thi-hành các kế-hoạch để giúp đỡ cho bọn đó ; xin khuếch-trương việc y-tế, đặt thêm cho thật nhiều các nhà thương, sở phát thuốc, sở hộ-sinh, luyện-tập cho được nhiều những y-sinh, khán-hộ, ổn-bà, để cho đủ sự cần-dùng vệ-sinh trong bản-xứ.

VIII. — Về quân-bị, xin đặt một trường quân-quan cho người Nam cũng có thể học mà làm quan binh được ; cách đối-đãi với binh-lính An-Nam, thời xin ở các trại lính đặt lớp học cho dạy bậc sơ-đẳng bằng quốc-ngữ, để nâng cao trình-độ kẻ quân-nhân nước Nam.

P. Q.

CHÍNH-TRỊ NƯỚC PHÁP ĐỐI VỚI DÂN AN-NAM(1)

Ở một thuộc-địa không phải là đất thực-dân, cũng không phải là đất khai-khẩn, người nước cầm quyền chỉ có một số ít mà người bản-dân thời rất nhiều, phàm chính-trị lý-ưng là phải chuyên-chủ về người bản-dân mới phải. Làm thế nào mà cai-trị một cái số dân đông-đúc như thế cho thập-phân lương-hảo, tưởng phải có những phép-tắc nhất-định, phải có một cái chủ-nghĩa đích-đáng, thích-hợp với hiện-tại và dự-định được tương-lai vậy.

Nay xét ra thời không thế. Nước Pháp cai-trị xứ này đã bốn mươi năm mà vẫn chưa có một cái chủ-nghĩa như thế. Trước sau vẫn chưa có một lối chính-trị nhất-định. Tự năm 1896, ông Boissière là một nhà văn Pháp có tiếng, rất am-hiểu các vấn-đề Pháp-Việt, đã nhận rằng cách chính-trị của nước

(1) Bài này nguyên bằng Pháp-văn của bản-chí chủ-bút viết trong báo *Indochine républicaine* (ngày 25 Novembre 1925).

Pháp ở đây thay đổi nhiều lắm ; ông có kết một đoạn rằng :

«...Xứ này là một đất ta chinh-phục mà chiếm-cứ được. Số dân có tới hai-mươi triệu người, không phải là một cái số đáng khinh. Ta phải châm-chước với họ lắm mới được ; ta phải hết sức kiêng nể những sự quyền-lợi của họ, làm thỏa tấm lòng nguyện-vọng của họ ; và muốn cho họ tin ta mà giúp ta, thì ta phải quan-sát cho biết xứ-sở, nhân-vật, tình-thế quan-hệ với nhau thế nào. Ta phải biết rõ ta có thể trông cậy vào dân này được những gì. Ta phải biết phong-tục, tập-quán, pháp-luật của họ, điều gì đáng để, điều gì đáng sửa, và sửa thế nào cho ích cho họ và ích cho ta. Ta phải biết đặt thuế-khóa thế nào cho họ chịu nổi mà không oán-thán. Trước khi nghiên-cứu người bản-dân, ta phải yên-trí rằng tuy người ta hễ khác nhau thì hay ghét nhau, nhưng phải cố làm thế nào cho họ ghét mình ít chứ, và hiểu rõ họ khác mình ở những gì. Như thế thì dẫu dân bị chinh-phục không có hoan-nghênh kẻ chinh-phục, nhưng kẻ chinh-phục cũng không đến nỗi làm thêm cái lòng uất-phẫn của người ta. Cai-trị một dân, không có thể làm phật lòng người ta được, không có thể hằng ngày hằng giờ làm cho người ta oán mình vì không hiểu đến quyền-lợi tập-tục của người ta. Người La-mã ngày xưa đã biết cái chính-sách khôn-ngoan đó. Ta cũng nên bắt-chước người La-mã, và nên nghiên-cứu cho biết người bản-dân ở đây, để đối với họ đừng có yêu-sách họ quá, thế nào là đủ giữ cho cái chủ-quyền ta thì thôi»

Những lời ấy viết từ bá-mươi năm trước mà nay vẫn còn đúng. Ông Boissière khuyên người Tây ngày xưa thế nào, ngày nay vẫn còn thích-hợp. Vì từ năm 1896 đến giờ, chính-trị nước Pháp ở đây cũng vẫn bất-nhất như trước. Nào là chủ-nghĩa đồng-hóa, nào là chủ-nghĩa đề-huề, hết chủ-nghĩa nọ đến chủ-nghĩa kia, tới nay vẫn chưa biết rõ cái phương-châm chính-trị của nước Pháp ở đây thế nào. Ông Albert Sarraut đã có nhiều lần diễn-thuyết về cái chính-sách thuộc-địa nước Pháp, lời-lẽ hùng-hồn, nhưng mà ý-nghĩa vẫn còn hàm-hồ lắm ; ông nói rằng sự lấy thuộc-địa vốn là một cái thủ-đoạn xâm-lược, nhưng mà có điều khả-nguyện được, là phàm dân mạnh có cái quyền-lợi được che-chở cho dân yếu. Câu đó nói ở bên Tây, cho người *Paris* nghe thì có vẻ lắm, nhưng chưa đủ làm một cái phương-châm chính-trị được.

Thực ra thì nước Pháp chửa có một lối chính-trị nhất-định đối với dân An-Nam. Mỗi quan Toàn-quyền mới sang, lại tuyên-bố một cái chính-kiến mới, lời nói vẫn hay-ho lắm, nhưng mà hay đến đâu rồi truyền đến các tơ-tào, cũng đến đem xếp vào một chỗ cả, vì cái thế-lực của các *bureaux* ở đây vẫn mạnh lắm. Bởi sao vậy ? Bởi trái với lời khuyên của ông Boissière như trên kia, Chính-phủ và phần nhiều phái thực-dân Tây ở đây, dường như coi người dân bản-xứ là không vào đâu cả ; tựa-hồ như có cũng như không vậy.

Cứ nghiệm ngay một điều như sau này thì đủ biết. Chúng tôi rất trọng các báo Tây ở đây, vì là tiêu-biểu cho dư-luận người Pháp ở bên này. Nhưng xét ra các báo Tây xuất-bản ở Sài-gòn, ở Hà-nội, ở Hải-phòng trừ một đôi khi hạ-cố bàn đến việc An-Nam, còn thì thường không có gì là quan-hệ đến cuộc sinh-hoạt của dân bản-xứ cả. Một người ngoại-quốc đọc các báo ấy, giả thỉnh-thoảng không thấy những tin-tức của sở cảnh-sát chép một cách rất khinh-bỉ người bản-dân, thí-dụ như : « Xe ô-tô của *ông* B... đè phải *tên*

Nguyễn Thị-Hai, 60 tuổi, sau khi đem vào nhà thường thì chết », hay là: « *Ông* G... là biên-tập viên các tòa Sứ và *tên* Nguyễn Văn-Mỗ là thư-ký sở Giấy-thép đều bị bắt giải ra tòa, vì tiêu mất tiền quĩ », v v., thời có thể cho những báo ấy là báo xuất-bản ở thuộc-địa Phi-châu nào cũng được vậy. — Lại những khi hội-tiệc chung, thường không có một người An-nam nào được dự vào. — Chúng tôi nói thế không phải là trách chi ai, không phải là có ý ám-chỉ rằng Chính-phủ hay các báo Tây có lòng ác-cảm gì với dân-chúng ta đâu. Chỉ muốn tỏ rằng phần nhiều người Tây ở đây đối với người An-Nam có ý lãnh-đạm quá, mà sự lãnh-đạm ấy đã hầu thành như thói quen không nghĩ đến nữa.

Bởi thế nên đáng lẽ ở đây sự chính-trị đối với người bản dân là quan-trọng lắm, mà các ngài bảo-hộ ta dường như coi thường vậy. Bởi thế nên nước Pháp cai-trị ta đã bốn-mươi năm nay, mà tới nay cũng chưa biết nên đối-đãi với người bản-dân theo một cái phương-châm chủ-đích như thế nào. Bởi thế nên các tơ-tào hành-chánh mới có quyền như thế, thương muốn ép quan trên theo những cái chính-kiến họp-hòi để giải-quyết những vấn-đề quan-hệ đến vận-mệnh cả dân cả nước.

Quan Toàn-quyền VARENNE mới ở Pháp sang đây, bản-tâm ngài rất tốt, ngài có thể thay-đổi được cái tình-trạng đó không? Sau khi nghiên-cứu xong các vấn-đề quan-trọng, ngài có thể tuyên-bố được cho chúng ta biết cho rõ-ràng, đích-xác, chứ không phải hư phiếm hàm-hồ, một cái chính-trị đối với dân An-Nam ta thế nào cho xứng đáng với nước này và thế nào cho xứng-đáng với Đại-Pháp, vừa thích-hợp với tình-thế ngày nay mà lại vừa định rõ cái phương-hướng sau này cho không thể tùy nhân vật, tùy cơ-hội mỗi lúc một khác mà nay thay mai đổi được nữa không? Chúng ta rất nhiệt-thành mà ước ao như thế. Cả dân An-nam đương mong-mỏi muốn được nghe ngài nói cho biết nước Pháp định xử trí người An-Nam thế nào, người An-Nam có thể trông-cậy ở nước Pháp được những gì, và nước Pháp tính làm sao để dần dần khai-phóng cho người An-Nam, cho có ngày tự mình quản-trị được công-việc nước mình.

Vì cái tôn chỉ cốt-yếu của sự chính-trị đó, là một nước lấy cường quyền mà cai-trị một dân-tộc 15, 20 triệu người không phải là toàn dã man cả, thời sự đó không thể vĩnh viễn mãi được. Sớm hay trưa rồi cũng có một ngày liễu-kết. Bổn-phận nước cầm quyền là phải dự-bị cho người bản dân, để đến ngày kết-cục tất-nhiên đó không đến nỗi phải xung-đột, phải bạo-động, có thể điều-hòa được cả quyền-lợi của hai bên.

Quan VARENNE nếu gây được một nền chính-trị nghĩa-lợi kiêm-toàn như thế, thì thật có công với xứ này lắm.

P. Q.

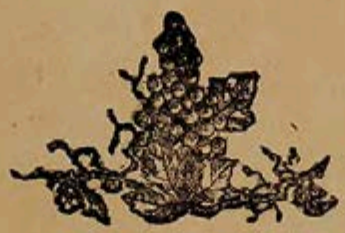

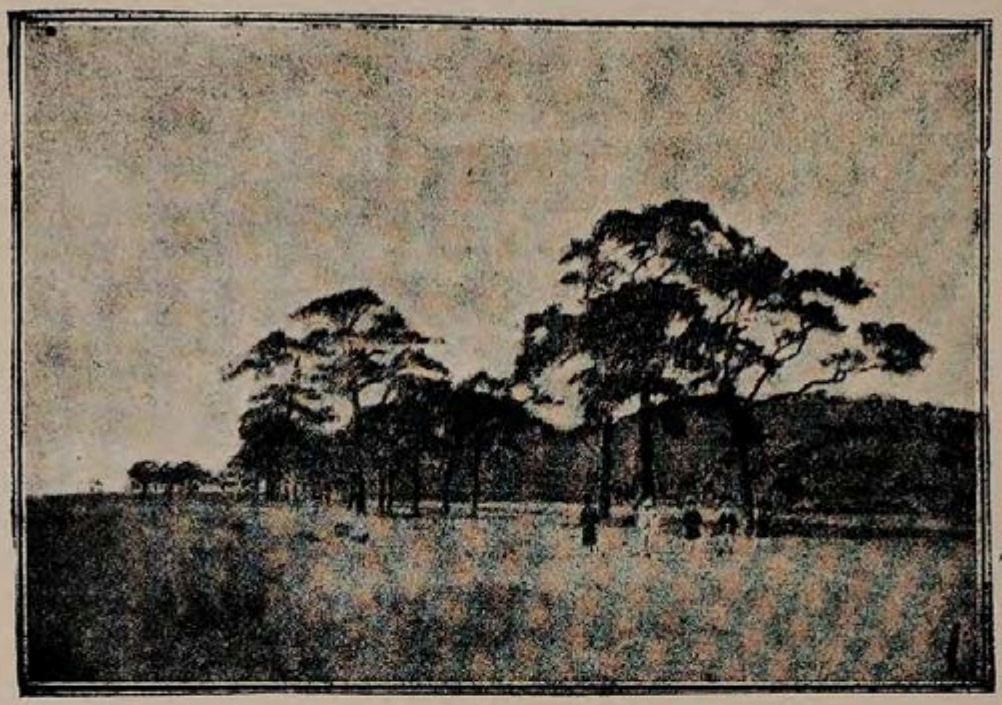

Dạng thông trước chùa Côn-sơn, ông Trần Nguyên Đán giồng về cuối nhà Trần

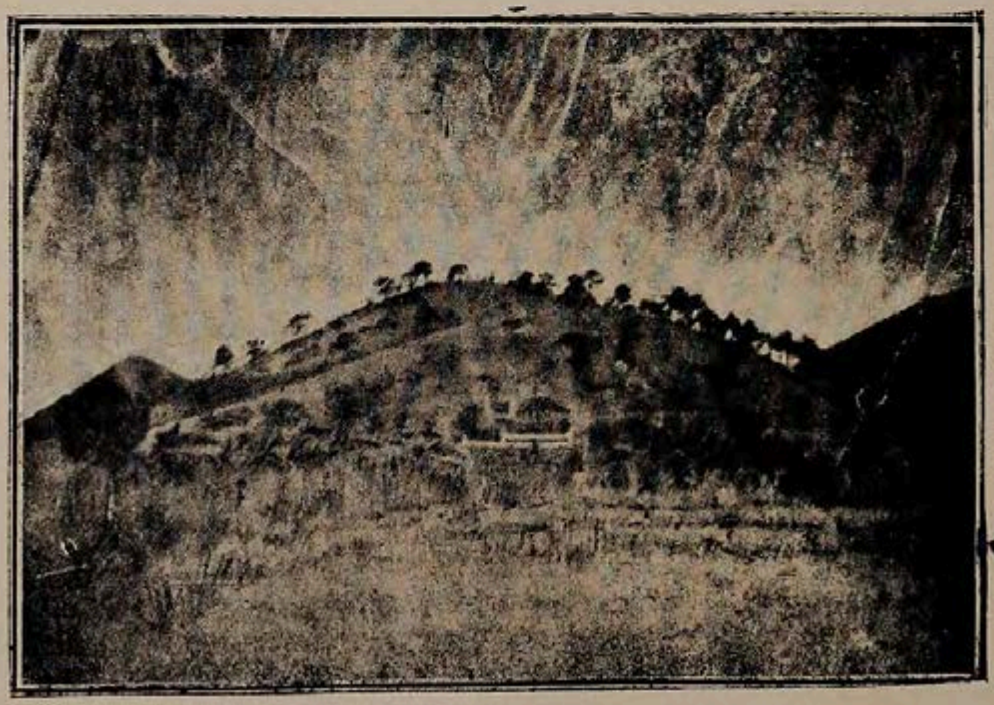

Con-son toàn cảnh

ĐÔNG-PHƯƠNG VÀ TÂY-PHƯƠNG

Vấn-đề Đông-phương và Tây-phương, gần đây các nhà làm sách và làm báo nghị-luận nhiều lắm. Văn-minh Đông-phương hơn hay văn-minh Tây-phương hơn? Mỗi cái sở-trường về đường nào? Hai cái có thể điều-hòa dung-hợp được với nhau không? Đông-phương ảnh-hưởng sang Tây-phương, Tây-phương ảnh-hưởng sang Đông-phương, có lợi hay có hại gì cho cái tinh-thần cốt-cách của hai bên? Ý-kiến các nhà thật là phân-vân lắm. Muốn biết qua các phái nghị-luận thế nào, không gì bằng lược-dịch mấy bài bàn về vấn-đề ấy đăng trong mấy cái báo tây lớn gần đây.

. . .

Trong « Đại Họa-báo » (Illustration) *ở* Paris *ông văn-sĩ kiêm sử-học nước Ý-đại-lợi,* GUGLIELMO FERRERO, *có một bài đại-luận, đề là « Đông-phương và Tây-phương », nói rằng :*

Tiếng «Đông-phương», nghĩa nó rộng và phiếm lắm. Nói là Á châu, và có ý kiêm cả Ai-cập vào trong đó, tưởng có lẽ còn đúng hơn. Á-châu đã từng có ảnh-hưởng sang Âu-châu, và sang cả Tây-phương nhiều, nói đến tên Á-châu dễ hiểu hơn là nói phiếm chữ Đông-phương.

Về mấy hồi trong lịch-sử, Á-châu đã có ảnh-hưởng sang Âu-châu về đường mĩ thuật, về đường triết-học, về đường khoa-học, về đường thương-nghiệp, về đường công-nghệ, về đường nông-nghiệp. Như đời La-mã-đế-quốc, các phái y-học có tiếng đều ở Á-châu cả. Quả đào, quả hạnh, quả nho, quả cam, cây dâu và con tằm, là tự Á-châu truyền sang cho đến Âu-châu; cây cáp-hê, cây bông sợi, ngày nay ở Nam Bắc-Mĩ trồng được nhiều và có lợi to như thế, cũng là vốn của Á-châu cả. Tây-phương, sau đời các rợ Nhật-nhĩ-man xâm-nhập, mới dần-dần khôi-phục lại, hầu hết các công-nghệ là học lấy kiểu-mẫu của Á-châu cả. Mấy thế-kỷ về sau, nghề đồ gốm ở Á-châu đã phát-đạt và tinh-xảo lắm, Âu-châu cũng nhờ đấy mà học khéo được nhiều.

Còn nhiều thứ khác nữa, không thể kể cho hết được. Có một nhà làm sách Tàu, ông KU HUNG-MING, nói rằng chính cái duy lý chủ-nghĩa của Âu-châu ngày nay cũng là gốc của nước Tàu. Người Âu-châu sang Tàu về thế-kỷ thứ 17 mới bắt đầu quan-niệm ra một cái xã-hội lấy lý làm gốc, chứ không lấy những sự tin-tưởng về tôn-giáo. Đến thế-kỷ thứ 18, những bậc thượng-lưu học-thức ở Âu-châu cũng là bắt-chước Tàu mới thành ra cái tính hoài-nghi hết thảy, kết-quả đến gây ra cuộc Đại Cách-mệnh nước Pháp.

Song đó chẳng qua là những sự ảnh-hưởng nhất-thời mà thôi. Có thời-đại Âu-châu lấy học-thuật, mĩ-thuật, đạo-lý của Á-châu làm khuôn-mẫu, nhưng cũng có thời-đại Á-châu lấy học-thuật, mĩ-thuật, đạo-lý của Âu-châu làm phép-tắc. Tự một thế-kỷ nay thì Âu-châu chính là làm thầy cho Á-châu, thứ nhất là về đường khoa-học công-nghệ.

Nay hỏi rằng Á-châu có lại sắp ảnh-hưởng sang Tây-phương nữa không, thì tức là hỏi rằng Tây-phương ngày nay có sẵn-sàng đón tiếp lấy những cái phong-trào về đạo-giáo mà Á-châu vẫn tiềm-tàng từ xưa đến nay không. Muốn giải cái vấn-đề như thế, thì phải vùng con mắt mà nhìn qua cái tình-trạng Âu châu về đường tôn-giáo thế nào.

Những kẻ thuộc về phái tự-do tư-tưởng, hay là những kẻ lãnh đạm với đạo Thiên-chúa ở Âu-Mĩ ngày nay, có thể sau này cảm cái « tiếng gọi của Đông-phương », mà hóa theo đạo Hồi, đạo Phật, hay đạo Khổng được không? Hay là xin nhập-môn mà làm học-trò ông TAGORE hay ông GANDHI, cũng dốc lòng thờ thầy, như các ông tông-đồ thủa trước thờ đức Gia-tô vậy ?

Những nghe nói đến thế, chúng ta cũng đã buồn cười rồi. Người Âu-Mĩ ngày nay ham đọc sách lắm ; chính là bởi hiếu-kỳ mà đọc các sách-vở của Á-châu, chứ chẳng phải là ngưỡng-vọng gì về tôn-giáo cả. Người Âu-Mĩ ngày nay như «đói» sách, hễ trông thấy sách lạ thì ham, nhưng mà sự ham đây cũng bất-thường : muốn cho món ăn phải đổi luôn, và đồ ăn phải cho lạ lùng, tự phương xa đem lại. Các sách về Đông phương và các đạo - giáo ở Đông-phương, ngày nay chính là một món đồ ăn lạ đó ; chỉ thế mà thôi, chứ chẳng có gì cả.

Sau khi chiến-tranh, đã có một hồi những sách về các thuyết thần-bí ở Âu-Mĩ thịnh-hành lắm. Như truyện-ký các thánh đời xưa, bán có khi chạy hơn nhiều quyển tiểu-thuyết. Có nhà quan-sát vội-vàng, cho ngay sự ham đọc những sách ấy là triệu-trầm cho sự khôi-phục cái tôn-giáo tinh-thần. Xét như thế thì lầm, cũng như chính-phủ Ý-đại-lợi mới rồi cấm không cho dân thành *Milan* hoan-nghênh nhà văn-hào Ấn-độ TAGORE, thế cũng là lầm.

Tây-phương gặp sách gì cũng đọc, thế mà vẫn cư-xử như không đọc gì cả. Là bởi vì đọc nhiều quá, thì hình như các sách nó chế lẫn nhau mà thành ra vô-hiệu. Một quyển sách, muốn cho cảm-hóa người ta sâu, thì phải có địa-vị độc-tôn, như sách Thánh-thư đạo Thiên-chúa, trong bao nhiêu thế - kỷ nay vậy. Chứ như về đời nay thì thiên-hạ làm và in biết bao nhiêu là sách. Ngày nay là cái sức mạnh của phong-trào nó lôi nó cuốn ta đi, chứ không phải là ham-mê nghĩa-lý.

Á-châu ngày nay cũng là thuộc vào cái số sách tiêu-thụ hằng ngày vậy. Nhiều người Âu-Mĩ đọc sách Á-châu lấy làm phục cái lẽ huyền-diệu của Ấn-độ, cái lẽ khôn-ngoan của Khổng-giáo, nhưng mà gấp sách lại thời dường như mang-nhiên không biết gì nữa.

Cái lòng hiếu-kỳ, cái bụng cảm-phục Đông-phương của người Âu-Mĩ đó, tuy không có kết-quả gì, nhưng cũng không phải là hão-huyền cả. Nghĩa-lý của Á-châu dẫu không ích-lợi gì cho ta mà ta cũng sẵn lòng cảm-mến, tức cũng vì một lẽ như người Mĩ sang du-lịch Âu-châu mà đem lòng cảm-phục Âu-châu vậy : là bởi hàng ngày chỉ trì-trục về đường công - lợi, làm cho tuyệt mất cả cái phong-vị thuần-túy cổ, nay thấy đâu còn sót lại cái phong-vị ấy nữa thì hình như nhớ tiếc mà trân-trọng vậy.

Ấy cái thảm-kịch của thế-giới đời nay là đó, ta phải biết cho rõ mới được : cái văn-minh cổ là cái văn-minh thuần-túy, vụ sự tốt đẹp chứ không vụ sự giàu mạnh, nay ta để cho tiêu-một đi rồi, khác nào như mất hòn ngọc báu ở trong tay. Mất mà không lại tìm thấy được nữa, bao nhiêu của - cải tích - lũy tự một thế-kỷ nay, cũng không thể làm cho quên đi mà không tiếc được. Cho nên hễ thấy cái gì còn phảng-phất cái phong-vị đó, là ta lấy làm trân-trọng vô-cùng; cho nên đối với Á-châu, là nơi những di-tích văn-minh cổ còn nhiều hơn ở Âu-châu, ta cũng có lòng trân-trọng như thế. Tuy những đền-đài cổ-tích của Á-châu không bảo-tồn được trọn-vẹn như ở Âu-châu, nhưng cái tinh-thần nền-nếp cũ còn giữ được nhiều hơn ở Âu-châu : như phong-tục, chế-độ, phép giáo-dục, sự đạo-đức, vân vân.

Người Tây-phương đối với Á-châu cũng như đối với Âu-châu, cũng là cốt tìm lấy cái kỳ-vãng, chứ không phải tìm lấy cái tương-lai cái kỳ-vãng ấy chính tay mình đã phá-hoại đi mà trong lòng vẫn còn thương tiếc. Trong tạp-chí « Nguyệt-san » (*Cahiers du mois*) mới rồi có mở một cuộc điều-tra về vấn-đề Đông phương Tây-phương, hỏi ý-kiến cả các bậc danh-sĩ trong thiên-hạ. Nhà triết-học nước Đức, bá-tước KAYSERLING, đã từng bình-phẩm về cái văn-minh Thái-Tây ngày nay một cách rất sâu-sắc, trong bài trả lời của ông đăng trong tạp-chí đã giải rõ cái lòng thương cũ tiếc xưa của người Âu-châu đó. Ông nói rằng: « Người Âu-châu ngày nay đem Đông-phương với Tây-phương đối nhau, thực không phải là có ý đem đối cái lý-tưởng của Đông-phương với cái lý-tưởng của Tây-phương đâu, chính là muốn đem đối cái lý-tưởng của cổ-đại và trung-đại với cái lý-tưởng của cận-đại, nghĩa là đối cái lý-tưởng tuyệt-phẩm (*l'idéal de la perfection*) với cái lý-tưởng tiến-bộ (*l'idéal du progrès*). »

Một câu ấy, tưởng cũng đã đủ giải được rõ cái lòng ham chuộng Á-châu của người Âu-Mĩ ngày nay.

Nhưng mà sự xung-đột Đông-phương với Tây-phương đó, chính ngay ở Tây-phương cũng có, vì cứ thực ra thì có hai Âu-châu, hai Mĩ-châu, thường vẫn phản-đối nhau, tức cũng như Đông-phương phản-đối với Tây-phương và cũng vì một lẽ như thế; người Âu-châu, người Mĩ-châu, hễ đã hơi có học-thức một chút, thì tựa-hồ như trong mình có hai con người khác nhau, một người Tây-phương và một người Đông phương vậy.

Ông văn-sĩ MAETERLINCK đã nói rằng trong óc người ta dường như có một khối Đông một khối Tây, thời-thường phản-trái nhau; câu ấy mới nghe cũng kỳ thay, nhưng mà có lẽ cũng có một cái ý-nghĩa sâu-xa, là biểu được cái nghịch-cảnh ở đời này, muốn chiếm được những của-cải trên mặt đất, đã từng phá-hoại mất những của báu về tinh-thần của ông cha đời xưa để lại, như mĩ-thuật, đạo-đức, tôn-giáo vậy. Vì nếu hiểu rõ cái đặc-tính của bao nhiêu công-trình to-lớn của Tây-phương đã gây dựng nên trong khoảng một trăm năm nay, thì bao nhiêu những sự trái-ngược của cái thế-kỷ thứ 19 kia, đã khiến cho bao nhiêu người có trác-kiến cũng phải xét lầm, sẽ tự-khắc giải-thích được ngay một cách rõ-ràng.

Năm trăm năm về trước, người ta chưa được biết khắp mặt quả đất này, là chỗ Thiên-chúa ấn-định cho loài người ở. Chưa biết quả đất rộng là dường nào, hình nó thế nào, những ai ở đấy. Các đại-dương còn là những khoảng không tịch-mịch, tự thiên-cổ chưa có người qua lại; loài người như một họ lớn, mà các chi ở rời-rạc cách-biệt nhau; nói tóm lại là nhân-loại còn chưa tự-giác vậy.

Tự thế-kỷ thứ 15 trở đi, người Âu-tây mới bắt đầu đi thám-hiểm các phương cầu. Dần dần loài người mới biết mình. Trong ba trăm năm, sự chinh-phục địa-cầu đó hãy còn từ-từ, kịp đến thế-kỷ thứ 19 thì tiến lên mau quá, vì Tây-phương đã gây ra được một lối văn-minh thuần khoa-học, thuần máy-móc, nhờ có những sự chế-tạo mới như hỏa-xa, như điện-báo, thứ nhất là điện-khí, có người đã gọi là cái lửa mới của loài người, trước còn ở trong tay người sử dụng, sau như chiếm-đoạt cả thế-giới, nhân đó mà cái văn-minh Tây-phương kia càng ngày càng tràn khắp hoàn-cầu.

Sự chinh-phục địa-cầu và thu-hoạch những sản-vật của địa-cầu, ấy đó là cái sự-nghiệp lớn-lao của một phần nhân-loại đã trì-trục trong suốt một thế-kỷ nay. Sự-nghiệp ấy bắt đầu tự

người Âu người Mĩ, rồi thành sự-nghiệp chung của cả loài người. Vì rằng cái lòng ham muốn chung của cả các dân-tộc, cả các giống người ngày nay, chính là muốn ra tay mà thu-đoạt cả địa-cầu. Bởi thế nên Á-châu rồi cũng sẽ bị cuốn vào trong cái phong-trào của Tây-phương, mà hiện nay đã bị rồi đó.

Nhưng mà muốn cho cái công thu-đoạt ấy được hoàn-thành, thì phải ra sức nghĩ-ngợi trù-tính, quả-quyết, hoạt-động, khắc-khổ, nỗ-lực một cách mà từ xưa đến nay loài người chưa từng biết bao giờ. Nay xét ra các văn-minh thuần-túy đời xưa không hề chủ-ý kích-thích người ta cho có thể ra công nỗ-lực như thế, mà lại chủ-ý hạn-chế người ta để cho chuyên-tâm sửa mình rũa trí cho được khôn-ngoan tinh-nhuệ thêm lên, ngõ-hầu có thể tới được cõi tuyệt phẩm về đường mĩ-thuật, đạo-đức, chính-trị, xã-hội. Thành ra đến thế kỷ thứ 19 thì Tây-phương đã có một cái nền-nếp chính-trị, tôn-giáo mĩ-thuật, luân-lý, rất tốt rất đẹp, rất thuần rất túy, của đời trước để lại, đời sau phải giữ, nhưng mà giữ thì lại ngăn-trở mất cái công-phu hoạt-động mới.

Bèn quyết ra tay phá-hoại Trong khi phá-hoại ấy, đã từng phải thóa-mạ biết bao nhiêu! Có người đã phê cho thế-kỷ thứ 19 một cái tên là thế-kỷ tối ngu-ngốc (*le plus stupide des siècles*). Vì người đời chỉ xét cái công phá-hoại mà không biết cho cái công kiến-thiết thì phải gọi thế-kỷ thứ 19 là cái thế-kỷ ngông-cuồng, chứ không phải thế-kỷ ngu-ngốc Nhưng thực ra thì cũng không phải ngốc mà cũng không phải cuồng : chính là một hồi gián-đoạn mấy trăm năm trong cái cuộc lịch-sử liên-tiếp của loài người.

Vì rằng cái công chiếm-đoạt địa-cầu, không phải là cái sự nghiệp vĩnh-viễn, chính là một cái sự-nghiệp nhất-thời, rồi cũng có ngày thành-công, mà dẫu chửa thành-công nữa thì cũng đến một cái trình-độ khiến cho người ta không phải chăm-chút đến lắm nữa. Đến ngày ấy thì quả đất đã mở-mang, của cải đầy-dẫy, sức người đã thêm mạnh, bấy giờ nhân-loại mới lại quay về cầu cho được cái tuyệt-phẩm tuyệt-đích, xưa nay vẫn là cái mục-đích tối-cao của nhân-loại, vì là một sự yếu-cần của thần-trí người ta vậy.

Các lớp người kế-tiếp nhau từ một thế-kỷ nay, đều vẫn có cái lòng hoài vọng phẳng-phất như thế. Bởi thế nên càng phá-hoại cái nền-nếp cũ đi bao nhiêu, thì thấy cái di-tích nó còn lại càng đem lòng trân-trọng bấy nhiêu. Bởi thế nên trong óc ta có hai khối khác nhau, như lời ông MAETERLINCK đã nói. Cái cảnh đời ta ngày nay, chẳng qua là một cái cảnh tạm-thời đó mà thôi. Ta biết rằng những cái di-tích văn-minh cũ ta giữ-gìn trong các sở thư-viện, sở bảo-tàng ngày nay, rồi đến ngày cái công chinh-phục địa-cầu đã hoàn-thành, thời trong đám tro tàn đời trước đó sẽ nảy ra cái tia sáng chiếu-diệu cả cõi tương-lai. Chúng ta đây, dù biết hay dù chẳng biết, cũng là đều gia-công gây-dựng cho cuộc tương-lai ấy cả, mà ta hành-động ngày nay là vừa bằng cái khối óc Tây mà lại vừa bằng cái khối óc Đông của ta vậy.

∴

Trong « Thời-báo » (Le Temps), *có một bài của ông* ANDRÉ DUBOSCO, *là một nhà làm báo có tiếng, năm trước có sang khảo-sát bên Tàu và bên An-Nam ta, bài đề là « Đông-Á với Tây-Âu »* (L'Extrême-Orient et l'Occident), *đại khái nói rằng :*

Trong học-giới nước Pháp, có nhiều người bây giờ đương quan-tâm về vấn-đề Đông-Á với Tây-Âu, muốn nghiên-cứu xem Đông-phương ảnh-hưởng sang

mĩ-thuật, văn-học, triết-học của Tây-phương thế nào. Cứ xem gần đây mới xuất-bản một quyển sách đề là « Tiếng gọi của Đông-phương » (*Les Appels de l'Orient*), sưu-tập những ý-kiến của nhiều người có tư-cách nghị-luận về vấn-đề ấy, thì đủ biết vậy. Sự ảnh-hưởng của Đông-phương đối riêng với nước Pháp và đối chung với Tây-phương, là một sự hại hay là một sự lợi ? Ý-kiến mỗi người mỗi khác, mà nhiều khi diễn đến cực-đoan.

Chúng tôi không dám tự-phụ giải-quyết được cái vấn-đề ấy ; chúng tôi chỉ muốn định nghĩa lại cho nó rõ-ràng mà thôi. Trước hết cái tiếng « Đông-phương » đây nhiều người dùng là có ý chỉ riêng về một cõi Á-Đông mà thôi. Trong tiếng Đông-phương thường là bao-hàm cả Ai-cập và các nước Hồi-giáo, nhưng mà nói đến Đông-phương chắc ai cũng nghĩ đến Ấn-độ và Trung hoa trước nhất, là hai xứ lớn nhất thuộc về cõi Á-Đông. Đông-Á có ảnh-hưởng sang Tây-Âu: sự đó làm cho người này thì lo sợ, người kia thì vui mừng.

Nói đến tên Á-châu, tự-nhiên gợi ra một cái cảm-giác như mung-lung, như phiếu-diêu, người La-tinh ta quen quan-niệm một cách sáng-sủa rõ-ràng, thấy mập-mờ như thế, có ý ngại. Những người sợ Á-châu ảnh-hưởng sang Âu-châu có hại, là sợ những cái lý-tưởng huyền-bí của Á-châu ; các lối mĩ-thuật của Á-châu, như nghề hội-họa, nghề điêu-khắc, dẫu kỳ-dị, dẫu khác hẳn với những lối của Âu-châu mặc lòng, Âu-châu cũng không lấy thế làm xung-khắc, chỉ có những cái tư-tưởng xa-xôi mập-mờ làm gốc cho tinh-thần triết-học của Á-châu, là Âu-châu sợ không tiềm-nhiễm được mà thôi. Cách biện-biệt như thế kể cũng có lẽ, vì rằng xưa này văn-chương mĩ-thuật của Á-châu không có cảm thế-giới sâu bằng triết-học và tôn-giáo của Á-châu.

Như thế thì Âu-châu sợ ảnh-hưởng của Á châu về đường triết-lý, đường tôn-giáo, hay là cả hai đường ấy làm một, vì theo như lời ông Guglielmo Ferrero vừa nói gần đây, « về đường tôn-giáo, Á-châu chỉ có cung-cấp cho thế-giới, chứ không có thụ-dụng của thế-giới bao giờ » ; còn như về đường mĩ-thuật thì sự ảnh-hưởng của Á-châu chẳng qua là ảnh-hưởng nhất-thời mà thôi ; nhưng mà chúng tôi cũng đồng-ý như ông mà thiết nghĩ rằng cái lòng tôn giáo của người Tây-phương ta nay đã lãnh-đạm đi lắm rồi không có sẵn-sàng mà chịu sự cảm-hóa của Á-châu như trước nữa. Sau khi chiến-tranh, ở Âu-châu và Mĩ-châu người ta đã có một độ hay ham đọc các sách thần-bí, nhưng xem ra đó không phải là cái dấu-hiệu lòng tôn-giáo đã phục-hưng đâu; chẳng qua đối với một số ít người là gặp lúc tinh-thần khủng-hoảng, muốn tìm lấy một cái tư-tưởng cao-xa để làm chốn qui-y yên-ổn, còn đối với số nhiều người thì là lòng hiếu-kỳ, mơ-màng thương-tiếc cái phong-vị vãng-thời, là cái phong-vị mà cuộc đời náo-nhiệt ngày nay làm cho mỗi ngày một tiêu-diệt đi hết cả. Thành ra cái lý-tưởng « tiến-bộ » (*le progrès*) càng ngày càng dấy lên, thì cái lý-tưởng « tuyệt-phẩm » (*la perfection*) càng ngày càng sút đi. Nhà triết-học Đức, bá-tước Kaiserling nói rằng : « Tôi ưa Đông-phương hơn Tây-phương, vì tôi ưa sự tuyệt-phẩm, tuyệt-đích về mọi đường, hơn là sự kết-quả thực tiễn ở trước mắt. » Vẫn biết thế. Ngày nay nhất là ở nước Đức, nhiều người có cái lòng ưa như ông, chứ không phải một mình ông. Có người đã nói rằng người Đức đứng giữa hai cái chủ nghĩa thần-bí của Á-châu và duy-lý của Âu-châu, vẫn còn phân-vân chưa biết thiên về mặt nào, cho nên đọc những sách cổ của Chi na, của Ấn-độ, thấy một cái triết lý mơ-màng phiếu-diêu, như gần như xa, hợp với cái tấm lòng phù

phiếm lãng-mạn của mình, lại có cái phong-vị yếm-thế hợp với cái tình-cảnh thất-bại như bây giờ, không trách lấy làm hoan-nghênh khoái-trá lắm. Tuy vậy, dù cái sở-thích của bá-tước KAISERLING và của người Đức ngày nay thế nào mặc lòng, nhiều người Âu-Mĩ có ham đọc những kinh-sách cổ của Chi-na, của Ấn-độ, mà không có cảm-hóa gì, gấp sách lại rồi vẫn hành-động như là chưa từng đọc sách bao giờ. Mà số người đó lại là số nhiều.

Nhưng mà ngoài những sự ảnh-hưởng bề ngoài của tôn giáo và triết-học Á-châu, lại còn có ảnh-hưởng về một phương-diện khác, không phải hẳn thuộc về phạm vi triết-lý, mà là thuộc về phạm vi xã-hội, có thể thi-hành, có thể kinh-nghiệm ra sự thực ngay được. Á-châu ngày nay có nhiều cái lý-thuyết, nhiều cái quan-niệm thuộc về cách tổ-chức xã-hội, chứ không phải là về sự hoạt-động tâm-tư nữa, thì những lý-thuyết, những quan-niệm ấy, ảnh-hưởng sang Tây-phương, có thể làm cho dao-động được cái nền-gốc của văn-hóa Tây-phương không? Điều này phải nên phân-biệt cho kỹ.

Những cái quan-niệm ấy là gì, há chẳng phải là những quan-niệm cũ của phương ta, bị ta ruồng bỏ, rồi nay lại quay về với ta dư? Ở bên ta thì ta cho là cũ-kỹ trần-hủ, ở ngoài trở lại với ta thì ta lấy làm mới-mẻ hùng-hồn. Năm mươi năm ta tuyên-truyền những cái chủ-nghĩa tự-do, bình-đẳng, bác-ái, năm mươi năm đem rắc hạt giống ra tứ-phương, bây giờ kết-quả như thế đó. Tưởng cũng không lấy gì làm lạ. Đó cũng là cái lẽ tất-nhiên như thế. Nay những cái lý-tưởng ấy đã là những lý-tưởng cũ, ta quen biết từ xưa, tuy bây giờ lại ở ngoài quay về với ta một cách nóng-nẩy hăng-hái, nhưng ta há nên lấy làm lạ dư? ta chẳng đã từng-trải rồi dư? há lại không có cách điều-đình châm-chước dư? Ở Âu-châu không phải chỉ một mình nước Pháp đã ương hạt giống, vậy cũng không phải một mình nước Pháp phải chịu kết-quả. Những cái tư-tưởng tự-do của Tây-phương, đối với người Á-châu cho là đều cùng do ở một cái nguồn tinh-thần mà ra cả, nay lại đem đối lại với Tây-phương, thì cả Tây-phương phải chịu lấy. Cả Tây-phương phải tìm cách mà điều-hòa châm-chước.

Kể những tư-tưởng ấy cũng không nguy-hiểm gì; dân-tộc cũng như người ta, khi đến tuổi lớn thành-nhân, thì hay muốn tự-do phóng-khoáng. Duy có một điều không hay, là những tư-tưởng tự-do ấy, vốn là của ta, mà nay ở ngoài đem lại có biến-cải đi ít nhiều. Một dân-tộc muốn yêu-cầu tự-do, sự đó có lạ gì cho ta, vì chính ta dạy cái tự-do ấy cho các nước ngoài, cho cả những nước ở dưới quyền thống-trị của ta nữa; nhưng mà cứ xem cái cách ngày nay sự tự-do ấy kẻ này yêu-cầu, kẻ kia cổ-động, thì cũng có cái cơ nguy-hiểm cho ta. Như Á-châu dùng cái lối quá-khích của Nga để mà thoát li Tây-phương hay là cho được theo kịp Tây-phương, thì sự đó thật là nguy-hiểm cho Tây-phương.

Chính người Nga cũng đã tự-nhận rằng giống Nga không phải thuộc hẳn về Tây-phương mà cũng không phải thuộc hẳn về Đông-phương; về đời vua Đại-Bỉ-đắc, bị quyền trên cưỡng-bách, mới chịu Âu-hóa, kịp đến gần đây, ở Âu-châu gặp lắm nỗi điên-đảo thất-bại, mới quay về Á-châu, như quay về một nơi đất cũ, còn di-truyền lại cái máu giống Thát-đát ngày xưa, mong có cơ khôi-phục lại được để trả thù một phen với Tây-phương mới cam. Muốn đạt tới cái mục-đích đó, người Nga bèn gia công cố sức tuyên-truyền cái chủ-nghĩa cách-mệnh trong thế-giới, thúc-giục cho các dân-tộc, các

xã-hội bị khủng-hoảng, bị kích-động về cuộc đại-chiến vừa rồi, nên hăng-hái phấn-khởi mà thu-phục lấy quyền tự-do độc-lập của mình, nhân sự cổ-động đó mà đã thấy nhiều hạng người trong các xã-hội ấy khuynh-hướng theo về Nga, đem hòa lẫn cái tư-tưởng tự-do của Tây-phương với cái tư-tưởng phá-hoại của nước Nga, tưởng rằng cần phải phá hoại cả cái hiện-tại đi thời mới gây-dựng được cái tương-lai. Việc này không phải chỉ quan-hệ đến chính-trị mà thôi; chính-trị đây, chẳng qua là cái khí-cụ ở trong tay lý-tưởng vậy.

Như vậy thì những cái quốc-gia-tư-tưởng của Á-châu, tuy không lạ gì cho ta mà ta cũng không nên bài-kích, nhưng mà nó đúc vào cái khuôn quá-khích của nước Nga thì nó biến-tính đi, mà công-nhiên thành một sự nguy-hiểm cho cái văn-hóa của Tây-phương ta, nguy-hiểm hơn là cả các triết-lý tôn-giáo của Á-châu. Vả Á-châu vốn vẫn là cái đất sản ra tôn-giáo, cho nên phàm tư-tưởng gì mới truyền-bá ra cũng là có cái trạng-thái tôn-giáo cả.

Nói tóm lại, chúng ta nên phòng-bị những cái gì có thể nguy-hại đến văn-hóa Tây-phương của ta, nhưng mà cũng không nên nhất-thiết bài-xích hết cả những cái gì ở Đông-Á đem lại. Vả lại, tư tưởng của Đông-phương tràn sang Tây-phương ngày nay đã thành một sự thực hiển-nhiên rồi, dẫu sao cũng không ngăn-cản được nữa; không những thành một sự thực hiển-nhiên, mà lại thực là một cái hiện-tượng to-tát trong lịch-sử về đầu thế-kỷ ta này. Hai anh em nhà địa-dư-học Reclus đã hai ba mươi năm nay có xuất-bản một quyển sách về « Trung hoa đế-quốc », trong có nói một câu rằng: « Có một điều đã chắc hẳn rồi, là các nước Đông-phương Tây-phương từ nay có liên-đái-quan-hệ với nhau, sự quan-hệ ấy càng ngày càng mật-thiết, càng ngày càng to mà mạnh thêm ra, khác nào như một hòn tuyết, trước còn nhỏ, càng lăn xuống càng to ra, đến thành một khối băng trên núi rơi xuống, sức mạnh đến đổ cửa đổ nhà, hại người hại vật.... Thế-giới ngày nay đã hẹp quá rồi, không có thể mỗi văn-minh chiếm một khu độc-lập mà phát-đạt được. » Hai ba mươi năm trước, các nhà bác-học đã biết cái phong-trào mạnh như thế rồi, từ khi chiến-tranh đến giờ sức mạnh ấy lại tăng lên lắm nữa. Bây giờ muốn phản-đối hay muốn ngăn-cản cũng không thể sao được nữa. Thà rằng biết khéo lợi-dụng lại còn hơn.

*
* *

Bác-sĩ Sylvain Lévi *là một nhà Đông-phương-học chuyên-trị về Ấn-độ đã nổi tiếng trong thế giới, cũng bàn về vấn-đề Đông-phương với Tây-phương, mà ý-kiến của bác-sĩ có ý bi-quan. Ông văn-sĩ* Pierre Mille *thuật lại ý-kiến ấy có phê-bình như sau này:*

Bạn tôi là ông Giáo Sylvain Lévi, dạy khoa Phạn-ngữ ở Pháp-quốc Học-viện (*Collège de France*), có tiếp một nhà báo, ông Frédéric Lefèvre, đến phỏng-vấn về vấn-đề « Đông-phương với Tây-phương », trong lời ông giải-đáp lại có nhiều câu nghiêm-khắc và có ý khủng-hoảng. Phỏng-viên vốn là một tay năng-văn và cường-ký, tôi tưởng không có lẽ tại phỏng-viên thuật sai; vả trong lời giải-đáp đó tôi cũng còn phảng-phất nhớ những lời bác-sĩ đã từng nói chuyện với tôi nhiều lần trước.

Bác-sĩ mới rồi có qua một năm ở Ấn-độ, lại ở mấy tháng ở Đông-Pháp và mấy tháng ở Trung-hoa, ý-kiến của bác-sĩ lại càng có giá-trị lắm nữa.

Bác-sĩ nói rằng: « Chúng ta là người Âu-châu, chúng ta cũng thực bụng tưởng rằng chúng ta giúp cho người thổ-dân các thuộc-địa Á-Đông được tấn-tới trên trình-độ loài người, không hề nghĩ đến rằng ta làm như thế thì có tăng được sự hạnh-phúc cho họ không.

« Nay cái trình-độ loài người cao thấp, khó lòng mà lượng cho rõ ; còn đến sự hạnh-phúc, thời ngoài sự phán-đoán riêng của cá nhân, không lấy gì làm tỉ-lệ vậy.

« Đại để thời phàm người Âu-châu can thiệp đến đâu, người thổ-dân cũng lấy làm đau-đớn thất-vọng, thấy sự hạnh-phúc của mình về đường tinh-thần cũng như về đường vật-chất, về đường tinh-thần lại thậm hơn là về đường vật-chất, không những không tăng lên mà lại sút đi. Cả cái cơ-sở của xã-hội như lay chuyển, như đổ lún cả, và trong bụng mơ-màng tưởng rằng dựng được cái lâu-đài mới bằng vàng bằng ngọc, ngờ đâu chỉ thấy bằng giấy bồi mà thôi.

« Trong suốt cõi Đông-phương, lòng thất-vọng ấy thành ra lòng thù-oán ; thù-oán thành ra ghen-ghét, ghen-ghét chỉ đợi cho có dịp mà chuyển ra hành-động.

« Lại thêm cuộc cách-mệnh Nga can-thiệp vào, như giúp cho một cái động-lực rất mạnh nữa. Đăng cách-mệnh Nga đến đâu cũng khuyến-dụ người thổ-dân cho nhập vào đội Hồng-quân, là đội quân xướng lên để chiến-đấu với cái văn-minh Tây phương, văn-minh này tiêu-biểu ở cái chế-độ tư-bản là cái chế-độ đảng cách-mệnh chủ-ý khuynh-đảo cho được.

« Nếu Âu-châu ngày nay vì mơ-hồ hay vì biếng-nhác không ra sức mà bảo-tồn lấy ngay lợi-quyền của mình, chứ không nói gì khác nữa, thời cái bi-kịch Á-châu sắp đến ngày quyết-liệt đây.»

Xem đó thời biết lời bác-sĩ SYLVAIN LÉVI thật là một lời cảnh-cáo nguy-cấp. Có lẽ là bác-sĩ thấy cái tình-trạng ở Ấn-độ, và thứ nhất là ở Trung-hoa nhân-dân đương rối-loạn hơn là ở nước Nga, nên cảm mà nói ra đó chăng. Lại có lẽ là bác sĩ cũng có giao-thiệp với mấy người An Nam, nhưng không được thân-mật lắm bằng giao-thiệp với người Ấn-độ, vì bác-sĩ biết tiếng Ấn-độ có thể trực-tiếp được với người Ấn mà không biết tiếng An-Nam có thể trực-tiếp được với người Nam, nên cho người An-Nam cũng có những tư-tưởng như người Ấn-độ chăng.

Vả lại bác-sĩ xét nguyên-nhân sâu-xa của cái « bi-kịch » Á-Đông này, tựa hồ như cho là ảnh-hưởng tự cái triết-lý cao-siêu của Ấn độ, mà đối với cái triết lý ấy thì người Trung-hoa và người Nam-Việt vốn tính vụ-thực, tưởng cũng cách xa lắm.

Tuy vậy, cứ đại-thể thì bác-sĩ nói cũng là có lẽ phải. Một người thông-tuệ, thành-thực, đĩnh-ngộ như ông, không có lẽ lầm được.

Nhưng mà bác-sĩ bàn cách gì để mà bổ-cứu lại? Nói đến đây thì cái ý-kiến của ông không được rõ lắm. Tôi tưởng tôi cũng đoán được một phần ; tôi xin thử giải ra đây. Nếu tôi có lầm, chắc ông sẽ sửa cho tôi.

Tôi cố-ý nói quá đi một chút cho dễ hiểu hơn, tôi nói rằng ý ông SYLVAIN LÉVI là ước rằng người Âu-Tây không nên chỉ chủ hóa người Á-Đông theo cái văn-minh của mình mà thôi, lại nên tự mình hóa theo cái văn-hóa của Á-Đông nữa.

Nghe nói thế, xin ai chớ có lấy làm hoảng-hốt kinh-dị. Nói thế là chỉ có ý như thế này : là vì hết-thảy người Pháp, — và các nhà chính-trị thời nên hơn người thường một chút, — hiểu rằng những tư-tưởng chế-độ của Á-Đông về gia-đình, quốc-gia, tài-sản, hạnh-phúc, dẫu có khác của ta (của ta không phải là không tốt, mà chỉ thích hợp cho ta mà thôi), nhưng cũng là hay-ho, tốt-lành, vững-vàng, chắc-chắn lắm ; vì hiểu như thế, thời tất biết đem lòng kính-trọng, mà không có cố-ý hay là vô-ý khuynh-hướng theo

cái lối nguy-hiểm muốn hóa người Á-Đông về đường chính-trị và về đường tinh-thần cho thành một giống « Tây giả » vậy.

Bởi thế cho nên ông SYLVAIN LÉVI tóm cái ý-kiến ông như sau này :

« Ta phải cẩn-thận về đường giáo-dục. Sự giáo-dục mà sai-lầm là hại hơn nhất cả. Cái tương-lai một nước là cốt nhất ở vấn-đề giáo-dục (*L'avenir d'un pays est d'abord un problème d'école*). Ta đừng nên chủ-trương những cái kế hoạch cẩu-thả khiến cho những lớp người mới lớn lên ngày nay bị đoạn-tuyệt với ông cha thủa trước, mất cả cái bảo-chướng của đời trước mà không được sự đền-bù gì về bây giờ. »

Thế nghĩa là : Ta nên dạy cho các dân-tộc Á-Đông ở dưới quyền ta theo cái văn-hóa riêng của họ. Và chính những kẻ thượng-lưu học-thức ở ta cũng phải nên học cho biết cái văn-hóa của Á-Đông đó thế nào.

.·.

Lại trong « Thời-báo » (Le Temps) *có một bài triết-lý thời-bình của ông* GASTON RAGEOT, *có ý dùng giọng hoạt-kê phê-bình về văn-hóa Đông Tây. Ông nói rằng :*

Ông ngồi trên cái ô-tô năm sáu mã-lực, ông dạo chơi phố-phường thành *Paris*, mắt đương nhìn cái mũ « cát-két » của chú « sô-phơ », chợt đến một đầu phố đông kia, cảnh-sát bắt dừng lại, hay là đến một chỗ ngang đường xe lửa, ô-tô phải đứng đợi, lúc ấy chắc ông lấy làm nóng ruột tức mình, nhưng cũng có lẽ lẳng-lặng ngẫm-nghĩ. Tôi xin thú thật rằng về phần riêng tôi thì chính những khi đi ngoài đường-phố gặp chỗ đông phải dừng đợi như thế là những lúc tôi mới khám-phá được cái chân-tướng của văn-minh. Văn-minh cũng giống như con rắn trong truyện cổ-tích, đuôi mọc được bao nhiêu thời đầu lại cắn đứt đi bấy nhiêu. Văn-minh cho ta được cái lợi này thời lại bắt ta phải cái bất-lợi kia. Văn minh cung-cấp cho ta những cái khí-cụ rất mau chóng đến có thể nguy-hiểm cho sinh mệnh ta và sinh mệnh kẻ đồng-loại ta, nhưng nhiều khi lại ngăn cho ta không dùng được. Thành ra người thành-thị văn-minh bây giờ, không khác gì người dã-man rừng-rú ngày xưa, cũng đến dùng bộ máy chân mà đi. Cái động-cơ mạnh bằng mấy sức ngựa mà trông thấy cái hiệu dùi trống của thầy cảnh-sát giơ lên, vội đến đâu cũng phải dừng lại, cái máy bon-bon chạy mau như hòn vẫn-thạch mà đến đầu đường đông chật cũng phải « đóng nút » (*embouteillé*) lại đấy, cái sức mau mà phải đứng yên, ấy đó chính là cái hình-ảnh hiển-nhiên chân-chính của sự tiến-bộ. Còn như khoa-học kia là cái công trình to tát mấy mươi của loài người ta đã gây dựng nên, mà trong khi chiến-tranh lại dùng để giết hại loài người, thời cái sự mâu-thuẫn thảm-thiết đó, chẳng cần phải nói ai cũng đã biết vậy...

Vậy thời những kẻ ngày nay xướng lên công-kích Tây-phương, công-kích cái quái-vật của Tây-phương là cái văn-minh kia, tưởng cũng là làm một việc dễ-dàng lắm vậy.

Vì chắc các độc-giả cũng biết rằng Âu-châu cùng văn-hóa của Âu-châu ngày nay, đương qua một buổi bị công kích dữ dằn. Kẻ này thời bài bác cái thói « phong-tình » quá-đáng của người Tây ; ấy là phái hoạt kê, cũng không ác gì. Kẻ khác lại mạt sát đến xã-hội, đến luân-lý, đến mĩ-thuật của Tây-phương nữa. Mà họ nói không phải là không có lý : kia cứ xem ngay những sòng bạc ở các nhà *casinos* thì đủ biết. Có người nói rằng cái văn minh của Tây

phương không có giá-trị gì đến nỗi đem truyền-bá nó ra từng cả phương cầu, — đó là việc của các nước đi khai thuộc-địa thường công-nhiên đem ra phô làm sự-nghiệp, — cũng không đổi được gì về phong-tục chế-độ của các nước : nào ai là người Tây đã hiểu được tâm lý một người dân trong Hồi-giáo? Lại có những nước như nước Nhật-bản kia, không đầy một nửa thế-kỷ mà dung-hóa được cả học-thức kỹ-nghệ của ta : là vì rằng (cho dẫn người Nhật có tài mô-phỏng thế nào mặc lòng) sự đó cũng không khó gì ! Sau nữa lại còn nhiều những tay văn-sĩ, những nhà mĩ-thuật, thứ nhất là một bọn thanh-niên tài tử muốn dùng một cách quảng-cáo lối mới, đua nhau mà làm ăn cái đất Âu-châu cũ của ta.

Vậy thời ta cũng nên phân-giải cái vấn-đề này về đường triết-lý xem ra thế nào.

Các vị thiếu-tiểu-phu-nhân ở *Paris* ta ngày nay hay thích bàn về triết-lý lắm. Vậy một hôm có hai vị đương ngồi ăn tiệc, cùng nhau thảo-luận về vấn-đề văn minh Tây-phương.

Một vị phán-đoán một câu rằng : — Nói tóm lại thời văn-minh Tây-phương đã sản ra được mĩ-thuật của Hi-lạp, pháp luật của La-mã và khoa học của đời nay.

Vị kia đã từng đọc qua sách của VICTOR COUSIN, kết-luận rằng : — Thế là gồm được cả : sự đẹp, sự tốt và sự thực (*le beau, le bien et le vrai*).

Hai bà nói hai câu ấy có lẽ cũng không ngờ rằng nói được đúng như thế, vì nghị-luận có khi phải nhờ đến những cái quan-niệm rất thông-thường, rất cai-quát, mới khám-phá được lẽ phải. Ý-kiến của hai bà bày tỏ ra như vậy, cũng có điều giản-dị thật, nhưng mà cũng đủ xác-đáng để khuếch-sung thêm ra mà tới được một cái trình-độ tư-tưởng cao hơn vậy. Văn-minh Thái-Tây ngày nay thật là do từ hai nguồn mà ra, một là ở cái cổ-điển La Hi, hai là ở khoa-học đời nay. Nhưng đã vậy thời mĩ-thuật Hi lạp há chẳng phải là cái công-phu để tô-điểm cho cuộc đời được thêm hòa-nhã ; pháp-luật há chẳng phải là cái công-phu để tổ-chức cho xã-hội được có trật-tự ; và khoa-học há chẳng phải là cái công-phu để phát-minh những lẽ bí-hiểm của Tạo vật dư ? Cái nguyên-lý của văn-minh ta là sự trật-tự, sự trật-tự do trí người cấu-tạo ra và muốn đem làm phép-tắc cho sự vật. Người Tây-phương là người tin rằng trí-tuệ là chúa-tể hết thảy, có thể đem lẽ phải của mình mà chi-phối vạn-vật. Sự sinh-hoạt là một cái chất vô-hình ; gây cho có hình-thức là tự ở ta. Ta tin rằng một nhà soạn kịch Hi-lạp, một nhà luật-học La-mã, một nhà khoa học đời nay, có thể cung-cấp cho ta đủ tài-liệu, để làm cho cái gì xấu-xa thành ra đẹp-đẽ, sự gì bất-nghĩa thành ra công-bằng, và phá được hết cái cảnh tối-tăm ngu-dốt, sầu-khổ long-đong ở đời. Hay muốn nói khác đi thì nói rằng loài người ta vốn có cái lòng hoài-bão, có lắm sự yếu-cần, mà tạo-vật thì lại tự-nhiên vô-tình, không thiết gì đến. Tạo-vật ví như một con vật rừng, phải luyện, phải tập, phải dạy cho thuần. Lịch-sử văn-minh của ta, tức là lịch-sử sự luyện-tập đó vậy. Sự luyện-tập ấy đã thấy thành-công, thế thời loài người tất đã tìm được phương-kế để làm cho nên, và cũng đã có lòng tin ở sự làm nên đó. Có lòng tự-tín như thế, ấy đó là điều cốt, và cũng là điều khó nhất. Mà rút lại cái đặc-tính của văn-hóa Âu-Tây chính là ở đó. Người Âu-Tây là người giữ cái chủ-nghĩa lạc-quan, vì tin rằng hễ có chí muốn thì làm được, mà làm được thời hiểu được. Nói tóm lại, đối với người Tây-phương, sự đời là một sự tay người có thể chỉnh-đốn được. Cái thiên-quốc của ta chính là ở cõi đời này.

Điều đó, tưởng đã rõ-ràng đích-xác vậy : phàm kẻ nào phản-đối Tây-phương là phản-đối sự trật tự cả : trật-tự về đường mĩ-thuật, vì muốn bỏ cả lề-lối mà để cho tùy tay tự-nhiên ; trật-tự về đường đạo-đức xã-hội, vì muốn bỏ cả lề-thói luật-phép : trật-tự về đường tri-thức, vì muốn trừ đến cả cái phương-pháp để nghiên-cứu về sự-lý nữa. Những người như thế là những người « siêu-đẳng cách-mệnh » (*surrévolutionnaires*). Tuy phản-đối cổ-điển, thế nhưng còn giữ một cái đặc-tính của cổ-điển, là cái tính lập-thuyết (*esprit de système*). Mục-đích của họ, là lấy sự hỗn độn, vô-trật-tự mà lập thành lý-thuyết. Theo ý họ thời sự đời là một sự không chỉnh-đốn vậy.

Nhưng ta hẳng nói quá đi. Cho rằng có kẻ theo cái lý-thuyết của Lư-thoa, đem đến cực-đoan, mà nhất-thiết công-kích cả các cái trạng-thái của văn-minh. Vì rằng sự tiến-bộ ngày nay vẫn còn có kẻ không ưa mà công-nhiên phản-đối. Nhưng phái công-kích văn-minh Thái-Tây ngày nay lại không phải là đứng vào địa-vị đó. Công-kích đây là công-kích một lối văn-minh riêng, để tán-thành cho một lối văn-minh khác. Chính là muốn hưởng-ứng với « tiếng gọi của Đông-phương» mà gia công mạt-sát Tây-phương vậy.

Cái phong-trào tư-tưởng ấy thịnh-hành đã lâu. Mĩ-thuật Đông-phương vẫn đã có người ham-mê xưa nay. Nhưng mà Đông-phương bắt đầu ảnh-hưởng sang Tây-phương không phải bằng mĩ-thuật, mà bằng triết-học ; nhà triết-học Đức SCHOPENHAUER là người đã chịu cảm-hóa của Phật-giáo rõ ràng hơn cả. Như thế thì ra sự cảm-hóa tinh-thần của Đông-phương cũng là đồng-thời với sự tiến-hóa văn-minh của Tây-phương, bởi khoa-học phátd-ạt.

Mà thực hai cái văn-minh trái nhau cũng ở đó.

Lý-tưởng của Đông-phương, cứ khái, luận mà nói, thì là gốc ở cái quan-niệm yếm-thế. Người Đông-phương cho rằng ở đời không có sự gì là hay cả, mà cái khổ cũng không có gì chữa được. Sống là khổ ; cảm-giác là đau-đớn. Mà ở đời có thể không cảm-giác được không ? Cho nên cái nhiệm-vụ của tri-tuệ có hạn-chế lại cho rất ít đi ; ở đời không cần phải chỉnh đốn sự đời, chỉ nên biết rằng sự đời không chỉnh-đốn được mà thôi. Cái hạnh-phúc tuyệt-đích, cái lý-tưởng tối cao, là không có cảm-giác gì nữa : tức gọi là cõi Nát-bàn . . . Đó có phải là bởi ở Đông-phương khí trời sáng-sủa, sắc trời đậm-đà quá, mà người ta nhìn mãi lấy làm chán không ? Đông-phương cung-cấp cho cái kho hương-hỏa chung của loài người, chỉ có cái chủ-nghĩa yếm-thế cực-đoan đó, đã diễn ra trong các kinh-sách của Ấn-độ. Đến những người muốn giảng cái đạo khoái-lạc cho người đời, như thi-nhân nước Ba-tư OMER KAYAM cũng tựa hồ như muốn lấy cái khoái-lạc để cho khuây sự chán đời, cho nên chỉ khuyên người nên đam mê tửu-sắc mà thôi. Ở một cái thế-giới chẳng ra gì như cõi đời này, ngày nào cũng cứ uống rượu cho say tít cung mấy, ấy là kẻ đạt-nhân quân-tử.

Cái tinh-thần Âu-Á khác nhau như thế, mà muốn lấy Đông-phương thay vào Tây-phương, muốn lấy Á-châu thay vào Âu-châu, thì thật là một sự vô nghĩa-lý vậy. Nhưng mà nói thế không phải nói rằng cái ánh-sáng của phương cầu này không giúp được cho phương cầu kia tỏ rõ được những cái khuyết-điểm của mình đâu.

Nói cho thật, những người hăng-hái phản-đối cái văn-minh của Tây-phương, hoặc là hiểu lầm, hoặc là ngụy-biện. Họ bài-bác, không phải là bài-bác cái văn-minh chân-chính của ta, mà là bài-bác cái văn-minh giả-dối suy-đồi.

Họ trách rằng văn-minh chỉ trọng về đường vật-chất, chỉ lợi cho một số người, chỉ biết lấy sự sung-sướng, sự phú-qui làm cốt. Như thế thì đem đối cái chủ-nghĩa khổ-hạnh của Đông-phương với cái chủ-nghĩa khoái-lạc của Tây-phương, thật là dễ, lắm. Tây-phương thì không biết đến cái chân-giá-trị của người ta nữa ; chỉ biết ham-chuộng những cái giả-dối, thờ kim-tiền, đua nhau mà tranh lấy quyền-thế, lấy vui sướng. Ở Đông-phương thì những cái ấy không coi vào đâu cả. Chỉ có Đông-phương mới biết chuộng sự thuần-túy, sự cao-thượng.

Được, các ngài nói phải lắm ; ai là người không hoan-nghênh những lời tán-dương tinh-thần, bài-bác vật-chất như thế... Nhưng mà xin hãng thử nghĩ lại xem có phải hai bên đều hơi nói quá cả không, và không phải là một bên toàn hắc-ám cả, một bên toàn quang-minh cả không ? Vả cho dẫu sự quan-sát là đúng nữa, có thể nhân đó mà kết-luận ngay, hay là cần phải suy-tầm giải-thích cho kỹ hơn nữa ?

Văn-minh Âu-châu ta mạnh về đường vật-chất, yếu về đường tinh-thần, điều đó đã cố-nhiên rồi. Vì rằng văn-minh ấy chưa hoàn-thành : nó mới gọi là phát-đạt lên mà thôi, và phàm mọi sự-vật mới phát-đạt, tất chưa phát-đạt được đều. Lại trung-gian phải một sự ngăn-trở, làm cho sai-lạc đi mất một hồi : sự ngăn-trở ấy là tự thế-kỷ thứ 18 đến giờ khoa-học bành-trướng ra quá... Người Đông-phương thời vẫn chán đời như xưa, vì họ có làm được gì để canh-cải cho cuộc đời đâu. Chúng ta thời chúng ta đã sửa sang cho cuộc đời được sướng-tiện quá, thành ra ta lấy làm thích-chí, chỉ biết chuộng có sự sướng-tiện đó mà thôi. Chúng ta ở được cao-ráo quá, ăn được ngon-lành quá, mặc được ấm-áp quá, đi được mau-chóng quá ; bấy nhiêu sự sung-sướng là cái ơn-huệ, mà tức là cái ác-hại của khoa-học, làm cho ta quên mất cả mĩ-thuật của Hi-lạp cùng pháp-luật của La-mã. Nhưng mà vì cớ rằng có sách xấu, có nên cấm người ta đọc sách không ? vì cớ rằng khoa-học hưởng-lai mới nghiên-cứu có phần sự-vật là phần dễ quan-sát nhất, chưa kịp nghiên-cứu đến tinh-thần người ta, có nên nhất-thiết bài-kích khoa-học không, mà bắt chước như người Đông-phương biếng-nhác kia chỉ biết nhẫn-nhục hỉ-xả mà coi nhất-thiết sự đời chẳng ra gì cả ?

Tôi cũng biết rằng Tây-phương có mật-thiết quan-hệ với đạo Cơ-đốc, và chẳng cần phải là một nhà thần-học chuyên-môn mới biết rằng trong đạo Cơ-đốc có nhiều phần uyên-nguyên tự Đông-phương. Ai bẻ tôi câu đó, tôi xin đáp lại rằng đạo Cơ-đốc sở-dĩ trở nên một tôn giáo thích-hợp với loài người như thế, chính là bởi đạo ấy bao gồm và điều-hòa được cả hai cái khuynh-hướng trong tâm-tính người ta. Đạo ấy vừa kiêm cái chủ-nghĩa khổ-hạnh của Đông-phương và cái chủ-nghĩa lạc-quan của Tây-phương. Vẫn biết rằng đối với người tín-đồ đạo Cơ-đốc, cũng như đối với người Đông-phương, lạc-quốc không phải ở cõi đời này ; nhưng mà người tín-đồ đạo Cơ-đốc cũng như người Hi-lạp ngày xưa, cho rằng thế-giới không phải là xấu hẳn, hư-hỏng là bởi sự ngẫu-nhiên, bởi cái tội lỗi từ đời trước, người ta có cách giải-thoát được, lên được một cõi đời thanh-cao hơn, không phải là diệt bẵn cái khổ đi đâu, nhưng là làm được trọn-vẹn cái nhân tính của mình.

Nay tôi đã nói rõ cái ý thiên của những người quá phản-đối cái văn-minh của Âu-châu ta, tôi lại xin nói rằng sự phản-đối ấy, chúng ta cũng phải nên biết mới được. Cái thuốc của họ bán để chữa tật, có lẽ lại tệ hơn tật, nhưng mà cái tật thì đã quá rõ rồi. Tật đây cũng như tật cái nhà chưa lợp xong mà trời đổ mưa xuống. Việc của ta làm là phải ;

nay chỉ vị làm chưa xong, cho nên mới có điều tệ mà thôi. Ta đã hóa được sự-vật ta ; chửa hóa được người ta. Các nhà triết-học trước ông SOCRATE chỉ bàn-luận về thiên văn, địa-lý, cổi-rễ vạn-vật, ông SOCRATE nói rằng ông xin đem triết-lý ở trên trời xuống dưới đất, mà ông lập ra luân-lý. Khoa-học ngày nay cũng phải cải-cách như thế, và hiện đã bắt đầu cải-cách rồi đó. Xin tự bây giờ khoa-học nói ít về vật-chất chứ, mà nói nhiều về tinh-thần hơn. Đến bấy giờ thời không phải thiên về phương-diện thần - bí, không phải thiên về chủ-nghĩa yếm thế, cuộc đời ta sẽ tự-nhiên có giá-trị, về đường đạo đức thì đã nhờ sẵn có cái lý-tưởng công-nghĩa của La-mã, về đường mĩ-thuật thời đã nhờ sẵn có cái lý-tưởng tuyệt-mĩ của Hi-lạp vậy.

* * *

Bản-chí số 89 đã giới-thiệu qua quyển sách « Đông-phương và Tây phương » (Orient et Occident) *của nhà triết-học Pháp* RENÉ GUÉNON, *là sách bàn về vấn-đề Đông-Tây một cách sáng-suốt hơn cả. Sách này vừa làm án cái « văn-minh » của Tây-phương, vừa biểu-dương cái tinh-túy của Đông-phương, những kẻ túy-tâm Âu hóa, đọc qua tất phải tỉnh ngộ vậy. Trong tạp-chí* Larousse mensuel *có phê-bình về sách ấy như sau, cũng xin dịch nốt để làm đoạn kết luận cho bài này*

... Cả Tây-phương ngày nay dễ chỉ có một người học rộng rãi, trí am-hiểu, tư-tưởng cao, có thể gọi là thấu-triệt được đến căn-đề, đến tinh-túy của văn-hóa Đông-phương: người ấy là ông RENÉ GUÉNON. Những bậc đại-trí là những người có cái tài tổng quát sự-vật. Ông GUÉNON thật là một người có đủ tư-cách để so-sánh hai cái văn-minh lớn nhất trong thế-giới. Từ trước đến nay, người Tây-phương chỉ biết văn-minh Đông-phương trang-sức theo lối Âu-tây mà thôi. Thứ nhất là người Đức lại tài cái thuật trang-sức ấy lắm. Duy có ông GUÉNON mới hiểu rằng cái triết-lý của Đông-phương làm trụ-cốt cho xã-hội Ấn-độ, Trung-hoa, Tây-tàng, làm nền-gốc cho pháp-luật, mĩ-thuật, luân-lý, cho đến cả kinh-tế của các nước ấy, không phải là một cái triết-lý của riêng của Á-châu mà thôi, chính là cái triết-lý tuyệt-đích, vì nói cho phải ra Âu-châu chưa từng có một nền triết-lý thuần-túy bao giờ.

Ông GUÉNON là một tay luận-lý tuyệt-luân, nên ông rất cảm những kinh-điển của các cổ-dân-tộc Á-châu, là những dân-tộc đã biết khéo dựng cái nhà của nhân-loại theo cái qui-mô của vũ-trụ (*dont la maison humaine est savamment bâtie sur un plan cosmique*). Những sách ấy là gồm cái chân-lý thiên-nhiên của loài người, cho nên bất-di bất-dịch, và không lấy sự xuân-động của Âu-châu mà chuyển-biến được ; ông lấy cái chân-lý đó mà chiếu-diệu vào những cái lý-tưởng của đời nay, mới biết rằng hư-không huyền-ảo cả.

Ông không những là một nhà luận-lý xác-đáng, mà lại là một tay biện-bác có tài, nhưng mà ông không có bài-bác về người ta, chỉ bài-bác về lý-tưởng mà thôi, cho nên ông cho rằng sự khoan-dung đối với người ta là cần, nhưng mà đặt thành chủ-nghĩa thời rất nên bài - bác, vì rằng cái chủ-nghĩa khoan - dung (*là tolérance érigée en doctrine*) rút lại là cái chủ-nghĩa hoài-nghi, cái chủ-nghĩa lãnh-đạm đối với những điều nghĩa-lý cốt-yếu ở đời. Trước ông đã làm mấy pho sách tố cáo những cái ảo-tưởng của Tây-phương, nhất là sách đề là « Khái-luận về các học-thuyết Ấn-độ » (*Introduction à l'étude des doctrines hindoues*). Nay ông lại xuất-bản một quyển sách đề là « Đông phương và Tây-phương » (*Orient et Occident*), sách vắn-tắt mà chung-

đúc, phàm người nào để tâm vào các vấn-đề lớn đời xưa đời nay, cũng phải đọc mà nghiền-ngẫm.

Sách «Đông-phương và Tây-phương» không phải là quyển sách phổ-thông, vì rằng không có chủ-ý mua chuộc lấy lòng độc-giả, mà lại khiến cho độc-giả phải nghiêm-nhặt mà sát-hạch lại cái biểu các giá-trị thông-thường (*revision de la table des valeurs*). Như những chữ : Văn-minh, Tiến-bộ, Khoa-học, Sinh-hoạt, v. v., là những danh-từ thường nghe thấy ở cửa miệng luôn luôn, thời cái nghĩa-lý nó thế nào? Ông Guénon nói rằng những tiếng ấy thực không có nghĩa-lý gì cả, chẳng qua là những mối mê-tin chung của công-chúng do tự cái cơ-giới-chủ-nghĩa truyền-bá ra, mà chỉ đủ làm cho thần-trí người ta suy-đồi đi mà thôi.

Văn-minh cùng tiến-bộ, những chữ ấy chỉ có cái nghĩa đối-đích mà thôi, nghĩa là trong thiên-hạ có nhiều thứ văn-minh, và trong trình-độ mỗi văn-minh có phần tiến-bộ, có phần thoái-bộ. Chứ còn nói cái văn-minh tuyệt-đích, sự tiến-bộ tuyệt-đích, thì tuyệt-nhiên không có.

Ông Guénon nói : « Nhân-loại không phải từ xưa đến nay tiến-bộ theo một đường thẳng, nhưng trong thế-giới có nhiều lối văn-minh, mỗi lối một khác nhau, mỗi lối một độc-lập».

Thật thế. Từ xưa đến nay đã biết bao nhiêu là văn-minh bị tiêu-trầm đi mà không còn dấu vết nữa.

Pascal khi xưa xướng lên cái câu : «Nhân-loại cũng ví như một người, từ xưa đến nay, qua đời ấy sang đời khác, cứ học thêm mãi mà cứ biết thêm mãi », thực là tiêu-biểu cho cái ảo-tưởng của người Tây-phương, từ đời Phục-hưng đến giờ vẫn coi mình là kế-nghiệp của người Hi-lạp La-mã khi xưa, và mang-nhiêu không biết gì đến nhân-loại ở ngoài nữa. Đó tức ông Guénon gọi là cái «thiên-kiến cổ-điển» (*le préjugé classique*) của Âu-Tây

Đến như cái thuyết tiến-hóa, người Âu-châu coi như là một cái luật thiên-nhiên, thì chẳng qua cũng là cái lý-tưởng tiến-bộ của loài người đem ứng-dụng ra vạn-vật mà thôi. Nay những cái lý-tưởng văn-minh và tiến-bộ đó là mới xuất-hiện ra gần đây mà thôi. Trước thế-kỷ 18 chưa thấy, mãi đến thế-kỷ thứ 19, từ hồi các khoa-học phát-minh rực-rỡ, người ta mê-tín khoa-học đến thờ như một cái tôn-giáo mới, bấy giờ mới thấy những cái lý-tưởng ấy thành-hình.

Nói cho thực, sự tiến-bộ của ta chẳng qua là về vật-chất mà thôi. Khoa-học chỉ mới chế được ra những máy-móc tinh-xảo mà thôi, chứ còn về đường trí-tuệ thì không có kết-quả gì cả, vì trí-tuệ của người Tây-phương ngày nay, từ đời Descartes đến giờ, chỉ thuần quay về đường vật-chất cả. Nhà triết-học Bergson đã giải nghĩa cái trí-tuệ của người Tây-phương là : cái năng-lực để chế-tạo các đồ dùng (*la faculté de fabriquer des outils*). Xem như cái chủ-nghĩa vụ-thực (*pragmatisme*) của người Anh Mĩ ngày nay thịnh-hành như thế, thì đủ biết vậy. Theo chủ-nghĩa ấy thời không cần gì đến cái chân-lý tuyệt-đích, chỉ cần những cái sự-thực vụn-vặt nhỏ-nhen, có thể ứng-dụng được ngay ra việc đời mà thôi. Như thế thì người Âu-Tây ta đã tuyệt-nhiên không biết cái nghĩa-lý thuần-túy là gì nữa. Đời trung-cổ hãy còn phảng-phất, đời nay thì thật là mất hẳn. Mà Đông-phương thì còn những kinh-điển cũ, hãy còn bảo-tồn được cái thuần-lý từ xưa.

Đây không thể tóm lược được hết các ý-kiến ở trong sách của ông Guénon ; nhưng dù ai không hoàn-toàn thừa-nhận những ý-kiến ấy mà đọc sách này, cũng là một cái kích-thích rất mạnh

cho tư-tưởng mình. Phần thứ nhì trong sách ông GUÉNON, thì bàn về cái phương-pháp nên liên-lạc Đông-phương với Tây-phương. Ý ông không phải là bàn nên hỗn-hợp cả hai cái văn-hóa đâu; nhưng mà ước cho hai bên điều-hòa nhau được Muốn điều-hòa cho được thì những bậc đại-trí trong thiên-hạ phải nên cùng nhau mà công-nhận một cái nền triết-lý thuần-túy làm gốc. Những người có thể thực-hành được sự điều hòa đó là những người thượng-lưu học-thức của Tây-phương phải đảm-đương gây ra một cái phong-trào tư-tưởng về đường ấy. Ông GUÉNON chính là một tay lãnh-tụ có thế-lực trong đảng thượng-lưu học-thức đó vậy.

HỒNG-NHÂN *dịch-thuật*

ĐÀN BÀ ĐÔNG-PHƯƠNG

I

Đàn bà Đông-phương ta xưa nay, nguyên vẫn có một cái tinh-thần đẹp-đẽ vô-cùng, thơm-tho vô-tận, đáng trân-trọng, đáng bảo-tồn, có quan-hệ với gia-tộc luân-lý, mà lại thường khi có quan-hệ cả với xã-hội luân-lý, quốc-gia luân-lý nữa. Vì Đông-phương luân-lý ta xưa nay, vẫn lấy gia-tộc làm bản-vị; gia có tề thì nước mới trị, nước có trị thì thiên-hạ mới hòa-bình. Đàn bà Đông-phương ta đối với gia-tộc luân-lý, thật là có quan-hệ về phần nhiều. Ngạn-ngôn có câu rằng: « Sang vì vợ » Câu ấy nên xét lắm. Sang vì vợ không phải là nhờ vợ có kim-tiền, có thế-lực, có tài-trí hơn người, để giúp việc cho chồng, mà người chồng chỉ ngồi không hưởng-thụ lấy phú-quí, lấy danh-dự mà là sang đâu. Người chồng được người vợ hiền-thục, đảm-đang được mọi đường nghĩa-vụ trong gia-đình, khiến cho người chồng không phải quan-hoài về sự đối-nội cho lắm, mà được hết lòng về sự đối-ngoại, rồi công-danh sự nghiệp của người chồng ở cuộc đời, sẽ được nhanh-chóng vẻ-vang, thế là sang vì vợ. Lại ngạn-ngôn có câu rằng: «Con hư tại mẹ.» Câu ấy lại nên xét. Sao không nói con hư tại cha, mà lại nói con hư tại mẹ? Nghĩa là người cha, những người khá, thường có quan-hệ với xã-hội, thường hay có việc ngoài, ít khi ở nhà kèm dạy được con. Dù có ở nhà chăng nữa, cũng chỉ dạy con được những điều lớn-lao, không dạy con được những điều nhỏ-nhặt: những điều nhỏ-nhặt thì mới dạy con được nhiều, những điều lớn-lao thì dạy con được mấy. Gia-đình đứa trẻ còn thơ ngây, thường hay thân-cận với mẹ; mà cái tuổi thơ-ngây, chính là cái tuổi gây-đúc nên cơ-sở làm người. Đến như con gái, thì lại thân-thiết với mẹ lắm, dẫu lớn lên mười lăm mười bảy, khi chưa về nhà chồng, ở nhà cũng vẫn thường thân-cận với mẹ, được người mẹ biết nghĩa tu-thân, biết đạo tề-gia, làm một vị giám-đốc cho đàn con, thì con nào mà chẳng hay. Nếu phải người mẹ ăn bơ làm biếng, đa-ngôn đa-quá, hoặc cờ-bạc, hoặc xa-xỉ, hoặc ghen-tuông, hoặc có ngoại-tình, thì nhà cửa tất tan-hoang. Hay hoặc bà nào lấy nê khai-phóng, mượn tiếng tự-do, trái ngược hẳn mất luân lý cũ, ông nói gà bà nói vịt, trống đánh xuôi kèn thổi ngược,

chồng tự-do đàng chồng, vợ tự-do đàng vợ, con cũng tự-do đàng con, gia-đình nhà ấy chắc cũng không phải hỏi nữa. Con-cái những nhà kể ra như trên, hấp-thụ được cái không-khí của những người mẹ chế-tạo ra ấy, thì con nào mà chẳng hư. Giản-hoặc cũng có người lỗi đạo làm cha, mà con hư tại cha; cái sự con hư tại cha, thế-gian cũng không phải là không. Nhưng con hư tại mẹ thì phần nhiều, mà con gái thì hư tại mẹ lại phần nhiều lắm. Cho nên người mẹ hư, thì ngạn-ngôn bảo rằng « con hư tại mẹ »; người mẹ hay, thì ngạn-ngôn lại bảo rằng « phúc-đức tại mẫu; » lời ấy tưởng cũng là lời thiết-thực, chứ cũng không phải là lời quá-đáng gì.

Xem vậy, thì đàn bà bên Đông-phương có quan-hệ với gia-đình, có ảnh-hưởng với xã-hội ta lắm. Xét ra, cái tinh-thần người đàn bà bên Đông-phương, ở về đường khuê-các, ở về đường nội-trợ. Cho nên cái đức người đàn bà bên Đông-phương ta, không lọ là phải đánh đông dẹp bắc, không lọ là phải tranh nhau nam-nữ bình-quyền, không lọ là phải nghiên-cứu đến các vị hành-tinh, không lọ là phải suy-xét đến phép tính kỷ-hà-học. Dù có học-hành, cũng chỉ cốt trong tứ-đức, nữ-công sao cho chuyên-cần, nữ-dung sao cho yểu-điệu, nữ-ngôn sao cho hòa-thuận, nữ-hạnh sao cho chính-chuyên; đối với cha mẹ giữ lấy chữ hiếu, đối với gia-đình giữ lấy chữ hòa-lạc, đối với con giữ lấy chữ từ-ái cù-lao, đối với nhân-quần giữ lấy chữ từ-thiện phúc-đức; thế là bậc nữ-lưu đệ nhất, thế là đủ; mà xã-hội với quốc-gia được nhờ cái công-đức ngầm-ngầm của những hạng nữ-lưu ấy, thật là vô-cùng, thật là vô-lượng, thật là đáng sùng-bái xem như thánh-thần; ai bảo người đàn bà bên Đông-phương không quan hệ với xã-hội luân-lý, quốc-gia luân-lý.

Song đó là kể về cái đạo-lý thông-thường ở trong nữ-giới mà thôi. Bên như những người đàn bà kỳ-dị đặc-biệt, hoặc do thiên-tài, thơ hay, văn hay, đàn hay; hoặc do thiên-bẩm, có can-đảm, có dũng-lực, có khí-khái hào-hiệp cứu người; hoặc do cảnh-ngộ, gian-truân lưu-lạc, mà hiển ra được cái danh-tiết oanh-liệt, hoặc cái lịch-sử ly-kỳ, thì xưa nay người đàn bà bên Đông-phương cũng nhiều lắm, kể ra cũng không xiết. Tuy vậy, người đàn bà dở-gián, hoặc cũng có; hoặc gọi là yêu-quái, hoặc gọi là tinh-ma; những người đàn bà ấy làm trái mất đạo thường, đều là những người có tội với xã-hội. Lạ gì xã-hội tự xưa đến nay, vần chuyển ở trong bộ máy luân-hồi, thiếu gì là nhân, thiếu gì là quả, thiếu gì là nhân-vật. Những người dở ấy hiện ra cuộc đời, khiến cho cuộc đời có những trò quái-gở nực cười, cũng đủ làm cái gương phản-chiếu cho người đời. Cho nên người khéo xem truyện ra, không những truyện hay có ích mà truyện dở cũng có ích, vì truyện hay thì để làm khuyên, mà truyện dở thì để làm răn. Vậy thì cổ-nhân chép truyện, truyện hay chép nhiều, mà truyện dở giản-hoặc cũng không bỏ, cũng là kiêm rộng cả nghĩa khuyến-trừng.

Lại trong lịch-sử một người đàn bà, thường có trực-tiếp với các hạng người trong xã-hội, kẻ khôn, người dại, kẻ hiền-nhân quân-tử, người bất-nghĩa vô-lương, người đáng sùng-bái, kẻ đáng chê-cười, đối với cuộc đời cũng đủ các vai trò. Cái dấu-tích người đàn bà Đông-phương còn ghi lại ở trong truyện trong sách nào đó, không những nữ-lưu nên xem, mà trượng-phu cũng nên xem; vì không những nữ-lưu xem có ích, mà trượng-phu xem cũng có ích.

Nay muốn sưu-tầm lấy những cái dấu-tích người đàn bà bên Đông-

phương, để bảo-tồn lấy cái tinh - túy trong nữ-giới của Đông - phương, mà tuyển - trạch dịch-thuật biên - tập lại thành sách, khiến cho người sau tuy hoặc không học chữ nho, nhưng cũng biết rằng giáo-hóa Đông-phương là thế, đàn bà Đông-phương là thế, nguồn gốc xã-hội Đông-phương là thế. Thì bắt đầu trước hẳng phải sưu-tầm dịch-thuật những truyện đàn bà trong nước Tàu. Vì nước Tàu là một nước làm nguồn-gốc cho văn-hóa của Đông-phương; các nước bên Đông-phương, như Cao - ly, như Nhật-bản, như nước Việt-Nam ta, khoảng bốn nghìn năm, đều là ảnh-hưởng ấy cả, đều là tinh-thần ấy cả, đều là xã-hội ấy cả. Dù từ nay trở về sau, cái phong-trào cải-cách ở bề ngoài thế nào mặc dầu, nhưng cái tinh-thần ở bề trong bao giờ cũng vẫn nguồn-gốc ấy. Vả lại nước Tàu khai-hóa đã lâu, nhân-vật đàn bà rất là ly-kỳ, mà truyện sách đàn bà cũng rất là phong-phú. Người Việt-Nam ta xem truyện đàn bà Tàu, là người Đông-phương xem truyện Đông-phương, thật là thích - hợp. Văn-hóa nước Tàu đã làm đại-biểu cho văn-hóa Đông - phương, thì đàn bà nước Tàu cũng đủ là đại-biểu cho đàn bà Đông-phương. Sách này đề là « Đàn bà Đông-phương », là ý bảo-tồn lấy nguồn-gốc phong hóa của Đông - phương. Người Đông-phương ta đối với văn-hóa nước Tàu, cũng như người Âu-châu đối với văn - hóa nước Hi - lạp nước La-mã; người Âu-châu thích xem sự-tích Hi-lạp La-mã thế nào, thì người Đông-phương thích xem sự-tích nước Tàu cũng vậy. Người Âu-châu mà không thích xem sự-tích Hi-lạp La - mã, thì thiết - tưởng không phải là người Âu-châu; người Đông-phương mà không thích xem sự-tích nước Tàu, thì thiết-tưởng cũng không phải là người Đông-phương vậy.

Nên chỉ sách này sưu-tầm dịch-thuật trong các sách sự - tích người đàn bà Tàu. Chỉ trừ những sự-tích thượng-cổ thuộc về lối dao-viễn hoang-đường, và những sự-tích ác-bạc dâm-bôn có thương-hại đến phong-hóa, là không dịch-thuật mà thôi. Còn thì vô-luận sự-tích đời trung-cổ, hoặc đời cận-cổ, giản-hoặc cũng có sự-tích đời hiện-kim nữa, để xét qua cái phong-trào xã-hội nước Tàu biến-cải dở hay ra làm sao; thuật-giả đều có ý lựa-lọc mà biên-tập ra cả, để làm một mảnh gương kim-cổ cho khách hồng-quần soi qua.

Duy độc-giả nên biết rằng tính-chất sách này không phải là tính-chất tiểu-thuyết. Chẳng qua đem những sự-tích thiết-thực, hoặc dài hoặc ngắn, sâm-si bất-đồng, mà vắn-tắt thuật ra, đặt những lời văn gọn - ghẽ dễ-dàng, khiến cho người xem dễ hiểu được truyện, chứ cũng không cầu lấy mông-lung phiếu-diểu gì, nghĩa là cái thể-tài tiểu-truyện, không phải là cái thể-tài tiểu-thuyết.

Lại trong sách, truyện nào là truyện có ly-kỳ đặc-biệt cho lắm, hay hoặc có cái tình-tự cảnh-ngộ gì khó giải-quyết một đôi chút, thì thuật-giả cũng phụ có mấy lời phán-đoán phê-bình ở sau truyện. Thuật giả cũng biết rằng những lời phán-đoán phê - bình rông-rài ấy, chửa tất đã là thiết-đáng tinh - vi, toàn hợp với ý-kiến của độc-giả, song cũng là cái hứng-thú của thuật-giả, mà cũng là cái trách - nhiệm của thuật-giả, xin cao-minh quân-tử cũng lượng cho.

Thuật giả cẩn-tự

I

Vợ chồng cậu ấm Trình

Cuối đời Nam-Tống đất Bành-thành có một cậu ấm tên là Trình Vạn-Lý 程萬里, là con quan thượng - thư Trình Văn - Nghiệp, tuổi mới mười chín, cha đã mất rồi, nhờ dư-phúc cha được bổ làm Quốc-tử giám-sinh. Bấy giờ quốc-thế nhà Tống suy-yếu, quân

Nguyên một ngày một sang xâm-lấn. Cậu đem lòng ái-quốc, bày ra ba bài sách, kể về sự chiến, sự thủ, sự hòa, dâng lên chính-phủ. Vì nói thẳng quá, trái ý đảng chấp-chính, họ muốn đem làm tội cậu. Cậu sợ tội, trốn chạy ra đất Giang-lăng, gần đến đất Hán-khẩu, bị người tướng giặc là Trương Vạn-Hộ bắt được. Giặc yêu cậu là người có tài có sức, đem cậu về đất Hưng-nguyên, gả cho cậu đứa con nuôi để làm vợ. Người con nuôi ấy nguyên là con gái quan thống-chế Trung, cũng là giặc bắt được, tên là Ngọc-nương 玉娘. Khi thống-chế Trung giữ đất Gia-định, giặc đến đánh thành, thành vỡ, cả nhà chết cả, chỉ người con gái còn sống sót.

Tối hôm cưới, vợ chồng đều thuật lại với nhau về bước lưu-ly, thương nhau và trọng nhau lắm. Cậu tuy ở đất giặc, nhưng chí vẫn ở về đường công-danh, không thiết gì sự cơm no vợ đẹp, vẫn mong có một ngày cao chạy xa bay. Cưới được ba ngày, chợt thấy Ngọc-nương đi ở nhà trong ra, trông thấy cậu mặt có ngấn hạt lệ tuôn, biết là có lòng nhớ nước cũ. Mới khuyên rằng: « Thiếp trông tài-mạo phẩm-cách chàng tất không phải là kẻ chịu khuất ở dưới người mãi; sao chàng chẳng sớm liệu tính đường trốn đi, mà lại tự-cam làm kẻ nô-lệ cho người thế ư? » Cậu nghe nói giật mình, vì cậu xử về cái địa-vị hiểm-nghi. Nhưng cậu chỉ nín-lặng không nói gì, mà nghĩ bụng rằng lời ấy chừng là giặc mớm lời để thử ta chăng, chứ đàn bà chửa tất đã nghĩ được như thế; chi bằng ta thử lại giặc xem. Sáng ngày mai đem lời Ngọc-nương bảo với tướng giặc Trương. Trương nổi giận, toan đánh Ngọc-nương, người vợ Trương ra khuyên giải, Trương mới thôi. Cứ lẽ thường thì nàng lấy làm oán-giận mới phải, thế mà nàng lại không có nét mặt oán-giận gì cả, cậu càng lấy làm ngờ. Ngay chiều hôm ấy, nàng lại xui cậu trốn đi, lời nói lại càng thiết lắm. Cậu bấy giờ trong bụng bồi-hồi, chửa nghĩ ra làm sao. Sáng mai, lại đem lời nàng bảo với tướng Trương. Trương dùng dùng nổi giận, mới đem bán nàng cho người khác để làm tiểu-thiếp, mà hứa với cậu rằng sẽ lấy cho người vợ khác. Cậu bấy giờ mới biết rằng nàng có lòng thật với mình, mà mình phụ nàng, thương nàng vô-cùng. Nhưng sự-thế đáo-đầu, hối lại cũng không kịp nữa, đành phải cắn răng lại mà bẻ một chữ đồng ra làm hai mà thôi.

Nàng khi trở ra đi, có đem một chiếc hài vóc của mình, đổi lấy một chiếc dầy cũ của chồng, bọc vào trong mình, để làm cái dấu hiệu tương-phùng về cuộc bèo nước mai sau. Từ đấy cậu được chủ-nhân sai sử tin dùng, không có ý nghi-kỵ gì nữa. Cậu mới thừa-cơ lấy một con ngựa tốt của chủ-nhân, trốn về miền nam, chạy về đất Lâm-an, là chỗ quốc-đô. Bấy giờ gặp vua Độ-tôn vừa mới lên ngôi, có chiếu lục dụng con cháu những kẻ danh-thần đời trước. Cậu mới đâng sớ bày tỏ cái sự tình mình, được triều-đình thương, bổ cho làm chức huyện-uý đất Phúc-thanh, thế là cậu ấm đã làm nên ông huyện. Lại kinh-lịch làm quan mãi đến chức Ân-phủ-sứ đất Mân-trung, thế là cậu ấm đã làm nên ông đại-tướng. Đến khi nhà Tống mất, cậu biết sự thế hỏng, thành Mân-trung không thể cô-lập được nữa mới đem toàn-thành qui hàng nhà Nguyên, nhà Nguyên lại gia-thăng cho cậu làm chức tham-tri chính-sự, cai-trị một địa-phương ở hành tỉnh Thiểm-tây, thế là cậu ấm đã làm nên vị đại-thần. Cậu bấy lâu tuy phú-quí, nhưng vẫn nhớ đến Ngọc-nương chiếc thân bồ-liễu, lưu-lạc phương trời, lấy làm cảm-thương lắm; thề rằng không lấy vợ nữa, để tỏ lòng không phụ Ngọc-nương. Đến khi cậu được ra Thiểm-tây, mà đất

Hưng-nguyên lại chính là thuộc hạt Thiểm-tây. Cậu mới mật-sai người đi dò xét cái sự chiếc hài vóc thủa xưa.

Ngọc-nương thủa ấy bị bán cho người làm tiểu-tỉnh, phải về nhà người. Nhưng vẫn khảng-khái một lòng trinh-bạch, lấy kim chỉ khâu quần áo mình lại cho chặt-chẽ để giữ mình; cũng thề rằng chết thì thôi, chứ không chịu để cho người làm ô-nhục. Được ít lâu, nàng xin với nhà ấy xuất-gia đi tu; nhà ấy cũng biết rằng cái chí người con gái ấy không có thể cưỡng được, phóng cho đi. Nàng mới ra tu ở một cái chùa, gọi là chùa Đàm hoa. Người nhà đi dò-la mãi, một hôm tình-cờ đi đến chùa, giở chiếc hài vóc ra tay cầm ngắm nghía. Có một nhà sư đang ngồi tụng kinh, chợt trông thấy chiếc hài vóc lấy làm kinh-hãi, hỏi người nhà chiếc hài ấy bởi đâu mà ra. Người nhà kể do tay quan tham-chính ở bản-tỉnh đưa ra, bảo phải đi dò-la tìm lấy chiếc nữa. Nhà sư cũng vội vàng đem chiếc hài nữa ra, so lại thì hợp với nhau lắm. Người nhà biết là nàng Ngọc-nương, quì xuống tỏ ý chủ, muốn đón nàng về dinh quan tham-chính. Nàng bảo người nhà rằng chiếc hài này với chiếc đầy ấy lại hợp với nhau, thế là lòng ta hả; ta tu-hành đã hai mươi năm nay, mọi đường trần-duyên ta đã dứt đi rồi, ta không muốn còn chen vào đám bụi hồng chi nữa; ta xin gửi lời cho lang-quân, cứ chăm việc làm quan, cho nên danh-dự kẻ đại-thần, đừng nghĩ ngợi đến ta nữa. Người nhà thưa rằng tướng-công bấy lâu nay nghĩ đến cái nghĩa nặng của phu-nhân, vẫn thề rằng không lấy vợ nữa; phu-nhân bây giờ không nên cố-ý từ-chối, để cho phụ lòng tướng-công. Nàng không nghe, rồi đứng dậy đi vào chỗ tăng-phòng. Người nhà lại thỉnh với vị sư-cụ vào dỗ bảo nàng hai ba lần, nàng vẫn không chịu ra. Người nhà bất đắc-dĩ phải đem một đôi hài với đôi dầy cả hai đôi về báo quan tham-chính. Quan tham-chính mới thân-hành, và đưa giấy cho quan lại phủ Hưng-nguyên chỉnh-bị lễ-nghi, để đón nàng về. Khi về nhà, thì vợ chồng tuổi đều đã ngoại bốn mươi. Nàng tự nghĩ rằng tuổi mình đã già, muốn vị chồng tìm đường kế-tự, để làm vui cho cảnh gia-đình. Mới dạo tìm kẻ chợ nhà quê, lấy hết người thiếp nọ, lại lấy người thiếp kia. Sau trong bọn cơ-thiếp, có sinh được hai người con trai, nối đõi được tông đường họ Trình.

Lời phê-bình

Than ôi! kẻ làm vợ gặp bước lưu-ly, mà không lấy chồng nữa, sự ấy đã khó; kẻ làm chồng gặp bước phú-quí, mà không lấy vợ nữa, sự ấy lại càng khó. Đa-tình như nhà sư Ngọc-nương, mới là chân-chính đa-tình; đa-tình như cậu ấm Trình Vạn-Lý, mới là chân-chính đa-tình. Những kẻ làm trai năm bảy vợ, thăm vén bán thuyền, cùng là những kẻ làm gái hai ba chồng, sớm đào tối mận, âu đa-đục thì có, chứ đa-tình gì đâu. Tôi muốn xin thế gian đừng khinh-dị nói chữ đa-tình, vì có tu-hành khắc-khổ mãi mới lên được đến cõi đa-tình. Cõi đa-tình thanh-cao lắm, cõi đa-tình đẹp-đẽ lắm!

Kẻ mới xem truyện này, chắc cũng có người không bằng lòng về sự Vạn-Lý đối với Ngọc-nương buổi sơ-đầu mới kết-duyên, mà bảo rằng ngọc đá vàng thau, mười phần đã tin nhau cả mười thì phải, lại còn có điều gì nữa mà ngờ. Nhưng phải biết rằng cái hồn Vạn-Lý bấy giờ là cái hồn cánh hồng bay bổng, không phải là cái hồn sánh phượng phỉ nguyền. Vả lại thời-đại khủng-khoảng, địa-vị là địa-vị hiểm-nghi; khi biết ra thì sự đã rồi, xe giây đứt giây, đành phải phó mặc cho tay nguyệt-lão giặc Trương; khi con chim lớn sổ lồng mà bay ra, chỉ tha được một khối hận

đem đi mà thôi. Xét cho rõ cái nguồn-cơn cũng không nên đem sự thường ra mà trách Vạn-Lý.

Thuật-giả lại xin luận riêng về lịch-sử Ngọc-nương. Lịch-sử Ngọc-nương là cái lịch-sử cô-chiếu, cái lịch-sử con-nuôi, cái lịch-sử mợ ấm, cái lịch-sử nàng-hầu, cái lịch-sử sư-bác, cái lịch-sử bà-lớn, cái lịch-sử mẹ-già; một người mà bấy nhiêu cái lịch-sử, ôi cũng ly-kỳ thay! Nhưng xét trong bấy nhiêu cái lịch-sử, toàn là cái lịch-sử đáng kính đáng khen, đáng làm một mảnh gương trong chẳng chút bụi trần, treo lên cho xã-hội cả. Vậy có mấy lời so-sánh rằng:

Khi xui chồng trốn đi, thì « Cầm tay dài ngắn thở than, chia bôi ngại chén tợp tan ngán lời. » Cùng là « Nàng rằng phận gái chữ tòng, chàng đi thiếp cũng quyết lòng xin đi. » Ngọc-nương không có cái thường-tình ấy.

Khi bị bán cho người, thì « Nàng rằng phải bước lưu-ly, phận hèn vâng đã cam bề tiểu-tình. » Cùng là « Biết thân tránh chẳng khỏi trời, cũng liều mà phấn cho rồi ngày xanh. » Ngọc-nương không có cái liệt-tính ấy.

Khi phải đi xuất-gia, thì « Nhớ lời nguyền-ước ba-sinh, xa-xôi ai có thấu tình chăng ai? » Ngọc-nương có cái cảnh-ngộ bê-thảm ấy.

Khi ở chùa, thì « Đem mình vào bỏ am mây, thân này gửi với cỏ cây cũng vừa. » Ngọc-nương có cái chí-khí kiên nhẫn ấy.

Tướng-công có lệnh đón phu-nhân về, thì « Trần-duyên đã tắt lửa lòng, còn chen vào chốn bụi-hồng nữa chi? » Ngọc-nương có cái thái-độ cao-thượng ấy.

Khi về làm ả-hằng chủ-trương trong thềm quế, thì « Nghìn tầm nhờ bóng tùng-quân, tuyết-sương che-chở cho thân cát-đằng. » Ngọc-nương có cái độ-lượng rộng-rãi ấy.

Khi ở nhà, trên một cành cù-mộc, dưới một sân quế-hòe, thì « Phong-lưu phú-quí ai bì, vườn xuân một cửa đề bia muôn đời. » Gia-đình Ngọc-nương lại có cái quang-cảnh hòa-lạc ấy. Qui thay!

II

Vợ chồng ả Lệ-xuân

Đất Dương-châu có một nhà họ Trương, giàu-có nhất trong một quận; có người con gái tên là Lệ-xuân 麗春, tuổi mười bảy, nhan sắc đẹp, thơ văn hay, nức tiếng gần xa, có nhiều người đến dạm-hỏi; nhưng Trương-ông còn muốn kén rể, vậy chủa nhận lời đâu cả. Bấy giờ trong làng có một nhà họ Tào, nhà tuy thanh-bạch, song vẫn theo đòi nghiệp nho; có một người con trai là Tào Bích 曹璧, người rất thông minh, đã nổi tiếng văn-học, tuổi mới mười sáu, chưa lấy vợ; Trương-ông bấy lâu vẫn thường để ý. Nghĩa là gả con nên chọn rể hiền, chớ hề so sánh bạc tiền làm chi. Duy nghe mãi, vẫn không thấy họ Tào đả-động gì, mà Tào-sinh vốn là người có hạnh-kiểm, không thường đi ra ngoài. Sau xét ra mới biết rằng họ Tào-nguyên cũng có ý như mình, chỉ vì cớ bên giàu bên nghèo, sợ rằng môn-hộ không đang đối, cho nên không dám nói ra. Trương-ông mới bày ra kế, đón một người túc-nho về nhà, mở trường dạy học; viết giấy cho họ Tào mời Tào-sinh sang ở bên trường học nhà mình để tiện học tập; họ Tào mới cho Tào-sinh sang. Khi Tào-sinh đề-huề cặp sách sang nhà họ Trương, thì ả Lệ-xuân đứng nép ở dưới bóng hoa dòm ra, có ý muốn xem người, thấy sinh là người tuấn-nhã khác thường có nghĩ bụng rằng được kết duyên với người kia, cái nợ ba sinh may cũng trả được. Trương-ông thấy sinh, bụng cũng mừng thầm liền sửa sang một chỗ tĩnh-thất mé tây-hiên cho sinh ở, để tiện chỗ sớm chiều học tập. Sinh ở học tập ít lâu, đôi bên vẫn im lặng như tờ, hai nhà chửa nhà nào đả-động đến mảy may sự tình gì

cả, vì hai nhà vẫn giữ ý nhau mà chửa tiện nói ra đấy mà thôi. Một hôm về mùa tháng chín, hoa cúc vừa nở, sinh ra vườn cúc xem hoa, chợt gặp ả Lệ-xuân, sinh tỏ ra cách nghiêm-chỉnh làm lễ vái chào. Lệ-xuân cũng không tránh mặt, cũng làm lễ chào lại, tỏ ra ý cung-kính lắm. Lệ-xuân nhân hỏi sinh rằng ngươi có biết ý gia-quân tôi đấy không? Cuộc tuyển ông Ba-vì, đã trúng tuyển về ngươi rồi đấy, ngươi nên trịnh-trọng, cố chí học-hành. Sinh cũng tỏ ra lời trân-trọng. Nói xong rồi các tản. Lệ-xuân tuy gặp sinh, nhưng cũng chửa rõ ý sinh có thật như chí mình hay không. Ngày hôm sau Lệ-xuân mới sai một đứa thị-tỳ là Lan-hương cầm một tờ hoa tiên, đề một bài thơ, trong thơ nói ra ý đồng-tâm giao kết về sự bách-niên, gửi cho sinh. Sinh được thơ mừng lắm, cũng lấy giấy thảo ra một bài thơ ân-cần đáp lại, trong thơ tỏ ra ý rằng ả Hằng ở trên cung Quảng đã hứa cho mình được bẻ cành quế, thế là phúc mình dày lắm. Từ đấy hai người thường thơ đi thơ lại xướng họa với nhau, giấy hoa-tiên đóng lại cơ-hồ đã thành tập. Trương Tào hai nhà đi lại với nhau cũng một ngày một thân. Trương-ông đã tỏ ý, mới nhờ một người đứng lên làm mối. Vì hôn-lễ xưa nay, phải có một người đứng giữa thay tay ông Nguyệt-lão mà xe giây lại cho đôi bên, thì mới hợp lễ, nếu không thì cho là sự xấu-xa; cho nên Trương-ông phải giữ cho hết lễ. Rồi mới chọn ngày cưới; cho Lệ-xuân về làm dâu cửa họ Tào; liền cho sinh sang ở rể nhà họ Trương; thật là phong lưu thiếu-niên khách, phong-lưu thiếu-niên hôn; thật là giai-nhân, thật là tài-tử. Được ít lâu, bấy giờ về cuối đời vua Hàm-thuần nhà Minh, phía đông nam thường có bọn hải-khấu, giặc ấy dữ lắm, thường thập-thò ở ngoài bể vào ăn cướp trong nội-địa, chuyên sự lấy của bắt người. Khi ấy hải-khấu vào ăn cướp đất Dương-châu, quan quân thua chạy, thành Dương-châu bị hãm ở trong tay giặc, quân giặc nả đi cướp phá của cải trong một thành hết sạch-sành-sanh. Khi giặc đến nhà họ Trương, thì người nhà hoảng-hốt, mỗi người mỗi ngả chạy đi tan tác. Vợ chồng Lệ-xuân, bấy giờ đang ngồi với nhau ở chỗ thư-hiên, trước thư-hiên thì kề liền ngay có cái ao lớn; giặc đã đến nhà, vợ chồng cùng túng không biết chạy đi đâu được. Lệ-xuân bảo sinh rằng thiếp sống thì tất thiếp bị nhục, chàng ở lại, thiếp xin nhảy xuống ao. Sinh bảo Lệ-xuân rằng nàng chết, tôi không lẽ sống một mình. Rồi vợ chồng cùng dắt tay nhau cùng nhảy cả xuống ao mà chết, Trời ôi! Được hơn một năm trong ao tự nhiên mọc lên hoa sen, có một đóa hoa tịnh-đế, thơm tho đẹp đẽ, khá quí khá yêu. Người ta lấy làm sự lạ, đua nhau đi đến xem như đi xem hội, ai nấy đều có lòng cảm-động; mà sĩ-phu đề vịnh cái hoa sen ấy cũng rất nhiều, thơ từ kể có hàng tập, đặt tên là *Tịnh-đế-liên tập*, đến nay người đời vẫn còn truyền tụng. Trong tập có một bài rằng:

佳人才子是前緣。
Sắc tài duyên cũ đấy ai ôi!
不作天仙作水仙。
Ở nước là tiên, lọ ở trời.
白骨不埋黃壤土。
Nỡ để cát vàng vùi chất ngọc,
清魂長凌碧波天。
Vậy đem dòng biếc tắm hồn mai.
生前曾結同心帶。
Sắt son xưa đải đồng-tâm kết,
死後仍開並蒂蓮。
Mưu nắng rầy hoa tịnh đế tươi.
千古風流千古恨。
Muôn kiếp phong lưu, muôn kiếp hận,
恩情不斷藕絲牽。
Cành ta báo đoạn mối tình dài.

III

Kỹ-nữ Hoa-cô nương

Hồi vua Đạo-quang nhà Thanh nước Tàu với nước Anh đánh nhau ở mặt đông nam nước Tàu về việc nha-phiến; cửa sông Ngô-tùng là chỗ xung-yếu nhất. Bấy giờ quan tổng-đốc Nam-kinh là ông Trần Trung-Mẫn giữ cái pháo-đài ở cửa sông Ngô-tùng. nương tựa vào bờ sông. lập đồn liệt trận, ăn nằm ở trong quân, cùng với sĩ-tốt đồng-cam-khổ, không ngày nào rời khỏi nơi trận-địa. Cho nên lúc ấy tuy có lệnh giới nghiêm, mà cư dân vẫn được yên ổn vô-sự; quân Anh sợ cái oai-nghiêm quân Trần, thủy chung vẫn không dám đến sâm-phạm; trong quân Trần chỉ nổi ngặt ngòi về đường lương-thực mà thôi.

Đất Trấn-bắc cũng ở phụ-cận đấy có một người họ Chu, xưa nay vẫn là nhà đại-phú, tiêu tiền như nước, tuổi già có mua một người tiểu-thiếp, tên là Hoa-cô-nương 花姑娘. Cô nguyên là con nhà trung-thường gặp bước lưu-lạc, xuất-thân trong bọn bình-khang. Hay đâu cô lại là người biết chữ. Khi cô về nhà họ Chu, ông Chu mới có hai người con gái bé của người vợ cả sinh ra, cô xin nhận lấy cái nghĩa-vụ giáo-dục cho hai con chồng. Khi giảng học, lại tôn-nghiêm lanh-lợi như một kẻ tóc-nho: hai đứa con gái phải sợ phép chăm học, ông Chu lấy làm vui lòng lắm.

Kịp đến lúc trong nước gây ra sự chiến-tranh, cô xui ông Chu vận hết của nhà ra để giúp lương-thực cho quân Ngô-tùng. Không đủ, cô lại một mình chịu khó đi ra các làng, tập hợp mọi người, đứng diễn-thuyết, hiểu-dụ cho các người lấy cái đại-nghĩa cứu nước. Khi ấy cô đem cái lòng nhiệt-huyết, nói ra lời khẳng-khái xót-xa, cảm-động được đến cái lòng đau-đớn của mọi người, đến nỗi người đứng nghe ai nấy đều rỏ nước mắt xuống, quân Ngô-tùng cũng nhờ đó mà còn có sức để chi-trì.

Trong làng bấy giờ có một chàng trai trẻ du-côn tên là Hoàng Kiền, vốn là người hiếu-sắc; trông thấy cô đi một mình, mà lại là người xinh đẹp lạ thường, muốn bày mưu để ghẹo cô. Một hôm cô đi ra diễn-thuyết ở các làng, anh Hoàng cũng đi lẫn vào trong đám đông, giả cách làm người đi nghe diễn-thuyết: chờ đến lúc diễn-thuyết xong, mọi người các tán mà cô cũng về. Bấy giờ trời đã chiều, anh Hoàng mới đi theo hút, đi ước được độ nửa dặm đường, chỗ ấy là quãng đồng rộng, mà lại hơi vắng-vẻ; anh ta mới đi rảo cẳng lên đến trước mặt cô, làm ra cách bộ nghiêm-trang, bảo cô rằng thưa cô, hôm nay cô khó nhọc quá, hiện bây giờ cô có khát nước không? may sao nhà tôi cũng ở gần đây, mời cô quá bộ vào nghỉ chân một chút. Cô xét anh ta hình như cũng có lòng tử-tế; vả lại mình nói đã nhiều, miệng đã ráo, quả-nhiên là khát nước lắm, mới gật đầu cười nhạt một cái mà nghe lời. Anh Hoàng mừng lắm, đưa cô vào nhà; khi vào một cái nhà, thì trong nhà chỉ có một bà cụ già; bà cụ thấy khách đến, tức khắc trở vào nhà trong đi quạt nước. Anh Hoàng ở nhà ngoài, nói chuyện nọ, nói chuyện kia. Cô chỉ ngồi lặng, vâng vâng phải phải, chứ không nói chung với một lời nào. Vì những lời anh Hoàng nói đều là những lời thô-bỉ, không phải là lời kẻ thượng-lưu, cô cũng lấy làm chán, tạm ngồi lại uống chén nước. Vừa mới sắp sửa đứng lên, thì trời chợt đổ mưa, nào sấm sét, nào gió to, ầm ầm ào ào, trong phút-chốc mà nước ở ngoài ruộng đã thấy lênh láng chan hòa; người trong thôn ai nấy đều có tiếng vui mừng vỗ reo. Vì bấy giờ là mùa tháng sáu, lúa vừa mới bén chân, mà

trời nắng đã lâu, lúa đã có chiều khô héo; chợt được trận mưa dào, dân-gian không phải lo về cái nạn nắng nữa. Bấy giờ cô cũng có nét mặt vui mừng. Anh Hoàng thì lại ngỡ là cô có tình gì. cái thái-độ thô-bỉ lại càng tăng lên. Cô thì lấy làm chán quá, chỉ muốn đứng lên, mà trời thì càng thấy mưa to không dứt. Khi ấy trời đã xâm-xẩm tối, mà cô lại không có đồ đi mưa; vả lại địa-phương bấy giờ bối-rối về quân-sự, nghiêm-cấm sự đi đêm, thật là đi cũng khốn mà ở cũng dở, không biết làm thế nào, bất-đắc-dĩ mới ngủ lại nhà anh Hoàng. Anh Hoàng mừng quá, cho là con chim đã dốt được ở trong lồng, tha hồ mà trêu, không sợ nó bay đi đâu mất nữa. Mới đi làm cơm, rồi đem rượu ngon ra thết. Cô cũng ăn cơm thật-thà để lấy sức. Anh Hoàng lại ngỡ là cô có ý dễ-dàng vui vẻ. Duy rượu thì cô nhất-thiết không uống, từ chối rằng không biết uống, khuyên mời thế nào cũng không được, anh Hoàng phải dang tay rót rượu uống một mình. Khi đó anh Hoàng rượu say, miệng cười nói, tay múa, mắt liếc, đùi rung, bôi-bàn lang-tạ, thật là khó coi, cái thái-độ một giống phù-bạc, thật là khiến người không thể sao kham được. Cô bấy giờ chỉ chuyên giữ một cái thái-độ nghiêm-chính lãnh-đạm, tuy đẹp như hoa đào hoa lý, mà lạnh như chất băng chất sương. Cơm xong anh Hoàng bấy giờ tuy là kẻ vô-lại, nhưng thấy cô có vẻ thanh-nghiêm, khá kính khá sợ; cái lương-tâm cũng có phát-hiện ra một chút, mới bảo bà cụ sửa soạn giường gối và bồi-tiếp cô vào nghỉ ở nhà trong, mà Hoàng thì nghỉ ở nhà ngoài. Cô biết rằng cái tâm-lý đứa phù-bạc, chửa khi nào nó đã đoạn được ác-căn, cho nên cánh cửa chỉ khép qua không đóng, để bày lấy một trò cười. Quả-nhiên đêm khuya thấy có người lẻn vào, khi người ấy đi gần vào đến cạnh mình, cô hết sức giơ thẳng tay, bất-thình-lình đánh vào người ấy một cái, người ấy bằng dường gãy xương sườn, người ấy ngã lăn xuống đất, kêu lên một tiếng thật to. Bà cụ vùng dậy, đốt lửa soi, mới biết là anh Hoàng, thì anh Hoàng bị đau quá, không trở dậy được. Cô mới giả làm điều kinh-hoàng, mà nói rằng chết nỗi! tôi ngỡ là đứa kẻ trộm, vậy tôi đánh đau. Nếu tôi biết là bác, thì tôi cũng không nỡ. Nhưng tôi bảo cho bác biết, quân Anh-cát-lợi đương vào xâm-lấn nước nhà, quân ta liên-chiến liên-bại, còn nhục gì hơn; bác là kẻ trượng-phu sao không ra sống chết ở nơi chiến-trường, mà lại làm những sự ám-muội như vậy. Anh Hoàng chắp tay xin lỗi; rồi dần-dà cựa cạy, khúm núm đi ra nhà ngoài. Đến sáng mai cô trở dậy, thì anh Hoàng đã đi rồi, chỉ còn một bà cụ ở đấy. Cô hỏi ra thì ở đấy cũng không phải là nhà anh Hoàng, chừng là một nơi những kẻ thiếu-niên phù-bạc tụ-bạ gì đó. Cô mới giả tạ bà cụ mà trở ra về.

Cô về được mấy ngày, sáng sớm hôm ấy, hạm-đội quân Anh kéo vào cửa sông Ngô-tùng, lấy một chiếc luân-thuyền làm tiên-phong. Quan tổng-đốc họ Trần đốc quân ở trên pháo đài cố sức bắn ra đánh, thuyền Anh không sấn vào được, hai ba lần đã toan lùi. Chợt có một viên biệt-tướng họ Ngưu đem quân đến viện; quân Anh ở trên cột buồm, chiếu ống dòm trông thấy, ghếch súng bắn lên, bọn Ngưu quân không dám tiến nữa. Lại phải một viên tổng-binh ở Từ-châu là Vương Chí-Nguyên dút-dát quá, nghe thấy thế kéo quân trốn chạy trước; các đạo-quân cũng đều trốn chạy sau, đạo quân Ngô-tùng thành ra thế cô. Quân Anh trông thấy viện-binh tan tác, mới hết sức sấn vào đánh lên pháo-đài; Trần-công thân ra đốc-chiến, cánh tay bên hữu bị thương phục xuống, rồi lại cố đứng lên, tay bên tả vẫn còn cầm lấy quốc-kỳ, phất

chỉ chư-quân; liền trúng đạn trọng-thương, chết ở trận tiền; cái pháo-đài ở cửa sông Ngô-tùng mới thất-thủ. Quân Anh kéo lên bờ sông. Khi đó, địa-phương ấy bị quân Anh tàn - phá, cái thảm-trạng không biết thế nào mà nói. Hoa-cô-nương biết rằng đại - cục đã hỏng, không có thể thu-thập lại được nữa; mới ôm bụng than khóc vài ngày, rồi nhảy xuống bể mà chết.

Về sau nhà trước-thuật người Tàu đã có lời phê-bình rằng: « Hoa-cô-nương là một người kỹ-nữ đấy thôi; vì quốc-sự gian-nan, mà họp người tuyên-giảng hiểu lấy nghĩa lớn; vì đại-cục không thu-thập được, mà gieo mình xuống bể, không chịu sống thừa. Than ôi! những người gọi là sĩ-đại-phu ngày nay, đối với người kỹ - nữ ấy, có biết xấu hổ không? »

Lời phê-bình

Xét ra, Hoa-cô-nương thật là một vị kỳ-nữ-tử. Gái Bình-khang mà làm kẻ túc-nho, đó là một sự kỳ! Gái Bình-khang mà làm một nhà vận-động về quân-sự, hùng-biện về đại-nghĩa quốc-gia, đó là hai sự kỳ! Gái Bình-khang mà chiết-phục kẻ thiếu-niên vô-lại, đó là ba sự kỳ! Gái Bình-khang mà ôm lòng trung-nghĩa chết theo nước, chết được oanh-liệt, chết được thơm-tho, đó là bốn sự kỳ! Thiên-cổ mới thấy có một, chửa thấy có hai. Ả Lục-chân khi xưa, cũng là một gái thiên - cổ trong bọn Bình-khang, cái lịch-sử khinh - thân trụy lâu của ả, kể đã là gớm ghê, nhưng cũng còn là chửa thấm. Lịch-sử Hoa-cô-nương cốt ở về sự yêu nhà yêu nước. Đến như cái sự chiết-phục kẻ thiếu-niên chẳng qua là một đoạn tiểu-sử xuyên-sáp ở trong đại-kịch mà thôi. Nhưng xem đoạn tiểu-sử ấy, chẳng khác gì xem một cuộc nữ-tướng-quân lâm-trận đối-địch, thế thủ, thế công, bị vi, giải vi, đủ các phương-pháp. Lại chẳng khác gì xem một bức tranh hoa đào hoa lý, mà lại điểm nhiễm có mầu tuyết mầu băng, đủ các cảnh-sắc. Âu ôi! cũng có thú-vị!

(Còn nữa)

TÙNG-VÂN NGUYỄN ĐÔN-PHỤC

CUỘC CHƠI TRĂNG SÔNG NHUỆ

(Mấy lời đáp người bạn nhắc thăm việc chơi trăng sông Nhuệ hôm Trung-thu vừa rồi).

Hồi 3 giờ hôm xưa tôi đã tiếp được điện - hàm của quí-hữu gửi về, non nước xa khơi, một hơi nghìn dặm, trông thấy thư như gặp mặt bạn đồng-tâm, mừng-rỡ trân-trọng lắm. Trong thư có ý ngậm-ngùi về nhân bận quí-cán mà cô-phụ mảnh trăng thu trên sông Nhuệ, và nhắc thăm lại cuộc chơi sông, nhưng cổ-nhân đã nói rằng: Đọc Mã-sử đến trận Cai-hạ thì hình như mình đứng giữa trong vòng tứ-diện Sở-ca, đọc khúc Tỳ-bà-hành thì hình như mình ngồi giữa bến Tầm-dương, nghe thương-phụ những tiếng nỉ-non thánh-thót; cho nên đi du-lãm là một sự nhã-hứng, nghe chuyện du-lãm cũng là một sự nhã-hoài.

Vậy nay viết mấy hàng xin thuật qua cuộc chơi trăng sông Nhuệ như sau này để thay mặt bức tranh Ma-cật gửi tặng cùng quí-hữu.

Xứ Hữu Thanh-oai này có con sông Nhuệ-giang là con sông nhỏ, ở về phận nội-đê, cho nên cũng nhất-danh là Nội-hà, kể là con sông cũng tầm-thường, không có danh tiếng, phát-nguyên ở giữa quãng bình-nguyên từ làng Hạ-

mỗ cho đến cống Tây-tựu thuộc Hoài-đức, thì hãy còn là một cái ngòi, từ Tây-tựu đến địa-phận Đại-Mỗ thì đã hơi to. Đại-mỗ xuôi xuống mới thành một con sông, trên nhỏ dưới to hình nhọn như cái dùi cho nên gọi là sông Nhuệ, thật là con sông thiên-tạo vậy. Cổ-ngữ nói rằng : « Nhuệ-giang vô thủ» cũng là nghĩa ấy ; xuôi xuống cầu Tồ-thị (tục gọi là cầu Tó) thuộc về đầu tổng Tả Thanh-oai cho hết địa-phận tổng Tả, đoạn ấy gọi tên riêng là sông Tó, hết Thanh-oai rồi đến Thanh-trì, Thường-tín, Phú-xuyên, Duy-tiên, xuống tận cống Mang-giang rồi chảy ra đại-hà.

Trên không phát-nguyên từ rừng, cho nên nước nguồn nước phù-sa không có, dưới không thông đến bể, cho nên nước thủy-triều không vào ; cả xứ Bắc-kỳ này như sông Nhị-hà, sông Dâu, sông Luống, sông Hát, sông Cầu, sông Bạch-đằng, sông Kỳ-cùng, sông Hoàng-giang, các sông nào cũng trên từ rừng, dưới phóng ra bể cả, duy sông Nhuệ không như thế mà thôi.

Quanh năm rất tiện-lợi cho các nhà nông và các nhà thương lắm. 1º Nhà nông : Vì sông không có nước trào, cho nên không lo gì sự trướng-dật, khi tháng tư tháng năm mưa lũ thì tiện tháo nước ở đồng ra sông, khi tháng sáu tháng bảy hạn-hán, thì lại tát nước sông vào đồng, thế là tiện-lợi cho nhà nông là một ; 2º Nhà thương : Vì sông nhỏ nhưng cũng sâu, bao giờ cũng đủ nước đi một chiếc mành, thuyền thóc thuyền gạo, bè gỗ bè tre, rất là tiện-lợi cho khách buôn xuôi bán ngược là hai. Ngoài ra như sông Tô-giang tuy phát-nguyên và hạ hưu cũng giống thế, nhưng hẹp và nông quá, nên không có những sự tiện-lợi đó, và cũng không có hứng-thú gì đủ làm cho thi-nhân tao-khách khi trăng trong gió mát lưu-lãm trăng hồ được. Nay xin thuật đến phong-cảnh sông Nhuệ.

Non cũng không cao, nước cũng không sâu, câu ấy chính hợp vào giang-sơn sông Nhuệ vậy, trên từ Hoài-đức cho đến cầu Tó, dưới từ Quảng-ninh cho đến cùng sông, hai bên vẫn có dân-cư cả, nhưng chỗ thì bên này có làng bên kia không, chỗ thì làng ngoảnh lưng ra sông, chỗ thì làng ở thụt vào quá, cách một khu ruộng mới ra đến sông, chỗ thì làng ở thưa quá đi một thôi mới có một làng, duy một đoạn từ cầu Tó cho đến Khúc-thủy dài ước 4, 5 nghìn thước tây, hai bên làng ở áp tận bờ sông, hết làng nọ đến làng kia, liền nhau như hai dãy phố, giàng lũy khóm tre, lơ-phơ lá héo lá vàng, rơi trên mặt sông ; vệ sông cỏ-thụ xan, xát thành hàng thành dẫy, ngâm bóng dáy sông ; bên kia đình bên đây chùa, bên nọ cầu bên này bến, tiếng gà gáy giục nhà đối ngạn, giọng ru con đưa thoảng qua sông ; đò đưa ai hát não-nùng, mấy chị lái vặn tay chèo lõm-tõm, vó cá thuyền nào lủi thủi, một ông già theo bóng nhạn lơ-thơ.

Xuân đi thu vẫn còn chờ,
Sông ngây-ngất sóng trăng ngơ-ngẩn tình.
Tiêu-tương thông với Đồng-đình,
Giang-hồ khắp đất một mình ngư-ông.

Gió mát trăng trong là kho vô-tận, cảnh nhân người mà sinh tình, người cũng nhân cảnh mà phát hứng, xứ Hữu-Thanh-oai này là một nơi thôn-ổ, phải lao-động chuyên việc canh-nông, dân-gian thường có câu rằng : « *Tháng giêng trồng khoai, tháng hai trồng cà, tháng ba gỡ củ từ, tháng tư đi chầy đậu, tháng năm tháng sáu đoạn chiêm sang mùa, tháng bảy cào cỏ bỏ tro, tháng chín tháng mười sức thóc đồ bồ, tháng một tháng chạp mưa rét như cắt, bọc gói giầu thuốc, buộc khăn mỏ-quạ, lại mò cấy chiêm.* » Quanh năm cần khổ, chỉ có tháng tám là thong-thả, tục-ngạn đã có câu rằng : « *gái tháng hai trai tháng tám.* » Lại có câu rằng :

Một năm được mấy tháng tám em ôi !
Chẳng ăn cũng thiệt chẳng chơi cũng hoài ;

cho nên từ xưa đến nay quãng sông Tô vẫn có tục giăng-ca (gọi là hát ghẹo). Bóng trăng hé mắt ngọn sơn-đông, tiếng ai như tiếng chuông đồng, thuyền ai lơ-lửng bên sông, có lòng hẹn khách hay không lỡi thuyền? Nam nữ đôi bên, mỗi bên ít ra cũng hai ba người hát xướng họa cùng nhau, nữ cất trước nam họa theo sau, các giọng hát ước hơn 36 thứ, liu-lô liu-lường nghe lạ tai lắm, những lời hát thì đại-khái như :

Mặt trời mọc thì gánh mạ ra,
Mặt trời lặn thì tha trâu về.
Có cày có cấy thì được no-nê,
Uống vốc nước giếng chẳng hề nhờ ai.....

thật là cái khí-tượng Đường Ngu 唐虞, chứ không phải là cái tình-tình Trịnh Vệ 鄭衛, — tôi đã có chép riêng một tập nhan là « Nhuệ-giang thu khúc 銳江秋曲 » —nam nữ hai bên hễ bên nào hát lỗi, hoặc kém giọng, hoặc hết câu hát thì là thua, phải nhượng cho cảnh khác thay vào hát, thậm-chí có lúc tức khí nhau, đến cả ông già bà lão cũng ra hát hộ, hoặc dạy thầm câu hát. Phú Nhuệ-giang đã có câu rằng :

Cất cánh thuyền bồng, tai nghe mắt trông.
Bên trai bên gái, kẻ tây người đông.
Tiếng như tiếng sáo, véo-von não-nùng.
Ả-đào quan-viên, trống hát bung bung.
Ông già trẻ con, trên bờ dưới sông.

Câu đó thật là tả vào cảnh chơi trăng sông Nhuệ mà thường những bậc hào-hứng nhiều khi vẫn hay treo giải thưởng.

Một cái cảnh dân-phong chất-phác, ca-cù kích-nhưỡng như thế, tương-truyền đã có đến mấy trăm năm nay, những bậc thi-nhân tao-sĩ, mấy bạn cao-sơn lưu-thủy vẫn thường mượn cảnh đó để thôi-xao sự văn-chương, những bậc danh-hoạn tiền-hiền, tấm lòng lang-miếu giang-hồ cũng thường mượn cảnh đó để tiêu-khiển cùng phong-nguyệt ; thứ nhất ngày xưa như cụ Ngô Ngự-sử, cụ người làng Tả Thanh-oai, dương triều vua Tự-đức, cụ có tuổi cáo quan về nhà, cứ mỗi chiều thả một chiếc thuyền, một tên chở mũi một tên cầm lái, cụ thì cởi trần xõa tóc ngồi uống rượu một mình ở giữa thuyền, bốn góc thắp bốn cây nến để phòng khi đám mây che bóng mặt trăng, đêm nào cũng cứ đến gà gáy mới về ngủ, có người thường tưởng cụ là phát cuồng ; còn nhớ cụ viếng ông Đào Tán-tương là một ông bạn đồng-bảng ở trong hàng tổng, câu đối rằng : «*Lạc-lạc thần-tinh, đinh-mão niên-ông kim kỷ tại? Dao-dao thu nguyệt, Nhuệ-giang du-lão độc tràng tồn.* 落落晨星。丁卯年翁今幾在。遙遙秋月。銳江遊老獨長存。» Sau khi cụ tạ-trần, lại có ông bạn đồng-niên khác viếng cụ rằng: « *Ngô hữu phi cuồng, văn đạo giang ca kim tịch suyết ; Đào-quân dĩ khứ, hồi tư đồng-bảng cận lai hi,* 吳友非狂。聞道江歌今夕輟。陶君已去。回思同榜近來稀。» Ấy là một cảnh chơi của bậc gia-độn. Sau lại có cụ Thượng Bùi Yên-lũng (Tứ-liêm) khi ở Kinh giả-hạn về thăm nhà có cùng cụ Thiếu Đoàn, cùng làm một cuộc chơi trăng sông Nhuệ, còn nhớ khi ấy cụ Thượng Bùi có bài thơ rằng : « *Nùng tòng Hương giang lai, Nhuệ-giang nùng cố giao. Thiệp hải dĩ cập ngạn, Bạch phát đạn thời lao. Qui điền hận điền hoang, Qui sơn phạ sơn cao. Độc tiền Nhuệ-giang nguyệt, Biên chu vô ba-đào.* 儂從香江來。銳江儂故交。涉海已及岸。白髮憚辰勞。歸田恨田荒。歸山怕山高。獨羨銳江月。扁舟無波濤。»

Ấy là một cảnh chơi của bậc dương-đỗ.

Nghìn thu thu vẫn còn thu,
Biết đâu thôn-ổ biết đâu thi-thành.
Ai ơi, xem thử bức tranh,
Văn-chương tạo-hóa tính-tình non sông.

Phong-hội một ngày một mở-mang, tập-tục một ngày một biến-cải, mưa Âu gió Á, thời-buổi đua chen, chốn thị-thành xô vào cuộc văn-minh, nơi thôn-ổ cũng theo về đường tiến-hóa, đồ cổ-vật thôi đành xếp xó, chuông tự-do đã giọt vang tai; no com ấm cật mặc sức giăng chơi có được đâu: của anh anh mang, của nàng nàng xách, đợi gió chờ trăng, thôi đừng quen thói kẻo mà khốn, ở bầu thì tròn, ở ống thì dài, giang-sơn cảnh-vật nay đà khác xưa; phong-tục tính-tình, trời đang thay lốt, đại-phàm thế-sự, bao giờ cũng vậy, cái cuộc Xuân-thu Chiến-quốc không thể sao sánh với hội Đường Ngu, cái đạo Phục-Hi Thần-Nông không thể đo-đắn với đời Tấn Ngụy, cái tư-tưởng một ngày một rộng ra thì cái tập-tục một ngày một biến cổ, cho nên cách hai ba mươi năm nay, tục dã-ca ở sông Nhuệ cũng không được sầm-uất như ngày xưa:

Ngẩn-ngơ đứng gốc mơ già,
Hỏi thăm ông nguyệt có nhà hay chăng?
Ngọn đèn thấp-thoáng bóng trăng,
Ai đem người ngọc thung-thăng chốn [này.

Những bậc văn-nhân bây giờ thấy trăng mà nhớ non sông bầy thuyền mà tiếp phong-cảnh, vẫn còn nhớ đến giang-sơn sông Nhuệ, là mến cái sơn-thủy cao-thanh, chứ không cần gì câu ca tiếng hát, con hát vẫn cứ hát, khách chơi vẫn cứ chơi, cho nên giang-sơn này vẫn chưa biến hết cái phong-cảnh cũ.

Hồi tháng tám năm ngoái tôi đã đinh ước với *Nam-Phong* báo-quán chủ-nhân khuất-giả về để thưởng trăng sông Nhuệ, sau nhân tôi phải cảm nên phụ-ước cùng phong-nguyệt, mồng hai tháng tám năm nay tôi có giản-yêu các nhà văn-hào đồng-nghiệp ở *Nam-Phong* về chơi để chứng-quả cuộc chơi trăng sông Nhuệ.

Bốn giờ chiều có dự phái một chiếc lâu-thuyền, đinh cờ đèn, kết hoa-thái, chờ đón sẵn ở cầu Tô-thị, bảy giờ đúng giờ ăn tối thì tới nhà, trong tiệc ấy gia-khách thì có *Nam-Phong* báo-quán chủ-nhân Phạm Thượng-Chi tiên-sinh, và Đông-châu mậu-tài Nguyễn tiên-sinh, Tùng-vân mậu-tài Nguyễn huynh-trưởng, Hồng-nhân Nguyễn quí-đài, mà đồng-đạo thì có tôi và Đoàn Nhụ-Thạch, Đoàn Mai-Nhạc khoản-tiếp.

Trong khi dự tiệc đột-nhiên trời đổ một trận mưa như trút, gió mưa chạy qua, gà gáy xa xa, gặp bạn quân-tử, chén vui ngà-ngà, đã ngờ rằng chị Hằng-nga trốn mình, nhân khi cốc rượu gần tàn, hạt mưa chưa ngớt, Mai-Nhạc có đưa ra để bình một bài thông-khảo đạo Phật nước ta của Mai-Đông soạn ra, mãi đến 11 giờ mới tan cuộc rồi cùng ra đò.

Trận mưa như tắm, trời thu phất-phới chiều gió, mảnh nguyệt đứng chờ bạn mới, leo lẻo con sông; trông ra thì thuyền chơi, thuyền nghe hát đông đặc như lá tre, nghe hết thuyền hát kia rồi đến thuyền hát này, thưởng hết giọng cổ kia rồi sang giọng kim nọ, hát đã hát cố, nghe muốn nghe thêm, suốt sáng thâu đêm, tri-âm mấy kẻ, khen cho tài mà lạnh-ghẻ cho thu, xong cuộc giăng-ca đã toan bắt ngâm thêm mấy câu thơ và mươi bài từ-vịnh nữ-giới ở trong quốc-sử rồi ngâm đến bài phú Nhuệ-giang của Mai-Nhạc và đọc đến bài tựa *Kiều* dịch của ông Tiến-sĩ Chu Mạnh-Trinh đã in ở *Nam-Phong*, nhưng mà thôi; cảnh đã gần tàn, khách cũng mỏi hứng, mây trắng mấy tầng, trăng trong nửa khúc, muốn nghe đủ thơ, từ, phú, lục, xin còn trời còn nước còn non, mãi đến lúc

sao hôm dã lặn sao mai dã mọc, gà khuya gáy giục, quốc thúc tan canh, quay thuyền về thì dã 3 giờ 40 phút.

Khi ăn cháo đêm tôi có đưa một bài bàn về truyện *Kiều* của tôi dề chất-chính với các văn-hào, mãi đến hơn 5 giờ sáng mới đi nghỉ.

Sáng hôm sau 8 giờ trở dậy, trong khi trà-thứ, Mai-khê-thi-xã tôi có đưa trình cảo một bài dịch học-thuyết của ông Biên-tấm (BENTHAM). — nguyên-văn của Nhụ-Thạch mới dịch, — đoạn rồi mời khách di chơi các cổ-miếu cổ-tự, xem qua trường học Tả Thanh-oai và những nơi kiến-trúc mới như là Truy-viễn-đàn và lăng cụ Thiếu Đoàn, v.v., mãi đến 10 giờ thì văn-khách mới xuống dò ra về.

Than ôi! sông cũng chưa cạn, trăng bao giờ già, chơi sông là một cuộc phong-lưu, mà thưởng-nguyệt cũng nhiều phen mãnh-lãng, một cái tư-cách người văn-khách, phận-sự bậc sĩ-phu thế nào cho tư-ích đến tình-tình, thế nào khỏi hư-độ mất tuế-nguyệt. Có chữ rằng: « *Thất phu hữu trách, tịch dịch chiêu kiền* 匹夫有責。夕惕朝乾。». Lẽ nào ngồi bó chân học phái thanh-đàm, nấp xó tối dề mù lòa thế-sự, vậy lúc nào cũng như nghe tiếng đồng-hồ báo thức của ông tạo-hóa khua nhắc bên tai, thân-thế làm sao, nghĩa-vụ làm sao, trước kia làm sao, sau này làm sao? trần-lao mù-mịt, nhân-quả ngổn-ngang, còn thì-giờ nào đánh bạn cùng trăng gió; nhưng sự du-lãm là một cái tính-tình rất có quan-kiện về giới-phận tư-đức, hỏi lại sông Nhuệ, hỏi lại trăng thu, thu có mấy mùa, trăng có mấy kiếp, sự khiền-hứng của mình dã thấm vào đâu, xem như cổ-nhân: ông Hán Vũ 漢武, ông Trương Hàn 張翰, ông Tô Đông-Pha 蘇東坡, ông Hàn Thế-Trung 韓世忠.

Một là ông Hán Vũ đương lúc thừa-bình, Hung-nô cũng thần-phục, xuân-thu về cõi thọ, khí-tượng đế-vương, tâm-sự anh-hùng, dã mỏi vì đường mạt-lộ, chán sự đời mà cũng hối lại sự đời, nên có cuộc chơi sông Mân-hà, như những câu rằng:

Gió thu hây-hẩy chừ, *mây trắng là-là,*
Lá vàng lác-đác chừ, *tiếng nhạn bay qua.*
Gió lan chi-chít chừ, *khóm cúc nở hoa,*
Nhớ ai nhớ mãi chừ, *người đẹp xa xa.*
Một chiếc lâu-thuyền chừ, *qua sông Phần hà,*
Vui thú cho lắm chừ, *cái sầu bằng ba.*
Trẻ trai mấy lúc chừ, *thấm thoắt đã già.*

Thế là một sự chơi phóng-hoài kháng-táng.

Hai là ông Trương Hàn đương đời nhà Tấn, sĩ-phu đang cao-thượng, xô xát vào phái thanh-đàm, ông làm quan xa nhớ nơi cố-lý, thả thuyền chơi sông Ngô-giang có câu rằng:

Sông Ngô-giang chừ, *nước một màu,*
Ba nghìn dặm chừ, *nhà ta đâu?*
Muốn sao không được vậy chừ, *ngửa cổ lên trời mà kêu sầu.*

Non quê thuần-khoái, bấy lâu luống chen chúc trong vòng danh-lợi, chán những sự vui thân-ngoại, nhớ mùi chân-vị gia-hương, bầu rượu túi thơ, con thuyền chìm nổi, cho khuây-khỏa mấy khắc đêm thu. Đó là một sự chơi của người cao-nhân lạc-mạc.

Ba là ông Tô Đông-Pha, hai lần chèo thuyền chơi sông Xích-bích, trời đùn mây mái, đất rắc chông gai, công-danh lận-đận, lôn ngược quay xuôi, đạo-học nhố-nhăng, mua ghen rước ghét, tấm lòng chỉ tỏ với trăng thu, cái thân lang-miếu lại giang-hồ. Đó là một sự chơi của bậc ưu-thời mẫn-thế.

Bốn là ông Hàn Thế-Trung thì thảm lắm, một vũng Tây-hồ nửa bầu rượu nhạt, Huy, Khâm dã lầm thân bụi-cát, Liêu, Kim đang rẫy nước tanh-hôi, thiên-an đau đớn Tống-triều, hòa-chiến xót-xa Tần-Cối, cưỡi gió cả muôn

trùng vượt bể, trông theo Tôn Sác mà thèm, gõ mái chèo một tiếng qua sông, nghe chuyện Tô-sinh mà thẹn, một chiếc thuyền một bầu rượu, thôi đành nhắm mắt bưng tai, kiếp sau xin chớ làm người, làm ông trăng đứng giữa trời mà xem ; đó là một sự chơi của bậc ưu-phẫn cô-trung, anh-hùng tảng-chí, nghìn năm trở về trước, nghìn năm trở về sau, sử xanh truyện còn đó, ai trông thấy nhau đâu, cổ-kim mấy cuộc bể dâu, đứng sầu sông Nhuệ chớ sầu trăng thu, cho nên cuộc chơi trăng sông Nhuệ này, văn-chương tạo-hóa, tình - tình non-sông, cũng không phải là một sự cử-động không có ý-tưởng, bài phú Nhuệ-giang của Mai-Nhạc khi trước nhớ có câu rằng : « *Chuốc rượu ôm đàn mấy đạo, bệnh phong-lưu là cái bệnh đa-tình ; vịnh trăng ngâm gió một thuyền, duyên văn-tự thật là duyên vô-dụng* »; lại câu rằng : « *Lưng chén quỳnh-tương chưa cạn, chớ buộc thuyền thơ ; mảnh trăng sông Nhuệ không già, đừng say giấc mộng* » ; mấy câu ấy cũng đã đủ kết ý tóm-tắt được vài phần về cuộc chơi sông này, vậy nay xin thuật qua để thay mấy lời đàm-tâm cho tiêu-khiển đỡ tấm lòng cố-quận tha-hương của qui-hữu, khi mặt trời vàng vàng, bóng trăng chưa mọc, và nhân chép để làm một bài kỷ-sự nữa.

MAI-KHÊ

MỘT QUYỂN GIA - PHẢ CỔ GIÁ-TRỊ

Thế-đức-đường ký 世德堂記

(*Hải-nam thư-hiên văn-tập* 海南書軒文集)

I

Tôi nhân được xem hai quyển «niên-phả 年譜» chép về thân-thế của cha con chồng vợ trong một nhà họ Trần huyện Chí-linh 至靈 là một nhà cự-thất ở đời Lê-mạt, thấy một cái báu truyền-gia rất qui của trong một nhà đã từng mấy đời giữ được với nhau, báu ấy tức là cái biểu-hiệu của nhà thờ họ ấy bằng hai chữ « *Thế-đức* 世德» đó, mà sở-vị thế nào là thế-đức thì chính là hai chữ « *thanh* với *trung* 清忠», mà trong nhà ấy đã biểu-dương lên, ông Trần Tiến là một người trong Thế-đức-đường sẽ chép đến sau này lúc vãn-niên thuật-hứng có câu rằng:

傍人欲問傳家寶。
惟有二字清與忠。

Nhà tôi chẳng có gì gia-bảo,
Chỉ có hai chữ « thanh với trung ».

Nhưng nay xét lại cái phong cổ-thời thì thấy cái bảo-vật ấy các nhà thế-gia khác ở về thời ấy cũng phần nhiều có cả, xem câu chuyện của hai anh em thúc-bá cụ Lãn-ông nói với nhau về việc làm câu đối hộ Quận-hầu con ông Tề-tướng trong sách « *Thượng-kinh kỳ-sự* » thì biết, duy nhà họ Trần này thì ký-tái được tường và yết được tên cái bảo-vật ấy lên mà truyền dạy cho đời sau thì gia-phong nhà họ Trần thực đủ làm đại-biểu cho cái xã-hội thế-gia bấy giờ, đến nay hơn một thế-kỷ bị mấy phen dâu bể biến dời, cái bảo-vật ấy tiêu-trầm thất-lạc, không còn tìm thấy ở trong xã-hội ta ngày nay nữa, thực đáng tiếc thay, đó là một nghĩa ; lại một nghĩa nữa là đời Lê-mạt là một thời-đại đại-biến - cách đủ các phương - diện trên lịch-sử nước Đại-

Việt ta, mà kịch-liệt nhất là cái cuộc cách-mạnh của bọn bình-dân phản-kháng với nhà qui-tộc có ba kỳ: kỳ thứ nhất là anh em Nguyễn Tuyển; kỳ thứ hai là tướng Hẻo; kỳ thứ ba là anh em Nguyễn Huệ; thế mà sách niên-phả này có tự rõ đến những việc xung-đột về hai kỳ cách-mạnh thứ nhất và thứ hai, thật là sách có ích để khảo-cứu về thời ấy. Bởi vậy tôi lược bỏ những sự lặt-vặt riêng trong một nhà và tham-khảo thêm ở ngoài mà biên-tập làm quyển « *Thế-đức-đường-ký* » này để giúp một việc khảo-cứu về cận-cổ vậy.

I — Cụ Trần Cảnh 陳 景

Cụ Trần Cảnh hiệu là Oánh-phủ 瑩甫 ở làng Trực-trì 直池 huyện Chí-linh (nay thuộc huyện Thanh-lâm 青林) phủ Nam-sách, tỉnh Hải-dương, sinh ngày 14 tháng 11, năm giáp-tí, Chính-hòa 正和 thứ 5 (1680), đời vua Lê Hy-tôn (熙宗), thọ 75 tuổi, mất ngày 5 tháng 6, năm mậu-dần, Cảnh-hưng 景興 thứ 19 (1755), đời vua Lê Hiển-tôn (顯宗). Cụ là dòng-dõi một nhà gia-thế nhân-hậu, tiên-tổ trước giàu-có, nhưng chỉ đi buôn và làm ruộng mà chí-phú, đến cái nghề « cho vay lãi » thì truyền-gia lấy làm một điều đại-cấm, đến đời ông tổ tam-đại thì lại nghèo mà chuyên về nghề văn-học, ông tổ tam-đại đỗ giám-sinh, thân-phụ là Trần..... đỗ Tiến-sĩ, làm quan đến Đốc-thị Sơn-tây, Nghệ-an, đi sứ Tàu, nhưng cũng đều một mạch thanh-cần trung-trực. Cụ Trần Cảnh thừa được cái nguồn trong-sạch trong nhà, nên ngày sau làm hiển-dương được cái gia-phong quí-báu ấy lên, tức là cái chân-truyền của Tổ-quốc, để giúp dân giúp nước mà lưu-truyền lại cho hậu-côn.

Tướng Cụ dong-mạo tôn-nghiêm, thần-thái đĩnh-đạc, mặt to tai lớn, trán rộng mũi cao, mắt sáng quắc, trời tối có thể đếm được cau trên cây mỗi buổng bao nhiêu quả, tiếng nói như chuông, bình văn đọc sách hay lắm, lúc nhỏ nhà hiếm-hoi cho sang ở với bà ngoại học cậu mà đã có nhiều điều khí-khái, 16 tuổi mới đem về nhà, 17 tuổi thì tiên-đại-phu tạ-thế, thế là cụ tuy sinh ở nhà đình-chung, mà nhỏ thì ly-gia, lớn thì thất-hỗ, gia-vận sa-sút, họ-hàng chênh-mảng, may nhờ được tôn-phu-nhân là Trần-thị, con nhà khoa-bảng làng Quan-sơn, Thanh-lâm, bà người thận-thục, khéo trì-gia, hết lòng đôn-đốc cho con về việc học, 20 tuổi mới ra du-học kinh-thành Thăng-long mà nổi tiếng văn-chương từ đó. Công-tử (từ đây tùy chức mà gọi,) sở-trường về văn-sách, nhất là những bài về kinh-bang tế-thế, thường được ưu-hạng luôn, tuy-nhiên, cái bước công-danh của Công-tử còn muộn-mằn, đúng như câu « đại tài thì hay vẫn thành », cho nên học có sớm thông mà đến 28 tuổi mới đỗ Hương-tiến, 35 tuổi mới đỗ Tiến-sĩ, cuối năm ấy được bổ đi làm Án-sát ngự-sử đạo An-quảng, bấy giờ mới được đem cái gia-bảo là hai chữ « thanh-trung » ra mà cống-hiến cho xã-hội. Nhưng Trần Ngự-sử vốn tính trọng-hậu, không chịu a-dua với lưu-tục, mà bọn triều-quan lúc đó chỉ đảng-dẫn những kẻ gian-tà với nhau, như Trần Ngự-sử thì họ không ưa, nên từ đấy trở đi đến 20 năm trời, chỉ lẹt-đẹt trong cái vòng lãnh-hoạn ở ngoại-trấn, hết Giám-sát ngự-sử ở các hạt trung-châu như An-quảng, Sơn-tây, Nghệ-an, thì lại đi Đốc-đồng 督同 mấy xứ thượng-du như Thái-nguyên, Hưng-hóa, thời dẫu có cái trí khuông-thời đi nữa, cũng không thi-thố vào đâu được; dù thế mặc lòng, Cụ cũng an-nhiên mà làm hết cái nghĩa-vụ, đi đến đâu cũng khiến cho sĩ-dân được nhờ ơn. Về cái việc đi chấm trường thi hương thi hội thì cụ hết sức khảo-sát công-bình, lấy được nhiều người Cống-sĩ Tiến-sĩ thực tài, nhất là cái việc chấm trường thi hương Kinh-bắc (Bắc-ninh), Trần Ngự-sử làm quan Nội-trường, lệ được

thủ-xã ở tay, bèn gia-công kiểm-duyệt xét ra được một quyển của tên Nguyễn Đức-Đôn 玩 德 敦 ở Đông-ngàn đã bị đánh hỏng mà cụ lại lấy lên đỗ Á-nguyên, năm sau quả nhiên Nguyễn-sinh nhất-cử đỗ ngay Tiến-sĩ, ai cũng phải khen quan Ngự Trần là rất tinh.

Năm Vĩnh-hựu 永 祐 thứ 5, đời vua Ý-tôn 懿 宗, miền tây-bắc nổi loạn, bấy giờ cụ Trần Ngự-sử đã 56 tuổi, chúa Trịnh là Trịnh-Giang 鄭 杠 cử cụ làm Hiệp-đồng cùng với Thống-tướng là Vịnh-trung-hầu Trịnh Đình-Bật, 詠 忠 侯 鄭 廷 謐 đi đánh.

Ôi, một vị nho-thần như Trần ngự-sử trong niên-phả nói rằng : sinh-bình mắt không liếc qua sách lược-thao, tay không mó qua đồ binh-khí bao giờ, mà nhất-đán ra chỗ hàng-trận, không những vận-trù quyết-thắng trong chốn màn trướng mà lại xông-pha tên đạn, khi trên núi hãm trận, lúc dưới nước đua thuyền, đi trước ba quân, nổi tài danh-tướng, nếu không phải bậc thiên-tài trác-việt thì sao thế được ; tuy vậy mặc lòng, ta cũng không phục cái cách dụng-tài của cận-đại nước ta như thế, thực là không đáng chút nào. Cái số ít như cụ Trần Cảnh đây với cụ Phạm Đình-Trọng sau này, may nhờ được cái thiên-tài hay là thiên-hạnh mà thành-công chăng nữa, cũng là miễn-cưỡng mà thôi, đã miễn-cưỡng thì lượng dễ đủ mà chí dễ nản, còn lấy đâu làm những cái chiến-lược, cái hùng-đồ ra ngoài bờ cõi của hương-quốc như người các nước Thái-Tây nữa. Phương-chi còn cái số nhiều là bọn nho-tướng « hãi súng » mà cũng vẫn cử cầm quân, cái họa bại-vong thật là « chiến chi tội », chứ trời có ghét gì. Lại nói về quốc-thế nước Đại-Việt ta thời Hậu-Lê, thuộc về chính-thể quí-tộc, cũng như Tam-gia 三 家, Ngũ-bá 五 伯 ở Trung-quốc, Mạc-phủ 幕 府 ở Nhật-bản và Tây-na-da-tập ở La-mã về cổ đại vậy. Có hai họ lớn cầm quyền trong nước mà kháng-hành với nhau là họ Nguyễn với họ Trịnh, họ Nguyễn thì tự-chủ ở Nam-thùy, biệt-lập ra một khu-vũ mới mà phụng chính-sóc 正 朔 nhà Lê. Còn họ Trịnh thì hiệp thiên-tử nhà Lê ở bản-bộ nước Đại-Việt mà hiệu-lệnh cả toàn-quốc, đã hơn 200 năm, từ khi Trung-hưng trở đi vẫn như thế. Về bên chúa Trịnh truyền đến bấy giờ là Trịnh Cương 鄭 橿 rồi đến Trịnh Giang, đều là những kẻ ăn oản của bụt mà lại không chịu thờ bụt, ngày càng lăng-ngược hơn xưa. Trịnh Cương bức vua Dụ-tôn thiện-vị cho con là Đế Duy-Phường 帝 惟 祊, tức là cháu ngoại Cương, được 3 năm Cương chết, con là Trịnh Giang lên tập-vị, lại phế vua Đế Duy-Phường làm Hôn-đức-công rồi giết đi, mà lập vua Thuần-tôn 純 宗, được 4 năm mất, Giang lập em vua Dụ-tôn là Duy Thời 維 禩 tức là vua Ý-tôn ; gia-chi-dĩ bọn gian-thần của chúa Trịnh dua-nịnh làm cho quốc-chính rối-bời, dân-sinh tàn-hại, nên chi Hoàng-thứ-tử Lê Duy-Mật 黎 維 禝 phẫn vua Lê mất quyền, họ Trịnh thí-nghịch, bèn cùng với hai em chiêu-dụ bọn Quan-lang 官 郎, Phụ-đạo 輔 導, khởi-binh ở vùng Cẩm-thủy, Quảng-bình về hạt Thanh-hóa để mưu-trừ họ Trịnh, đời gọi là cái loạn Tây-nam, từ đó lòng người náo-động, bọn bình-dân ở khắp toàn-bộ Bắc-hà nổi lên đều lấy tiếng « phù Lê giệt Trịnh » làm thanh-thế, man-diên đến gần một thế-kỷ. Xem trong niên-phả họ Trần nói : « Cụ Trần-hầu giải binh-binh được một « năm rồi về trí-sĩ, đi chính lối từ « Thăng-long về nhà quê Chí-linh, thì « giặc-giã còn ngổn-ngang cả ở hạt Gia-« định (nay là Gia-bình) đường-xá « ngạnh-trở không đi được, phải đi rẽ « sang lối Đình-bảng 亭 榜 và Thị-kiều « 市 橋. Khi về đến nhà quan Hiệp-« thống bản-trấn biết tin đã dự sai hai « đạo quân Tiền-kính 前 勁 và Tiền-

« dũng 新勇 đem 40 chiếc khinh-thuyền « đóng án-ngữ ở bến đò Bình-hà (Chí-« linh) là chỗ gần làng Trần-hầu « để phòng bọn thủy-khấu. Năm sau « có mệnh triệu Trần-hầu ra kinh-thành « làm Thủ-tướng, Hầu không muốn ra « nữa, cáo từ rằng giặc-giã làm trở « ngại đường xá. Đến năm Cảnh-hưng « 20 (1752) là cách năm về trí-sĩ 10 « năm nữa, Trần-hầu tạ-thế, hôm đưa « đám, quan Phó-trấn phải phái 10 cái « bình-thuyền đi hộ-tống. Vì bấy giờ Nam-sách thủy-khấu còn nhiều; » thì biết thời ấy nhiễu-nhương là dường nào. Tuy thế nhưng mà xét cái chủ-nghĩa hành-động của bọn loạn-đảng bấy giờ cũng đều không phải là chân-chính, đi đến đâu cũng đốt phá cướp giết, dĩ bạo dịch bạo, nước càng sâu lửa lại càng nồng, dân càng thêm khốn khổ. Vả Thiên-tử nhà Lê còn đó, chúa Trịnh hiệp cái hiệu-lệnh của Thiên-tử mà khu-sách các sĩ-phu, thời cũng là giả thật, nhưng sĩ-phu lúc đó mà quả có cái bụng vì dân thì dẹp loạn tức là yên dân, cũng không phải là trái ngược, cho nên Sử-gia đời sau đều xưng-dương cái công đãng-định của các nhà nho-tướng bấy giờ.

Ngày 15 tháng 2, quân Chính-phủ tới hạt Thanh-hoa, gặp quân Hoàng Mật ở Vạn-lại (萬 賴) đánh nhau một trận, quân Chính-phủ được, bèn kéo vào Vạn-lại-sách 萬 賴 柵 rồi cho đi thám thì không thấy tung-tích địch-quân hạ trại ở đâu. Trần Hiệp-Đồng nói với Vĩnh-trung-hầu rằng: « Phải phòng-bị cho nghiêm-nhặt, chỉ chốc lát nữa là giặc kéo đến thôi ». Nói chưa rứt lời thì thấy một tiếng hiệu nổ ở trong rừng, quân Hoàng-Mật kéo ra, tiếng reo rậy đất, bóng tinh rợp trời, ầm ầm như khói tuôn nước chảy áp đến đánh, đạo tiền-quân Chính-phủ bất-ý hoảng hốt chạy tán-lạc cả. Trần Hiệp-Đồng liền phấn-lực sấn vào cướp được một lá cờ của địch-quân và hò thét cho quan-quân đứng dải hàng ra mà bắn vào trận, hai bên xô-xát nhau hăng lắm, lâu rồi quân Hoàng-Mật mới chịu thua bỏ chạy. Nguyên trận ấy là loạn-đảng định đến lấy đồn Vạn-lại rồi thừa thế tiến vào An-tràng 安 場 là nơi căn-cứ của vua Lê chúa Trịnh, mà nhất là của chúa Trịnh lập ra từ lúc trung-hưng để thủ-hiểm. Nếu không hết sức giữ được thì thế quân Chính-phủ đến phải núng, cho nên tiệp-báo về đến triều-đình, chúa Trịnh ngợi khen mãi, mà cái uy-danh của Trần Hiệp-Đồng lừng-lẫy, bề trên quyến-chú đến cũng bởi từ trận ấy.

Mồng 7 tháng 3 kéo quân đến làng Tước-lâm 爵 林, đánh nhau với địch-quân ba trận đều được, tháng tư trấy vào hạt Cẩm-thủy Quảng-bình, đến Thạch-lẫm 石 廩 đánh nhau một trận; địch-quân lại đến ăn cướp Thuần-ý-sách 純 懿 柵, dân làng ấy đến cầu cứu. Trần lập kế dụ địch-quân ra đánh, địch-quân thua to, họ lại kéo vào lấy làng Quan-hoàng 關 隍 và làng Mĩ-toàn, dân hai làng lại đến cầu cứu, bấy giờ quan Thống-tướng Vĩnh-trung hầu bị bệnh. Trần Hiệp-Đồng phải đem binh bản-đạo lẻn vào trong rừng đi càn suốt hai ngày hai đêm, địch-quân trút hết, dân mới yên. Ngày 23 địch-quân vào đánh Cổ-biện-sách 古 汴 柵 kịch-liệt lắm. Trần Hiệp-Đồng lại đem quân bản-đạo đi đánh rồi đóng lại ở đấy, đến ngày 26, địch-quân lại kéo đến vây làng Cổ-biện, bốn mặt bắn vào như mưa. Trần đốc-binh đánh ra, phá vỡ vây, rồi từ đó cứ tìm đường kéo quân vào đất giặc, không ngăn trở gì nữa.

Sang tháng 5, từ mồng 2 cho đến 12, đánh bốn trận ở xã Phúc-lộc 福 祿 xã Thọ-lộc 壽 祿, trại Bến-vàng 邊 場 và Định-an-sách 定 安 柵, quân Chính-phủ đều thắng, ngày 17 tiến vào La-thạch-sách 羅 石 柵, đêm hôm ấy đến trống tư, địch-quân kéo đến vây, đạo

bắn vào như nẻ rang. Trần Hiệp-Đồng nghiêm lệnh cho quân-sĩ không được náo-động, nhất-diện cho ra chinh-thám giặc-thế xem thế nào, đến sáng ngày bèn sai mở cửa trại cho quân xô ra ao-chiến một trận, giặc trốn chạy mất cả, thu được khí-giới súng đạn vô-số, đem về kinh tiến-nạp.

Tháng 6 lại phá được địch-quân ở Bến-vàng, tháng 8 phá được địch-quân ở An-đồ-sách 安堵柵 và An-dạ-sách 安夜柵, tháng 9 phá ở Thủ-chân-sách 守眞柵, tháng 10 phá miền Dương-lao, bấy giờ địch-quân lại vãng-lai ở vùng các làng Mĩ-lão, bách-cận làng Quí-hương, nên lại phải thân đem quân bản-bộ Thái-lai-hầu 泰萊侯 đi đóng phòng-triệt các chốn yếu-hại, ngày 12 phá địch-quân ở xã Điều-nghi, liền hôm ấy hẹn với đạo binh quan Thống vào đánh tướng Lang-Lịch 郎歷 (Quan lang tên là Lịch) của Hoàng Mật ở Quảng-địa-sách, phá được hai cái lũy là Mĩ-đàm 美潭 và Vô-ngao 無遨. Cái lũy Vô-ngao dài tới 150 trượng, địch-quân mới bắt dân hai huyện đắp, quang sọt gánh đất hãy còn bỏ bừa ra. Ngày 28 lại phá được địch-quân ở Bãi-bông, ngày 29 đánh phá Con-bò, ở đấy có cái đồn hiểm lắm, trước sau núi cao, giữa thì suối sâu mà cạn, lũy bao xung-quanh, là một nơi thủ-hiểm của địch-quân xem chừng khó hạ nổi. Trần-Hiệp-đồng bèn truyền cho Luật-chác-hầu 律琢侯 đóng một toán lại đó để thường-thường khiêu-chiến, còn lại-quân thì lẻn ra đàng sau đánh ập vào, địch-quân thua bỏ đồn tẩu tán.

Đến mồng 1 tháng 12, lại tiến quân vào đánh thành Bạc-liễm ở núi Bạc-liễm, thành đắp dựa vào núi. Lại sai đạo quân Trung-kính 中勁 ra khiêu-chiến ở mặt trước, đạo quân Thái-lai-hầu thì lẻn tranh-sơn mà đánh hai bên xuống, hạ được thành. Mồng 2 vượt qua núi vào Bạc-liễm-sách đuổi tướng Cai-Đào. Mồng 6 phá Xuân-lũng-sách 春隴柵, mồng 10 tới Đồi-dào 頹濤 là chỗ gần Lan-Lịch đóng, đấy có cái thành hai bên tả hữu núi cao, hai mặt trước sau xây thành bằng đá, ngoài thành chôn rào tre, thả chông; trong thành phục súng đại-bác, kiên-cố lắm. Trần Hiệp-đồng sai Luật-chác-hầu dàn binh ra trước mặt bắn đối-xạ vào, còn Thái lai-hầu thì đem binh theo mé tả lẻn ra mặt sau, giặc quả-nhiên đem toàn-lực ra cự-chiến ở mặt trước, hai bên bắn nhau như mưa, trong khi đang hăng thì quân Thái-lai-hầu hết sức phá rào, kiệu nhau đăng thành ồ vào, địch-quân bối rối, liều chết mở cửa thành chạy. Ngày 14 lấy được đồn Con-mòng. Lang-Lịch chạy vào rừng, hôm sau vào rừng đánh Lang-Lịch bắt được mẹ hắn. Ngày 19 vào đánh thôn Lươn ở trại Quảng-địa, Lang-Lịch thua, đem tàn-quân trốn vào khe núi rồi không thấy tăm-tích đâu nữa.

Đến ngày 25 cho quân ra các chân núi khiêu-chiến xem địch-quân ở đâu, thì chỉ thấy bắn ra chứ không thấy người, mà cư-dân ở đấy thì theo về địch-quân cả, không tra hỏi vào đâu được. Trần Hiệp-đồng bèn hạ lệnh cho ba quân đốt hết những thảo-xá của quân-cư tướng mạc, rồi kéo cờ đóng trống chầy ra và phao ngôn lên rằng: Quan-quân kéo ra Bái-đẳng-trang 沛滕庄 đóng. » Đi một ít đường, phản quân mai-phục vào trong rừng, địch-quân thám biết, ở trong các động, tranh nhau kéo ra lũ lượt, bỗng một tiếng hiệu nổ, phục-binh trong rừng bốn mặt ập lại, bắt sống được nhiều lắm, đem về tra hỏi, mới biết chỗ Hoàng Mật đóng, ngày hôm ấy tức khắc kéo vào tới mặt trước núi đồn Hoàng Mật đánh nhau, một mặt lại sai Luật-chác-hầu đem đạo tuyển-binh ra lối sau đồn tranh sơn, lối ấy đi hiểm-tuấn lắm, đến chiều mới tới nơi, ở trên núi bắn xuống rất dữ, Hoàng Mật phải đem tàn-quân trút mất, quan-quân phá cửa trước ồ vào thu được súng đạn khí-giới nhiều

lắm. Ngày mai lại đem đại-quân vào Sao-động 哨峒, lấy được súng ống khí-giới và 500 quan tiền, đưa cả về triều dâng nạp.

Bên quân Hoàng Mật bị thua luôn mãi, trốn tránh ẩn núp, thế-lực đã kiệt-quệ lắm rồi, bất-nhật bình xong

Bỗng đến ngày mồng 10 tháng 2 năm canh-thân, Cảnh-hưng nguyên-niên, có chỉ trừu hồi cả đại-quân, vì miền đông-bắc lại nổi loạn. Ngày 13 đã chỉnh-lữ để hồi trào, có thám-báo bọn Cai Đào lại ra cướp các dân làng, lại phải sai đạo quân Trung-kính đang đêm ra đánh một trận nữa, bắt được súng ống gươm mác nhiều lắm, đưa cả về kinh.

Cụ Trần Cảnh đi đánh miền tây-nam vừa một năm trời, giao-chiến 2[illegible] trận, phá được 12 đồn, chiêu-an được một huyện Quảng-bình, biên thành bạ-tịch dâng về triều, thì lại phải về đánh mặt đông-bắc, mà bọn Hoàng Mật lại khiếu-tụ mãi đến năm Cảnh-hưng thứ 31 mới tan.

(Còn nữa)

NGUYỄN TRỌNG-THUẬT

NAM-SỬ LIỆT-TRUYỆN KHẢO-CỨU[1]

II

Lê Khôi

黎 魁

Nước Nam ta nhà Trần nhiều kẻ tôn-thần, là anh-hùng hào-kiệt. Nay xem như Võ-mục nhà Lê, cũng thật là một kẻ thân-huân giỏi. Lê Khôi người ở làng Bồng-thượng, đất Lam-sơn, huyện Thuy-nguyên, tỉnh Thanh-hóa; cha là Lê Học, anh thứ vua Lê-tổ. Lê Khôi làm người nhã-trọng, ít cười nói, khi nhỏ theo Lê-tổ, khởi-nghĩa đánh giặc Minh, trải mười năm thường bị gian-hiểm, xông tên đột trận, đại-định rồi, lục Lũng-nhai công-thần thì ông thứ nhất, phong làm quan Thiếu-úy. Năm Thuận-thiên thứ ba, vào trấn Thuận-hóa, ân uy rõ bày, nước Chiêm-thành mộ-đức chẳng dám đánh cướp; thường sứ nước ta đến Chiêm-thành, người nước Chiêm ắt hỏi thăm Lê Khôi được mạnh không. Lê-tổ bàn việc lập Hoàng-tử. Lê Khôi xin lập Nguyên-Long, Lê-tổ bèn quyết, ban cho ông Lê Khôi kim-phù, đề rằng: « *Công-Cần đầu qui* 公瑾投龜 », trải đời Thái-tôn làm chức Tư-mã, đem quân đánh Thuận-hóa, Ai-lao, đều dẹp yên cả, đời Nhân-tôn cho tham-dự triều-chính mà trấn-phủ Nghệ-an. Có khi đem quân vượt bể vào đánh Chiêm-thành, mới đến đầu cõi, quân Chiêm trông thấy hiệu cờ, truyền gọi rằng: « Hẳn phải quan Tư-mã Lê Khôi đó không? » Lê Khôi bèn cởi mạo cho trông thấy, quân Chiêm đều lạy bái xin hàng; kéo quân về đến cửa bể nam-giới cảm bệnh chết, quân-sĩ bèn táng dưới núi Long-ngâm. Nhân-tôn thương tiếc lắm, bãi triều ba ngày, tặng chức Tư mã, thụy rằng Võ-mục. Thánh-tôn thơ tao-đàn rằng:

(1) Xem N.-P. số 100.

Võ-mục hung-trung liệt giáp binh,
武穆胸中列甲兵。

Lại có thơ quốc-ngữ rằng:

Dẹp yên tám cõi mới buông tay,
Lồ-lộ thai tinh một đóa mây.
Tể-tướng bếp tàn mai kệnh vạc,
Tướng quân dinh vắng liễu chau mày.
Phong lưu phú-quí ba đời thấy,
Sự-nghiệp công-danh bốn bể hay.
Thương ít tiếc nhiều bao xiết kể,
Miếu-đường hàn dễ cột nào thay?

Dân xứ Nghệ cảm nhớ công-đức lập miếu ở cửa bể Nam-giới, con là Lê Cảnh-Du xin lập bia ở bên miếu, năm Quang thiệu thứ tư, Thánh-tôn khiến bảng-nhỡn Nguyễn Như-Đỗ làm bi-văn, đến đời Hậu-Lê, miếu dời về xã Triều-khẩu thuộc tỉnh Nghệ-an, lại gia-phong thượng-đẳng-thần, Chiêu-trưng đại-vương.

Sách *Truyền-kỳ* thường chép chuyện Chiêu-trưng linh ứng, chẳng biết thực hay không, đời Chiêu-thống nhà Lê đã mất rồi mà miếu Triều-khẩu tế xuân, ca-nhi vũ-nữ múa hát vui mừng lắm, chẳng khác chi buổi thái-bình, có kẻ dật-sĩ đi qua bên cười rằng: Thần miếu này là tôn-thất nhà Lê, nước mất rồi cũng nên buồn-bã, mà còn cứ ca - xướng. Bên đề thơ rằng:

Cố-quốc sơn hà thương khách vọng,
故國山河傷客望。
Tằng-lâu ca vũ vị thùy xuân?
層樓歌舞爲誰春。

Khi ấy thần Chiêu-trưng dương ngự vào đồng-tử phán rằng: «Nhà Lê bốc-niên chỉ bốn trăm năm, lịch-số đã hết rồi, ta dầu muốn bổ-cứu cũng không dám cải trời được». Bản-triều tiến-sĩ Lê Duy-Trung làm bi-ký miếu Triều-khẩu có nói rằng: «.... *Linh-ứng chi sự, hữu bất thăng ký, độc cổ-bi chi trung-trinh, cụ vạn-thế chi gian-hùng, tắc kỳ nhi chính*» 靈應之事。有不勝記。讀古碑之忠貞。懼萬世之奸雄。則齊而平... », Lời bia chỉ tin một điều ấy cũng là lấy họa phúc mà răn kẻ làm tôi đời sau.

Sách *Luận-ngữ* có nói. *Trung-tín hành hồ man-mạch.* Nay xem Trần Nhật-Duật đan-kỳ mà hàng Giác Mật Lê Khôi miễn-trừ mà phục Chiêm-thành, hai ông ấy thật là có đức-vọng lắm. Nay vạn-quốc công-pháp cũng lấy thành-tín làm đầu, phỏng đồng-minh hiệp-ước, có người trung-chính mà thành-tín cảm-động, thay can-qua mà ngọc-bạch, tứ-hải đều là huynh-đệ cả, ngự-lôi tiềm-đình nào phải dụng làm chi!

. . .

Nguyễn Xí
阮熾

Lò tạo-vật đúc cho ta mỗi người một cái não để mà trữ tri khôn, nay xem ai ai cũng có não, mà không được mấy người có tri-khôn khảo-cứu nhân-vật thủa trước. Xem như Cương quốc-công Nguyễn Xí thực là bậc đại-tri.

Nguyễn Xí người ở làng Thượng-xá huyện Nghi-lộc, nay thuộc phủ Hưng-nguyên tỉnh Nghệ-an, gia-thế làm nghề muối, tuổi lên chín, theo anh là Nguyễn Biên ra Thanh-hóa, vào trại Lam-sơn yết-kiến Lê-tổ, cho làm gia-thần, coi một trăm con chó săn, Nguyễn Xí thường đánh một tiếng la, trăm con đều theo hiệu lệnh. Lê-tổ lạ lắm, bèn cho làm tướng thân-binh theo đánh giặc Minh, dầm gió dãi sương, xông-pha trăm trận, lấy công thăng thượng-tướng-quân, có một trận ở Mi-động cùng Tư-không Lê Lễ cưỡi voi mắc lầy bị giặc Minh bắt được, Lê Lễ chẳng chịu khuất mà chết, Nguyễn Xí nhân ban đêm lừa lính canh trốn về Lê-tổ, đại-định rồi, bàn công phong huyện-hầu, cho quốc-tính, trải làm quan đời Thái-tôn, vâng cố-mệnh giúp

Nhân-tôn, đến năm Diên-ninh thứ sáu, Lạng-sơn vương là Nghi-Dân nửa đêm đưa đồ-đảng trèo thành vào nội-cung giết mẹ con Nhân-tôn, tự lập làm vua. Nguyễn Xí cùng cựu-thần là Đinh Liệt mật-mưu xướng-nghĩa, thẳng vào Nghị-sự-đường giết thủ-nghịch Phạm Đồn, Phan Ban, bỏ Nghi-Dân và lập Thánh-tôn, khi ấy bàn công trung-hưng, phong Nguyễn Xí tước Quì-quận, trải chức Bình-chương Thái-phó hữu-tướng-quốc, thọ hơn sáu mươi tuổi, gia-tặng Thái-sư Cương-quốc-công; cháu là Nguyễn-Bá-Quỳnh ở đời Lê trung-hưng, Nguyễn Như-Thái ở đời Lê Cảnh-hưng đều có công-nghiệp, bản-triều trung-hưng công-thần Nguyễn Đình-Đắc cũng là miêu-duệ ấy.

Sách ngoại-thư có chép rằng buổi Nghi-Dân tiếm-vị, Nguyễn Xí ở tư-đệ giả-thác tật thanh-manh, có một ngày người thiếp bồng đứa con mới đẻ, đặt giữa cửa, Nguyễn Xí đi giả làm không thấy mà giẫm vào, chúng hầu-hạ trong nhà đều cho là Nguyễn Xí mù thật, Nghi-Dân nghe Nguyễn Xí mù, sai một đứa thân-tín đến giả xin làm hầu trà, để dò thực mù hay không. Có một ngày người hầu trà bỡn với người ái-thiếp, ông Xí giả hỏi rằng làm việc gì đó, đứa hầu trà thưa rằng đảo trà, rồi mà đứa hầu trà chắc rằng thật mù, mật-báo với Nghi-Dân rằng Nguyễn Xí quả mù. Lại có một ngày ông Xí giả đi sĩ, vào nhà sĩ xem binh-thư, người ái-thiếp lén thấy, bèn nói rằng ông ta có thực mù đâu. Ông Xí nghe rồi đến đêm gọi ái-thiếp vào trong buồng, giả lừa mẹo giết ngay, gọi con là Sư-Hồi vào chôn, chẳng cho ai biết. Đến bữa Nghi-Dân mời các cận-thần, Nguyễn Xí ngầm dắt đoản-đao ở dưới giầy vào Nghị-sự-đường lấy đoản-đao giết lũ Đồn, Ban. Việc ấy sách sử không chép, mà truyện cổ có để lại. Còn như sách truyền-kỳ có nói Nguyễn Xí buổi hàn-vi đi bán dầu ở tỉnh Thanh, qua huyện Đông-sơn, gặp trời tối, vào trú ở thần-miếu, ban đêm nghe thần-nhân nói rằng thiên-đình cho Lam-sơn Lê Lợi làm vua, lấy tháng *thân* ngày *thân* khởi binh. Nguyễn Xí khi ấy bèn tìm vào Lam-sơn theo Lê-tổ. Nay xem sử-ký chép năm tuất tháng giêng, Lê-tổ khởi binh, thời ngày tháng đều sai cả, truyện ấy thật chẳng đủ tin. Vốn rằng «binh bất yếm trá», cũng như gươm thời có chữ « Thuận-thiên Lê-Lợi 順天黎利», ấn thời có chữ « Đại-thiên hành-hóa 代天行化», đều là giả thần-thuật mà trấn-áp nhân-tâm. Lại sách *Truyền-kỳ* có nói Nguyễn Xí tổ-mộ hồ-táng, phát ra Nguyễn Xí làm tướng, mười hai con đều phong hầu, Thánh-tôn sợ Sư-Hồi làm phản, bèn đào sông Cấm, để tuyệt long-mạch, nay xem sử-ký chép, thời Nguyễn Xí thật hay minh-triết bảo-thân, mà Thánh-tôn cũng là quyến-chú lắm, người ta có cáo Sư-Hồi phản, Thánh-tôn lại dỗ Sư-Hồi rằng cải-quá, để làm chước bảo-thân, thế thì biết Thánh-tôn là khéo bảo-toàn công-thần, có phải như nhà Trần mê-hoặc phong-thủy mà đào sông đục núi.

Xem công việc Nguyễn Xí, một mình mà gồm cả khai-quốc, thủ-thành, trung-hưng, sự nghiệp chẳng khác Chu Bột nhà Hán. Nói đến trí-khôn thời khi trước bị giặc Minh bắt, chẳng chịu làm như Lê Lễ tử-tiết, mà lấy mẹo lừa khỏi; khi sau gặp Nghi-Dân tiếm-vị, nhiệt-thành chẳng lộ thanh-sắc, giả thanh-manh để định đại-kế, vẫn rằng vũ-phu là chủy-nột vô-văn, mà vận-động lại hay thiện-tàng kỳ-dụng; mới biết kẻ phủ-táo đều là đại-ngôn, bậc trọng-hậu mới hay nên việc. Nay nhà nước bảo-hộ hưn-đúc anh-tài, Đông-kinh có mở quán Khai-trí-tiến-đức, đã nhiều người bỏ thói hủ-lậu, dường y-phục, dường ngôn-ngữ thật là văn-minh, nhưng mà trí-khôn ở tinh-thần chẳng ở bì-tướng, xin nên thâm-trầm trọng-hậu, mới thật rằng trí rằng đức.

. . .

Phạm Đình-Trọng

范 廷 重

Nhất-đẳng-nhân, trung-thần hiếu-tử 一等人忠臣孝子; Đại-sự-nghiệp, vũ-lược văn-mô 大事業武略文模; nước ta xưa nay những bậc khoa-giáp đai-cân mà gồm đều trung-hiếu, đủ tài văn võ, chỉ thấy một ông Phạm Đình-Trọng sánh được với ông Trần Hưng-Đạo mà thôi.

Phạm Đình-Trọng người làng Khinh-đao, huyện Giáp-sơn, xưa thuộc phủ Kinh-môn, tỉnh Hải-dương, khi trẻ tuổi đĩnh-ngộ, có khẩu-chiếm một câu rằng:

Trời chẳng già đất chẳng già,
Năm hồ bảy miếu một mình ta.

Tuổi hai mươi sáu đỗ tiến-sĩ đời Lê Vĩnh-hựu, mới ra làm quan, làm chức hiệu-thảo (hàm thất-phẩm), sau có quân-công thăng chức Thống-lĩnh, khi ấy xứ Hải-dương giặc Nguyễn Tuyển, Nguyễn Cử làm loạn, năm Cảnh-hưng thứ ba, ông đem quân đánh bắt được Nguyễn Cử ở núi An-tử, rồi Nguyễn Cử là Nguyễn Hữu-Cầu người huyện Thanh-hà làng Lôi-động, tức là «giặc thằng He», tài-lực vô-song, người ta gọi là «Nam-quốc Hạng Vũ», tới trận thời cưỡi ngựa tay cầm hai gươm, quan-quân đều khiếp chạy. Trịnh-chúa sai ông Đình-Trọng với Hoàng Ngũ-Phúc đem binh tấn-tiễu. Hữu-Cầu bèn đào mả mẹ ông Đình-Trọng đổ xuống sông. Đình-Trọng giận lắm, bèn đem quân vây nã. Hữu-Cầu thế cùng-bức bèn làm chước hoãn-binh, dâng thư xin hàng, cầu cứu với quyền-thần là Đỗ Thế-Giai làm nội-viện. Trịnh-chúa muốn chiêu-dụ phong cho Hữu-Cầu làm Hướng-nghĩa-hầu, ông Đình-Trọng vào tâu xin thề bất-câu-sinh, rồi đem quân tấn-tiễu. Hữu-Cầu thế cô, chạy vào huyện Quỳnh-lưu xứ Nghệ, Đình-Trọng nã bắt được Hữu-Cầu ở núi Hoàng-mai (thuộc huyện Quỳnh-lưu.) Trịnh-chúa ban cho bốn chữ phi-bạch: «Văn vũ toàn tài 文武全才», gia tước cho Thượng-thư quận-công. Sau lại bắt được giặc Tàu-Ô ở Vân-đồn, vua Tàu khen rằng: «Nam-quốc hữu nhân 南國有人». Sau ra làm Đốc-suất xứ Nghệ, ân-uy rõ bày, dân-tình ái-mộ; vả xử kiện lại hay quyết-đoán, sách *Hoàng Việt văn-tuyển* có chép bài «Ký Phạm-công tượng đầu đoán tụng 范公象頭斷訟.» Tuổi bốn mươi, chết ở triều, khi ấy có người nói rằng bị hoạn-quan ở Trịnh-phủ ghét ông Đình-Trọng lắm, bèn sai người đánh thuốc ông Đình-Trọng chết. Tham-tụng Bùi Huy-Bích tế-văn rằng:

Vị tứ-thập nhi Thượng-thư, tại nhân vi tảo, tại công tắc vi trì; dĩ nho-quan vi Đốc-suất, tại nhân vi dị, tại công tắc vi nghi. . . .

Nại chi hà! Hoàng-lương nhất mộng, bệnh bất cập y.

Triều-đình vô di-biểu, thê tử vô di-chúc, phiêu-nhiên viễn thệ, hốt bất tri kỳ hà chi?

Ô-hô! y-hi! Hoành-sơn vân ám; Lệ-hải phong xuy.

Tướng-công thử khứ; thảo mộc đồng bi.

未四十而尙書、在人爲早、在公則爲遲。以儒冠而督率、在人爲異、在公則爲宜。奈之何、黃粱一夢、病不及醫。朝廷無遺表、妻子無遺囑。飄然遠逝。忽不知其何之。嗚呼噫嘻。橫山雲暗。龍海風吹。相公此去。草木同悲。(1)

(1) Đoạn này nghĩa là: «Chửa 40 tuổi mà làm đến Thượng-thư, ở người ta thì là sớm, mà ở ông thì là muộn; lấy nhà nho mà ra làm Đốc-suất, ở người ta thì là lạ, mà ở ông thì là đáng chứ chẳng lạ... Nài sao, một giấc kê vàng, bặt ngay đi không kịp chữa. (Câu này có ý ngờ là chết một cách khả-nghi.) Không để tờ di-biểu lại triều-đình, không có lời di-chúc cho vợ con, vụt vậy lánh xa, không biết là đi đâu. Than ôi! thương thay! Hoành-sơn mây mờ, Lệ-hải gió bay, tướng-công thác như thế, thê-thảm cả cỏ cây!

Sách ngoại-thư có chép rằng ông Đình-Trọng khi trấn tỉnh Nghệ, có một ngày ra ngoài thành-phố, các khách-trú đều la-bái, ông hỏi việc gì, khách-trú thưa chúng tôi thấy ông giống tượng thần Ngũ-hổ là tượng thần Phạm-Lãi, cho nên la-bái. Chẳng mấy lâu, ông có mụn bên vai, thuốc gì cũng chẳng khỏi. Có người khách về nước Tàu thấy tượng Ngũ-hổ bên vai hư nát bèn thuê thợ tô-tượng, xong việc rồi trở sang nước ta, thấy ông Đình-Trọng mụn khỏi đúng với ngày bên Tàu tô-tượng.

Lại có ngoại truyện chép rằng : Ông Đình-Trọng với Nguyễn Hữu-Cầu, khi trẻ con đồng-học một thầy, ông thông-minh, thầy thường yêu mến, Hữu-Cầu thời dốt vả ngỗ-nghịch, thầy thường mắng đập, có một ngày thầy ra câu đối rằng :

Mục-thị Hạng-Vũ 目視項羽。

Đình-Trọng đối rằng :

Dực-tế Bái-công 翼蔽沛公。

Thầy học khen rằng sau có đại-sự-nghiệp. Hữu Cầu thời dốt, chẳng biết biền ngẫu thể-cách là sao, vụt đối rằng :

« *Vũ tự lập vi Tây Sở bá-vương* 羽自立爲西楚霸王。» Cả trường học trò đều cười rằng dốt. Hữu-Cầu ra ngoài cửa, bảo ông Đình-Trọng rằng : « Thầy nói mày sau làm quan lớn, ta sau quyết làm giặc đánh mày », quả sau Hữu-Cầu làm giặc như khẩu-khí khi bé.

Việc ông Đình-Trọng tài-lược kinh tế như thế, mà có người làm thơ chê rằng :

Đại tài sinh tiểu-bang.
大才生小邦。
Chính-nhân sự nhuận-vị.
正人事閏位。
Hoàng-y ô linh-tiết,
黃衣汚旌節。
Thanh-sử hi tái-kỷ.
青史希載記。

Lời thơ ấy, vẫn là trách-bị hiền-giả, nghị-luận quá-khắc, nguyên buổi Lê Trịnh thời-đại, vốn rằng quan lũ đảo huyền (1), danh-phận bất-minh, buổi ấy chỉ có một Lê Duy-Mật cử binh xướng nghĩa, Duy Mật có hịch rằng :

Bằng văn-tôn văn tử, thù cha ông chi đề đội trời ; người vương thổ vương-dân, lòng trung-nghĩa phải toan giúp nước.

Hau hau nào phải con rồng, cấy lúa há dung loài giống khác ; đốm đốm khôn che vằng ác, ăn quả nên nhớ kẻ trồng-cây.

Võ Duy-Chi có lời nói triều-phục phi lễ. Bùi Sĩ-Tiêm có sớ xin tôn-phù đế-thất, còn ra các tấn-thân sĩ-phu đều là gặp hội phong vân, ra tay bổ-cứu, cũng như Quản-Trọng tưởng Hoàn-công, để mà trị chúa trạch dân, chẳng phải là câu câu tiểu-tiết, làm sất-phu chi lượng (2), thời ông Đình-Trọng ở buổi ấy đại-tài đại-dụng, ra mà kinh luân lỏi vũ là phải lắm.

Nước Nam ta nhân-vật gồm cả hiếu-trung văn-vũ, trước có ông Hưng-đạo, sau có ông Đình Trọng. Việc ông Hưng-đạo, sách ngoại-thư có chép rằng thiên-đình thấy nước Nam ta có mây bạch-khí, biết có giặc loạn, bèn sai thanh-y đồng-tử, giáng sinh ông Hưng-đạo, để trừ giặc Phạm-Nhan, ông Hưng-đạo khi năm tuổi, đã biết làm thơ ngũ-ngôn, đến khi đánh giặc Nguyên có làm bài hịch dụ tướng sĩ ; vũ-công văn-đức, thật là Đẩu-nam nhất nhân. Đức Dực-tôn thơ vịnh Sử khen rằng :

(1) Mũ với dép để đảo-lộn cả, nghĩa bóng là nói vì nhà Trịnh tiếm nhà Lê, làm trái ngược cả danh-phận.

(2) Giữ cái lối tin-cẩn nhỏ như kẻ sất-phu.

Cán phụ chi cổ hiếu trung đàn.
幹 父 之 蠱 孝 忠 殫。

Ông Hưng-đạo chết rồi, nước ta thờ làm thần thượng-đẳng, muôn đời còn tưởng, vạn kiếp linh thanh. Ông Đình-Trọng ở xứ Nghệ dân lập miếu thờ có câu đối rằng :

Cái thế anh-hùng kim cổ thiểu,
蓋 世 英 雄 今 古 少。
Tại nhân công đức địa thiên trường
在 人 功 德 地 天 長。

Các ông ấy trung can nghĩa-khí, hộ-quốc bảo-dân, làm phúc thần là phải, còn như Nguyễn Hữu-Cầu vẫn rằng dũng-mãnh, vợ Hữu-Cầu là Thị-Quỳnh có văn khóc rằng :

Nhớ từ xưa một đoàn ong dậy, dựng lê hoa vọi-vọi ngất trời ;

Nhận tới khi bốn bề hùm reo, chốn binh-địa ầm-ầm nổi sét.

Nhưng mà can - phạm danh-nghĩa, tàn-dân hại - vật, cũng làm thần Yên-ninh sao đáng ! Nguyên nước ta dân-trí bán-khai, tục còn thượng - quỉ, dâm-thần tà-quỉ cũng đều hình-hương trở-đậu, dân có tật-bệnh, chẳng biết cầu lương-y, chỉ cứ cầu thần xin thuốc, thường chết oan lắm lắm ; vả lại yêu xà quái vật, ông mãnh bà cô cũng được ngụy nga miếu mạo, sợ trong u-minh cũng chưa thỏa, cho nên âm-dương thất hòa, thủy hạn làm hại, nay nhà nước hoài-nhu bách-thần, tu-minh điển-lễ, xin những bậc có sự-nghiệp, có công-đức, có tiết-nghĩa thời liệt vào tự-điển, dư ra thời nên chước-giảm, thế thời thần-giới khuếch-thanh, chẳng những nhạc-độc hiệu-linh, phong điều vũ thuận, mà kinh chính dân hưng (1) cũng khỏi làm dị-đoan mê hoặc.

Lý Trần-Quán
李 陳 慣

Sách *Mạnh-tử* có nói rằng : « *Khả dĩ tử, khả dĩ vô tử* 可 以 死。可 以 無 死», vốn rằng có kẻ chết mà vô-ích ư sự, có kẻ chết mà sát thân thành nhân, như ông Lý Trần-Quán chết, thật là lưu phương vạn cổ !

Ông người làng Vân-canh, huyện Từ-liêm, xưa thuộc tỉnh Sơn-tây, đỗ Tiến-sĩ về đời Lê Cảnh-hưng, làm người giản-phác thuần-hiếu, ở tang-chế, ba năm lư-mộ (2), ai cũng khen là khổ-tiết. Năm Cảnh-hưng thứ bốn-mươi-bảy, ông làm quan Thiêm-chi Lại-bộ, vâng hịch đi mộ nghĩa-binh. Khi ấy Tây-sơn ra lấy Thăng-long, Trịnh-chúa Khải chạy sang làng Hạ-lôi thuộc Sơn-tây, Trần-Quán đi gặp giữa đường bèn khiến môn-sinh là Nguyễn Trang rằng: « Đây là ông Bùi Tham-tụng đi tránh nạn, nhờ mày hộ-tống qua địa-đầu » chẳng hay Nguyễn Trang nó đã biết là Trịnh Khải, nó bèn giải-nạp Tây-sơn. Trịnh Khải bèn tự-tử. Trần-Quán nghe Trịnh-chúa chết, khóc than rằng: « Ta làm tôi mà lừa chúa mắc nạn, mặt mũi nào đứng trong trời đất, » bèn khiến quản-chủ dự biện quan-tài, đào một huyệt đất sâu, ngày 28 tháng sáu ông Trần-Quán mặc áo mũ vọng-bái rồi vào nằm trong quan-tài, đọc một câu đối để lại cho con cháu rằng :

Tam niên chi hiếu dĩ hoàn,
三 年 之 孝 已 完。
Thập phân chi trung vi tận.
十 分 之 忠 未 盡。

Đọc rồi, xin quản-chủ đậy ván thiên lấp huyệt lại. Sau đời Chiêu-thống giết Nguyễn Trang đưa tế trước mồ Trịnh-

(1) Đạo kinh-thường chính-đính lại thì dân hưng-khởi làm điều thiện.
(2) Ở nhà mồ.

chúa, mà tặng ông Trần-Quán Binh-bộ thượng-thư.

Việc ông Trần-Quán thong-dong tựu-nghĩa, bốn bề đều nức tiếng khen. Có thơ điếu rằng :

Nghiêm ngưng hạo-tiết mai sương bạch,
嚴凝皓節梅霜白。
Chiếu diệu đan-tâm trúc hãn thanh.
照耀丹心竹汗青。
Tự cổ nhân sinh sinh hựu tử,
自古人生生又死。
Tử ư quốc-sự tử do sinh.
死於國事死猶生。

Tham-tụng Bùi Huy-Bích thơ viếng có câu rằng:

Hoặc viết hà tai ngộ cố-quân,
或曰何哉誤故君。

là nói rằng vì Trần-Quán gặp Trịnh-chúa giữa đường, làm lễ xu-bái, cho nên Nguyễn Trang biết là Trịnh-chúa. Nhưng mà Trịnh-chúa bỏ Thăng-long mà chạy Bắc-hà, ai nào chẳng biết. Nguyễn Trang nó là bỉ-phu, ham mùi phú-quí, việc gì mà nó chẳng dám làm, xem nó nói rằng : « Úy sư bất như úy tặc, ái vương bất như ái thân », nghĩa là sợ thầy chẳng bằng sợ giặc, yêu vua chẳng bằng yêu mình. Phỏng khiến Trần Quán khi ấy không chết, tuy là thầy học nó, nó cũng bắt đưa Tây-sơn, huống chi là Trịnh-chúa.

Xem một sử đời Lê, sĩ-phu nhiều kẻ tiết-nghĩa, chẳng những ông Trần-Quán là vậy, như buổi Mạc-thị cướp Lê, ông Võ Duệ vọng-bái Tam-sơn mà tự-vẫn, Thiều Qui-Linh nhảy xuống cầu Long-nhị mà chết đuối, bậc khoa-giáp tử-tiết hơn ba mươi người, bởi vì trị-giáo buổi Hồng-đức chuyên-trọng khoa luân-lý, cho nên phường quan-thân nhiều kẻ tiết-liệt.

Nay có kẻ nói rằng sĩ-phu đời Trần chuộng liêm-khiết, sĩ-phu đời Lê chuộng tiết-nghĩa, mà gồm cả liêm-khiết tiết-nghĩa chắc ở tại buổi giờ chăng, bởi vì nhà-nước Bảo-hộ, đãi quan-lại đều là tăng bổng để mà dưỡng liêm, thời làm quan chắc hẳn khỏi điều túng thiếu mà bảo-thư (1) thôi tắt, và lại người công-năng, người hạnh-kiểm, đều được đội ơn tinh-biểu, thời ai ai cũng lo hết chức-trách, hết nghĩa-vụ, rồi xem sĩ-phu đủ cả liêm-khiết tiết-nghĩa lại nhiều hơn Trần, Lê ngày trước!

.˙.

Trần Công-Xán
陳公燦

Khổng-môn tứ-khoa, có khoa ngôn-ngữ, ngôn-ngữ vốn là học hữu-dụng, nguyên rằng ra việc đời, đường thù-ứng, đường giao-thiệp, ngôn-ngữ là quan-hệ lắm. Xem như đời Hậu-Lê ông Trần Công-Xán một việc phụng-sứ, chẳng những buổi ấy địch-quốc kính sợ, mà anh-phong kính-tiết hãy còn nhức động muôn đời, là chỉ có vài lời nói mà thôi.

Trần Công-Xán nguyên tên Công-Thước, người làng Hưng-vị, huyện Đông-yên (xưa thuộc tỉnh Hưng-yên) đỗ tiến-sĩ khoa nhâm-thìn năm Cảnh-hưng, đến năm Cảnh-hưng 48, Tây-sơn Nguyễn Huệ ra Thăng-long vào chầu Lê-đế, khi ấy Nguyễn Hữu-Chỉnh đem ông Công-Xán yết kiến Nguyễn Huệ, các quan văn-võ đình-thần thấy Nguyễn Huệ thì đều kinh khiếp, sắc mặt xanh tái, ông Công-Xán thần-thái tự-nhược, cử-chỉ vững-vàng, Nguyễn Huệ trọng lắm, rồi Nguyễn Huệ kéo quân trở về, đưa thư với Lê-đế xin đất tỉnh Nghệ và sai tướng là Nguyễn Duệ làm trấn

(1) Nghĩa bóng là đút lót.

thủ. Nguyên Nguyễn Duệ là tướng của Nguyễn Nhạc, đến năm Lê Chiêu-thống nguyên-niên, Huệ Nhạc anh em đánh nhau, Nguyễn Duệ sợ Huệ giết, bèn sai người đưa mật-thư ra Bắc-hà, ước với Hữu-Chỉnh xin trả lại tỉnh Nghệ, mà hợp sức đánh Huệ, chẳng may sự tiết-lộ ra, Nguyễn Duệ sợ, bèn đi đường thượng-đạo về tìm Nguyễn Nhạc, khi ấy Lê-đế nghe anh em Tây-sơn chẳng hòa, muốn thừa - hấn lấy tỉnh Nghệ, mà Hữu-Chỉnh vì còn có vợ con ở Tây-sơn, nên chuyên chủ việc hòa, bèn sai Bình-chương-sự là Công-Xán đi sứ, đưa quốc-thư giao hiếu, trong thư lược nói rằng: «Tệ-quốc được tái-tạo, cảm ơn quí-quốc lắm lắm, ngày trước quí-vương có nói rằng: Quả thuộc đất-đai nhà Lê một tấc cũng không dám lấy; vả vì việc cát-địa khao-sư (1), mới chiếm-cứ đất Nghệ-an, thì nay xin hằng năm cứ đưa tuế-tệ, còn như Nghệ-an thời xin giao-hoàn lại». Nguyễn Huệ xem thư xong rồi, vứt xuống đất mắng rằng: « Ta thật ghét chư-thần Bắc-hà, khéo lấy môi mép phỉnh người; năm trước ta kéo quân ra Bắc-hà, cử-quốc xưng-đế (2), làm sao chẳng được? Ta nghĩ đến Tiên-đế, đưa đồ-tịch giao lại, ta có thèm gì tước quốc-công, và việc tiên-đế sơn-lăng, tự-vương nối thống, nhà ta chu-toàn cho cả, đã chẳng ơn ta thì chớ, lại nạp đứa bạn-thần ta, cướp đất Nghệ-an ta, ta nay rắp ra Thăng-long, lấy đầu cha con Nguyễn Chỉnh, chỉ sợ ngọc-thạch câu-phần, Tự-vương chẳng khỏi phong - trích. » Nguyễn Huệ nói rồi, Công-Xán bèn biện-chiết nói rằng: « Xưa đức Lê-tổ bình Ngô, công-đức ở trăm họ không quên, Mạc-thị muốn mà chẳng được, Trịnh-thị cũng phải lấy tiếng phù Lê, mà hiệu-lệnh thiên-hạ; năm trước Đại-vương cũng là xướng nghĩa tôn-phù, cho nên một ra Thăng-long, dễ-dàng mà chẳng ai dám ngăn trở, Đại-vương đưa thổ-vũ đồ-tịch mà trả lại, cũng là thuận nhân-tâm. Vả lại Đại-vương về Nam, Hữu-Chỉnh theo gót về, Đại-vương khiến lưu ở xứ Nghệ, cớ sao nói rằng bạn? Nghệ-an là đất cũ của nhà Lê, bản-quốc cứ giữ cố-cương, cớ sao nói rằng cướp? Hai nước hòa-hiếu thì sinh-vấn đi lại, nếu mà bất-hòa, đại-quốc có việc đánh dẹp, tiểu-quốc cũng có quân giữ bị, mũi thiên-uy tìm người bạc-mệnh, Tự - vương là lịch-số ở trời, nào sợ gì phong-trích. » Khi ấy Nguyễn Huệ nói điều gì, thì ông Công-Xán chiết điều ấy, Huệ giận lắm, bèn đem Công-Xán xuống ngục, thầm khiến Trần Văn-Kỷ bàn đồ ở làm quan, ông Công-Xán chẳng chịu, Nguyễn Huệ biết rằng khó khuất, bèn tha cho về, lại sợ ông Công-Xán về nói lộ việc anh em đánh nhau, bèn đem ông Công-Xán về đường bể, thầm khiến người đục thuyền chìm giữa sông, ông Công-Xán cùng hoàng-thân là Duy-Hiên, cấp-sự là Ngô Nho, sứ-bộ mười tám người đều chết đắm.

Việc ông Công-Xán chẳng nhục quân-mệnh, chẳng kể tử-sinh, trải muôn đời đều là sùng-bái, xem đó thì biết sứ-mệnh mà hay khéo từ-lệnh, thì khẩu-thiệt mà xếp được can-qua, nhà nước cũng nhờ mà tráng thanh-thế, thửa xưa đời thịnh-trị trọng chức hành-nhân là phải lắm. Nay năm châu qua lại, giao-thiệp càng rộng, nhà nước Bảo-hộ đặt trường dục-tài, khoa chính-trị, khoa văn-học, y, nông, công, thương, đều có khoa, giờ xin đặt thêm một khoa từ-mệnh, soạn những người trang-mạo đoan-chính, có khí-đởm, có kiến-thức, học đủ hán-tự, tây-tự, khiến vào nhà trường khảo-cứu Đông Tây xưa nay các việc, và sơn-xuyên lý-lộ, ba năm

(1) Cắt đất để nộp về tiền khao quân.

(2) Giữ nước xưng làm vua.

tốt-nghiệp rồi, lận-bồ vào tòa giao-thiệp, để khi giao-hiếu, đi xuất-sứ, hoàng-hoa giong bốn cõi, mà hoàn-bích lại có Lạn Tương-Như (1).

.·.

Nguyễn Hữu-Chỉnh

阮有整

Thời-vận đương buổi thái bình, thì những kẻ kiến thức tầm-thường cũng dễ làm nên công-nghiệp, trời đất mà có hội vân-lôi mới rõ mặt anh-hùng thủ-đoạn; nhưng mà có nhân-cách hoàn-toàn, gồm cả thánh-hiền hào-kiệt, mới hay khi biến khi thường, cử-động đều quang-minh chính-đại, nếu mà kiến-thức không định, bả-trì không vững, thì gặp biến có dễ sai lầm, mà tâm-tích cũng khó cho bộc-bạch; người đời sau phẩm-bình nhân-vật, nên thiết-thân xử-cảnh, bình-tình luận-sự mới phải. Xem như công việc Nguyễn Hữu-Chỉnh thật là trang-điểm cho Hồng-Lam mi-mục lắm, mà trải trăm năm kẻ thị người phi, chẳng có lời đoán-án.

Nguyên buổi Lê-mạt cũng như buổi Tam-quốc nước Tàu, nhân-tài nhiều lắm, nhà Lê thì có Hữu-Chỉnh, bản-triều thì có ông Thành, ông Duyệt, ông Vũ Tính, Tây-sơn thì có Nguyễn Nhạc, Nguyễn Huệ, Vũ Văn-Nhâm, anh-hùng đều xuất-hiện buổi ấy.

Nguyễn Hữu-Chỉnh người ở làng Cổ-đan, xã Đông-hải, huyện Nghi-lộc, thuộc tỉnh Nghệ-an, khi mới sinh ra cũng có sự lạ lắm, sinh ra trong một tháng đêm ngày thường khóc, có một người thần-nữ đến ru võng hát rằng:

Rau răm một cụm ba đồng,
Anh đi xứ Quảng xứ Đông chưa về,
Khi nào răm mọc rậm-rì,
Anh ra đất Bắc gửi yếm đào về cho em,

Từ đấy rồi chẳng khóc. Nguyên người thần-nữ ấy ở núi Vu-sơn (thuộc nước Tàu), khi quan Thám Nguyễn Lại thạch ở đời Lê đi Bắc-sứ, rồi theo về nước ta, gọi rằng cô Lự, thường hay tác-quái; mà câu hát ấy rồi nhằm như công việc ông Nguyễn Hữu-Chỉnh cả.

Hữu-Chỉnh tuổi lên bảy lên tám đã lỗi-lạc bất-kỳ, và hay làm văn quốc-âm, có câu đối đề cánh cửa rằng:

Mở khép càn-khôn, có ra tay mới biết,
Ra vào tướng tướng, thử liếc mắt mà coi.

Người ta đều khen rằng ngữ-khí phi-thường. Tuổi mười sáu thì đỗ hương-cống, buổi ấy Trịnh-thị tung-hoành, Hữu-Chỉnh có chí muốn chỉnh-đốn giang-sơn, bèn tập võ-nghệ, xem khắp nhâm-cầm thao-lược, sức vốn hèn, cất cái long-đao chẳng nổi, nhưng mà cứ bấm chí ra sức tập-luyện, rồi mà cử-trọng cất hai hòn chì (1) nổi, bèn thi võ, đỗ võ-cử, buổi ấy tôi Trịnh-thị là Hoàng Ngũ-Phúc nghe Hữu-Chỉnh có tài, đãi làm môn-khách, thường theo hành-trận lập-công, đến đời cháu Ngũ-Phúc là Hoàng Tố-Lý lại cho Hữu-Chỉnh thống thủy-sư, Hữu-Chỉnh hay thủy-chiến, có tài phá-lãng thừa-phong, người ta đều gọi rằng «điều bể». Gặp khi ấy binh ba phủ làm loạn, Tố-Lý bị giết, Hữu-Chỉnh sợ họa-cập, bèn mưu với quan trấn tỉnh Nghệ là Võ Tái-Đao rằng xin cứ tỉnh Nghệ mà biệt-lập một vũ-trụ, đắp trường-lũy ở Hoàng-mai, đem trọng-binh mà hãn-ngữ, còn như mặt bể thời phó mặc Hữu-Chỉnh, Tái-Đao lấy làm khó, chẳng dám theo. Hữu-Chỉnh bèn đem gia-quyến vượt bể vào Qui-nhân. Nguyễn Hữu-Chỉnh chỉ muốn đồ bá-vương, chẳng sá gì khanh-tướng,

(1) Vua Tần đòi lấy ngọc bích của nước Triệu, Lạn Tương-Như đem ngọc bích sang sứ Tần mà lại đem về được.

(1) Quả tạ.

thường có làm bài phú « *Tần-cung phụ-nữ dục lưu Bái-công* », có câu rằng;

Dòng Bảo-đường chảy róc-rách dưới sông Lưu;

Mây Bá-thượng cuốn chần-vần về đất Bái.

Câu ấy vốn rằng tự-ngụ sông Lưu là sông Yên-lưu ở huyện Nghi-lộc, đất Bái là thôn Cổ-bái, làng ở của Hữu-Chỉnh. Khi vào Qui-nhơn đi bên đường thấy miếu-vũ cột hoa-biểu có câu đối-liên rằng:

Hổ tự Tây-sơn xuất,
虎自西山出。
Long tòng đông-hải lai,
龍從東海來。

Hữu-Chỉnh lấy làm đắc-ý, nghi rằng ta là người Đông-hải, long là ta, mà nghe anh em Tây-sơn nó là anh-hùng ấy làm hổ, để vũ-dực ta, bèn quyết-chí theo Tây-sơn, chỉ một người thủ-hạ là Nguyễn Đình-Đắc, vào Gia-định tìm đức Cao-hoàng. Hữu-Chỉnh đến trại Tây-sơn, yết-kiến anh em Nguyễn Nhạc, lễ trọng lắm, đãi làm thượng-khách, Hữu Chỉnh bèn bày cho Tây-sơn, tuyển tướng luyện binh, để lấy Thuận-hóa, Trịnh-chúa Khải sai em rể Hữu-Chỉnh vào dỗ về, Hữu-Chỉnh chẳng nghe bèn cầm gươm chém ngay, Tây-sơn càng thêm tin lắm; năm Cảnh-hưng thứ 48, Nguyễn Huệ kéo quân ra lấy Thuận-hóa, Hữu-Chỉnh bèn bày cho Tây-sơn làm thư phản-gián khiến Trịnh-tướng là Hoàng Đình-Thể, Phạm Ngô Cầu đều là nghi nhau, lại khiến kẻ thuật-sĩ vào dinh Ngô-Cầu xem Đẩu-số bảo làm chay để cầu phúc, Ngô-Cầu bèn làm chay bốn năm ngày đêm, quân-sĩ đều nhọc mệt, Nguyễn Huệ thừa thắng thẳng đến, Ngô-Cầu mở cửa thành ra hàng. Khi ấy Nguyễn Huệ muốn nhân lũy Trường dục thuộc địa-phận tỉnh Quảng-bình, ngăn nam bắc mà tính bài phân-vương, Hữu-Chỉnh bèn thưa rằng: « Binh-pháp có nói cơ, thời, thế, ba điều, mà ba điều ấy may ta có cả, phương-chi nhà Trịnh binh kiêu dân oán, vả lịch-số cũng hết rồi, Trịnh Kiểm mẫu mộ, sách địa-phong-thủy-sư có câu rằng: « *Truyền nhị bách niên, tiêu-tường khởi họa* », chúa-công mà kéo cờ phù Lê diệt Trịnh, ai dám đương địch. » Nguyễn Huệ bèn quyết-kế kéo quân ra Bắc-hà, cho Nguyễn Chỉnh làm tiên-phong, đi đường thủy-đạo, Hữu-Chỉnh đem thủy-quân vượt bể vào sông Vị-hoàng, hai ba thuyền đi trước thời đều người hình bồ-nhìn, mà mặc áo mạo lính, quân nhà Trịnh tính là quân thật, bèn phát súng bắn, thuốc đạn đều hết, quân hậu đạo của Nguyễn Hữu-Chỉnh được gặp gió đông, thuận lên hợp với quân bộ Nguyễn Huệ thẳng đến Thủy-ái, Trịnh-chúa bỏ chạy sang Sơn-tây mà tự tử, Nguyễn Huệ bèn vào chầu vua Lê, dâng nộp đồ-tịch, khi ấy xứ Thanh xứ Nghệ đều cười Hữu-Chỉnh rằng: « Cõng rắn cắn gà nhà ». Lại có câu hát rằng:

Ai đem con sáo sang sông?
Để cho con sáo sổ lồng sáo bay!

Nguyễn Huệ đã đuổi Trịnh-chúa, lưu ở Thăng-long mấy lâu, thấy sĩ phu đều theo phụ Hữu-Chỉnh, Nguyễn Huệ càng thêm ghen ghét, rồi Nguyễn Nhạc là Võ Văn-Nhâm nói với Nguyễn Huệ rằng: « Ta mắc lừa Hữu-Chỉnh ra đây, mà giam một vạn quân ở mãi thật là ngu lắm. » Chẳng mấy ngày Nguyễn Nhạc tiếp đến, anh em Tây-sơn nói với nhau rằng: « Hữu-Chỉnh nó nhờ ta mà mở mày mở mặt, nay nó lại muốn vượt ta đi, nó thường nói: « *Bắc-hà nhân-tài, duy Chỉnh nhất nhân* », chẳng bằng anh em ta sẽ Nam-qui, bỏ nó ở thành Thăng-long, để nhân-tâm oán nó vào cốt-tủy, thế nào nó cũng chết, nó chết thời Bắc-hà về tay ta cả. » Chưng khi ấy anh em Tây-sơn mật-mưu, bạn đêm kéo quân về, rạng ngày Hữu-Chỉnh mới biết, bèn

vượt bể theo về, gặp Nguyễn Huệ ở xứ Nghệ, Nguyễn Huệ ủy-dụ Hữu-Chỉnh, khiến ở với Nguyễn Duệ trấn tỉnh Nghệ. Nguyễn-Chỉnh khi về tìm Nguyễn Huệ có vào tâu vua Lê, xin về mộ binh nhập vệ, đến khi đã về tỉnh Nghệ rồi lại giả chiếu nói vua sắc mộ binh, tướng-tá có kẻ muốn xin vào đánh Tây-sơn để thu-phục Thuận-hóa, nhưng mà Hữu-Chỉnh lấy vợ con còn gửi thác ở Tây-sơn, vậy nên chẳng dám quyết, gặp khi ấy Trịnh Lệ trở về thành Thăng-long, theo lệ chuyên tiếm. Lê-hoàng càng tức-tối lắm, bèn đưa mật-chỉ triệu Hữu-Chỉnh. Hữu-Chỉnh được chiếu-chỉ mừng lắm, bèn bay hịch kể tội Trịnh-thị, hịch-văn có câu rằng:

« *Nhờ lộc nước phải lo việc nước, rắp phen Trương-tử trả ơn Hàn; ăn cơm vua đành báo nghĩa vua, nỡ để Tào-man đòm vạc Hán.*

« *Qua sông Mạnh phất cờ Châu-Võ, ra tay dẹp loạn phản binh; vào đất Quan thét ngựa Hán-hoàng, quyết chí lấy nhân đổi bạo. v. v..* »

Kéo quân tứ-thành tứ-đột, thẳng đến Thăng-long đuổi ngay chúa Trịnh. Lê-hoàng bèn phong tước cho Bằng-trung-công. Hữu-Chỉnh khi ấy, phỏng hay một miền tôn-phù, biết đường tôn hiền hạ sĩ, tuyển tướng luyện binh, đắp một trường-thành ở Hoành-sơn, đưa quân trọng-binh hãn-ngự, để làm phên rậu cho đất Bắc, kết-hiếu với đức Cao-hoàng ở Gia-định, xin kéo đại-binh ra để kháng-cự phía nam, lại biết sai thủy-quân vượt bể vào Thuận Quảng mà thường thường khiêu-chiến, như thế thời Nguyễn Huệ vẫn rằng anh-hùng, còn tự-cứu bất-hạ, lẽ nào vẫy-vùng đất Bắc được. Chẳng hay Hữu-Chỉnh dắc-chí rồi, lầu-phủ nghênh-ngang, cha con vinh-hiển, Lê-hoàng lòng đã yếm, hào-kiệt cũng mất trông, Tây-sơn biết tỏ thực hư, sai Văn-Nhâm kéo quân ra đất Ninh-bình. Hữu-Chỉnh cha con đem quân ngự-hãu, qua sông Thanh-quyết, bởi làm thất cơ, mà thua chạy về Thăng-long, đưa Lê-hoàng sang Kinh-bắc, Mục-sơn một trận giao-binh, cha con đều bị giặc bắt. Văn-Nhâm nó kể tội giết ngay, người ta có câu rằng:

Đi cùng bốn bể chín chu,
Trở về ngồi bếp chuột chù nhấm chân.

Tư-phổ có nói rằng: Hữu-Chỉnh gia-tư phú-hữu, có rước thầy Tàu xem phong-thủy ở huyện Cau-lộc, được một huyệt ở Côn-sơn, thầy đoán rằng: « *Côn được tam thiên, công hầu miên miên* 鯤 躍 三 千。公 侯 綿 綿。» Một huyệt ở Bằng-sơn, thầy đoán rằng: « *Bằng đoàn cửu vạn, thiên-hạ đại loạn.* 鵬 摶 九 萬。天 下 大 亂。» Hữu-Chỉnh xin táng huyệt ở Bằng-sơn, thầy lại đoán rằng: « *nhất phát bất như tái phát, tái phát bất như tam phát, kinh thiên động địa.* 一 發 不 如 再 發。再 發 不 如 三 發。驚 天 動 地。» Đến khi Hữu-Chỉnh làm nên, phù Lê diệt Trịnh, lại có thầy phong-thủy chỉ đất Bằng-sơn rằng:

Ai về Đông-hải nhắn lời cùng,
Lông cánh bao nhiêu chớ vẫy-vùng.
Hồng-lĩnh bên kia bề bên nọ,
Bay thời mắc lưới đậu mắc cung.

Cho nên Hữu-Chỉnh chẳng làm nên bởi vì thế. Những lời ấy chẳng qua kẻ thuật-sĩ nói để cuống-hoặc trong đời, chứ Hữu-Chỉnh làm chẳng nên công là bởi vì vận chung Lê-tộ, thiên khải Nguyễn-hoàng; mà lại có một lẽ nữa, quân Hữu-Chỉnh là quân hương-dũng ô-hợp, quân tứ-trấn kiêu-binh, quân Tây-sơn thì một tiếng trống đều lội qua sông cả, thật là tiết-chế chi binh. Hữu-Chỉnh tuy rằng hữu-năng chi tướng, mà vô-chế chi binh. Sử chép binh-thuyền cha con Hữu-Chỉnh đóng ở bắc-ngạn sông Thanh-quyết, canh phòng chênh-mảng, đêm thấy báo rằng giặc kéo mất thuyền con Hữu-Chỉnh sang

nam-ngạn, quân-sĩ cả sợ, vỡ chạy, lẽ nào dương được Nguyễn Huệ.

Việc Hữu-Chỉnh xuất-hiện ở cõi đời như thế, mà buổi ấy sĩ-phu nhiều lòng vì Trịnh, ít bụng tôn Lê, Hoàng-giáp Phạm Duy-Khiêm có câu phú chê rằng:

Gọi phù Lê, Lê mượn đâu mà phù,
Nói diệt Trịnh, Trịnh tội gì mà diệt.

Ấy là chê Hữu-Chỉnh giả danh-nghĩa.

Lại có kẻ bàn rằng Hữu-Chỉnh, Nguyễn Huệ đều là phường bợm phường xỏ cả, trước thì Nguyễn Huệ mắc lừa Hữu-Chỉnh, sau thì Hữu-Chỉnh mắc lừa Nguyễn Huệ, thành công thì làm Nguyễn Huệ, không thành công thì làm Hữu-Chỉnh, hai người chẳng hơn kém gì nhau. Vậy có thơ vịnh Hữu-Chỉnh rằng:

Một mình gánh vác với non-sông,
Bể Bắc trời Nam sức vẫy vùng.
Những chắc Tây-sơn rằng nó hổ,
Nào hay Phú-đảo vẫn là long,
Kéo cờ diệt Trịnh ra tay cả,
Giống trống phù Lê gặp vận cùng.
Cuộc ngoại ngồi xem nên gẫm lại,
Xưa nay thành bại mấy anh-hùng.

Nhà cựu-sử có chê Hữu-Chỉnh rằng: « *Ta ta Đông-hải, hà bổ càn-khôn* 嗟嗟東海何補乾坤。», lời ấy vẫn là thiên-kiến, cũng như người lùn coi đám, nghe người ta chê thì chê. Nhà tân-sử Đào Nguyên-Phổ có khen Hữu-Chỉnh rằng có công với Bản-triều, cũng là chẳng phải xác-luận; nguyên đức Cao-hoàng vốn là chấn-cổ anh-hùng, tướng-tá thì có ông Thành ông Duyệt, binh-khí thì có Đại-Pháp, Hồng-mao, và Tây-sơn thì hà-pháp trọng liễm, Cao-hoàng thì phát-chánh thi-nhân, nhất nhân nhất bạo, hưng vong đã phân rồi, Hữu-Chỉnh không đưa Nguyễn Huệ ra đất Bắc, mà cứ đánh cướp cõi Nam, đức Cao-hoàng ắt cũng nam Hồ bắc Việt, dưỡng-uy súc-nhuệ, chẳng thiếu gì nơi, xem như Nguyễn Huệ vây đức Cao-hoàng ở Côn-đảo ba vòng, mà trời thổi đại-phong cho ngự-châu thoát khỏi, biết rằng thiên-mệnh hữu tại, trăm Nguyễn Huệ chẳng làm gì được.

Lại có kẻ tiếc cho Hữu-Chỉnh rằng tài-khí có thừa, chỉ say hai chữ công-danh, nên phải đi nam về bắc, mang tiếng gian-hùng, vậy có thơ rằng:

Tài-lược như công quán Bắc-hà,
才略如公冠北河。
Nhất thân vạn-quốc khởi vô gia.
一身萬國豈無家。
Tây-sơn thị hổ chung nan hiền.
四山是虎終難顯。
Đông-hải phi long khước tự khoa.
東海非龍却自誇。
Diệt Trịnh hữu danh hoàn đạo triệt,
滅鄭有名還蹈轍。
Phù Lê vô kế khả huy qua,
扶黎無計可揮戈。
Công-danh tự cổ đa vi lụy,
功名自古多爲累。
Hoan Ái hưu tương tiếu phụ xà,
驩愛休將笑負蛇。

Việc Hữu-Chỉnh trải mấy đời, kẻ khen cũng có lẽ phải, kẻ chê cũng có lẽ phải, cầu-tuyền trách-bị, vốn chẳng được hoàn-toàn nhân-cách, nhưng mà tài-khí vận-động, thật là xưa nay ít có, xem như buổi khiết-gia (1) ra đi có nói với Võ Tái-Dao rằng «Thiên-hạ vạn-quốc, hà hoạn vô xứ khả đầu (2).» Một lời nói ấy thật là khích-lệ cho kẻ nam-nhi chí-khí tứ-phương, mở-mang cho kẻ hào-kiệt dọc ngang vũ-trụ, như ngày nay nhiều người ứng-mộ sang nước Đại-Pháp là thế.

(1) Đem cả gia-quyến đi.

(2) Thiên-hạ muôn nước, lo gì không có chỗ mà đi.

Hữu-Chỉnh thật là có cơ-quyền, có khí-tiết, và lại có một phần công về đường danh-giáo, rằng khi ấy Tây-sơn đã được Thăng-long, Hữu-Chỉnh làm như Nguyễn Cảnh-Thước cướp áo hoàng-bào sao mà chẳng được, mà cha con cứ cầm cương ngực theo gót Lê-hoàng, thật là lâm-nạn vô-cầu-miễn, đức Dực-tôn Việt-sử ngự-phê có khen rằng: « *Chỉnh năng tử nạn, thắng ư trịnh-thị chư nhân* (1) ». Thánh-dụ vốn là tiết-thủ (2) cho Hữu-Chỉnh, mà cũng treo gương cho muôn đời thần tử, mới biết Hữu-Chỉnh là phường khoa-cử, lấy nho-y nho-quan mà phá tan cuộc Trịnh, liều mình với nhà Lê công việc nhiều điều lỗi-lạc, nay hoàn cầu các nước chẳng khinh rẻ thân-sĩ nước ta cũng bởi Hữu-Chỉnh làm cho xuất-sắc.

(*Còn nữa*)

LÊ THÚC-THỐNG (*Nghệ-an*)

TÂM-LÝ HỌC (3)

VI

Thế nào là trí?

I) Bao nhiêu việc tâm-lý thuộc về tính-tự đều thuộc về cái « ta » cả. Nếu đối với các hiện-tượng mà bỏ được cái quan-hệ đối với cái « ta » đi, thì mới thực là dùng trí. Ví như trông thấy con rắn ở trên đường cái. Nếu ta quên hẳn rằng con rắn là vật có thể làm hại đến ta, nếu ta gác bỏ cái « ta » đi mà ta xét hình-thù con rắn, cách vận-động của nó, ta chỉ coi nó là một thứ động-vật (*un spécimen zoologique*) thì lúc đó ta mới thực là dùng trí mà xét các hiện-tượng. Nếu ta không chịu xét con rắn như thế, nếu ta chỉ xét cái quan-hệ đối với ta, thì ta sợ, ta sắp-sẵn để chạy hay để đánh. Như thế thì cảm-giác ít mà cảm-tình nhiều. Tư-tưởng, tri-giác, tức là tự để mình vào địa-vị người bàng-quan vô-tình đối với cái thực-thể ở ngoài ta. (*Penser, connaître, c'est se poser en spectateur indifférent devant une réalité extérieure à nous*).

II) Trong trời đất có nhiều hiện-tượng, xét được các hiện-tượng đó, lại xét được điều quan-hệ của nhiều hiện-tượng đối với nhau đó là trí. Các điều quan-hệ của nhiều hiện-tượng đối với nhau (*rapport des phénomènes entr'eux*) người ta xét được, là điều quan-hệ phổ-thông và vĩnh-viễn (*rapport universel et permanent*). Người ta chỉ xét được hiện-tượng ở một chỗ và ở một thời, các hiện-tượng riêng (*le particulier*) và không nhất-định (*le variable*) mà suy ra được cái phổ-thông và cái vĩnh-viễn.

Thí-dụ như người ta đem sắt cho vào lửa thì thỏi sắt nóng lên và dài ra. Cái « nóng lên » và « dài ra » là điều quan-hệ của sắt và lửa. Người ta đem sắt cho vào lửa ở một chỗ, một thời. Nếu mà là giống không có trí thì không suy ra được rằng: Ở chỗ nào sắt cho vào lửa cũng nóng lên và dài ra.

---

(1) Chỉnh hay chết theo nạn vua, hơn những người họ Trịnh nhiều lắm.

(2) Chọn lấy một điều mà khen.

(3) Xem N. P. 89, 90, 92, 95, 96.

Lúc nào sắt cho vào lửa cũng nóng lên và dài ra.

Nếu mà là giống không có trí thì chỉ biết rằng: Giờ này, ở chỗ này ta thấy sắt vào lửa nóng và dài thêm. Các hiện-tượng trong trời đất bày ra không cứ lúc nào, chỗ nào. Người ta lấy sự sát-nghiệm một lúc, một chỗ mà biết rộng được cả các điều quan-hệ của các hiện-tượng ở mọi chỗ, mọi thời.

Vậy thì trí còn có thể định-nghĩa là: cái năng lực của tâm-hồn suy được cái phổ-thông, cái vĩnh-viễn ở cái đặc-biệt, cái biến-thiên. (*L'Intelligence est le pouvoir de saisir l'universel et le permanent sous le particulier et le variable*).

Công việc của trí-tuệ

I) Trước hết lấy vật-liệu ở ngoại-giới.— Những vật-liệu lấy ở ngoài vào là cảm-giác và tri-giác (cảm-giác, tri-giác nghĩa khác nhau, sau sẽ bàn rõ).

II) Sau giữ lại một phần các cảm-giác, tri-giác. — Bằng sự ký-ức, bằng tái-sinh-tưởng-tượng (*l'imagination reproductrice*).

III) Sau cùng phải hóa (*élaborer*) các cảm-giác tri-giác ấy:

a) *Hóa tự-nhiên* (*Elaboration spontanée*). Mục này chuyên về liên-tưởng (*association d'idées*), tưởng-tượng, trừu-tượng và khái-quát.

b) *Hóa theo lý* (*Elaboration logique*). Mục này chuyên về chú-ý có ý-nguyện (*Attention volontaire*), phán-đoán (*jugement*), suy-lý (*raisonnement*) cùng các then-chốt của trí-tuệ, các đệ-nhất nguyên-lý (*principes directeurs de la connaissance : les vérites premières.*)

Cảm-giác

(*Sensations*)

Vật-liệu đầu của tri-thức là cảm-giác. Cảm-giác là sự rung-chuyển trong tâm-hồn khi xác-thịt tiếp-xúc với ngoại-giới (*La sensation est le retentissement de la conscience au contact du corps avec le monde externe*), nhất là khi ngoại-giới tiếp-xúc với những chỗ trong thân-thể có nhiều thần-kinh-hệ gọi là giác-quan (*organes des sens*). Muốn cho sau này tránh được nhiều sự lẫn-lộn hàm-hồ, ta nhất-định gọi cảm-giác là cái rung-chuyển trong tâm-hồn, chứ không phải sự biến-đổi về sinh-lý (*modification physiologique*) của giác-quan, hay của thân-thể. Cái vật ngoài gợi nên cảm-giác ta gọi là « ngoại-nhân » (*excitant*) (1).

Cảm-giác có những tính-chất gì? — Mỗi một cảm-giác có:

1°/ Một cái « phẩm » (*qualité*). Có thị-cảm-giác, có thính-cảm-giác, có khứu-cảm-giác, có vị-cảm-giác, v. v.;

2°/ Một cái « lượng » (*intensité, quantité*). Có cảm-giác mạnh, có cảm-giác yếu. Tiếng súng đại-bác to hơn tiếng súng tay.

3°/ Một « phần thuộc tình » (*son affectif*). Một cảm-giác đối với tình-tự chỉ có một là lạc-cảm, hai là khổ-cảm, không có cái nào trung-lập.

4°/ Một « sự hình-dung » (*représentation*). Cảm-giác hình-dung cho người ta biết cái ngoại-giới.

Trong các cảm-giác thì cảm-giác nào hình-dung nhiều thì tình-tự ít. Thị-cảm-giác là cảm-giác hình-dung nhiều.

---

(1) Như trông thấy cái hoa thì cái hoa là *nhân* cái thị-cảm lúc bấy giờ. Cái *nhân* ấy vì ở ngoài thân-thể nên gọi là *ngoại-nhân*. Lại như lúc đau tay, thì cái vết thương là « ngoại-nhân ». Vết thương, tuy ở trong thân-thể, nhưng cũng ở ngoài tâm-lý, nên cũng có thể gọi là « ngoại-nhân. » (Xem lại phần thứ nhất, đoạn thứ nhì: « Tâm-lý-học là khoa-học thần-hồn. »)

Giác-quan mới

Người ta có bao nhiêu giác-quan? Các nhà tâm-lý học cũ nói rằng có năm: *thị, thính, khứu, vị, xúc* (trông, nghe, ngửi, nếm, sờ). Các nhà tâm-lý-học mới thêm vào năm thứ cảm-giác mới là: nội-cảm-giác, động-cảm-giác, hàn-thử-cảm-giác, phương-hướng-cảm-giác, khổ-cảm-giác.

— « Nội-cảm-giác » (*Sensations internes*) — Nội-cảm-giác cho ta biết các cân-cốt ta (cảm-giác về mỏi, mệt, chuột rút[1], vân-vân), bộ máy tiêu-hóa ta (đói, khát, đầy, lợm bộ máy hô-hấp ta (thoáng, ngạt), bộ máy tuần-hoàn ta (bứt rứt trong máu) tạng phủ (nóng, rét) (2). Tóm lại là cho ta biết cái nội-cơ tổ-chức của ta. Nội-cảm-giác gọi là « hữu-cơ-cảm giác » (*cénesthésie*) (3).

Ta có nên khải-phát các cảm-giác ấy không? Các cảm-giác ấy mà khải-phát ra thì chỉ hại nhiều mà lợi ít. Người nào mà các cảm-giác ấy tinh, dùng khi ốm đau để mà tự nghe lấy bệnh là tiện-lợi. Nhiều khi, nhất là khi bị thôi-miên, « hữu-cơ-cảm-giác » rõ-ràng quá, mạnh quá, thành ra một sự gọi là « tự-sát-nghiệm » (*autoscopie*). Có người ốm, thật là lúc thường không biết tạng-phủ ra thế nào, mà khi bị thôi-miên tả được cả sự vận-động của quả tim, có cái kim, miếng xương trong dạ dầy, trong ruột, cũng biết được đích-xác, nói ra không sai chút nào. (4)

Nếu lúc bình-thường mà « hữu-cơ-cảm-giác » tinh quá thì thành ra mắc phải bệnh « sợ bệnh » (*nosophobie*).

— Động-cảm-giác (*Sensations kinesthésiques*) — Không cần phải nhìn thân-thể ta, ta cũng biết được cách lập-thế của ta ở không-gian. Không cần phải nhìn, ta cũng biết rằng tay ta ruỗi hay gập, giơ lên hay hạ xuống, chân ta thẳng hay co. Không phải rằng chân tay ta có xúc-tiếp với vật ngoài ta mới biết đâu. Nếu ta vung tay ta ở chỗ không, không đụng vào vật gì, ta cũng có thể biết được sự cử chỉ của tay ta. Trước kia, người ta nghĩ rằng các bắp thịt là giác-quan cho ta biết cảm-giác đó; bởi thế đã gọi cảm-giác ấy là « cân-cảm-giác » (*sensation musculaire*). Nhưng rồi sau xét ra mới biết rằng các bắp thịt không phải là giác-quan của các cảm-giác đó. Nếu người khác cầm tay ta quay thì ta không phải dùng bắp thịt để quay tay nữa, thế mà ta vẫn biết rằng tay ta quay. Giác-quan của động-cảm-giác ở các cốt-tiết (chỗ hai xương nối với nhau). Khi ta gập tay thì chỗ khuỷu tay cho ta biết rằng tay ta gập.

Động-cảm-giác giúp cho người ta thành cái ý-niệm về không-gian (*notion d'espace*). Vấn-đề ấy, khi xét đến mục « không-gian » sẽ bàn rõ. Nay hãy tạm xét cái quan-hệ của giác-quan này về mặt thường-thức. Động-cảm-giác có tinh thì chân tay mới mềm-mại, mới khéo-léo. Người đấu-kiếm giỏi tức là người lượng được sức mũi gươm đi mạnh hay yếu, không trông mà biết mũi

---

(1) Nhiều lúc tự-nhiên chân-tay co-coắp khó chịu gọi là chuột rút, đó là vì bắp thịt tự-nhiên co-rút (chữ tây là *crampe*.)

(2) Nóng rét đây là trong tạng-phủ cơ-thể nóng rét, tức như lúc ấm minh, lúc sốt rét, lúc váng đầu. Còn cái nóng rét ở ngoài thì thuộc về hàn-thử-cảm-giác (*Sensations thermiques*.)

(3) Sách *Tâm lý-trích-yếu* của ông văn-học bác-sĩ Nhật-bản Tỉnh-Thượng-Viên-Liễu (bản dịch chữ hán của ông Thẩm Tụng-Thanh) chia cảm-giác làm hai loại lớn 1° Phổ-hữu-tính cảm-giác (普有性感覺) tức là các nội-cảm-giác (*Sensations internes*) — 2° Đặc-hữu-tính cảm-giác (特有性感覺) tức là 5 thứ cảm-giác khác (thị, thính, vị, khứu, súc)

(4) Bởi thế nên nhiều nhà y-sĩ dùng thuật thôi-miên (*hypnotisme*) để chữa bệnh.

gươm nghiêng về bên nào, chỉ lên hay chỉ xuống. Những người chữa máy đồng-hồ, phải biết dợ trước cái sức tay mình, lựa được sự vận-động, thì mới không hư-hỏng máy. Người nào động-cảm-giác không tinh thì lúc đáng nhẹ thì mạnh, lúc đáng mạnh thì nhẹ ; người ấy chỉ dùng làm thợ rèn, thợ búa, thợ cày, chứ cho làm những việc nhẹ thì thò dễn cái gì là đập vỡ, phá hỏng cái ấy. Xem như những người mới ở nhà quê ra ở tỉnh cầm chén nước là việc không phải dùng sức nhiều, thế mà hai tay bưng lệ-phệ, trông rất buồn cười ; đánh, lau cái chén là việc dùng ít sức, đáng lẽ phải cử-động nhẹ, thế mà hình như dùng hết sức, hùy-huych làm cho vỡ mẻ cả. Có một nhà triết-học thích nghĩa chữ « tao-nhã » (*élégance*) như sau này : « Tao-nhã, là dùng ít sức mà được nhiều việc» (*L'élégance consiste à donner un minimum de travail pour un maximum de résultat*). Như người mới tập xe đạp, hết sức đạp, dùng rất nhiều sức mà vẫn không đi được, thế là dùng nhiều sức mà được ít việc, thế là không « tao-nhã ».

Vậy thì động-cảm-giác tinh thì người hóa « tao-nhã ».

— « Hàn-thử cảm-giác » (*Sensations thermiques*). — Đã lâu người ta vẫn gọi xúc-cảm-giác (*sensation du toucher*) là cảm giác về nóng lạnh, về sự nhẵn hay không nhẵn, tròn, vuông, đau, buốt. Ít lâu nay các nhà sinh-lý-học, các nhà tâm-lý-học lại tách xúc-giác-quan ra làm ba giác-quan là : xúc, hàn-thử, khổ-cảm-giác (*sensations tactiles, thermiques, douloureuses.*) Bốn giác-quan ấy đều ở da. Bốn thứ thần-kinh-tuyến đến mặt da, thành ra những chấm. Mặt da có ba thứ chấm : điểm thuộc về xúc-cảm, điểm thuộc về hàn-thử cảm, điểm thuộc về khổ-cảm. Các điểm ấy ở mặt da không đều. Chỗ nào nhiều điểm nào thì cảm giác ấy nhiều.

« Khoảng năm 1880... người ta lấy những mũi kim rất nhỏ chấm trên da, riêng từng điểm một mà tìm được hai điều. — Một là mặt da có chỗ không có cảm-giác ; chỉ ở các chỗ có cảm-giác-điểm mới có cảm-giác. Hai là,

Hình thứ nhất

Cảm-giác-điểm trên mu bàn tay. Đường kính dài 1 *centim*
Điểm trắng : hàn-cảm-giác.
Điểm gạch trèo : thử-cảm-giác.
Điểm đen : xúc-cảm-giác.
(Vẽ theo sách ông BL X). Ở đây không có khổ-cảm-giác điểm là vì hình của ông BL IX không có. Nhưng chắc cũng ở lẫn tản ở đó.

các điểm ấy, mỗi điểm có một cảm-giác riêng khác nhau ; các điểm ấy ở lẫn-tản trên mặt da không đều nhau. Nếu một mũi kim nhọn để khéo đúng vào điểm hàn-thử cảm-giác thì chỉ thấy lạnh, vân-vân » (EBBINGHAUSS). Cái vẽ trên này đủ làm cho hiểu lẽ đó. Điểm trắng là điểm hàn-cảm-giác, điểm gạch trèo là điểm thử-cảm-giác, điểm đen là điểm xúc-cảm-giác,... chỗ không có điểm là chỗ da không có cảm-giác. Điểm hàn thử cảm-giác nhiều nhất là ở lưng, má, mu bàn tay.

— « Xúc-cảm-giác » (*Sensations tactiles*). — Xúc-cảm-giác này nên phân-biệt với tiếng xúc-cảm-giác dùng xưa. Khi xưa xúc-cảm-giác gồm cả hàn-thử, khổ-cảm-giác, nay đứng riêng ra một loại khác. Xúc-cảm-giác-điểm nhiều nhất là ở đầu ngón tay, ở chỗ da mềm,

không có lông ở tay. Xúc-cảm-giác cho ta biết sự cứng, mềm, nhẵn, gai-

— « Khổ-cảm-giác » (*Sensations douloureuses*). — Khổ-cảm-giác báo cho ta những sự đau-đớn ở da thịt. Ở con người thì chỉ có khổ-cảm-giác-điểm mà thôi.

— « Phương-hướng cảm-giác » (*Sens de l'orientation*). — Cảm-giác này lạ nhất mà mới nhất. Tai người ta có ba phần : 1º/ ngoại-bộ (vành tai, lỗ tai); 2º/ trung-bộ, từ cái « mặt trống » trở vào, có 4 cái xương); 3º Nội-bộ (từ cuối dẫy 4 cái xương con).

vào bên hữu.... Ở trong « con ốc » lại có một thứ nước gọi là « nước tai » (*endolymphe*). Khi nghiêng sang tả, nước ấy rót sang bên tả, khi nghiêng sang hữu, nước ấy rót sang hữu, khi quay thì nước quay, khi lên thì nước đọng xuống dưới, khi xuống nước ép lên trên.

Trong nửa thế-kỷ nay, các nhà sinh-lý-học tìm ra mới biết rằng các « lỗ bán-nguyệt », « bụi đá », « nước tai » là cơ-quan của sự cảm-giác về phương-hướng.

Nhờ đó mà người ta biết được cách lập thế của thân-thể. Cảm-giác này

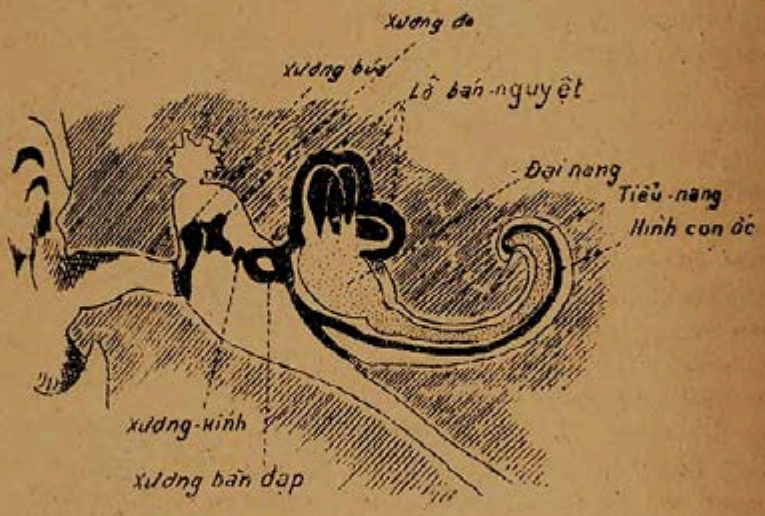

Hình thứ hai
Cái tai (bề dọc)

Nội-bộ là phần quan-hệ nhất. Trong ấy có một phần cuốn tròn gọi là *con ốc (colimaçon)*; ba lỗ bán-nguyệt (*canaux semi-circulaires*) cái nọ dựng thẳng vào cái kia như hai bức tường nhà với trần nhà; ở giữa, một bên lỗ bán-nguyệt, một bên « con ốc », có hai cái túi (*saccules*), túi lớn và túi nhỏ (*saccule, utricule*). Trong các túi đó có những « bụi đá » (*poussières calcaires*). Khi nghiêng sang bên tả « bụi đá » bám vào « lỗ bán-nguyệt » bên tả; khi nghiêng sang bên hữu, « bụi đá » bám

thường hay lẫn với vận-động-cảm-giác nhiều lúc có thể phân-biệt rõ ràng.

Nếu nhắm mắt mà quay người đi thật nhanh rồi đứng dừng lại thì tưởng như mình vẫn quay, mà lại quay trái ngược lại. Vì rằng lúc quay thì cái nước trong ống bán-nguyệt nằm ngang (*canal semi-circulaire horizontal*) cũng quay. Khi dừng lại, nước ấy còn đủ sức mà vẫn quay, động đến các thần-kinh-tuyến, thành ra cái cảm-giác tương-phản với cái cảm-giác trước.

Khi lên thang máy thật nhanh mà dừng lại thì tưởng như xuống. Đó là các cảm-giác của nội-bộ tai cả (1). Những người phương-hướng-cảm-giác không tinh hay rợn - (*vertige, agoraphobie*), không dám lên cao, không dám qua cầu, không dám trông vực thẳm. Những người làm trò « xiếc », leo đu, leo giây giỏi, là tại phương-hướng-quan có thao-luyện.

Giác-quan cũ.

— « Xúc-cảm-giác » (*Sensation du toucher*). Xúc-giác-quan là chỗ quần-tụ nhiều giác-quan. Nếu rút các giác-quan trên kia ra thì còn gì nữa không? Nếu ta xét các giác quan theo như « phát-thai-học » (*embryogénie ou histoire des espèces*), nghĩa là học về các giống sinh-vật từ lúc mới phát-sinh thì giác-quan chẳng qua cũng là sự biến-đổi cái « da ngoài » của cái « sơ-thai » (*ectoderme du gastrula*). Nếu thế thì thị-giác-quan chẳng qua cũng là xúc-giác-quan dùng riêng vào việc tiếp-xúc với «quang ba» (*ondes lumineuses*). Như thế thì ta có thể cho xúc-giác-quan là chỗ chứa nhiều giác-quan khác mà vì sự tiến-hóa (*évolution*) của giống người ta chưa cùng cho nên chưa phát-sinh ra được (2).

—«Vị-cảm-giác» (*Sensation du goût*). Trong các cảm-giác thì vị-cảm-giác khó xét nhất, vì bao giờ cũng dính liền với khứu-cảm-giác và xúc-cảm-giác. Ông Ebbinghauss nói rằng nếu bỏ xúc-cảm và khứu-cảm đi thì chỉ còn có bốn vị: ngọt, chua, mặn, đắng.

Ở trong đời chỉ có một vài nghề như nấu bếp, nếm rượu là cần phải có vị-cảm-giác tinh. Còn người khác dầu có tinh cũng không lợi lắm. Nhất là trẻ con thì không nên luyện giác quan ấy cho nó làm gì, vì càng tinh bao nhiêu, càng khó tính bấy nhiêu. Có muốn luyện giác-quan này chỉ nên luyện cho cái thiên-tính chọn đồ ăn cho tinh để khỏi ăn uống của độc. (Xem lại phần thứ nhì, chương thứ tư: Duy-kỷ khuynh-hướng).

— « Khứu-cảm-giác » (*sensation de l'odorat*) — Khứu-giác-quan của người là một giác-quan khiếm-khuyết nhất trong loài động-vật, là một giác-quan suy-nhược (*sens étiolé*) — Song dù suy-nhược mặc dầu, cũng hãy còn tinh lắm. Nhờ cái giác quan này, tức là mũi, người ta cảm được nhiều cái hơi thoảng qua, máy nào cũng không ghi được. Khứu-giác-quan là một « hóa-học giác-quan » rất tinh, nếu cần dùng có thể khải-phát thêm lên được.

—«Thị-cảm-giác»(*sensation de la vue*) — Thị-cảm-giác là cảm-giác các sắc. Mắt người ta có thể cảm được tới một triệu sắc. Mỗi một sắc có ba phần: 1°/ Mầu (*ton*): đỏ, xanh, vàng, lục, tím, chàm, vân vân.; 2°/ Thẩm nhạt (*degré de saturation*); 3°/ Sáng tối (*clarté*). Sắc ở trời đất có thật nhiều, nhưng tóm lại chỉ có ba « sắc gốc » là:

---

(1) Không biết tại làm sao mà lại thành cảm-giác tương-phản. Cứ ý riêng kẻ biên-thuật sách này thì có lẽ là nước trong tai đang quay tả sang hữu mà dừng lại thì quay hữu sang tả, nước trong tai đang đọng ở dưới (khi lên cao), đến khi dừng lại nước ấy lại dồn lên trên. Cầm cốc nước đưa lên cao thật mạnh rồi dừng lại tất nước vọt lên trên mà vãi ra. Cầm cốc xoay khi dừng lại thì nước xoay ngược lại.

(2) Có biết qua sinh-vật-học (*Biologie*), có biết qua thuyết « tiến-hóa » (*évolutionnisme*) thì xem đoạn này mới dễ hiểu.

xanh, vàng, đỏ (1). Ba sắc ấy hóa-hợp mà thành đủ các sắc mầu của vạn-vật. Hình bát-diện (*octaèdre*) sau này cắt nghĩa sự hóa-hợp đó.

Bốn cạnh có bốn sắc : vàng, đỏ, xanh, lục.

Đỏ đến hợp với vàng thành sắc da cam.

Đỏ đến hợp với xanh thành sắc tím.

Xanh đến hợp với lục thành xanh-lục (*bleu-vert*)

Lục đến hợp với vàng thành vàng-lục (*jaune-vert*).

Các sắc ở giữa thì vừa càng lên trên càng sáng, cho đến trên cùng thì trắng hẳn ; càng xuống dưới càng tối cho đến dưới cùng thì đen thẫm; ở chung quanh thì thẫm, càng vào trong càng nhạt.

Hình bát-diện ấy có thể cắt nghĩa được một vài bệnh của thị-quan như bệnh « lầm sắc » (*daltonisme*). Người mắc phải bệnh « lầm sắc » thì các sắc đối với mắt họ chỉ có hai mùi gốc, cũng vì như đem cắt cái bát-diện-khối ra làm đôi, chỉ thấy có một nửa. Thí-dụ như người « lầm sắc lục ra đỏ » (*daltonisme du vert et du rouge*) thì hình như cái bình-diện trắng xanh, đen, vàng, xám, che nửa cái khối bát-diện. Người ấy trông thấy sắc đỏ, sắc vàng, sắc xanh, sắc tím, sắc da cam. Ví như ai đưa sắc lục cho xem thì lầm ra sắc đỏ.

Thị-quan có phải chỉ để cảm các sắc thôi ư ? Thị-quan còn là cái giác-quan về không-gian nữa, về hình-thể các vật nữa. (2) Bao nhiêu khoa-học hễ có thu được vào phạm-vi kỷ-hà-học (*géométrie*) thì mới phát-đạt được. Sau khi vẽ được đường chạy của tiếng trên « tự-ký-biểu » (*enregistreur*) thì khoa thanh-học (*acoustique*) mới có. Bao nhiêu khoa-học như địa-chấn-học, quang-học, nhiệt-học đều cần phải có « tuyến-đồ » (*graphique, diagramme*), nghĩa là phải vẽ thành hình như hình trong kỷ-hà-học. Thế cho nên người ta gọi thị-quan là « kỷ-hà-quan » (*sens géométrique*). Có hai cách giáo-dục mắt : một là tập nhìn các hình, hai là tập phân-biệt các sắc. Người nào vẽ thủy-mạc khéo là người nhận hình các vật tinh, nhà thủy-họa (*aquarelliste*) khéo là người nhận sắc các vật tinh. Trong hai cách ấy thì cách dưới cần cho người thường hơn cách trên.

— Thính-cảm-giác (*Sensations auditives*) — Thị-cảm-giác có hai thứ : một là tiếng (*bruit*), hai là âm (*son*) Xe chạy, chẻ củi, đập đá, là « tiếng » ; bát, đàn, lý, là « âm » Sự rung-chuyển của tiếng không có hồi, rung chuyển của

---

(1) Bảy sắc mặt trời, xin dịch là :

Tím = *Violet* ; Chàm = *Indigo* ; Xanh = *Bleu* ; Lục = *Vert* ; Vàng = *Jaune* ; Da cam = *Orangé* ; Đỏ = *Rouge*.

Có người dịch sắc *Bleu* là sắc « lơ » là dịch âm chữ tây, không được nhã.

Lại nên phân-biệt mấy chữ sau này cho khỏi lầm-lẫn.

Mùi. . . . . *Odeur* = 香

Mầu, hoặc sắc. . . . . *Couleur* = 色

Vị. . . . . *Saveur* = 味

(2) Sẽ bàn sau, ở mục « Tri-giác »

âm có hồi (*période*) (1). Nếu dùng « ký-tự-biểu » mà ghi đường rung-chuyển của tiếng và của âm trên tờ giấy thì thấy đường của tiếng lung-tung, đường của âm lên xuống đều-đặn.

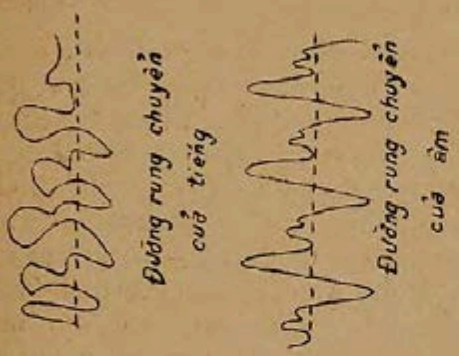

Trong một âm có :

Bổng-trầm — (hoặc gọi cao thấp), ví như tiếng đàn, giây càng trùng tiếng càng trầm, giây càng căng tiếng (2 càng bổng. Tiếng trầm không cứ là tiếng bé, tiếng bổng không cứ là tiếng to. Có tiếng trầm mà to, bổng mà bé ;

Âm-điệu — Ví như một âm *sang*, đánh ở đàn nguyệt, ở tỳ-bà, ở độc-huyền, thổi ở sáo, kéo ở nhị,... bằng ấy thứ cũng chỉ có một âm *sang*, nhưng điệu khác nhau. Tiếng người ta nói khác nhau cũng là khác điệu ;

To-nhỏ — Âm mạnh thì to, sẽ thì nhỏ.

Thính-quan cần phải có giáo-dục (3). Đàn ngọt, hát hay, là một cách di-dưỡng tính-tình rất hay. Người ta còn nên tập cho trẻ nghe tiếng mà lượng biết xa, gần, nông, sâu, rộng, hẹp.

. . .

Kể sự trông, người ta còn kém con cắt, sự ngửi còn kém con chó, sự nghe còn kém con thỏ, xúc-giác còn kém con dơi, phương-hướng-quan còn kém con chim, mà lại còn thiếu nhiều giác-quan mà các giống vật khác có. Nhưng các giác-quan người cũng đã là tinh lắm. Kính ảnh tốt nhất hạng, sức cảm ánh sáng còn kém sức cảm của mắt xa ; lưỡi người ta ghi được vị còn tinh hơn các sự phân-tích hóa-học nhiều ; tai con ghi được tiếng nhỏ mà không máy lưu-thanh nào ghi được.

Định-lệ của cảm-giác

1) Tâm-vật-lý định-lệ (*Lois psycho-physiques*)

a) Cảm-giác tăng chậm hơn ngoại-nhân.

b) Cảm-giác rút nhanh hơn ngoại-nhân.

Ví như một người đứng buồng bên này, buồng bên kia thắp đèn điện, hai buồng cách nhau bằng một bức thủy-tinh mờ (*verre dépoli*), chỉ đủ trông thấy buồng bên cạnh sáng mà không trông thấy gì nữa ; nếu đang thắp năm đèn mà thêm lên mười đèn thì người bên kia cũng chỉ thấy hơi sáng thêm lên, nhưng không thấy sáng gấp đôi ; nếu đang thắp mười mà rút đi hai ba ngọn thì bên kia hình như thấy rút mất non nửa ánh sáng.

---

(1) Ta ném hòn gạch xuống ao thường thấy nước có sóng tròn từ chỗ hòn gạch rơi ra đến bờ, đến bờ lại hưởng lại. Một tiếng hay một âm phát-sinh ra ở trong không-khí cũng làm rung-chuyển không-khí mà thành « thanh-ba » (*Ondes sonores*). Rung-chuyển đây là rung-chuyển không-khí.

(2) Tiếng ta hàm-hồ không phân-biệt được « tiếng » (*Bruit*) và « âm » (*son*). Chữ « tiếng » dùng đây tức là chữ « âm ».

(3) Đã bàn trước, về mục « Tối-cao khuynh-hướng ». (Thẩm-mĩ-quan).

Ông WEBER (1) và ông FECHNER (2) lại xét nghiệm như sau này. Nếu tay đang cầm 1700 *grammes*, mà thêm vào 10, 20, 30, 40, 50, 60, 70, 80, 90 *grammes* thì tay không nặng thêm (khi thêm, người cầm phải che mắt); thêm lên 100 *grammes* thì người cầm thấy nặng thêm. Bận sau phải thêm chừng gần 106 *grammes* mới thấy nặng thêm. Mỗi lần phải thêm $\frac{1}{17}$ cái số cân cũ ở tay thì mới thấy có cảm-giác mới. Nay, ta gọi cảm-giác là *c*, ngoại-nhân là *n*, theo lý-thuyết của hai ông thì :

n	sinh	c m.
$n + \frac{n}{17}$	sinh	2 c
$n + \frac{n}{17} + \frac{n + \frac{n}{17}}{17}$ ...	sinh ...	3 c

Tính ra thì « ngoại-nhân » thứ nhất nhân với số $(1 + \frac{1}{17})$ thành « ngoại-nhân » thứ hai, « ngoại-nhân » thứ hai nhân với $(1 + \frac{1}{17})$ thành « ngoại-nhân » thứ ba, vân-vân... Các ngoại-nhân tăng lên theo « kỷ-hà-cấp-số » = (*progression géométrique*) ; Cảm-giác tăng theo « số-học cấp-số » = (*progression arithmétique*). Bởi vậy ông FECHNER mới đặt ra định-lệ sau này :

« Khi ngoại-nhân tăng theo « kỷ-hà cấp-số » thì cảm-giác tăng theo « số-học cấp-số » ; hay là :

« Cảm-giác tăng theo « đối-số » (*logarithme*) của ngoại-nhân ». (*Les sensations croissent comme les logarithmes des excitants*).

Muốn đo sự tăng-gia của cảm-giác trước phải tính cái « ngoại-nhân rất nhỏ có thể cảm được » (*excitation minima perceptible*), nghĩa là cái ngoại-nhân nhỏ nhất mà giác-quan cảm được. Thính-cảm thì cái ngoại-nhân nhỏ nhất là tiếng rung-chuyển không-khí 16 lần trong một giây đồng-hồ. Cái « ngoại-nhân » nhỏ nhất mà cảm được ấy, ông FECHNER gọi là « cái ngưỡng cảm » (3) (*seuil d'excitation*, nguyên chữ Đức là *Reizschwelle*). Sau lại phải tìm cái « suất-số » (*rapport*) $\frac{1}{17}$. Suất-số $\frac{1}{17}$ là suất-số của cân-cảm-giác (*sensation musculaire*). Số rung-chuyển 16 là « cái ngưỡng cảm » của thính-quan.

Nhưng định-lệ ấy của ông FECHNER có thể bẻ được. Ví như dúng tay vào nước 20 độ thấy ấm dễ chịu, lại dúng tay vào nước 100 độ, có thể nói được rằng cảm-giác sau có dễ chịu gấp mấy cảm-giác trước không ? Khi nhấc 1700 *grammes* thấy nặng vừa còn dễ chịu, khi thêm lên 7000 *grammes* thì có thấy dễ chịu gấp mấy lần không ? Cái cảm-giác trước khác hẳn cái cảm-giác sau, sao sao lại gọi là gấp ba, gấp bốn được.

II Tâm-sinh-lý định-lệ (*Lois psycho-physiologiques*).

a) Ngoại-nhân về loại nào, ứng vào một thứ thần-kinh-tuyến, cảm-giác cũng là một — Ví như một luồng ánh sáng, một nhát búa, một hạt muối, một luồng điện, ứng vào thị-giác-thần-

(1-2) Người Đức.

(3) Người ta không cảm được hết cả các « quang-ba, » các « thanh-ba ». Tiếng rung-chuyển 5, 6, 7 lần không-khí trong một giây đồng-hồ tai chưa cảm được, rung-chuyển đến 16 lần mới cảm được, số 16 lần rung-chuyển là « cái ngưỡng cảm » của thính-giác. Ánh-sáng 1/10.000.000 *bougie*, mắt chưa cảm được, cái sức ánh-sáng yếu nhất — chưa biết là bao-nhiêu phần lẻ của *bougie* (*bougie* là đơn-vị — *unité* — dùng để đo ánh sáng) mắt mới cảm được, cái ánh sáng ấy gọi là « cái ngưỡng cảm » của thị-giác. Các giác-quan khác cũng thế.

kinh thì cũng chỉ là một sự cảm về ánh sáng (*sensation lumineuse*).

b) Một ngoại-nhân ứng vào nhiều thần-kinh-tuyến sinh ra nhiều cảm-giác khác nhau — Một luồng điện, ứng vào thị-giác thần-kinh thì là một cảm-giác về ánh sáng, ứng vào da là một xúc-cảm-giác, một hàn-thử-cảm-giác, một khổ-cảm-giác.

III) Tâm-lý định-lệ *Lois psychogiques*)

a) Đối-đích định-lệ (*Loi de relation*) — Một cảm-giác không bao giờ là tuyệt-đích, bao giờ cũng là đối-đích. Vì như nói rằng nước nóng nghĩa là đối với nước lạnh hơn là nóng, đối với nước nóng hơn là ấm, đối với nước nóng hơn nữa lại là lạnh. Lấy tay phải dúng vào chậu nước đá, lấy tay trái dúng vào chậu nước nóng chừng 70 độ, rút hai tay ra cho vào một chậu nước nóng chừng 30 độ, tay phải thấy nóng mà tay trái thấy lạnh. Thế thì cái nóng, cái lạnh ấy có phải là tuyệt-đích (*absolu*) không? Tóm lại mà nói: các cảm-giác đều là đối-đích cảm-giác cả (*sensations relatives*).

b) Tổng hợp định-lệ (*Loi de synthèse*). — Các cảm-giác, dù cho là đơn-thuần đến đâu, cũng là hợp nhiều cảm-giác lại cả, nghĩa là các cảm giác đó đều có thể phân tích được cả.

Vì như trông thấy sắc trắng; sắc ấy có phải là sắc đơn đâu, cảm-giác ấy có là đơn-cảm giác đâu; đó là hợp bảy cái cảm-giác vào một lúc. Lấy cái vòng tròn đủ bảy sắc mặt trời quay tít đi thì thấy sắc trắng; lấy tờ giấy, gạch ngang sắc xanh (*bleu*), gạch dọc sắc đỏ (*rouge*), trông như sắc tím. Cái cảm-giác tím đó là hợp hai cảm-giác xanh và đỏ (Các nhà in in địa-đồ có sắc, hay dùng cách này).

c) Hoán-cải định-lệ (*Loi de changement*). — Cái gì có thay đổi, có hoạt-động, cảm-giác vẫn mạnh hơn; lấy mũi kim đưa đi đưa lại trên tay thì cảm-giác mạnh hơn là cứ để một chỗ. Cái gì ở ven bên « thị-giác-trường » (*champ visuel*) thường nhãng không trông thấy. Có người ngồi xe lửa mà ngủ; tiếng xe chạy thì hình như quên đi không nghe thấy mà khi xe dừng lại thì dật mình trở dậy. Nếu cái ngoại-nhân cứ ở lâu mãi mà không thôi thì cơ-thể người ta, giác-quan người ta tập-quán, « thích-nghi » (*s'adapter*) ngay vào mà không cảm-giác nữa. Trời đất hình như sinh ra định-lệ này để cho người ta phòng thân cho dễ. Bao nhiêu sự nguy bất ngờ, bao nhiêu việc, bao nhiêu người giáo-dở, người ta đều cảm được mạnh cả, vì những việc bất ngờ, những sự giáo-dở là sự thay đổi cả.

(*Còn nữa*)

NGUYỄN THIỆU-LUẬT *biên-dịch*.

MẠNH - TỬ QUỐC-VĂN GIẢI - THÍCH (1)

孟子國文解釋

XIII

III

陳王問曰。齊人有一妻一妾而居於此者。其妻問所與飲食者則盡富貴也。其妻告其妾曰。夫子出必隱而所與共飲食者皆無富貴者也。妻歸以告其妾曰。妾望夫子之所往。將遍國中無與立語者。卒之東郭墦間之祭者。乞其餘。不足。又顧而之他。此其爲充虞也。

Dịch âm. — *Trần Trăn vấn viết: « Tiền nhật ư Tề, vương qui kiêm-kim nhất bách, nhi bất thụ; ư Tống qui thất-thập dật nhi thụ; ư Tiết qui ngũ-thập dật nhi thụ. Tiền nhật chi bất thụ thị, tắc kim nhật chi thụ phi dã; kim nhật chi thụ thị, tắc tiền nhật chi bất thụ phi dã; phu-tử tất cư nhất ư thử hĩ.»*

Dịch nghĩa. — Trần Trăn hỏi rằng: « Ngày trước thầy ở nước Tề vua cho vàng tốt một trăm dật mà chẳng lấy; khi ở nước Tống cho bảy-mươi dật mà lấy; khi ở nước Tiết cho năm-mươi dật mà lấy. Ngày trước chẳng lấy là phải, thì ngày nay lấy là chẳng phải; ngày nay lấy là phải, thì ngày trước chẳng lấy là chẳng phải; nhà thầy tất có một điều chẳng phải ở đó ».

Chú-giải. — *Trần Trăn* = Học-trò thầy Mạnh. *Kiêm-kim* = Vàng tốt, cái giá kiêm-bội hơn vàng thường. *Dật* = Cái số đóng vào cân đời xưa là 24 lạng.

孟子曰。是皆非也。是則皆是。今日之日。前日之非。不必居之一日。而齊人之所以爲充虞者。不足齊也。

Dịch âm. — *Mạnh-tử viết: « Giai thị dã.*

Dịch nghĩa. — Thầy Mạnh nói: « Đều là phải cả.

齊人有一妻一妾而居於此者。其妻出則必與飲食者皆富貴者也。妻歸以告其妾曰。夫子出則必隱而所與共飲食者無富貴者也。今日之所見。則終身之望也。妾告其妾曰。吾夫子之所往。吾將安之。蓋國中無可與共立者。卒之東郭墦間之祭者。乞其餘。不足。又顧而之他。此其爲充虞也。

Dịch âm. — *« Đương tại Tống dã, dư tương hữu viễn-hành, hành-giả tất di tẫn, từ viết quĩ tẫn, dư hà vi bất thụ.*

Dịch nghĩa. — « Đương khi ở nước Tống, ta sắp sửa có việc phải đi xa, tiễn người đi xa vẫn có lễ đưa tiền ăn đường. Lời nói rằng đưa tặng tiền ăn đường, ta sao lại chẳng lấy.

Chú-giải. *Tẫn*: Món lễ-vật tiễn-tống người đi đường. *Từ*: Lời nói, trỏ về lời nói của người đưa tiễn. *Quĩ*: Đưa tặng.

Từ tiết này trở xuống là nói rõ ra cái lẽ nhận lấy vàng với không nhận lấy vàng đều là phải cả.

孟子曰。古之人。皆欲其所得而已。今之人。皆欲其所得而後可。古之人。何故曰戒也。當今之人。何故曰戒也。今之人。皆有所受。受之。無心。無不可。今之人。皆有所受。受之。有心。無不可。

---

(1) Xem *Nam-Phong* từ số 78, 79, 80, 83, 84, 86, 87, 88, 89, 92, 95, 98.

Dịch âm. — « *Đương tại Tiết dã, dư hữu giới-tâm, tử viết văn giới, cố vị binh quĩ chi, dư hà vi bất thụ.*

DỊCH NGHĨA. — « Đương khi ở nước Tiết, ta có sự phải cảnh-giới trong tâm. Lời nói rằng : nghe có sự phải cảnh-giới, nên vì việc binh mà đưa tặng, ta sao lại chẳng lấy.

Chú-giải. — *Giới - tâm* : Có sự nguy-hiểm phải răn sợ ở trong tâm, mà làm cách phòng-bị trước. Nghe đâu khi bấy giờ có kẻ muốn làm hại thầy Mạnh, cho nên thầy Mạnh đi qua cõi nước Tiết, phải dùng đến binh-lính để giữ mình, vua nước Tiết đưa vàng là giúp cho thầy Mạnh dùng về việc binh-bị.

∴

貨而有之之。處處則若
取可君也。是而也。未於
乎。以子焉貨餽無有齊。

Dịch âm. — « *Nhược ư Tề, tắc vị hữu xử dã, vô xử nhi quĩ chi, thị hóa chi dã ; yên hữu quân-tử nhi khả dĩ hóa thủ hồ.* »

DỊCH NGHĨA. — « Đến như khi ở nước Tề, thì chưa có sự gì xử về lễ giao-tế, không xử về lễ gì mà đem cho, thế là lấy của đem cho đấy, đâu lại có người quân-tử mà có thể lấy của vời đến được. »

Chú-giải. — *Xử* : Có sự mà xử về lễ gì, như có sự viễn-hành, thì lấy lễ đưa tiễn ăn đường mà xử, có sự giới-tâm, thì lấy lễ giúp về việc binh mà xử. Thầy Mạnh ở nước Tề thì không có sự viễn-hành giới-tâm gì cả, nên không xử về lễ gì được. *Thủ* : Vời đến. *Hóa-thủ* : Đem của vời đến, nghĩ là lấy của mà lung-lạc được người quân-tử

Đây là kể ra người quân-tử khi từ chối của người, hoặc khi nhận lấy của người, đều thích-hợp với cái lẽ phải đó mà thôi.

IV

不之失一持夫陸。孟
待否伍。日戟曰。謂子
三。乎。則而之子其之
日去三士。之大平

Dịch âm. — « *Mạnh-tử chi Bình-lục, vị kỳ Đại-phu viết* : « *Tử chi trì kích chi sĩ, nhất nhật nhi tam thất ngũ, tắc khứ chi phù hồ ?* » *Viết* . « *Bất đãi tam.* »

DỊCH NGHĨA. — Thầy Mạnh đi sang đất Bình-lục, bảo quan Đại-phu đất ấy rằng : « Người chiến-sĩ cầm giáo của nhà ngươi, một ngày mà ba lần sai bỏ hàng-ngũ, thì giết nó đi hay không ? » Quan Đại-phu nói : « Chẳng đợi đến ba lần. »

Chú-giải. — *Bình-lục* : Tên cái ấp của nước Tề. *Đại-phu* : Quan cai-trị trong ấp. *Kích* : Cái giáo có ngạnh. *Chấp-kích* : Cầm giáo, tức là phận-sự người ngũ-trưởng túc binh-quân phải cầm giáo. *Ngũ* : Hàng-liệt trong đám quân. *khứ* : Tức là giết đi.

∴

之曰。者散於之因伍然
所此幾而溝氏平也則
得非千之壑。老臧亦子
爲距人四壯羸孤。多之
也。心矣。方者轉子矣。失

Dịch âm — « *Nhiên tắc tử chi thất ngũ dã diệc da hĩ : hung-niên cơ-tuế, tử chi dân, lão nuy chuyển ư câu hác, tráng giả tán nhi chi tứ phương giả kỷ thiên nhân hĩ.* » *Viết* : « *Thử phi Cự-Tâm chi sở đắc vi dã.* »

DỊCH NGHĨA. — Thầy nói : « Thế thời nhà ngươi sai bỏ hàng-ngũ cũng nhiều lắm. Năm mất mùa khi kém đói, dân nhà ngươi, người già yếu chết lăn xuống ngòi hang, người khỏe-mạnh thì tan-tác đi bốn phương kể có mấy nghìn người đấy. » Quan Đại-phu nói : « Những sự ấy nào có phải Cự-Tâm này được tự chuyên mà làm đâu ».

Chú-giải. — *Thất-ngũ* : Bây là nói quan Đại-phu bỏ mất chức việc mình, cũng như kẻ chiếu-sĩ sai bỏ hàng-ngũ. *Nay* : Gầy còm ốm yếu. *Cự-Tâm* : Tên quan Đại-phu.

Bây là ý Cự-Tâm muốn đổ lỗi tại vua làm thất-chính nên đến nỗi thế, chớ như việc cứu-tế có phải tự mình được chuyên làm đâu. Thế là Cự-Tâm cũng chưa biết tội mình vậy.

. . .

心死 柳 則 牧 求 之 牛 曰
之 與。亦 反 與 牧 者。羊 今
罪 曰 立 舊 芻 與 則 而 有
也。此 而 其 而 芻 必 爲 受
則 視 人 不 矣。爲 之 人
距 其 乎。得。求 之 牧 之

Dịch âm. — *Viết* : « *Kim hữu thụ nhân chi ngưu dương nhi vị chi mục chi giả ; tắc tất vị chi cầu mục dữ sô hĩ ; cầu mục dữ sô nhi bất đắc, tắc phản chư kỳ nhân hồ, ức diệc lập nhi thị kỳ tử dư ?* » *Viết* : « *Thử tắc Cự-Tâm chi tội dã.* »

Dịch nghĩa. — Thầy nói : « Nay có kẻ nhận lấy trâu dê của người mà vì người đem chăn, thì hẳn vì người cầu lấy cái đất chăn và cỏ : cầu cái đất chăn và cỏ mà chẳng được, thì đem trâu dê trả người ta chăng, hay là cứ đứng mà trông trâu dê nó chết đấy dư ? » Quan Đại-phu nói : « Thế thì là tội Cự-Tâm này vậy ».

Chú-giải. — Chữ *Mục* 牧 trên, nghĩa là chăn nuôi ; chữ *Mục* 牧 dưới là đất chăn, nghĩa là cái vùng đất cỏ rộng-rãi, có thể chăn trâu dê được. *Sô* : cỏ.

Bây là nói ra ý nếu không cứu được dân, thì sao chẳng từ quan mà về.

罪 此 王 惟 焉。者。曰。他
也。則 誦 孔 知 臣 王 曰
寡 之。距 其 知 之 見
人 王 心。罪 五 爲 於
之 曰。爲 者 人 都 王

Dịch âm. — *Tha nhật kiến ư vương viết* : « *Vương chi vi đô giả, thần tri ngũ nhân yên, tri kỳ tội giả, duy Khổng Cự-Tâm.* » *Vị vương tụng chi. Vương viết* : « *Thử tắc quả-nhân chi tội dã.* »

Dịch nghĩa. — Ngày khác thầy Mạnh vào yết-kiến vua nói rằng : « Những người cai-trị đô-ấp của vua, tôi được biết năm người, nhưng người biết tội mình chỉ có Khổng Cự-Tâm. » Vì vua thuật lại câu chuyện mới rồi. Vua nói rằng ; « Thế thời là tội quả-nhân này vậy. »

Chú giải. — *Vi* : Quản-trị. *Đô* : Cái ấp có miếu thờ đấng tiên-quân gọi là đô. *Vi đô* : Quản-trị một đô-ấp. *Tụng* : Kể lại lời nói.

Bây là khi thầy Mạnh đi sang đất nước Tề trông thấy cái quang-cảnh mất mùa dân đói, nên thầy mới biện ra mọi lẽ, để khiến cho vua tôi nước Tề đều phải nhận lấy tội mà cứu lấy dân.

V

與。未 既 以 也。請 辭 意。孟
可 數 言 焉 士 靈 曰。子
以 月 也。其 師 丘 子 謂
言 矣。今 可 似 而 之 矯

Dịch âm. — *Mạnh-tử vị Trì-Oa viết* : « *Tử chi từ Linh-khâu nhi thỉnh Sĩ-sư, tự dã, vị kỳ khả dĩ ngôn dã ; kim kỳ sô nguyệt hĩ, vị khả dĩ ngôn dư ?* »

Dịch nghĩa. — Thầy Mạnh bảo Trì-Oa rằng : « Thầy từ chối không làm quan ở đất Linh-khâu, mà xin làm quan Sĩ-sư, bằng dường có lẽ vậy, vì chức ấy gần vua, có thể can nói được mọi việc hình-phạt sai lầm. Nay đã vài tháng rồi, chưa có điều gì nên nói dư ? »

Chú-giải. — *Trì-Oa* = Tên quan Đại-phu nước Tề. *Linh-khâu* = Tên cái ấp của nước Tề. *Sĩ-sư* : Chức quan giữ việc hình. *Tự* : Bằng dường có lẽ.

去。臣 致 不 王 諫 繁
而 爲 用。而 於 靈

Dịch âm.— *Trì-Oa gián ư vương nhi bất dụng. trì vi thần nhi khứ.*

Dịch nghĩa. — Trì-Oa can vua mà vua không dùng, liền trả lại chức làm tôi mà đi.

Chú-giải.— *Trì*: Trả lại. *Trì vi thần*: Trả lại chức làm tôi, nghĩa là cáo-quan về.

∴

知 則 以 善 蚳 所 齊
也。吾 自 矣。蠶 以 人
不 爲 所 則 爲 曰。

Dịch-âm.— *Tề-nhân viết*: « *Sở-dĩ vi Trì-Oa tắc thiện hĩ, sở-dĩ tự vị tắc ngô bất tri dã.* »

Dịch nghĩa. — Người nước Tề nói rằng: « Thầy Mạnh sở-dĩ vì ngươi Trì-Oa thì phải, còn sở-dĩ vì mình thì ta chẳng biết có phải không ? »

Chú-giải.— Đây là người nước Tề có ý chê Thầy Mạnh khi ở nước Tề, đã không thi-hành cái đạo mình ra được, mà chẳng biết đi, thế là chỉ biết vì người bảo người lấy cái nghĩa nên ở nên đi, mà không biết vì mình bảo lấy mình vậy.

告。子 公
以 都

Dịch âm.— *Công-Đô-tử đi cáo.*

Dịch nghĩa. — Công-Đô-tử đem lời ấy mách bảo thầy Mạnh.

Chú-giải.— *Công-đô-tử*: Học trò thầy Mạnh.

然 進 無 去。者。職 官 曰
有 退 言 我 不 則 守 吾
餘 豈 責 無 得 去。者。聞
裕 不 也。官 其 有 不 之
哉。綽 則 守。言 言 得 也。
綽 吾 我 則 責 其 有

Dịch-âm.— *Viết*: « *Ngô văn chi dã*: « *Hữu quan thủ giả, bất đắc kỳ chức tắc khứ; hữu ngôn trách giả, bất đắc kỳ ngôn tắc khứ.* » *Ngã vô quan thủ, ngã vô ngôn trách dã, tắc ngô tiến thoái khởi bất xước-xước nhiên hữu dư dụ tai.* »

Dịch nghĩa. — Thầy Mạnh nói: « Ta nghe đấy rằng: « Người có chức-phận làm quan, mà chẳng được làm hết chức-phận mình thì đi; người có chức-trách phải nói, mà nói chẳng được đắt lời thì đi.» Chớ như ta không giữ chức-quan nào, không có chức-trách phải nói, thì ta tới lui tự-tiện, há chẳng thung-dung thư-thái lắm thay ! »

Chú-giải.— *Quan-thủ*: Giữ về một chức quan gì mà có chuyên-trách. *Ngôn-trách*: Giữ trách-nhiệm về việc can ngăn. *Xước-xước nhiên*: Dáng bộ thung-dung. *Dư dụ*: Rộng rãi không phải bó buộc.

Đây là nói thầy Mạnh khi ở nước Tề ở về cái địa-vị làm khách làm thầy, chưa từng chịu nhận bổng-lộc; nên nói thì nói, muốn đi thì đi, khi ở khi đi tự mình vẫn có một cách tiến-thoái thung-dung, không có bó buộc như người có quan-thủ, có ngôn-trách, để rõ ra cái địa-vị và cái đạo-lý của thầy Mạnh đối với nước Tề khác với ngươi Trì-Oa.

VI

行 未 反 王 王 王 齊。孟
事 嘗 齊 驩 驩 使 出 子
也。與 滕 朝 爲 蓋 弔 爲
之 之 暮 輔 大 於 卿
言 路。見。行。夫 滕。於

Dịch âm.— *Mạnh-tử vi khanh ư Tề, xuất điếu ư Đằng. Vương sử Cáp đại-phu Vương-Hoan vi phụ hành. Vương-Hoan chiêu mộ hiện, phản Tề Đằng chi lộ, vị thường dữ chi ngôn hành sự dã.*

Dịch nghĩa. — Thầy Mạnh làm quan Khanh ở nước Tề, vì vua Tề đi ra viếng thăm vua nước Đằng. Vua Tề sai quan đại-phu đất Cáp là Vương-Hoan làm người đi phụ-tá. Vương-Hoan buổi sớm buổi chiều vào yết-kiến thầy; từ lúc đi đến lúc trở về, trong quãng

đường nước Tề nước Đằng, thầy chưa từng cùng với ngươi Hoan bàn nói đến việc đi sứ.

Chú-giải. — *Cáp* : Tên ấp nước Tề. *Vương-Hoan* : Người bày tôi thân yêu của vua Tề. *Phụ-hành* : Người đi giúp việc, tức là người phó-sứ.

∴

敬。治也。與反路。小卿公
之。曰。言之不矣。之孫
子夫行而爲齊位。丑
何既事。未近滕不曰。
言或何答矣。之爲齊

Dịch âm. — *Công-Tôn Sửu viết* : « *Tề Khanh chi vị, bất vi tiểu hĩ, Tề Đằng chi lộ, bất vi cận hĩ, phản chi nhi vị thường dữ ngôn hành sự, hà dã ?* » *Viết* : « *Phù kỳ hoặc trị chi, dư hà ngôn tai.* »

Dịch nghĩa. — Công-Tôn Sửu hỏi rằng : « Ngôi quan Khanh nước Tề, chẳng phải là nhỏ ; quãng đường nước Tề nước Đằng, chẳng phải là gần ; từ lúc đi đến lúc về, mà thầy chưa từng cùng với hắn bàn nói đến việc đi sứ, là ý sao ? » Thầy nói : « Kia đã có kẻ sắp-sửa đâu vào đấy cả rồi, ta còn phải nói gì nữa. »

Chú-giải. — *Tề-khanh* : Bấy giờ ngươi Hoan quyền-nhiếp chức quan Khanh để đi với thầy Mạnh, cho nên cũng gọi là chức Khanh nước Tề. *Trị* = sửa sang sắp đặt.

Đây là thầy Mạnh đối-đãi với kẻ tiểu-nhân có một cách không ác mà nghiêm, thầy không thèm nói chuyện với Vương Hoan, ý là không muốn đồng-sự với kẻ tiểu-nhân vậy. Nhưng không tiện nói rõ ra, nên mới nói thác ra rằng đã có người sắp-sửa cả rồi, mình không phải nói nữa.

VII

若顯嚴。肯。日贏。魯。孟
以竊虞使不充反子
美有不虞知虞於自
然。請敢敦虞請齊。齊
也。請。匠之曰。止葬
木今事。不前於於

Dịch âm. — *Mạnh-tử tự Tề táng ư Lỗ, phản ư Tề, chỉ ư Nuy. Sung-Ngu thỉnh viết* : « *Tiền nhật bất tri Ngu chi bất tiểu, sử Ngu đôn tượng sự nghiêm ; Ngu bất cảm thỉnh. Kim nguyện thiết hữu thỉnh dã, mộc nhược dĩ mĩ nhiên ?* »

Dịch nghĩa. — Thầy Mạnh tự nước Tề đưa tang mẹ về nước Lỗ, lại trở về nước Tề, nghỉ ở đất Nuy. Sung-Ngu hỏi rằng : « Ngày trước nhà thầy chẳng biết Ngu này là bất-tiểu, sai Ngu này sửa-sang việc quan-quách, bấy giờ thầy đang thương xót bối-rối, Ngu này chẳng dám hỏi. Nay xin trộm hỏi một điều rằng : Gỗ làm quan-tài bằng dường tốt quá vậy ? »

Chú-giải. — *Nuy* : Tên ấp nước Tề. *Sung-Ngu* : Học-trò thầy Mạnh. *Thỉnh* : Nghĩa là xin hỏi. *Bất-tiểu* : Chẳng hiền, trỏ người hèn ; đây là lời nói nhún mình. *Đôn* : Đốc-thúc sửa-sang. *Tượng-sự* : Việc thợ mộc làm quan-quách. *Nghiêm* : Cấp-bách, là ý bối-rối vội-vàng.

Bấy giờ thầy Mạnh làm quan ở nước Tề mà đưa tang mẹ về nước Lỗ.

∴

人然爲庶天樟古樟日
心。後觀人。子稱棺無古
盡美非達之。七度。者
於也。直於自寸。中棺

Dịch âm. — *Viết* : « *Cổ giả quan quách vô độ ; trung-cổ quan thất thốn, quách xứng chi ; tự thiên-tử đạt ư thứ-nhân, phi trực vi quan mĩ dã, nhiên hậu tận ư nhân tâm.*

Dịch nghĩa. — Thầy nói : « Đời thượng-cổ quan-quách không có nhất-định ; đời trung-cổ đặt ra phép cái quan dày bảy tấc, cái quách cũng xứng như cái quan ; tự ông vua suốt đến người dân ai cũng thế, chẳng phải

những là làm ra tốt đẹp, để người xem đâu,như thế mới là hết lòng con người ta.

Chú-giải — *Quan* : Quan-tài làm bằng gỗ. *Quách* : Gỗ bọc ở ngoài cái quan. *Trung-cổ* : Trở về đời ông Chu-công chế ra lễ. *Thất-thốn* : Bảy tấc, cái tấc thuộc về chế cổ, khác với chế kim.

Đây là nói cái ý cổ-giả dùng quan-quách dày và bền, là muốn làm cho chắc-chắn lâu dài, thì mới thỏa lòng con đối với cha mẹ, chứ không phải chỉ làm cho đẹp mắt người.

. . .

獨之。之爲爲財。以不
不吾人有悅。不爲得。
然。何皆財。得可悅。不
爲用古之以無可

Dịch âm. — « *Bất đắc, bất khả dĩ vi duyệt, vô tài, bất khả dĩ vi duyệt ; đắc chi vi hữu tài, cổ chi nhân giai dụng chi, ngô hà vi độc bất nhiên.*

Dịch nghĩa. — « Chẳng được phép làm cho thật hậu, thời không thể làm cho hả lòng được ; không có của không thể làm cho hả lòng được ; được phép làm mà lại có của, người đời xưa đều dùng hậu-táng cả đấy, ta cớ gì lại chẳng làm như thế.

Chú-giải. — Chữ *Vi* 爲 ở câu : *Đắc chi vi hữu tài*, chữ *vi* ấy nên làm chữ *nhi* 而, nghĩa là vừa được phép làm lại vừa có của.

Đây là nói cổ-giả làm con người ai cũng muốn làm quan-tài tốt đẹp để hậu-táng cho cha mẹ.Chỉ vì pháp-chế hạn-cấm, hoặc vì tiền tài thiếu-thốn, không thể làm cho hết lòng được. Nếu có của mà lại được làm, thì ai là chẳng làm cho hết lòng.

. . .

恡獨人膚。土無化且
乎。無心於親使者比

Dịch âm. — « *Thả tị hóa giả vô sử thổ thân phu, ư nhân tâm độc vô hiệu hồ.*

Dịch nghĩa. — « Vả vì người chết, không để cho đất gần với da, trong lòng người con lại không thỏa ư ?

Chú-giải. — *Tị* : vì. *Hóa-giả* : Người chết, trở về cha mẹ. *Thân* : gần vào. *Phu* : Da người. *Hiệu* : Sướng, lấy làm thỏa lòng mà không ân-hận gì.

. . .

親。儉天不君之吾
其下以子也。聞

Dịch âm. — « *Ngô văn chi dã, quân-tử bất dĩ thiên-hạ kiệm kỷ thân.* »

Dịch nghĩa. — « Ta nghe đấy rằng người quân-tử chẳng vì thiên-hạ tiếc của mà hà-tiện với cha mẹ mình. »

Chú-giải. — Đây là nói người con đối với cha mẹ lúc tổng-chung phải cho hết lòng ; so-sánh cái lễ trên đời với cái của nhà mình, nếu làm được đến đâu thì cứ hết lòng mà làm đến đấy, không nên tiếc của đời mà hà-tiện với cha mẹ. Thế thời thầy Mạnh làm áo quan tốt để hậu-táng mẹ là phải.

(*Còn nữa*)

ĐÔNG-CHÂU *dịch*

VĂN-UYỂN

DỊCH CỔ-THI

I

寒山高偶
太盡中枕來○
上不無石松答
隱知層頭樹人
者年。日。眠。下。

Câu trả lời của một vị Thái-thượng ẩn-giả

Gốc tòng bước tới ngẫu-nhiên,
Sẵn ngay tảng đá kề bên gối đầu.
Lịch nào trong chốn non sâu,
Rét rồi lại ấm biết đâu tháng ngày!

II

翠眼長小
蛾看門鬼○
令不春蝶鶯思
狐曾又舞歌君
楚過。去。多。歇。思。

Cung-phi mong vua

Vườn hồng đã vắng tiếng oanh,
Nhởn-nhơ đàn bướm tung-hoành đường hoa.
Mắt nhìn lại thấy xuân qua,
Xe vua chẳng đoái nghĩ mà buồn tênh!

III

平分寶遊○
生手劍人入送
一脫值五秦。朱
片相千陵大
心。贈。金。去。

Tiễn Chu-Đại vào Tần

Ngũ-lăng tiễn bác lên đường,
Thanh gươm giá đáng nghìn vàng tiếc đâu.
Chia tay vội lấy tặng nhau,
Lòng son một tấm bấy lâu giãi bày.

IV

更欲黃白○
上窮河日登
王一千入依鶴
之層里海山鶴
渙樓。目。流。盡。樓

Lên lầu Quán-tước

Kim-ô đã gác non đoài,
Nước sông Hoàng chảy ra ngoài bể khơi.
Muốn xem được khắp mọi nơi,
Tầng lâu cao nhất lên chơi ta nhìn.

V

何聞江洛○
如說嶺陽不訪
孟此梅作訪遇。袁
浩地花流才拾
然春。早。人。子。遺

Thăm Viên Thập-di không gặp

Dời chân thăm bạn Lạc-dương,
Than ôi! Giang-lĩnh lên đường đi xa.
Nghe đồn mai sớm nở hoa,
Sao bằng vườn cũ đậm-đà vẻ xuân.

VI

誰浮烟落○
與沈波日秋
問千處五日
薛東古處湖湖
墜流。事。愁。遊。上

Ngày thu chơi hồ

Ngũ-hồ chơi buổi hoàng-hôn,
Yên-ba như gợi cơn buồn mọi nơi.
Nghìn xưa nghĩ tới cuộc đời,
Nao-nao dòng nước ai người hỏi-han?

U-lan NGUYỄN THẾ-NỨC *dịch*

Khóc Ý-trung-nhân

(*Thi-ca liên-hành*)

Trời già ghét trẻ thế thì thôi!
Duyên lứa đôi ta chết một rồi.
Muốn rạch trái tim tìm lấy bóng,
Ra ngoài con mắt những ai ai!
Ai ai những khách trên đời,
Trông ra chỉ thiếu một người tình-chung.
Nhìn quanh thêm nỗi đau lòng,
Nợ-duyên đến thế là xong còn gì!
Chữ tình ô nhỉ, cái chi chi,
Mà nó trêu ngươi đến thế thì!
Biết vậy kiếp xưa làm gỗ đá,
Chẳng còn đeo-đẳng khối tình si.
Đau lòng thay! lúc phân-kỳ,
Người trên dương-thế kẻ đi tuyền-đài.
Thân kia nhờ đất chôn vùi,
Tình kia để lại cho người đa-mang.
Chẳng nghĩ thì thôi, nghĩ lại càng,
Thơ tình đọc lại lệ đầy trang.
Âm-cung hồn nọ thiêng chăng tá?
Có nhớ năm xưa truyện đá-vàng.
Nhớ ngày kẻ bắc với người nam,
Một đi một ở ngổn ngang bao sầu.
Tưởng rằng hội-ngộ còn sau,
Ai hay vĩnh-quyết đưa nhau một lần.
Xưa nay tài-tử với giai-nhân,
Chỉ thấy xa nhau, ít thấy gần.
Quốc-sắc vẫn soi gương bạc-mệnh,
Thiên-tài mang lấy nợ phong-trần.
Thương người rồi lại thương thân,
Hẹn câu «kiếp khác» khuây lần nhớ thương,
Ấy ai hẹn ngọc thề vàng,
Bây giờ địa-ngục tiên-đàng là đâu?
Đa-tình chi lắm lại đa-sầu,
Mỗi chuyến tương-tư mỗi bạc đầu.
Ngày trước «sinh-ly» nay «tử-biệt»,
So ra còn kém vợ chồng Ngâu!
Một năm một chuyến gặp nhau,
Mượn chim Ô-thước bắc cầu sông Ngân.
Thương mình vò-võ một thân,
Kẻ còn người mất biết xuân là gì!...

TRẦN HUY-LIỆU

---

1. — Ngẫu-đề

Ghét khách tài-hoa khách má hồng,
Thù nhau chi thế hỡi Thiên-công?
Đã cho tài-sắc mười phân vẹn,
Nỡ để phong-trần một kiếp chung.
Điệp-mộng năm canh xuân mấy độ,
Hồ-cầm nửa khúc tuyết ba đông.
Thôi đừng có trách trời xanh nữa,
Rắc-rối giây oan bởi tại lòng!

2. — Nhớ cô hàng rượu

Bán rượu cô ơi, có nhớ mình,
Nhớ cô mình thức suốt ba canh.
Đi về hạnh-lý mê hồn bướm,
Phảng-phất nam-lâu mở tiệc quỳnh.
Chén nguyệt dặt-dìu gương rợn bóng,
Sông thu lỏng-lảnh sóng đưa tình.
Say duyên say nợ say gì rượu,
Vương-vấn cùng nhau mối chỉ mành!

3. — Thuật-hoài

(*Giá-cô-thiên*)

Tài-tình là cái kiếp oan-gia,
Ta nghĩ mình ta, ta biết ta.
Bể ái nhiều phen cơn gió bụi,
Sông tình bao trải khúc xông-pha.
Người tài-tử,
Kiếp tình-ma,
Tức gan riêng giận cụ xanh già!
Nhẫn ai lên mượn con dao Tuệ,
Chém đứt giây oan kẻo nữa mà...

4. — Ngông

(*Hành-hương-tử*)

Kim-cổ lu-bù,
Trời đất lù-mù,
Rút kiền-khôn chất lại một bồ.
Đương cơn hào-hứng,
Rất mực phong-lưu,
Này : thơ và chung, rượu và khúc, cầm và câu,
Phú ngô tái ngô,
Ngang tàng trượng-phu.
Xếp sơn-hà ních cứng một bầu.
Nhân khi thăng-thưởng,
Mến cảnh giang-hồ,
Nào hà thưởng xuân, cúc ẩm hạ, tuyết ngâm thu !

5. — Khóc Kiều

(*Bắc-giang-mai-lệnh*)

Vì ai đề Liêu-dương cách trở đường thiên-lý ?
Vì ai đề gia-biến ba đào giữa bình-địa ?
Vì ai đề con ong mở lối đóa trà-mi ?
Vì ai đề đằng la gửi trước hàm sư-tử ?
Đau-đớn Kiều-nhi !
Cám cảnh Kiều nhi !
Đã một bước phụ-phàng người nghĩa cũ,
Lại bao năm đeo nặng tấm tình si !
Thương thay người hiếu nghĩa, phong-trần trải mấy khúc lưu-ly !
Thương thay phận má hồng, tấm lòng phó mặc dòng lưu thủy !
Cậy tài làm chi,
Cậy sắc làm chi,
Thúy-Kiều hỡi !
Ngàn thu mệnh bạc,
Giọt lệ đầm-đìa !

6. — Trường hận ca

(*Thất-thất lục-bát*)

Đứng thiên-tử ước ao mĩ-sắc,
Chốn nhân-gian nao-nức cung-phi.
Họ Dương có một nữ-nhi,
Xuân xanh tuổi mới đúng thì tròn trăng.
Nàng Phi-yến xem chừng tái-thế,
Ả Tiên-nga hẳn dễ ra đời.
Cung-đình đem hiến tận nơi,
Má hồng dễ khiến mặt trời đông-dung.
Tưởng Quần-Ngọc tương-phùng trên núi,
Hay Dương đài tương-hội dưới trăng.
Cung-đình bóng ngọc tung-tăng,
Hoa sen xem bước, nghiệt hằng soi gương.
Thói nghiêng nước đã mang quốc sắc,
Qủi dòm nhà lại mắc Hồ-nhi (1).
Lòng sơn dối-trá những khi,
Ra vào cửa cấm, trộm khuy đồ thần.
Trống bề-cổ vang rầm cửa bắc,
Xe thúy-hoa dìu-dặt sang tây.
Vì ai nên nỗi nước này,
Cơn buồn chẳng bõ những ngày làm vui.
Cờ nghĩa-sĩ trong ngoài gió quạt,
Trống cần-vương quận-quốc sấm vang.
Muôn ngàn đồ tội hồng-nhan,
Chẳng đem kết quả khôn an sự này.
Cắt đoạn ruột rút dây bạc-mệnh,
Đốt buồng gan tan mảnh hồng-nhan.
Mã-ngôi cỏ ấy hoa tàn,
Nợ trăm năm hết, kiếp ngàn đời xong.
Bóng tịch-dương mơ-mòng trước mắt,
Giọng ve sầu réo-rắt bên tai.
Cảnh nào cảnh chẳng đeo đai,
Sầu vo chín khúc, châu rơi đôi hàng.
Trách những kẻ lo-lường việc nước,
Giận những người mưu-lược miếu-đình.
Nỡ đem đồ tội mây xanh,
Đang tay tàn-bạo, dứt tình ái-ân.
Chúng nghịch-tặc dẹp dần bốn bể,
Chiếc kim-âu đã vỡ lại lành.
Xe loan trở lại điện-đình,
Nhìn phong-cảnh cũ, nhớ tình-duyên xưa.
Lầu Vọng-nguyệt ngẩn-ngơ tựa cửa,
Đình Trầm-hương bỡ-ngỡ câu-lan.
Trông ra ngẩn thở dài than,

(1) Lộc-sơn

Càng ngâm-nghỉ nỗi, càng tan-nát lòng.
Trông dương-liễu mơ-mòng mày phượng,
Thấy phù-dung tưởng tượng má đào.
Má đào mày phượng đâu đâu,
Phù-dung dương-liễu một mầu buồn tênh!
Biết bao hẹn ba sinh vàng đá,
Vì ai xui đôi ngả âm-dương,
Ôi! hải-đường, hỡi hải-đường?
Nghê-thường một khúc đoạn-trường nghìn năm!
Đất Mã-ngôi kim-kim cồ-cồ,
Bóng tà-dương mộ mộ chiêu-chiêu.
Một vùng phong-cảnh tiêu-điều,
Chim rừng ai-oán, giọng tiều thiết-tha.
Ca trường-hận ngâm-nga than-thở,
Nỗi Minh-Hoàng tưởng nhớ bi-thương.
Gớm-ghê cho cái đoạn-trường,
Mấy lời gấm trải, đôi hàng châu sa!

7. — Tự-thán

(*Thuận nghịch độc*)

Đọc xuôi

Bi sầu luống tựa cảnh sa-song,
Tủi phận duyên mình với núi sông.
Thì đến chửa ưa duyên cá nước,
Dặm xa còn nặng gánh tang-bồng.
Tri-tri đá tạc lời non bể,
Thẳm-thẳm mây cao tiếng nhạn hồng.
Nghi tín đoạn-trường đêm dặc-dặc,
Chi chi mối dựa rối tơ lòng!

Đọc ngược

Lòng tơ rối dựa mối chi chi,
Dặc-dặc đêm trường đoạn tín nghi.
Hồng-nhạn tiếng cao mây thẳm-thẳm,
Bể non lời tạc đá tri-tri.
Bồng-tang gánh nặng còn xa dặm,
Nước cá duyên ưa chửa đến thì.
Sông núi với mình duyên phận tủi,
Song-sa cảnh tựa luống sầu-bi.

8. — Dại

Nghĩ ta ta lại ngán cho ta,
Tuổi hãy còn non dại đã già!
Dại uống bên trăng chung rượu thánh,
Dại ngâm ngoài tuyết khúc thơ ma.
Dại cung đàn nguyệt khi đưa gió,
Dại cuộc cờ tiên lúc nở hoa.
Còn cái dại này to gấp mấy:
Si-tình bao quản lúc xông-pha!

9. — Hồng-nhan bạc-mệnh

Trách ông tạo-hóa khéo trêu nhau,
Để kiếp hồng-nhan hóa kiếp sầu.
Nét mặt xuân xanh hoa một đóa,
Cung đàn mệnh bạc nguyệt ba thu.
Phong-trần bao trải mờ xanh mắt,
Hương-hỏa cùng ai hẹn trăng đầu.
Ngồi tựa rèm son ngừng chỉ thẩm,
Tình riêng riêng những lệ rơi châu!

10. — Cảm-hoài

(*Xuân-tiêu khúc*)

Mang kiếp hư-sinh mãi,
Bao giờ mở mặt đây?
Non nước ngán cho ai,
Tài-hoa thôi cũng uổng.
Hỏng một đời!

11. — Thân-thế

(*Nhất-tiễn-mai*)

Chiêm-bao là cái kiếp phù-sinh,
Trời phú cho mình,
Làm nhọc cho bình.
Bạch-vân thương-cẩu một tờ tranh,
Mấy độ xuân xanh,
Thương tiếc xuân xanh!
Trông ra bể thẳm nước mông-mênh,
Bèo nổi rập-rình,
Sóng đánh rập-rình.
Say tình tiêu-sầu một chén quỳnh,
Uống suốt ba canh,
Sầu suốt ba canh.

12. — Vô đề

(*Giá-cô-thiên*)

Thề-thốt trăm năm nghĩa đá vàng,
Trải bao đông-tuyết lại thu-sương!
Thân càng cay-đắng tình càng mặn,
Mấy sợi tơ lòng đã vấn-vương!

Mây đỉnh Giáp,
Nước sông Tương,
Một mối tương-tư ai đoản trường?
Lơ-lửng năm canh vầng nguyệt đợi,
Nửa in lầu sách nửa buồng hương!

13. — Chơi thuyền

(*Tân-đoạn-trường*)

Gió thổi bên đường hiu-hắt,
Sóng xô vào bến rập-rình.
Phong-cảnh một mầu,
Nước non như vẽ.
Thuyền ai lơ-lửng bên ghềnh.
Mấy lâu chờ đợi,
Chất nặng một thuyền tình!
Chỉ núi thề sông ghi-tạc,
Mười nguyền chưa phỉ ước ba sinh.
Ôi! tan-hợp,
Vì đâu sóng gió,
Khôn xiết nỗi bất-bình!

14. — Bán sầu

(*Diệu Kinh*)

Lạnh-lùng đất khách,
Vò-võ đêm thu.
Sầu hỡi là sầu,
Bán chăng chẳng bán!
Cây ngô rụng một lá vàng,
Đau lòng con tất-suất góc tường kêu canh!
Chiều hôm sóng đánh rập-rình,
Mưa sa lún-phún bên cành tiêu-tương!
Bóng tà-dương,
Bóng tà-dương!
Lác-đác giọt sương,
Giọt sương hàn, giọt sương hàn, nặng đè ngọn cỏ;
Phất-phơ trận gió,
Trận gió vàng, trận gió vàng, đánh đổ ngàn lau.
Ai mua sầu cho sầu được bán?
Ai mua sầu cho sầu được bán?
Bán quách sầu cho bạn tình sầu!
Tình sầu đưa chén rượu đào,
Chén thương chén nhớ chén bán sầu, ơi hỡi, chén vui

15. — Hát ả-đào lần thứ nhất

(*Hát nói*)

Thiên lý giang san thiên-lý nguyệt,
Khách xưa nay chưa quen biết chi mình.
May-mắn thay gặp gỡ lúc đêm thanh,
Dẫu nhất-kiến mà chung-tình như đã...
Nguyệt bạch phong thanh như thử dạ,
Đào hồng liễu lục bất thăng xuân.
Kẻ tài-tình mà sánh với khách giai-nhân,
Chén rượu thánh câu thơ thần khác tục,
Mượn đàn phách hát chơi và khúc,
Thú đêm xuân còn lắm lúc phong-lưu.
Hôm nay xin nhớ hôm đầu!

16. — Khóc

(*Thơ trường-thiên*)

Người chẳng thấy:
Trẻ con mới sinh ra,
Tình-dục có đâu mà.
Mắt nhắm tay chưa động,
Sao miệng đã «oa-oa»?
Mới hay cuộc trần-thế,
Sầu-thảm đầy một bề.
Mang một tấm hình-hài,
Nỗi chìm khôn xiết kể.
Khôn xiết kể phù-sinh,
Nhiều thay nỗi bất-bình.
Bất-bình nên phải khóc,
Khóc để tỏ ai-tình,
Khóc vì duyên chưa đạt,
Khóc vì phận chưa phát.
Khóc phú-quí không sinh,
Khóc bần-tiện không ắt.
Ấy khóc khóc vì mình,
Nghe ra lời thảm-thiết!
Khóc thế-đạo đường cùng,
Khóc vận-hội chưa thông.
Khóc đổi thay dâu bể,
Khóc tráo-trở non sông.
Ấy khóc khóc vì nước,
Nghe ra giọng não-nùng!
Tóm lại trăm điều khóc,
Chẳng qua trong một cuộc.
Cuộc tỉnh có gì đâu,
Ôi! «hoàng-lương vị thục»!

17. — Viếng bạn

Tôi vừa được tin anh chán đời,
Nửa chừng muốn khóc nửa buồn cười.
Khóc cười vì sự đời nên chán,
Cái cuộc văn-chương tan-tác rồi.
Văn-chương bây giờ cùng ai nói ?
Họa có theo anh tới động-đài.
Động-đài thi-xã nay đương thịnh,
Mừng được thêm anh một tướng tài.
Nhắn với động-đài tri-kỷ đó,
Rồi đây tôi cũng sẽ lên ngay.
Đúc nấu tùy khuôn lò tạo-vật,
Sinh sinh hóa hóa mặc ông trời.
Nếu hóa anh ra làm viên đạn,
Thì anh tùy sáng bắn ra ngoài.
Nếu hóa anh ra làm đôi cánh,
Thì anh muốn dặm thẳng đường mây.
Khóc cười tuổi cũng là « sĩ » cả,
Nay tiễn anh đi gọi mấy lời !

18. — Bài văn « Viếng người bạc-mệnh »

Hỡi ôi !

Ô qua tuổi lại, bóng quang-âm giục-giã khách má đào ;

Ngọc nát vàng tan, cơn dâu-bể ngậm-ngùi người tuổi trẻ.

Nhớ em xưa :

Tính-chất hiền-lành,

Nét người đẹp-đẽ.

Xuân xanh xấp-xỉ, tuổi Vân, Kiều so lại mới thêm hai ;

Tuyết trắng tinh-hoa, tài Ban, Lý sánh đây chẳng có lẽ.

Yểu-điệu mày ngài bóng liễu, sóng thu-ba béo ruột tài-hoa ;

Nhởn-nhơ má phấn môi son, nền xuân-tứ say lòng bạn lứa !

Trải mấy độ vườn xuân khép mở, xôn-xao ong bướm lượn tường đông ;

Đã bao phen vườn hạnh ra vào, xấp-xới yến oanh bên cửa vẽ.

Thương em lúc thẹn hoa đắm nguyệt, rõ-ràng dá trong ngọc trắng, thói phỉ-phong gìn-giữ sạch thanh ;

Nhớ em khi sức phấn xông hương, ước-ao lá thắm chỉ hồng, duyên chung-đỉnh ăn ngồi vui-vẻ.

Chẵn trăm năm là số, hãy còn mong lá tốt cây cao ;

Mười bảy tuổi đương xuân, sao đã vội hoa trôi nước rẽ ?

Không chi được một và tháng nữa, rồi đây thề vàng hẹn ngọc, xuống hoàng-tuyền khỏi tiếng gái không chồng ;

Phỏng dốn cho ba bốn năm thêm, dầu khi quế tốt lan tươi, trước linh-tọa sẽ có con khóc mẹ !

Đã biết má hồng là mệnh bạc, chữ đoạn-trường vẫn để xưa nay ;

Tiếc thay mặt phấn buổi xuân xanh, cơn biến-cục nỡ vội chi dâu bể ?

Khách hồng-nhan độc-địa lắm thay,

Ông tạo hóa ghét ghen bấy nhẽ !

Nỡ khiến làm thân trâu ngựa để mưa sầu gió tủi lại cho ai ;

Dẫu rằng phận mỏng cánh chuồn, thà lá rụng hoa rơi ngay thủa bé !

Hay là bà Vương-mẫu túng người hoa-sứ, kíp gọi lên mở tiệc quỳnh-diên ;

Hay là trên Thiên-cung hết hạn trích-tiên, kíp gọi lại nương miền đan-quế ?

Hay là nghĩ giai-nhân tài-tử, cõi trần-hoàn ít kẻ sánh đôi ;

Hay là vì tục-khách dung-phu, tủi duyên phận về nơi giá rẻ ?

Ôi !

Núi Quyết mịt-mù,

Sông Lam lặng-lẽ.

Sau nhà bắc buồng không lạnh-ngắt, đội Quảng-hàn thêm một chị Hằng-nga ;

Trước sân rêu cỏ mọc xanh-rì, vườn xuân-sắc bớt và phấn Thanh-đế.

Xót-xa thay vật còn người vắng, lược em đắt, trâm em cài, quạt em cầm, gương em chiếu, nết phong-lưu tưởng đến mà đau ;

Mơ-màng khi xúc-cảnh sinh-tình, hoa ai cười, trăng ai cợt, gió ai hứng, tuyết ai in, thú ngâm-vịnh nghĩ càng thêm tẻ.

Trong mấy kẻ thân-bằng cố-hữu, đau-đớn em chữ tình chữ phận, chén tiêu-sầu lệ nhạn rơi châu

Ngoài những người mạc-khách thi-hào, cảm thương em cân sắc cân tài, câu đề-vịnh bút hoa nhạt vẻ.

Sống thác đôi đường số-mệnh, buồn cho em lại tiếc cho em;

Nôm-na ba chữ khóc than, người như thế sao duyên như thế?

Hỡi ơi, thương thay!

MINH-PHƯỢNG

1.— Nỗi oan

Nỗi oan muốn gỡ gỡ chưa xong,
Trời đất ai ơi có thấu cùng!
Lòng khách vẫn trong mà hóa dục,
Nước đời rõ đục lại là trong.
Văn-chương buồn nỗi không ra có,
Non nước đau lòng có hóa không.
Phải trái chẳng qua là mộng cả,
Ngàn thu hay dở cũng hoài công.

2.— Sen tàn

Cuộc đời đâu đã nhuộm mầu thu,
Ngắm cảnh sen tàn luống ngẩn-ngơ.
Phất-phới mặt hồ tầu lá héo,
Xác-xơ trước gió cuống hoa trơ.
Trời mây lạnh ngắt mùi hương vắng,
Non nước buồn tênh bóng ác mờ.
Trông cảnh buốt gan người đối cảnh,
Bàng-hoàng như tỉnh lại như mơ.

3.— Đêm thu

I

Tâm-sự đêm thu mấy đoạn sầu,
Non sông nhuộm đẫm một mầu thâu.
Mây lồng khói phủ gương kim-cổ,
Mưa dãi sương trùm dấu bể dâu.
Thủng-thẳng bên trời hồi trống vắng,
Nỉ-non đầu xóm dịp đàn mau.
Mịt-mù cảnh thế hồn say tỉnh,
Nào biết tìm đâu biết hỏi đâu?

II

Nào biết tìm đâu biết hỏi đâu?
Một mình vơ-vẩn suốt canh thâu.
Nước non vắng ngắt người trong mộng,
Trời đất buồn tênh khách ngậm sầu.
Xơ-xác vườn xưa cơn gió thổi,
Lạnh-lùng lối cũ trận mưa mau.
Nào ai ngắm cảnh là ai nhỉ?
Hỏi có vui gì bảo giúp nhau?

III

Hỏi có vui gì bảo giúp nhau?
Riêng ai chín khúc ruột tằm đau.
Trời nay mong đã mòn con mắt,
Người cổ thương càng đẫm hạt châu.
Muốn chóng sáng ra mà chửa sáng,
Chớ xem cảnh khác họa khuây sầu.
Toan đem ngọn đuốc vung trời đất,
Những ngán nào ai kẻ biết đâu!

IV

Những ngán nào ai kẻ biết đâu!
Một mình mình nghĩ một mình đau.
Cuộc cờ thế-sự chưa xong nước,
Vườn cảnh nhân-luân đã nhạt mầu.
Tang-hải lớp trào dồn mãi-mãi.
Cổ-kim tiếng khóc vẳng lâu-lâu.
Hồn thu man-mác canh thu vắng,
Ngâm khúc Hoài-nam gửi gió thâu.

V

Ngâm khúc Hoài-nam gửi gió thâu,
Nào người tri-kỷ mấy ai đâu?
Trời mây nghe vẳng đàn con vạc,
Non nước trông vời mấy khóm lau.
Cố-quận mịt-mù làn khói tỏa,
Lữ-đình lạnh-lẽo tấm lòng đau.
Cõi đời đang lúc cơn đen tối,
Mượn bút ghi tình thảo mấy câu.

Tình-cảnh dân-thôn

(Lục-bát)

Buồn thay nông-nỗi nước non,
Đoái trông đến cảnh dân-thôn đau lòng.
Cùng chung một giống họ Hồng,
Máu đào sao nỡ lạnh-lùng, hỡi ai!
Hỏi ai biết nghĩa giống nòi,
Biết tình là trọng, biết người là thương

Kìa ai dầu-dãi nắng sương,
Làm thân tôi-tớ cho phường vô-liêm.
Nào ai, ai thấu nỗi-niềm,
Sớm tìm bữa sớm, mai tìm bữa mai.
Sớm ngô, tối cháo, mai khoai,
Đói no đành chịu kêu trời ai hay!
Con ong cái kiến nhường này,
Giập vùi phải chịu, đọa đầy phải cam.
Dang tay sao nỡ phụ-phàng,
Mồ hầu bóp cổ chẳng thương nhau cùng.
Móc-moi nhặt lấy từng đồng,
Chõng tre cũng mất, nồi đồng cũng theo!
Thương ai cơ-cực trăm chiều!
Giận quân vô-xỉ như bào tấc gang!
Dân-thôn là gốc giang-san,
Gốc đà như thế ngọn còn mong chi!

5 — Ru em

(*Lối ca mới*)

Em ơi, em mới đem thân ra ở cái cõi đời,
Một mai em lớn nên người em phải [nghĩ sao?
Cái kiếp phù-sinh chẳng khác chi một tấn trò chèo,
Ra hề đóng tướng rồi đến lúc bước vào nó cũng là xong.
Em ơi, cái thời-giờ nó thấm-thoắt như không,
Xuân đi thu lại cái giấc mơ-màng nó [chẳng là bao!
Nay trắng răng mấy lúc đã bạc đầu,
Trăm năm rồi cái nấm cỏ khâu nó cũng [xanh rì.
Em ơi! em thử nghĩ em suy,
Cái thì-giờ vùn-vụt nào có hề nó đợi chi ai.
Bây giờ em đương như cái hoa mơn-mởn tươi cười,
Biết đâu chiều đến nó đã tơi-bời nhị vỡ hương tan.
Em ơi, này cái hoa kia đã đến khi tàn,
Cũng còn cái hương thơm bát-ngát nó chứa-chan trên cõi đời.
Cái con người ta đã sinh ra ở chốn trần-ai,
Cõi hư-không khi trở lại cũng phải để trên đời một cái danh thơm.
Em ơi, thế thời em phải tu đức tu tâm,
Sao cho tỏ mặt giang-sơn mới đáng là người.
Nếu chỉ mong no ấm lấy một đời,
Thì dẫu công-khanh phú-quí rồi cũng là thôi, nào có ra gì!
Em ơi, lời anh khuyên em phải nên nghe,
Nước non giờ như thế em phải liệu bề em nghĩ mai sau,
Em ơi! sao cho đáng bậc anh-hào!

6. — Hồn non nước

(*Thất-thất lục-bát*)

Đêm tịch-mịch canh trường man-mác,
Ve kêu sầu dễ hát thâu canh.
Trời cao đất rộng một mình,
Khơi hồn non-nước gợi tình nước non.
Nhớ từ thủa trời Nam mới dựng,
Giống rồng tiên trăm trứng sinh ra.
Hồng-bàng ấy tổ nhà ta,
Bốn ngàn năm lẻ bây giờ là đâu?
Nào đâu bể bể đâu biết mấy,
Giữ vững-bền ai đấy, hỡi ai?
Kìa ai vì nước liều đời,
Đôi thân nhi-nữ tung trời mấy năm?
Mặt sông Hát ầm-ầm sóng vỗ,
Mảnh hồ Tây còn đó gương trong.
Nào đâu là dấu cột đồng,
Mà danh cân-quắc anh-hùng ngàn thâu!
Dưới nhật-nguyệt cờ lau phất-phới,
Nền đế-vương gây bởi tay ai?
Cái danh Vạn-thắng ở đời,
Hoa-lư còn đó mà người đâu xa?
Kìa ai phất ngọn cờ đất Bắc,
Mấy châu về non nước trời Nam?
Anh-hùng tỏ mặt giang-san,
Bắc-bình lá rụng hoa tan tơi-bời.
Kìa sông Bạch còn soi vạn-thế,
Danh thơm ai ghi đề non sông?
Âm-ầm sóng bạc trùng-trùng,
Tấm lòng tưởng khách anh-hùng vẫn đây.
Kìa ai đã ra tay dẹp loạn,
Vớt dân-gian khỏi đám cát lầm.?
Tung-hoành từ chốn non Lam,

Một thanh thần-kiếm mười năm công-
trình.
Mặt hồ Gươm nước xanh xanh biếc,
Khách anh-hùng giờ biết nơi nao!
Ngàn thu tiếng cả danh cao,
Thọ cùng non nước kiếp nào cho quên.
Nay trời đất ngày thêm vang-vẻ,
Nhớ người xưa xiết kể đau lòng.
Năm canh luống những mơ-màng,
Hồn quyên văng-vẳng ngàn trùng ai
hay! (1)

7. — Nhớ
(*Ngũ-ngôn*)

Bâng-khuâng hồn nước cũ.
Đau-đớn nhớ người xưa.
Nhớ ngọn cờ lau phất,
Nhớ thanh bảo-kiếm đưa.
Nhớ sông Đằng sóng vỗ,
Nhớ mặt Hát trăng mờ.
Trời đất này ngao-ngán,
Lòng ai bối-rối tơ (2).

Anh-viên NGUYỄN VĂN-NĂNG

THỜI-ĐÀM

Tình-hình chính-trị ngoại-giao trong thế-giới. — Tháng mười năm 1925 thật là một tháng nhiều việc. Đầu tháng thời việc thương-thuyết về trái-khoản của hai nước Pháp và Mĩ ở *Washinghon*, hai bên điều-đình không xong. Giữa tháng thời việc Hội-nghị *Locarno* và việc hiệp-ước bảo-an, cũng gọi là tiềm-tiệm xong. Cuối tháng thời việc xung-đột nước *Grèce* và nước *Bulgarie*, phải đem cho Hội Vạn-quốc xử; rồi đến việc Nội-các nước Pháp đổ đi lập lại, chửa lấy gì làm yên. Vấn-đề nợ đồng-minh, trừ về mặt Pháp Anh đã tạm châm-chước xong, còn vẫn chưa giải-quyết được phần nào cả. Vấn-đề bảo-an thời mới giải-quyết ở lý-thuyết mà thôi, chứ chưa có kiến-hiệu ở thực-sự. Nhưng sở-dĩ giải-quyết được như thế cũng là nhờ ở cái chính-sách ôn-hòa của thủ-tướng HERRIOT đã xướng lên năm nọ, và chính-sách khôn-khéo của ngoại-tướng BRIANT đương thi-hành ngày nay, khiến cho nước Anh và cả liệt-cường chịu xử-trí với Đức một cách ôn-hòa cho được việc. Như thế thời nước Đức vào Hội Vạn-quốc không có trở-ngại gì. Đến như việc xung-đột nước *Grèce* với nước *Bulgarie*, thời Hội Vạn-quốc kịp can-thiệp vào, cũng ngăn được khỏi thành ra chiến-tranh. Trong bấy nhiêu việc điều-đình, nước Pháp kể cũng có công to. Nhưng nghĩ cũng lạ thay, điều-đình cho việc người thì được, mà đến việc mình, như vấn-đề trái-khoản, vấn-đề tài-chính, thời vẫn chửa giải-quyết xong và không trông mong vào người được gì cả. Nước Mĩ vẫn khăng-khăng không chịu giảm nợ cho Pháp, mà sự khăng-khăng ấy phần nhiều là vì lẽ nội-chính nước ấy, chứ không phải vì lẽ ngoại-giao với Âu-châu, cho nên dẫu không có ác-cảm với nước Pháp mà không chịu châm-chước cho nước Pháp một chút nào. Việc này chửa biết rồi giải-quyết ra sao, khiến cho nước Pháp cũng lấy làm bối-rối khó xử.

Nói về Hội-nghị Locarno. — Đầu tháng mười, đại-biểu các nước Pháp, Anh, Tỉ, Ý, Đức, Ba-lan, Triết-khắc cùng với một đội những nhà chuyên-môn và nhà làm báo các nước, đến họp ở *Locarno* (Thụy-sĩ). Hội-nghị từ khi

(1-2) Trích trong tập thơ đề là: « Hồn non nước »

khai-hội cho đến khi giải-tán đều được yên-ổn cả. Ngoại-tướng Pháp BRIAND và ngoại-tướng Anh CHAMBERLAIN, hai bên đã đồng-ý nhau rồi. Duy phải dẫn-dụ cho nước Đức chịu theo. Dư-luận Đức thuộc về đảng quốc-gia nhiều, có ý khăng-khăng không chịu ; nhưng Nội-các Đức thời đã hiểu rõ tình-thế, cũng muốn xử nhũn. Vậy ở Hội-nghị, đại-biểu Đức đã cùng với đại-biểu các nước ký mấy cái ước như sau này : hiệp-ước năm nước Đức, Tỉ, Pháp, Anh và Ý ; ước trọng-tài Đức và Tỉ ; ước trọng-tài Đức và Pháp ; ước trọng-tài Đức và Ba-lan ; ước trọng-tài Đức và Triết-khắc. Bấy nhiêu điều-ước đều là chủ-ý phòng-bị bờ-cõi các nước theo như hòa-ước *Versailles* đã định, và cam-đoan rằng hoặc khi có xảy ra sự gì xung-đột với nhau thời phải đem ra Hội Vạn-quốc lấy quyền trọng-tài mà phân-xử ; lại hoặc khi có một nước nào vượt quyền Hội Vạn-quốc và tự-tiện gây ra việc binh-đao xâm-lược đối với một nước khác, thời các nước kia phải hiệp-lực đàn-áp cho không tác-ác được. — Nay muốn cho các điều-ước ấy có hiệu-lực, thời chính nước Đức cũng phải vào Hội Vạn-quốc mới được. Đức còn có ý muốn thoái-thác, nói rằng Hội Vạn-quốc bắt các nước hội-viên lâm-thời phải dùng võ-lực mà đàn-áp những nước nào sai luật-lệ của Hội, như thế thì Đức ngày nay không còn có binh-lực gì nữa, sợ không thể đương nổi cái trách-nhiệm đó. Lẽ ấy chẳng qua là một lẽ ngụy-biện mà thôi. Kỳ-thực thời Đức sợ vào Hội Vạn-quốc tất là công-nhận sự thất-bại của mình mới rồi, như thế bị bó-buộc sau này không được rộng đường mưu sự phục-thù. Song Đức nói như thế thời Pháp và Anh liền trả lời cho biết rằng tuy Hội Vạn-quốc có định lệ chung về cái trách-nhiệm đàn-áp đó, nhưng lệ ấy là tùy sức mỗi nước mà thi-hành, chứ không phải bắt nước nào cũng như nước nào đâu. Đức không thể nói sao được nữa, đã đành phải chịu xin vào Hội Vạn-quốc, và được liệt bằng-đẳng với cả các nước. Vả liệt-cường cũng yêu-cầu rằng Đức có vào Hội Vạn-quốc thì các điều-ước ký trên kia mới có giá-trị được. — Nói tóm lại thời Hội-nghị *Locarno* đã giải-quyết được cái tình-trạng khó-khăn ở Âu-châu từ mấy năm nay đến giờ, và về phần riêng nước Pháp thời sự giao-thiệp với Đức và giao-thiệp với Anh từ giờ trở đi sẽ được ổn-thỏa hơn trước. Có người tán-dương công-nghiệp của Hội-nghị này đã nói rằng : vầng thái-dương mọc lên ở *Locarno* sẽ chiếu sáng cho một cái thế-giới mới vậy. Nói cho công-bằng, được như thế cũng qui công ở thủ-tướng kiêm ngoại-tướng Pháp BRIAND một phần to vậy.

Nói về vấn-đề trái-khoản. — Cuối tháng chín phái-bộ Pháp có ông Tài-chính CAILLAUX đứng đầu sang Mĩ để điều-đình về vấn-đề trái-khoản, một hồi đã tưởng rằng điều-đình xong, sau ra không thành chuyện gì cả. Dư-luận Pháp trách Mĩ rằng ngày nay chỉ biết cái quyền chủ nợ, cố đòi lấy cho được, không lượng cho cái tình-cảnh nước vay nợ thế nào và không nhớ đến cái cơ-hội lúc vay ra làm sao. Vả nước Mĩ ngày nay giàu-có quá, tiền bạc đầy kho không biết dùng để làm gì, có phải cần đến tiền đâu mà phải đòi một cách thiết-tha như thế, chẳng qua chỉ vì lẽ chính-trị trong nước, có một đảng muốn mượn cái vấn-đề trái-khoản này làm cách vận-động chính-trị, nên mới gây ra một chuyện to-tát như vậy. Dù thế nào mặc lòng, Mĩ không chịu châm-chước cho Pháp một chút nào ; khi hội-đồng gần giải-tán thời các đại-biểu Mĩ bàn với phái-bộ Pháp nên ký một cái hiệp-ước tạm-thời định trong năm năm nước Pháp phải trả cho Mĩ mỗi năm là 40 triệu bạc. Phái-bộ Pháp không chịu nhận, nói xin để về trình lại chính-phủ. Nhưng cứ cái tình-hình tài-chính nước

Pháp như bây giờ thời một khoản nộp đồng-niên nặng như thế chắc không thể sao dương được.

Nói về việc xung-đột nước Grèce và nước Bulgarie. — Đương khi liệt-cường họp hội-nghị ở *Locarno* để bàn việc bảo-an vừa xong, thiên-hạ đương vui mừng cho cuộc hòa-bình ở Âu-châu, thời ở phía đông Âu-châu đột-nhiên xẩy ra một việc xung-đột nước *Grèce* và nước *Bulgarie*, suýt nữa thành việc chiến-tranh. Nguyên ở đất *Macédoine* là chỗ giáp-giới hai nước, trong khoảng hạt *Petritsch* (thuộc *Bulgarie*) và hạt *Demir-Hissar* (thuộc *Grèce*), không biết là quân đồng-binh của *Bulgarie* (quân này gọi tên là *Comitadjis*) hay là quân thường-binh của *Grèce*, bên nào xâm-phạm sang địa-giới bên nào trước, đến bắn nhau chết người. Chính-phủ *Grèce* lập-tức gửi tối-hậu-thư cho Chính-phủ *Bulgarie* hạn trong hai mươi bốn giờ phải từ-tạ, bồi-thường và trừng-trị kẻ có tội. Chính-phủ *Bulgarie*, đã chịu nhận cả, vậy mà tướng PANGALOS là nhiếp-chính thủ-tướng *Grèce* cứ hạ-lệnh đề-binh sang *Bulgarie*, đánh phá khắp cả. Chính-phủ *Bulgarie* phải cầu-cứu Hội Vạn-quốc. Thủ-tướng Pháp BRIAND làm chủ Hội-đồng quản-trị Hội Vạn-quốc liền họp hội-đồng ở *Paris* để xét xử, truyền cho hai bên phải hưu-binh ngay lập-tức, rồi cắt ủy-viên để điều-tra. Hai bên phải chịu ngay. Thế là tránh khỏi được một cái họa chiến-tranh mới. Dư-luận các nước đồng-thanh khen Hội Vạn-quốc xử được việc này vừa quả-quyết và vừa mau chóng, và cầu-nguyện rằng nếu mọi việc được như thế thì dù ai bài-bác mặc lòng, Hội Vạn-quốc thật là một sự kiến-thiết có quan-hệ cho thế-giới nhiều lắm.

Nói về việc Syrie và việc Maroc. — Việc Âu-châu thì thế mà việc *Syrie* với việc *Maroc* vẫn cứ nhũng-nhẳng chưa xong. Ở *Syrie* thì nguyên người dân *Druses* nổi loạn, vây quân Pháp ở *Soueida*, đã đánh giải vây được rồi, nhưng vẫn không cản được người *Druses*, gần đây tràn xuống cả thành *Damas*, quân Pháp phải bắn đại-bác vào trong thành mà không đuổi được ra. *Damas* là một nơi trung-tâm-điểm của đạo Hồi, việc này thế nào cũng có ảnh-hưởng đến các nước Hồi-giáo. Thổ nhĩ-kỳ là đầu các nước ấy đối với việc này thế nào? Đó cũng là một điều đáng lo cho nước Pháp. Còn các báo ngoại-quốc, như Anh, Mĩ, thời bình-phẩm về việc loạn thành *Damas* và cách xử-trí của quan binh Pháp ở *Syrie* một cách nghiêm-khắc lắm, thật không có ý thân-thiện với Pháp một chút nào. Việc *Syrie* này thật là một vấn-đề nan-giải cho Pháp vậy. — Việc *Maroc* cũng lại nan-giải hơn nữa. Hiện nay quân Pháp đã đuổi được quân của ABD-EL-KRIM ra xa rồi, nhưng chưa phải đã đánh được thua. Quân *Rifains* dẫu lui về, mà là lui về chỗ sào huyệt của mình, cố-thủ đấy, lúc nào tràn xuống cũng được, thật là một cái nguy-hiểm hằng ngày cho nước Pháp ở *Maroc* vậy. Việc này đến bao giờ mới giải-quyết cho xong? Thật chưa thể biết được.

Nói về việc nội-chính nước Pháp. — Đương khi việc ở ngoài lôi-thôi rắc rối như thế, việc tài-chính trong nước lại càng ngày càng thêm quẫn bách. Tình-hình nguy-cấp cho đến nỗi các báo hằng ngày cổ-động cho quốc-dân nên hi-sinh để cứu cho công-khố Nhà-nước, nói rằng sự hi-sinh này lại nặng-nề khó-khăn hơn là hi-sinh tính-mệnh ở nơi chiến-trường. Nhưng mà hi-sinh ra cách thế nào, thời mỗi chính-đảng bàn một cách, không được đồng-ý nhau. Có một kế dễ nhất mà cũng nguy-hiểm nhất, là kế in thêm giấy bạc (*inflation*), thì đảng nào cũng bác đi hết. Còn thời đảng xã-hội bàn nên đánh

thuế tư-bản (*impôt sur le capital*); đảng cấp-tiến bàn nên đặt ra một thứ « đặc-biệt quyên-trợ » (*contribution exceptionnelle*), nhưng không nói rõ phải thi-hành thế nào ; còn các đảng ôn-hòa thời bác cả bấy nhiêu kế, nói rằng nếu làm như thế thì dao-động cả xã-hội, nhưng cũng không bàn được kế gì hay. Chính-phủ thời rất phân vân, muốn châm-chước cả mọi đàng, mà chửa quyết-nghị ra làm sao. Ông Tài-chính DOUMER thảo hết dự-án ấy sang dự-án khác, nhưng xem ra cũng « vô kế khả thi » như ông CAILLAUX trước vậy. — Các nhà công-thương Pháp ở miền Bắc, muốn tỏ lòng giúp cho Chính-phủ, đã tuyên-bố xin tự-nguyện quyên-trợ để bỏ vào công-khố. Đã có nhiều các nơi khác cũng bắt chước, và đến ở thuộc-địa như Đông-Pháp này các báo Tây cũng đã cổ-động trong dân Tây về việc lạc-quyên để giúp cho tài-chính Mẫu-quốc.

°
° °

Các chính-đảng ở nước Nhật. — Bắt đầu từ tháng ba năm 1925 này, lối tuyển-cử nghị-viên ở nước Nhật thay đổi hẳn. Trước, quyền tuyển-cử là định theo ở số nộp thuế mỗi năm (*suffrage censitaire*) tức là quyền tuyển-cử hạn-chế, nay đã đổi ra quyền tuyển-cử phổ-thông (*suffrage universel*). Sự thay đổi ấy tất có ảnh-hưởng sâu đến các chính-trào và chính-đảng ở Nhật-bản.

Nước Nhật-bản, tuy công-nghệ ngày nay phát-đạt lắm, nhưng vốn vẫn là một nước nông-dân. Dân-số có năm mươi sáu triệu người, thời hơn bốn mươi nhăm triệu ở nhà quê. Phàm nông-dân nước nào cũng vậy, không hay ưa những sự cải-cách bạo quá. Đó là một cớ khiến cho cái phong-trào chính-trị không đến nỗi kịch-liệt lắm. — Còn một cớ nữa, là trong nước có một viện Nguyên-lão, là gồm những tay quyền-quí, tay giàu-có, tay học-thức, toàn theo về cái chủ-nghĩa bảo-thủ, không ưa những cái tư-tưởng dân-chủ, nên hồi thảo-luận về luật phổ-thông-đầu-phiếu, viện này phản-đối dữ lắm.

Tuy vì hai cớ đó, các chính-trào ở nước Nhật-bản không phát ra mạnh lắm như ở các nước khác, nhưng mà các chính-đảng tổ-chức ra đã có thế-lực lắm, nhiều khi cạnh-tranh nhau cũng dữ lắm. Hiện nay ở Nhật-bản có những chính-đảng như sau này : Đảng « Chính-hữu-hội » (*Seiyukai*), là đảng to nhất, đảng-nhân trong nước rất nhiều, và ở Chúng nghị-viện cũng chiếm đại-đa-số. Đảng này do Công-tước ILO lập ra năm xưa. Sau đến Công-tước SAIONJI, rồi đến ông HARA, rồi sau cùng đến Tử-tước TAKAHASHI, làm lãnh-tụ. Đảng này có quan-hệ với bọn đại-thương-nghiệp, đại-công-nghệ, đại-điền-chủ. Năm 1923 hồi nội-các của tử-tước KIYOURA cầm quyền, trong Chính-hữu-hội có xảy ra sự bất-bình, bèn phân-lìa ra làm hai, mà thành ra một đảng mới, gọi là «Chính-hữu-đảng» (*Seiyuhonto*), chủ-nghĩa cũng không khác gì đảng cũ. Dưới Chính-hữu-hội, thời có «Hiến-chính-hội» (*Kenseikai*), do Công-tước KATSURA lập ra, đảng nhân phần nhiều là những bọn quan-liêu. Lãnh-tụ đảng này bây giờ là Tử-tước KATO, hiện làm thủ-tướng. Một đảng nữa mới lập, là « Quốc-dân-đảng » (*Kokuminto*), ông INUKAI làm lãnh-tụ.

Các đảng ấy nhiều khi liên-hiệp với nhau để mà khuynh-đảo Nội-các. Như năm 1923, ba ông KATO, TAKAHASHI và INUKAI hiệp nhau lại để đánh đổ Nội-các Tử-tước KIYOURA, nhưng đến lúc thành-công rồi thời lại phân-lìa nhau. Như Nội-các ngày nay toàn là người thuộc về « Hiến chính-hội ». Đảng phản-đối thời lại là bọn « Chính-hữu-hội » và « Chính-hữu-đảng » lìa nhau khi xưa. — Nói tóm lại, các chính-đảng ấy tranh dành nhau nhiều khi vì người,

không vì chủ-nghĩa. Những người kế chân nhau cầm quyền chính-phủ, nhiều khi cũng không chiếu-cố gì đến lòng nguyện-vọng của dân-gian, như sự xin đổi lại Nguyên-lão-viện, xin hạn-chế quyền-thế của bọn quân-phiệt, bọn quan-liêu, bọn tư-bản.

Nhưng trong chính-giới thì như thế, mà trong công-giới ngày nay đã thấy có hoạt-động. Trong khoảng hai năm nay, các bọn lao-động đã lập lên nhiều những hội-đảng, khuynh hướng về chủ-nghĩa xã-hội, như tháng tư năm 1924, lập đảng *The Japan Fabian Soceity*, tháng sáu năm ấy lập đảng *The Association for the study of Politics*, chủ-ý tổ-chức một cái đại chính-đảng về bọn lao-động. Lại các « công-đoàn » (*trade-unions*) cũng mỗi ngày một mở ra nhiều, và số người vào cũng tăng lên nhiều lắm. Các hội-đảng này không có cái chủ-ý cách-mệnh, chỉ chuyên cải-lương cho cái tình-cảnh kẻ lao-động trong phạm-vi pháp-luật mà thôi.

Chủ-nghĩa cộng-sản cũng có ít nhiều đồ-đảng ở Nhật-bản. Một tay lĩnh-tụ bọn ấy, là ông giáo SANO đã bị xử án mười năm tù.

Nay cứ theo các nhà làm sách phê-bình về hiện-tình chính-trị nước Nhật, thời hình như cái chủ-nghĩa dân-chủ ngày một bành-trướng ra mạnh lắm. Chính ông KATO làm thủ-tướng ngày nay, mới sau khi đình-chiến xong, đã nói rằng : « Nước Nhật-bản đã dung-hóa nhiều các chế-độ của Tây-phương, nay cũng phải học lấy cái chế-độ dân-chủ, để mà hóa theo tính-cách trong nước vậy ».

Cái phong-trào dân-chủ ấy, nhờ có cái luật phổ-thông đầu-phiếu mới này, sẽ kết-quả ra thế nào ? Cách chính-trị nước Nhật có lẽ rồi cũng biến-cách to như ở nước Pháp sau hồi cách-mệnh năm 1848. Nhiều kẻ bình-dân mới-mẻ được tham-dự vào việc nước tất đem những sự yêu-cầu, lòng nguyện-vọng của mình mà đối với những kẻ cầm quyền từ trước, các chính-đảng cũ có lẽ rồi cũng bị biến-cách đi nhiều, và sẽ lập ra một dân-đảng hay là một công-đảng rất lớn, chương-trình khác cả các đảng từ trước đến giờ. Đảng mới ấy chưa thành, nhưng mà cái khuynh-hướng ngày nay cũng đã có thể dò biết được rồi. Khuynh-hướng ấy là trái với chủ-nghĩa đế-quốc vẫn thi-hành từ xưa đến nay : phản-đối cái chính-sách chia « thế-lực giới-tuyến » (*Zones d'influenee*) ở Tàu ; muốn duy-trì cho cái thuyết « môn-hộ khai-phóng » ở Tàu, và tán-trợ cho những sự yêu-cầu của đảng ái-quốc Tàu ; muốn đối với Tàu giữ một cái chính-sách rất thành-thực, rất thân-thiện, và rất bình-đẳng, không muốn cho Chính-phủ Nhật mưu-đồ những cái mục-đích đế-quốc ở Thái-bình-dương và các Nam-dương quần-đảo ; sau hết, không muốn nhất-thiết phản-đối chính-phủ Sô-viết nước Nga trong những sự hành-động để phù-trợ cho các quốc-gia, các dân-tộc bị áp-chế, trừ khi lợi-dụng sự hành-động ấy về những mục-đích đế-quốc thì không kể.

Đảng ấy về kỳ tổng-tuyển-cử sau này có thể đắc-thắng được to không? Hiện nay chưa thể biết được. Nhưng có một điều chắc, là cái phong-trào dân-chủ ngày nay đã đủ mạnh khiến cho Nội-các bây giờ phải theo một cái chính-sách ngoại-giao mới, và đã phải bắt đầu bỏ những cái mưu-đồ đế-quốc đi rồi. Đó là một cái nguyên-động-lực mới mới can thiệp vào cuộc chính-trị trong cõi Á-đông, tưởng chúng ta cũng nên chú-ý vậy.

* *

Việc nước Tàu.—Về việc nội-loạn chiến-tranh ở Bắc-bộ nước Tàu ngày nay, trong báo tây có một bài ký tên là

Ch. Huyot Bertin, nghị-luận cũng xác-đáng lắm, lược-dịch như sau này :

« Tự hơn mười bốn năm nay đến giờ, nước Tàu được tháo cũi xổ lồng, chạy rông trong cõi loạn càng ngày lại càng dữ và càng mau. Lại ít ra là tự năm năm đến giờ, năm nào cũng có mấy trận đánh nhau, có thể gọi là « đánh nhau mùa », cứ phát ra vào mùa xuân, nổi dữ vào khoảng tháng 8 chừng đến cuối tháng 9 thời tàn, « mùa » lạ « mùa » lùng, làm tai-hại cho mùa-màng thật. Mỗi lần khai màn diễn-kịch, thiên-hạ tưởng là đánh giết nhau dữ-dội lắm. Thế mà rồi có gì đâu : thành Bắc-kinh bị vây, người dân có lẽ cũng không biết. Ai dám đánh bạo ra tận « trận-tiền » mà quan-sát, thời thấy mấy chú lính Chiệc phất-phơ,ung-dung như vô-sự, chứ có đâu cái cảnh-tượng ghê-gớm như các trận-địa Âu-châu năm nọ. Nói tóm lại, sự chiến-tranh ở Tàu không có đổi gì cái cảnh-sắc ngày thường. Sự chiến-tranh ở Tàu là một cái trò phường-chèo, như là một cuộc diễn-binh, cho lính khỏi ngồi không vô-sự, thế mà thôi.

« Nay xét đến những tay nào đứng chủ-trương trong cuộc chiến-tranh ấy, thời thấy ba tướng đã đóng trò từ năm 1920 : Trương Tác-Lâm, là tên tướng giặc một rợ Mông-cổ trước (*hounghoutze*), hiện hùng-cứ đất Mãn-châu ; Phùng Ngọc-Tường, gọi là « Thiên-chúa-giáo tướng-quân », vì theo đạo Thiên-chúa ; Ngô Bội-Phu, có tiếng là « thanh-liêm », giữ chủ-nghĩa bài-ngoại, nhưng cũng là tính-cách tướng giặc. Ngoài ba tướng đó, còn những bọn khác là lau-nhau cả, không kể vào đâu.

« Người Tây có người tin Ngô Bội-Phu, tôi bảo Ngô là một nhân-vật tầm-thường, chỉ có cái tiếng hão thanh-liêm đó mà thôi. Ngoài mặt ra người khắc-khổ đạo-đức, chứ kỳ-thực ăn ở xa-hoa, tiêu-dùng huy-hoắc lắm. Lại có tiếng là một tay võ-tướng giỏi, tiếng ấy thuê tiền các nhật-báo truyền đi khắp mọi nơi, nhưng chưa từng làm nên công-trạng gì xứng-đáng cả : năm 1923, cử đi dẹp bọn thổ-phỉ đã bắt người ngoại-quốc trong xe lửa ở Lâm-thành, có dẹp được gì đâu, dễ cũng không tiếp-giáp được đến chỗ giặc nữa. Năm 1922, đòi tiền Chính-phủ Bắc-kinh không được, liền chiếm lấy tiền xe-lửa Bắc-kinh Hán-khẩu, chỉ để cho viên chủ-nhiệm đủ trả tiền công người làm mà thôi. Thành ra bao nhiêu tiền mua máy ở Tỉ-lợi-thời và ở Mĩ, không lấy gì mà trả được cả. Cứ nghiệm như mấy năm nay, thời giá Ngô Bội-Phu mà chiếm được quyền chính-phủ, không chắc có được bền bằng mấy người trước không.

« Phùng Ngọc-Tường thời là người chỉ giữ cái chủ-nghĩa thừa-cơ, nhưng có khi vì đó mà chết cũng nên. Người thủy-chung chỉ phản-trắc, hôm qua thì đem quân bán cho Y. M. C. A. (Hội Thanh-niên Cơ-đốc) nước Mĩ,hôm nay thì bán cho Sô-viết nước Nga (trừ Nga với Mĩ hoặc có âm-mưu với nhau gì thì không biết). Sắp đem quân đi đánh Trương Tác-Lâm, lại muốn đồng-minh với Trương để đánh Ngô ; giúp cho Tào Côn lên làm thống-lĩnh, rồi lại mưu phá cho Tào phải đổ ; trước thiên-hạ thật-thà còn có người cho là viên đốc-quân mô-phạm, nay thiên-hạ biết cả cho là một kẻ giả-trá. Vả cũng chưa thấy tỏ ra có tài-cán gì ; chỉ mới thấy cải-cách có một điều trong quân-đội, là mua cho mỗi tên lính một cái dù che, với lại cứ khảo-sát đứa nào thuộc nhiều sách Thánh-thư đạo Thiên-chúa thời cho đứa ấy mau ăn lên. Thế mà thôi ; chứ cai-trị tỉnh nào chưa thấy làm cho dân tỉnh ấy được nhờ một tí gì, dân-tình vẫn khốn-đốn như xưa. Không biết trị dân, chỉ biết lợi mình, không có cái mưu-lược gì đủ làm cho nước được nhờ, thiết-tưởng

Phùng không phải là nhân-vật thích-hợp ngày nay. Nếu may ra mà chiếm được quyền chính-phủ thời ắt là nhờ ở công tán-trợ của Mĩ và của Nga, nhưng mà cũng không bền được, sớm trưa tất có ngày quyết-liệt, vì Nga với Mĩ không thể không xung-đột nhau được.

« Trong ba người, có lẽ Trương Tác-Lâm còn có thể tin hơn nhất. Hai năm nay tôi được mục-kích quan-đội của Trương ở Phụng-thiên (*Moukden*), thật đã có vẻ lắm. Nhưng mà khốn thay, cái độc của bọn chính-khách nó đã nhiễm vào đấy rồi. Có người nói rằng có một đoàn quân của Trương đóng ở Sơn-đông, xa bản-bộ hơn hai nghìn cây-lô-mét, mới nổi lên làm phản ; tin ấy có lẽ chắc, nếu thế thì ra nước Tàu có được một người khá, người ấy cũng còn không có trác-kiến như thế. Quân-đội của Trương ở Mãn-châu trước kia mạnh lắm, cả nước Tàu từ xưa đến giờ, duy có quân ấy là ăn-mặc chỉnh-bị, ăn uống no đủ, trả lương đều-đặn. Người ta đồn rằng ngày nay bị thua. Nhưng phải biết rằng ở nước Tàu sự thua sự được bất-thường, và cái kế hợp-tung liên-hoành, điên-đảo tình thế, vẫn là thường-sách của các tướng. Vậy thời cũng có lẽ có ngày Trương về cầm quyền ở Bắc-kinh.

« Trương là một người vô-học, nhưng mà có cái tính kiên-nhẫn lạ thường, người Tàu ít có. Cứ làm tuần-duyệt-sứ Đông Tam-tỉnh từ năm 1918, tới nay vẫn thủ-hiểm ở đấy, không di-dịch đi đâu. Bọn đồng-liêu kia thì không làm được gì cả, mà Trương cải-cách, chỉnh-đốn được một quân đội hợp-thức như quân đội văn-minh ngày nay, lại định thuế-khóa trong hàng tỉnh cho đủ được mọi sự kinh-phí, khiến cho một xứ trước kia vẫn loạn-lạc nay thành có trật-tự hẳn-hoi. Người ta bảo Trương là muốn biệt-lập một khu, nhưng mà có biệt-lập như thế thì mới tránh khỏi mọi nỗi khốn-nạn ở trong nội-địa Tàu. Vậy thời bọ may chỉ có Trương là có thể làm đư một tay Viên Thế-Khải thứ nhì, đủ ngh lực mà áp-đảo được cả các tướng khá cứu-vãn được cho cái nước Tàu loạ lạc lung-tung kia

« Nhưng mà xin độc-giả yên tâm dù xảy ra sự gì, cho lạ-lùng quái-g đến thế nào nữa mặc lòng người Tà họ cũng điềm-nhiên như không cả m thôi. Sự sinh-hoạt ở các tỉnh-thành lớ vẫn cứ y-nhiên, không thay đổi g việc buôn-bán vẫn giao-dịch nh thường Có lẽ các chú cũng vui lòn uống chén rượu chúc thọ cho ông Tổn thống mới, nhưng mà ông tổng-thố nào nữa mà không ngăn-trở đến s sinh-hoạt hàng ngày của các chú, thờ các chú cũng thây quách mặc kệ m chẳng bận lòng đến chi. Ấy cái tí người Tàu như thế.»

∴

Lịch-sử Trương Tác-Lâm (*th sách Tàu*).— Trương Tác-Lâm ngườ đất Liêu-dương, nguyên xuất-thâ trong phái lục-lâm, làm người thủ-lĩn bọn giặc-cướp chốn rừng xanh. Thủ thiếu-thời, nhà vốn nghèo, y-thự không đủ. Người bố muốn cho con học tập lấy một nghề, để mưu y mưu thự ông ta mới đi học nghề thú-y, chữ thuốc cho các thú-vật. Mới học đượ một năm, nghiệp cũng chửa thành m lấy làm chán lắm. Vì tính thường biến động mà ố-tĩnh, liền bỏ nghề thú-y trốn đi nơi khác, lang-thang đến vì tháng trời, đói rét khốn-khổ. Một bớ đang đi ở đầu phố, chợt có một ngườ đi lại đàng trước mặt, trông thấy tướng mạo khác người, không phải là tuồn khất-cái, nhân hỏi là người ở đâu. Ông ta đem tình thực ra nói. Người ấy h hỏi : Ý anh bây giờ muốn làm gì? Ông nói: Tôi chỉ muốn được kẻ anh-hùng m theo. Người ấy lấy làm lạ, mời về nhà bảo rằng: Anh bằng lòng theo ta không Ông ta vâng xin theo. Người ấy h

Trương Tử-Vân, là một nhà hào-trưởng đất Liêu-dương, tính hiếu chiến đấu, thường vãng-lai với đảng lục-lâm. Ông ta ở nhà Tử-vân tập nghề võ, bắn nỏ bắn súng, bách-phát bách-trúng; Tử-Vân kinh-hãi cái tài, càng yêu lắm, cho làm con nuôi. Từ đấy mới quảng-giao với bọn kiện-nhi trong đảng lục-lâm, thường làm thủ-lĩnh trong đảng, đi cướp phá đâu được thắng-lợi đấy. Khi ấy còn thuộc về triều Mãn-Thanh, quan-quân săn bắt mãi, vì tung-tích xuất-một bất-thường, nay ở rừng này, mai ở rừng khác, đất Liêu-đông có nhiều rừng rậm lắm, nên quan-quân không làm gì được; thanh-thế một ngày một lớn, mới từ-dã Tử-Vân, đi ra vùng-vẫy ở nơi khác, là muốn biệt-lập ra một đạo quân-hiệu riêng, không muốn ở dưới người mãi; từ đấy ông ta mới là một vai lục-lâm quật-khởi ở miền đông-bắc nước Tàu.

Sau nghe một người thầy tướng nói tướng ông có tướng phong-hầu, mới động-tâm về đường tước-lộc, ra đầu-hàng quan-quân. Khi ấy có một viên tướng-quân mỗ, về đánh mãi không được, căm-tức đã lâu, giả cách cho hàng, mà sai người trói lại, phi-báo về chính-phủ rằng bắt được ở trận tiền, lại muốn tức-khắc chém ngay. May có Trương Tích-Loan là viên đại-thần đương-nhiệm chức đoan-vụ ở Phụng-thiên, cố sức bác đi, lấy làm không nên, mới cho lệ-thuộc vào trong quân-đội để hiệu-lực. Lạ gì ông ta vốn là tướng giặc, dùng giặc đi đánh giặc, vậy đắc-lực lắm; Tích-Loan yêu lắm, lại cho làm con nuôi. Năm Quang-tự mạt-niên, vì công to, đã làm lên chức du kích, thống-lĩnh một đạo quân tuần-phòng. Ông ta bấy giờ thanh-thế đã hiển-trứ, thỉnh với trưởng-quan, xin dời quân ra đóng ở Liêu-dương, nhất-diện thì gây dựng lấy vây-cánh cho to lên, nhất-diện thì phòng-giữ những kẻ làm hại mình; quân-quyền ở Phụng-thiên bấy giờ, cơ-hồ đã ở trong tay. Năm tân-hợi đảng cách-mệnh là Lam Thiên-Uất cử-sự ở Phụng-thiên; viên tổng-đốc là Triệu Nhĩ-Tốn không biết làm thế nào, kịp triệu ông ta lên Phụng-thiên. Ông ta đến nơi, quyết-đấu với đảng cách-mệnh, thế-lực đảng cách-mệnh bạc-nhược không đương nổi, Lam Thiên-Uất phải bỏ chạy, từ đấy quân-quyền Phụng-thiên mới thật ở trong tay. Khi thay đổi ra cuộc Dân-quốc, thì cải-nhiệm làm chức quân-trưởng, thống-lĩnh toàn-quân, đã có cái thanh-thế độc-lập ở miền quan-ngoại. Khi Viên Thế-Khải dục-dịch đế-chế, biết rằng ông ta thế to sức mạnh, muốn nhờ để mà chế mặt bắc-phương, mới nhiệm ông ta làm chức thượng-tướng quân, đốc-lý Phụng-thiên quân-vụ, từ đấy hiển-nhiên là một chức Toàn-quyền ở tỉnh Phụng-thiên.

Họ Viên sở-dĩ đặc-biệt gia-ân dưỡng-thành cái thế-lực to lớn cho ông ta, là vì muốn kết hoan-tâm với ông ta. Khi cái nghị đế-chế của họ Viên mới khởi lên, thì ông ta bắt đầu tán-thành ngay trước. Chẳng những tán-thành mà thôi, lại chế ra một cái áo long-bào thật đẹp, đặc-phái chuyên-viên vào tiến họ Viên, họ Viên lấy làm mừng lắm. Kịp đến khi ông Thái Ngạc khởi-nghĩa ở Vân-nam, và các tỉnh cũng thứ-đệ biểu-minh phản-đối đế chế, ông ta bấy giờ cũng lại hiển-nhiên đánh điện cho Thái Ngạc rằng bản chức cũng xin tức-khắc đem quân vào quan-nội, thề rằng tất đạp đổ đế-chế mới thôi. Ấy cũng lạ thay! chỉ trong mấy ngày, mà trước sau như hai người, trước sao tán-thành, sau sao phản-đối, mà cái áo long-bào kia thiêu-hạ đều biết cả; cho nên người Tàu cũng có người bảo ông ta là kẻ phản-phúc tiểu-nhân. Ấy là sự đối với họ Viên, lại sự đối với Trương Huân nữa. Trương Huân với ông ta, tình-nghĩ vốn là thân-thiết, lại kết nghĩa Tấn-Tần với nhau. Cái sự đem vua Tuyên-thống về phục-

tích, hai người trước kia vẫn biểu-đồng-tình; ông ta từng có điện đánh cho Trương Huân rằng vô-luận quốc-gia có sự biến gì trọng-đại, ý-kiến ngô-huynh tức là ý-kiến mỗ, ngô-huynh có lẽ cứ thay mặt mỗ mà chủ-trương, điều gì mỗ cũng xin tán-thành. Chợt có sự phục-tích của Trương Huân xuất-hiện, Đoàn Kỳ-Thụy bắt đầu phản-đối, rồi các tỉnh liên-tiếp phản-đối sau, ông ta cũng ở trong cánh phản-đối. Trương Huân đại thóa mạ rằng: mỗ nó phụ mình! mỗ nó phụ mình! Sự phục-tích thất-bại, Trương Huân đã là người có tội, ông ta lại vận-động cho Trương Huân được đặc-xá, hai người lại mật-kết với nhau để khuynh-đảo Trực-đảng. Ông ta lại muốn vận động cho Trương Huân làm Trảng-giang tuần-duyệt-sứ, nói lời rất là cường-ngạnh, nói rằng kẻ Hồng-hiến tội-khôi còn cao-quan hiển-chức, nữa là tội phục-tích đã nặng bằng ư. Có người bảo rằng ấy là ông ta chuộc lại cái lỗi phụ-tình với bạn. Cũng có người bảo rằng cái thói giở mặt như bàn tay, là cái thói quen của ông ta, ông ta tự khi xuất-thân trong lục lâm đến giờ, đối với ai, ông ta cũng dùng cái thủ-đoạn ấy.

Ông ta là người ít học-vấn, hiện nay đã ngoại năm mươi tuổi, cái tài trí toàn do kinh-nghiệm lịch-duyệt mà được đấy thôi; hiếu-danh hiếu-sắc, chơi đĩ cực hào, lại thích cả làm sách nữa. Lại là người kiêu-sĩ cường-hãn, mà tai-quái bí-mật, chủ-nghĩa không sáng-sủa phân-minh; cho nên quốc-dân Tàu cũng không hoan-nghinh gì cho lắm. Chỉ ông Đoàn ông Tôn năm nọ có kết-hợp với ông ta, chẳng qua là vì có muốn khuynh đảo đảng Trực-lệ, mà ông ta đối với Đoàn Tôn cũng chẳng qua lợi-dụng nhất-thời, chứ cũng không ưa gì phẩm-vọng ông Đoàn và chủ-nghĩa ông Tôn.

Tự khi bắt đầu vào cuộc Dân-quốc đến giờ, ông ta thường âm-mưu một cái chủ-nghĩa Đại-Đông-tam-tỉnh (Phụng-thiên, Cát-lâm, Hắc-long-giang) mà đối với mọi việc quân-chính, tài-chính, dân-chính ở miền Đông-tam-tỉnh, cũng hết sức kinh-doanh, kinh-doanh cũng được khéo khôn, mọi sự một ngày một phát-đạt; việc ngoại-giao thì cũng được lòng với Nhật-bản. Hiện nay thế lực cũng đã kể là hùng-hậu nhất, mười tám tỉnh trong nội-địa không chỗ nào kịp cả. Ông ta thường làm chức Đông-tam-tỉnh tuần-duyệt-sứ nhưng kỳ thực làm chúa ở chỗ Đông-tam-tỉnh, đời đã thường gọi ông ta là «quan-ngoại-vương». Nhưng cái chí ông ta không những biệt lập lấy Đông-tam-tỉnh mà thôi, phàm thời-cục trong nội-địa, có sự gì có cơ-hội khả-thừa, ông ta cũng hết sức chủ trương. Về bộ Từ Thế-Xương làm tổng-thống, Lương Sĩ-Di làm nội-các, Ngô Bội-Phu còn ngấp-nghé ở miền Trảng-giang, thì Bắc-kinh chủ-quyền cơ-bộ đã ở trong phạm-vi ông ta. Ông ta đối với nhân-vật hiện-thời trong nước Tàu, cũng không cho ai là khinh-trọng gì lắm; chỉ để ý nhất là Ngô Bội-Phu, thường cho Ngô là một kẻ kình-địch, cho nên tự khi Ngô xuất-hiện trong quân-giới bấy lâu, phàm sự gì có cơ khả-dĩ chế được Ngô, cũng hết sức cau-dự. Chẳng may phải một trận Phụng-Trực đại-chiến ở miền Bắc-kinh Thiên-tân năm nọ, năm vạn tinh-binh của ông ta, chỉ trong một tinh-kỳ (tuần lễ) bị một tay nhà nho là Ngô Bội-Phu phá tan đi mất; con ông ta là Học-Lương bị trọng thương, ông ta phải ôm đầu chạy về quan-ngoại. Ông ta tuy thua, nhưng địa-thế Đông-tam-tỉnh vẫn vững lắm, tiến tức dĩ công, thoái tức dĩ thủ, cái sự-trạng họ Tào họ Ngô đắc-chí ở Trung-ương, con mắt ông ta lác rác cũng trông sang, không phải là đã «tri chi độ ngoại».

Kịp đến khi Chiết-giang đốc-quân Lư Vĩnh-Tường, Giang-tô đốc-quân

Tề Nhiếp - Nguyên, hai người khởi chiến-sự ở miền đông-nam, Lư bại Tề thắng, Lư là người của ông ta, Tề là người của Ngô; bấy giờ ông ta với Ngô không thể còn nhượng-bộ nhau được nữa, mới sinh ra trận Phụng-Trực đại-chiến đệ-nhị vừa rồi. Khi đôi bên giao-chiến với nhau ở miền Sơn-hải-quan Trần-hoàng-đảo, ngoại-nghị ai cũng bảo rằng sức này chửa dễ đã làm gì được nhau, chẳng qua là một cuộc đôi bên thao-diễn quân lính đấy mà thôi. Đột-nhiên có một người tướng là Phùng Ngọc - Tường xuất - hiện, Phùng nguyên theo đạo Gia - tô, lại nguyên là người của Ngô, bấy lâu giúp Ngô đi đánh Đoàn-quân, đánh Phụng-quân, là người đắc-lực lắm, Ngô vẫn tin lắm. Khi ấy Ngô làm đại-nguyên-súy ra đánh Trương, mà Phùng đóng quân ở Nam-uyển, để giữ-gìn lấy Bắc-kinh. Hay đâu Phùng lại phản Ngô, kéo quân vào Bắc-kinh, phá đổ cái chính-phủ Tào Côn, nghiễm-nhiên chiếm-cứ Bắc-kinh, tuyên-bố một cái chủ-nghĩa riêng, nổi hiệu là quốc-dân quân, hiệp-lực với Trương để đánh Ngô, Ngô-quân mới đại-bại, Ngô phải chạy vào núi Kê-công. Trương Phùng mới đồng-ý với nhau, mời Đoàn Kỳ-Thụy lên chấp-chính, ấy là một cái thời-kỳ đại-đắc-chí của ông ta. Ông ta nhờ có cái thanh-thế đánh đổ được Ngô Bội-Phu, nên thế-lực lại càng to lắm, cơ-hồ mặc sức mà khuếch-sung ra ở nội-địa, không có kẻ dám đương. Nhưng Phùng cũng là một tay kiệt-hiệt, thế-lực tuy chửa bằng ông ta, nhưng cũng hết sức khuếch-sung, đôi bên lại có cơ địch-thủ, Phùng chính là một tay Ngô Bội-Phu đệ-nhị của ông ta. Hiện nay thì ông giữ địa-điểm Đông-tam-tỉnh, Phùng thì giữ địa-điểm Mông-cổ, đôi bên vẫn hằm-hè nhau lắm, không khỏi có phen xung-đột nhau to, cuộc dân-quốc chửa biết xoay ra thế nào.

Tóm lại, cái tài-năng cái phẩm-vọng, cái giá-trị, thì nhân-vật dân-quốc trong nước Tàu còn có nhiều người hơn ông ta. Song cuộc dân - quốc nước Tàu khoảng ngoại mười năm nay, tự thủy chí chung, cái thanh-thế lúc nào cũng đủ khinh-trọng cho nước Tàu, cái thế-lực lúc nào cũng đủ chi-phối được nước Tàu, thì ông ta là hơn nhất cả; ông ta cũng là một nhân-vật đại-quan-hệ trong nước Tàu bây giờ. Mà nói về phần quan-hệ trong nước Tàu bây giờ, cũng bất-ngoại có ba nhân-vật: một là ông ta, hai là Ngô Bội - Phu, ba là Phùng Ngọc - Tường; vai nhà nho có, vai Gia-tô có, vai tướng giặc có, tấn trò dân-quốc cũng vui thay!

Việc trong nước

Bài diễn-thuyết của quan Toàn-quyền Varenne ở Hội Khai-Trí Tiến-Đức. — *Ngày chủ - nhật* 17 Janvier 1926, *Hội Khai-Trí Tiến-Đức có nghênh-tiếp quan Toàn quyền* VARENNE. *Cứ như lời diễn-thuyết của ông Hội-trưởng thời đó cũng là lệ thường của Hội, phàm quan Toàn-quyền nào mới đến đều có đón tiếp cả, nhưng lần này có đặc-biệt hơn, là vì ông* VARENNE *trong bài diễn-thuyết ở Hội-đồng Chính-phủ vừa rồi đã tỏ ra lắm cái chính-kiến rộng-rãi đối với quốc-dân ta. Ông Hội-trưởng nói rằng Hội Khai-trí không phải là một hội chính trị; nhưng mà chữ chính-trị cũng có hai nghĩa: một nghĩa hẹp là chỉ những sự mưu-mô, vận - động, kích-thích, yêu-cầu; cách hành-động đó thời Hội Khai-Trí không làm. Nhưng còn một nghĩa rộng là nghiên-cứu những vấn-đề hành-chính, giáo-dục, kinh-tế, để tìm lấy những phương-pháp hay có thể giúp cho nước Việt-Nam ta tiến-hóa được mau chóng,*

thời cách ấy Hội Khai-Trí có cái nghĩa-vụ phải làm. Vậy Hội xin tất-lực làm trong giới-hạn pháp-luật và theo lẽ phải đương-nhiên. Nay gặp được quan Toàn-quyền muốn thi-hành cái chính-sách hay cho dân, Hội xin sẵn lòng đem cái thế-lực một đoàn-thể lớn hơn nghìn người gồm các nhân-đẳng trong xã-hội mà tán-thành cho cái chính-sách ấy.

Ông VARENNE đáp lại bài diễn-thuyết của ông Hội-trưởng Hoàng, ứng khẩu nói luôn hơn nửa giờ đồng-hồ, tiếc rằng không ai biết tốc-ký mà ghi lại được cả toàn-văn, vì có nhiều câu nói quan-trọng lắm. Lời-lẽ hùng-hồn mà có ý thành-thực, thật từ xưa đến nay nghe các ông Toàn-quyền diễn-thuyết đã nhiều mà ít khi được nghe bài nào có ý-vị như lần này. Nay không thể nhớ được hết, xin tóm-tắt đại-ý như sau.

Thoạt mới đầu ông nói rằng : Thời-giờ thấm-thoắt, mà chẳng giờ nào giống giờ nào. Vừa nãy đây, ông có lại thăm Hội Việt-Nam Thanh-niên ; hiện nay ông đứng giữa Hội Khai Trí Tiến-Đức. Cái khí-vị hai nơi thật có khác nhau. Ở Hội Thanh-niên là ông đối với bọn thiếu-niên học-sinh, nhiệt-thành hăng-hái ; ở Hội Khai-trí là ông đối với những người đứng bậc, có ý thận-trọng. Sự nhiệt-thành không phải là không hay, dẫu có thái-quá mà phát ra những lời kịch-liệt, cũng không nên lấy thế làm lạ, vì tuổi thanh-niên ở đời nào, ở nước nào chẳng thế. Chúng ta đây, ai là người chẳng qua tuổi thanh-niên ; nhưng mà có từng-trải việc đời mới biết rằng không thể lấy cái khách-khí thiếu-niên mà sử-sự ở đời được, tất phải có cái tư-cách thận-trọng ổn-kiện mới mưu được việc lớn. Cho nên ông đến Hội Khai-trí này, ông lấy làm vui-vẻ. Ông đã biết cái mục-đích của Hội ; ông lại biết rằng Hội này là nhờ bạn ông là ông ALBERT SARRAUT năm xưa đã giúp cho thành-lập. Mục-đích Hội có lẽ chưa thi-hành được hoàn-toàn. Nhưng mà cái chủ-nghĩa rất hay và rất chánh-đáng, lại cũng rất thích-hợp với cơ-hội bây giờ. Cơ hội như bây giờ là cái cơ-hội rất khó-khăn ; tình-thế thiên-hạ có cơ nguy-hiểm, mà tình-thế nước này cũng có điều bối-rối. Ở ngay đây có khi không rõ, nhưng người Tây nào đã ở đây mà vắng đi mấy năm rồi trở lại, đều đồng-thanh công-nhận rằng dân-tình có biến-đổi khác xưa nhiều, không những biến-đổi mà lại có cái tình-trạng khủng-hoảng bất-bình nữa. Nhân-dân có ý không bằng lòng. Có lẽ hỏi cho rõ không bằng lòng về những gì, thì cũng còn mơ-màng chưa nói cho minh-bạch được. Những sự không bằng lòng thì đã hiển-nhiên rồi. Bởi đâu mà gây nên cái tình-trạng đó ? Bởi những cái phong-trào nó đương kích-động thế-giới ngày nay, những phong-trào ấy cũng là do tự cuộc đại-chiến mới rồi sinh ra. Nhân việc Âu-chiến, người Á-châu sang tham chiến để giúp các nước Âu-châu cũng nhiều. Được tiếp giáp với người Âu-Tây, nên để tỏ rõ cái tình-thế của Âu-châu, và cũng tiêm-nhiễm những chủ-nghĩa cực-đoan của mấy nước Âu-châu truyền-bá ra. Những chủ-nghĩa ấy càng ngày càng lan rộng, càng ngày càng truyền sâu, khiến cho nhân-tâm kích-động, mà tự-nhiên thành ra cái bụng so-sánh bỉ-thử. Nhân so-sánh mà thành ra bất-bình. Nay nói riêng về xứ này thời sự so-sánh ấy cũng là cái bài học hay vừa cho người Pháp, vừa cho người Nam. Hỏi với người Pháp thời khiến cho hiểu rằng tình-thế thiên-hạ, tình-thế xứ này đã thay đổi, thời cái chính-sách thuộc-địa của nước Pháp, cũng phải sửa đổi, cũng phải chỉnh đính lại cho hợp-thời. Nếu ngày nay mà cứ giữ những lối chính-trị hẹp-hòi bó-buộc như xưa, thời đến làm cho dân-tâm li-tán, gây

ra sự xung-đột, sự nguy-hiểm tai-hại cũng có. Đối với người Nam thời khiến cho trông ngay cạnh mình có nước đã thi nghiệm thực-hành những cái chủ-nghĩa cực-đoan đó rồi, nay khốn-nạn là đường nào, coi gương đấy cũng đủ cảnh-tỉnh cho mình không nên khuynh-hướng về đường đó ; nhược-bằng không thế, vạn-nhất xảy ra sự xung-đột, đến phải đem ra đo sức với nhau, thời cái tai-hại ấy biết bao nhiêu mà kể ? — Ấy bởi cơ-hội khó-khăn như thế, cho nên Chính-phủ Đại-Pháp mới cử một nhà chính-trị sang sung chức Toàn-quyền bên nay. Ông nhận chức này không phải không biết rằng công việc nặng nề là đường nào : cai-trị một xứ Đông-Pháp này khó hơn là cai-trị nước Pháp. Ông nhận cái trọng-trách ấy không phải là vì lòng ái quốc (patriotisme français) mà thôi, lại là vì lòng ái-nhân-loại (patriotisme humain) nữa. Ông muốn thi-hành ở đây một cái chính-sách rất khoan-dung hợp với nhân-đạo; mà thi hành một cách có phương-pháp, có trật-tự, rất ôn-kiện, rất kiên nhẫn. Ông muốn đặt cho chính-phủ Pháp ở đây một cái phương-châm nhất-định, cho sau này hoặc có kẻ nào muốn khôi-phục những lối chuyên-chế như trước cũng không thể thay đổi được nữa. Muốn làm cho được cái sự-nghiệp đó thì một mình sức ông không sao nổi được. Cần phải có dân biểu-đồng-tình và hết sức tán-trợ mới được. Ông cũng biết rằng có một số ít người Tây còn giữ những cái tư-tưởng hẹp-hòi cũ, không ưng cái chính-sách khoan-dung của ông đối với người bản-xứ ; lại có một số ít người bản-xứ nóng-nẩy, muốn nhất-đán canh-tân hết cả, cũng sẵn mình-tâm muốn phản đối. Một bên thời giữ cái thái độ « ngấm-nguýt » ; một bên thời giữ cái thái-độ « hung-hăng »; hai bên cùng có thể làm trở-ngại cho công-việc ông cả. Nhưng số đó là một số ít mà thôi. Còn đại-đa-số thời tất đã hiểu rõ tình-thế mà giữ một cái thái-độ ôn-hòa hơn. Hiện nay ông đương nghiên-cứu các vấn-đề trù-tính các kế-hoạch, bao giờ các dự-án đã chỉnh đốn cả, chừng cuối năm nay, ông sẽ qua Đại-Pháp để trình cho Chính-phủ. Chính-phủ hiện đã có sẵn lòng tin ông mà ông lại được cả dân bản xứ tán-thành nữa, thì thế nào những dự-án cải-cách ấy, Chính-phủ cũng duyệt-y, và bấy giờ sẽ trở lại thi-hành cho thành-công. Ấy ý ông rắp-định như thế. Nếu được cả các phương-diện đều biểu đồng-tình mà tán-thành cho, thì có thể gây nên được cái công-trình kiệt-tác về chính-trị ở xứ này, thật cổ kim chưa thấy bao giờ : là hai dân-tộc khi mới gặp nhau thời là cừu-thù, mà càng ăn ở với nhau càng thân-mật, đến coi nhau như anh em, cùng nhau giắt-díu trên con đường tiến-bộ văn-minh, đồng-hưu cộng-thích, như cùng chung một vận-mệnh với nhau vậy. Đối với cái công-trình lớn-lao đó, ông sẽ đem hết lòng thành-thực hết sức cần mẫn của ông mà làm. Hoặc-giả có người tài-cán hơn, nhưng tưởng cũng ít ai có lòng thành-thực hơn. Đã thành-thực đến thế mà làm không được, thời người nào muốn thi-hành cái chính-sách khác, xin người ấy chịu lấy trách-nhiệm, nguy-hiểm cho nước đừng có trách ai.

Nhưng mà không có lẽ chính-sách hay, phần nhiều người đã thừa-nhận, mà lại làm không được. Cứ xem như các dân-đẳng nước Nam có bụng hoan-nghênh như ở Hội Khai-trí này, thời cũng đủ vững lòng mà trông mong được cái kết-quả mĩ-man.

Ấy đại-khái lời quan Toàn-quyền VARENNE diễn-thuyết ở Hội Khai-trí như thế. Nghe cái giọng nói ông khi lên bổng, khi xuống trầm, coi cái thái-độ ông rất thành thực, rất thiết-tha, ai cũng có ý cảm-động, và có cái cảm-giác rằng trong những lời ấy cũng có nhiều câu thật là « do trung », chứ không phải huyễn-điệu vậy.

. . .

Bàn về việc lập chính đảng ở nước ta. — Kỳ trước bản-chí có bàn về sự cần nên lập một chính-đảng ở nước ta ngày nay. Các bạn đọc báo có nhiều ông biểu đồng-tình. Cũng có ông bẻ rằng nếu mục-đích chính-đảng chỉ là để tán-trợ cái chính-sách của ông VARENNE thời chẳng là phò-nịnh Chính-phủ dư? Đương lúc dân-khí hăng-hái như bây giờ, mà xướng lên một đảng để phò Chính-phủ, thời tất không ai theo rồi. Vả lại tán-trợ cho Chính-phủ, đó là phận-sự của quan-trường, không phải phận-sự của dân-đảng. — Dân-khí gần đây có vẻ hăng-hái mạnh-mẽ hơn trước, ai là người có bụng với nước trông thấy cũng phải mừng. Nhưng mà muốn thi-thố ra công việc thời phải khéo hành-động cho phải đường mới được. Việc lập chính-đảng là một việc hiện nay chúng ta chưa có quyền được làm. Phàm các hội-xã nào của người Nam ta lập ra, trong điều-lệ đều phải biên rằng: Cấm không được bàn chuyện chính-trị, chuyện tôn-giáo. Nay lập hẳn ra một dân-đảng để chuyên về việc chính-trị, tưởng cũng hơi khó lọt tai Chính-phủ lắm. Làm thế nào cho Chính-phủ cho phép? Quyền tự-do lập-hội kết-xã còn chưa có, thời không thể không châm-chước với Chính-phủ được. Muốn châm-chước với Chính-phủ, không thể không tán-trợ cho Chính-phủ; nghĩa là quyền còn ở trong tay người ta, muốn cho người ta cho phép mình, thời mình cũng phải tỏ lòng giúp đỡ người ta mới được. Cho nên chúng ta muốn lập cho thành chính-đảng, — nghĩa là có pháp-nhân-tư-cách, được pháp-luật công-nhận, chứ không phải là một hội bí-mật, — thời dẫu còn có chủ-nghĩa cao xa hơn nữa, nhưng cái chủ-nghĩa có thể tuyên-bố ra được phải là cái chủ-nghĩa tán-trợ mới được. Tán-trợ không phải là phò-nịnh. Tán-trợ là thấy cái chính-sách hay thời hết sức giúp cho thành-công. Nếu cái chính-sách không hay thời dẫu không có quyền phản-đối, mà có quyền không tán-trợ nữa, giữ một cái thái-độ tiêu-cực, không trái với pháp-luật mà dò tỏ được ý mình. Hiện nay thời cái chính-sách của ông VARENNE có đáng ta tán-trợ không? Như ý riêng chúng tôi tưởng rằng đáng lắm. Không phải rằng chính-sách ấy đã rộng-rãi gì cho lắm mà có thể nhất-đán giải-phóng được cho ta ngay đâu. Người ta phải tự mình giải-phóng lấy mình, chứ không đời nào ngưỡng vọng ở người được. Nhưng cái tình-cảnh nước ta đã đến nỗi gặp được người nào hơi có bụng ân-cần đến mình, thời nên hăm-hở mà đón lấy, sợ rồi không được như thế nữa. Nay ta được ông VARENNE làm Toàn-quyền, thật là một sự may-mắn cho ta. Ông thuộc về một chính-đảng cấp-tiến ở bên Pháp. Ông sang đây, dẫu thế nào ông cũng không làm trái được cái chủ-nghĩa bình-sinh của ông, là cái chủ-nghĩa ông đã phụng-sự trong ba mươi năm trời. Cái chủ-nghĩa ấy nó bắt-buộc ông phải làm nên một sự-nghiệp gì khác thường ở đất Đông-Pháp này. Nhưng xướng lên việc gì khác thường thời tất bọn « thủ-thường » không bằng lòng, mà bọn « thủ-thường » ấy là phần nhiều phái thực-dân Tây ở đây, họ cho nhất-thiết cái gì lợi cho người bản-xứ là hại cho phần riêng họ. Phái thực-dân Tây đối với ông đã lãnh-đạm như thế, — mà đó cũng là sự thường-tình, không lấy gì làm lạ, — nếu quốc-dân ta cũng lại lãnh-đạm nốt, sợ mang tiếng « nịnh » mà không dám công nhiên tán-trợ cho thành-công, thời cũng khó lòng làm được việc gì có ảnh-hưởng to về sau này. Tán-trợ không tất-nhiên là phò-nịnh, mà lại là một cách dương thích-hợp với tình-thế bây giờ. Có lẽ sau này tình-thế ấy không

giống như bây giờ nữa, hoặc hơn hoặc kém cũng không biết; bấy giờ ta lại sẽ đổi phương-châm. Nhưng hiện nay, duy có cái phương-châm ấy là thích-hợp vậy. Vả cũng chỉ đề-xướng cái phương-châm ấy mới mong cho cái chính-đảng mình đương ước-ao bây giờ có cơ thành lập được mà thôi. Có lẽ cái phương-châm ấy cũng không cao-thượng gì, nhưng phải biết rằng việc chính-trị (nhất là ở nước ta bây giờ) là việc lựa chiều « mánh-khóe », không phải là việc thẳng tay mà làm được.

Còn nói rằng việc tán-trợ Chính-phủ là việc của quan-trường, không phải của dân-đảng, thời vị-tất đã là đúng. Quan-trường là những người thừa-lệnh của Chính-phủ, không phải là người tán-trợ Chính-phủ. Tán-trợ là đứng ngoài giúp vào, việc hay thì giúp, việc dở thì đừng. Còn như thừa-hành mệnh-lệnh của Chính-phủ, thì sai gì mà không phải làm, không làm không được! Hai đảng tưởng cũng khác nhau vậy.

Lại còn có người sợ rằng những kẻ chủ-trương chính-đảng sau này không khỏi lợi-dụng làm cái kế mưu danh-lợi riêng cho mình. Sợ như thế cũng là phải, vì ở đời này thiếu gì kẻ tư-cách tầm-thường, chỉ chực « buôn » cái lòng ái-quốc của đồng-bào. Nhưng mà đã gọi là chính-đảng, lại thứ nhất là một dân-đảng, thời tất các đảng-nhân phải bình-đẳng nhau cả, cử ra người nào làm đảng-lĩnh, tất phải kén chọn cho kỹ, không ngu-si gì mà để cho có kẻ dùng những cái chước « đánh lận con đen » như thế được. Vả lại đứng đầu một hội-xã thường thời có khi phần danh-dự nhiều hơn phần trách nhiệm, chứ làm lãnh-tụ một chính-đảng thời là một địa-vị rất khó-khăn nguy-hiểm, cử quốc trông vào, người ngoài chú-ý, kẻ chỉ có cái dã-tâm danh-lợi riêng, mà không có cái tài lược gì khác nữa, tưởng cũng khó lòng mà đương nổi được. Vả đã là người của đồng-nhân bầu cử ra, thì là người đồng-nhân khuynh-đảo được, có lo gì!

Đại-đề thời trừ một vài điều dị-nghị như trên đó, còn ai ai cũng công-nhận rằng nước ta ngày nay cần phải có một chính-đảng. Vậy thì những nhà tri-thức trong nước phải họp nhau lại mà thảo chương-trình điều-lệ rồi trình với Chính-phủ xin phép lập đảng. nếu được phép thì sẽ gửi phi-lộ đi khắp trong dân-gian, cổ-động cho được nhiều người vào đảng. Cốt nhất là phải được phép mới có thể hành-động được. Mà muốn cho được phép thời phải giữ một cái thái-độ rất ôn-hòa thận-trọng, không thể vội-vàng mà khinh suất vậy. — Thuộc về điều-lệ thời cũng dễ: có thể phỏng theo điều-lệ của « Hội Bảo-hộ Nhân-quyền » (*Ligue des Droits de l'Homme*) mà châm-chước cũng được. — Thuộc về chương-trình thời gần đây ông Bùi Quang-Chiêu ở *Paris*, ông Nguyễn Phan-Long ở Sài-gòn đã thảo mấy tập thỉnh-cầu về chính-trị, hiện đã công-bố trên các báo. Ngay ở Bắc-kỳ ta, mấy tháng trước, bản-chí chủ-bút cùng với mấy ông bạn đồng-chí cũng đã thảo một cái chương-trình chính-trị cho tờ báo Pháp-Việt *L'Indochine republicaine*. Bấy nhiêu cái có thể điều-hòa châm-chước mà hỗn-hợp lại làm một cái chương-trình chung cho cả chính-đảng. — Còn về cách hành-động thời thiết-tưởng phải chia ra làm ba bộ-phận: 1º một bộ-phận cổ-động và giáo-dục; 2º một bộ-phận điều-tra và nghiên-cứu; 3º một bộ-phận thỉnh-cầu và tán-trợ. Bộ phận thứ nhất là phải truyền-bá những tư-tưởng chính-trị trong dân-gian, bằng diễn-thuyết, bằng báo-chương, bằng sách-vở, làm như một cái trường phổ-thông chính trị cho quốc-dân; bộ phận thứ nhì là phải đem những vấn-đề chính-trị, giáo-dục, xã hội, kinh-tế, v.v., cử ủy-viên chuyên-khảo, tra-xét, thảo-luận rồi biên-tập thành bút-lục, để làm tài-liệu cho sự hành-động chung; bộ-phận thứ ba là phải xét trong các vấn-đề đã điều-tra nghiên-cứu, điều gì có thể thực-hành được thời phát ra lời thỉnh-

cầu hoặc trực-tiếp, hoặc gián-tiếp đệ-đạt tới Chính-phủ thuộc-địa hay là Chính-phủ Đại-Pháp, vận-động cho Chính-phủ chịu nhận, bấy giờ sẽ tìm phương-pháp để mà giúp cho Chính-phủ thi-hành. Nếu xứ ta sau này có Nghị-viện xứng-đáng, thời một phần việc quan-trọng của bộ-phận thứ ba này là phải vận-động cho người trong đảng được chiếm đa-số ở Nghị-viện, và liên-lạc nghị-viện với chính-đảng. — Muốn cho hành-động được đắc-lực thời chính-đảng phải có hai cái nhật-báo cơ-quan, một cái bằng pháp-văn, một cái bằng quốc-ngữ, để trên đạt với Chính-phủ, dưới thông với quốc-dân.

Ấy có việc to tát như thế; các hàng thượng-lưu học-thức trong nước ta có đủ công-tâm, bỏ cả những sự hiềm-nghi đố-kỵ riêng mà cùng nhau hiệp-lực gây lấy một cái đoàn-thể chính-trị cho xứng-đáng không?

.·.

Công-trình dẫn-thủy nhập-điền ở Thanh-hóa — Ngày mồng 10 tháng giêng năm 1926, quan Toàn quyền VARENNE đã chủ lễ khánh-hành các công-trình dẫn-thủy nhập-điền ở Thanh-hóa. Công-trình này khởi làm từ năm 1918, nay mới xong, có thể tưới khắp được 60.000 mẫu tây đất (mỗi mẫu tây bằng ba mẫu ta). Theo lời báo-cáo của Sở Công-chính thời trừ ở Ấn-độ, còn suốt Á đông không có công-trình dẫn-thủy nào to-tát như thế. Nay đã hoàn-thành, từ giờ có thể tăng thêm được số đất trồng bông, trồng mía, trồng khoai, cấy lúa và những đất nào đã trồng trọt rồi thì được tố thêm lên. Công-trình chia ra hai phần: một cái đập xây chắn ngang lòng sông Chu ở Bái thượng dài là 160 thước, cao 20 thước, nâng mặt nước sông lên được 5 thước 80 phân, có cửa tháo nước; một bộ cừ-cống, có một con sông đào chính, hai con sông phụ, dài là 110 cây-lô-mét, thuyền bè đi được, và 525 cây-lô-mét cừ lớn và 1500 cây-lô-mét cừ nhỏ, nước chảy có cửa mở ra dòng vào điều-độ và có đặt tiêu để đo nước cao thấp. Đường sông chính có ba chặng cửa đợt (*écluses*) khiến cho thuyền bè đi ngược lên mãi đập Bái-thượng được; sông lại thông với một cái bể nước 120 thước dài, 35 thước rộng ở ngay tỉnh-lỵ Thanh-hóa, áp đường xe lửa, gọi là « ga nước ». — Công-trình dẫn-thủy ở Thanh-hóa kinh-phí tổng-cộng là 4.760 000 đồng. Đem ra ứng dụng cả toàn-bộ thời mỗi năm lợi cho mùa-màng thêm tới 2, 3 triệu bạc, nghĩa là quá nửa tiền kinh-phí.

.·.

Hoàng-đế Bảo-đại. — Ngày mồng 5 tháng giêng năm 1926, ở Kinh-đô Huế đã làm lễ tấn-tôn Hoàng-đế mới, lấy niên-hiệu là *Bảo-đại* 保大. Nghe đâu Hoàng đế đến khi làm lễ ninh-lăng Tiên-đế xong (ninh-lăng vào ngày 30 tháng giêng tây), thời lại sang Pháp để học.

Giới-thiệu sách mới

1. — *Ông* BÙI KỶ *và ông* TRẦN TRỌNG-KIM, *mới in lại quyển truyện* Kiều, *chú-thích rõ-ràng cẩn-thận, đề là* Truyện Thúy-Kiều (*Đoạn-trường tân-thanh*) *hiệu Vĩnh-hưng-long ở Hàng Đường (Hà-nội) xuất-bản. Sách dày* 226 *trang, giá* 4 *hào một quyển.*

2. — Sản-dục chỉ nam. *Mamans et Bébés. Guide d'hygiène, de puériculture et de médecine pratique. Sách dạy về cách trông nom cho người sản-phụ, cách chăm nuôi trẻ con, các chứng bệnh của trẻ con. Của ông* NGUYỄN VĂN-LUYỆN, *Bắc-kỳ Thái-y viện y sĩ soạn. Nhà in Thụy-ký ở Hàng Gai (Hà-nội) xuất-bản. Sách dày hơn* 200 *trang, có họa-đồ tinh-tế, giá* 7 *hào rưỡi một quyển.*

3. — Mémento indochinois pour 1926 *Quyển sổ tay, trong có lịch* 12 *tháng năm* 1926, *và sưu-tập vô-số những điều có ích về lịch-sử, địa-dư, chính-trị, nông, công, thương, v. v. cõi Đông-Pháp. Của nhà in Qui-nhơn Trung-kỳ) xuất-bản. Giá* 1 *đồng một quyển.*